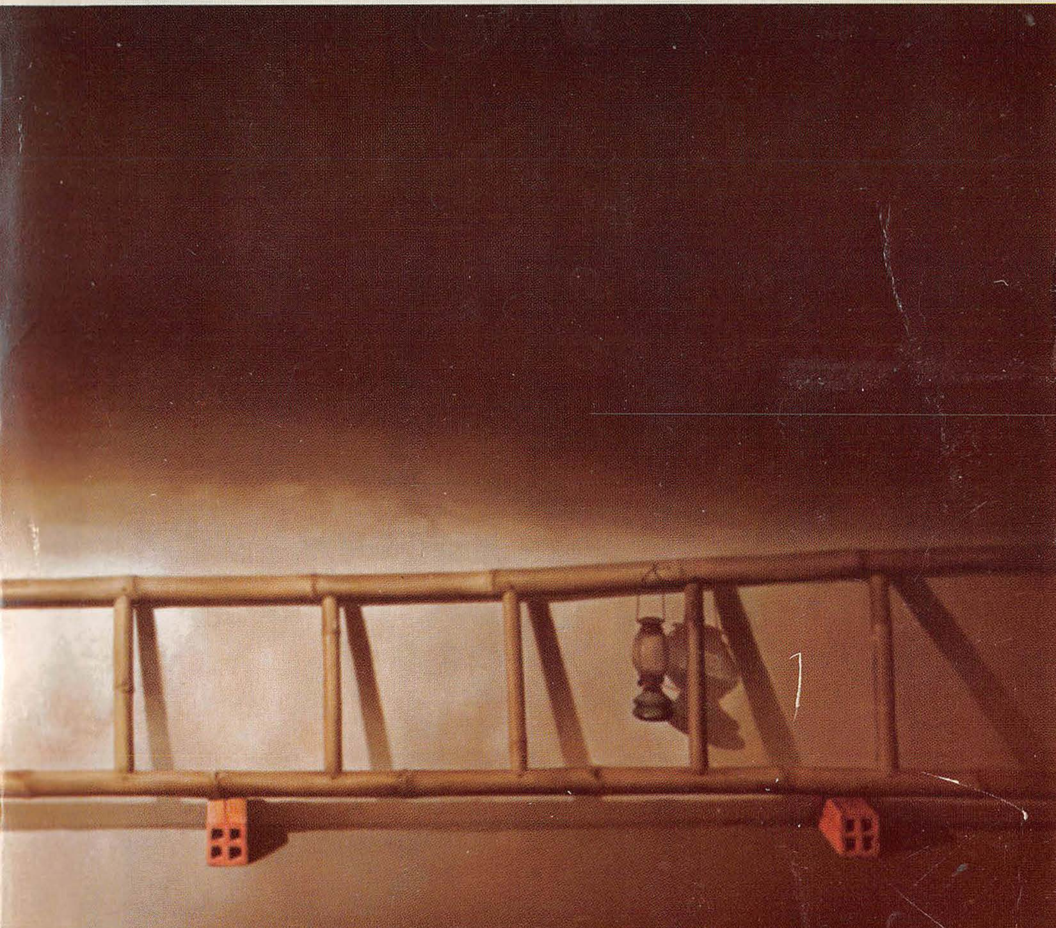
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 28 tháng 5 & 6 năm 1996



TUYỂN TẬP THƠ VĂN



HỢP LƯU

Số 28 tháng 4 & 5 / 1996

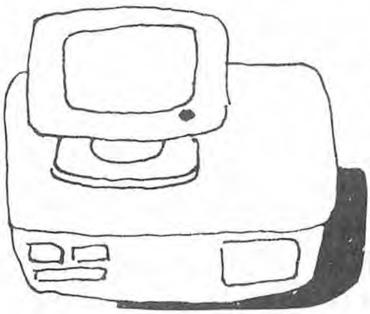
MỤC LỤC

•

Tranh bìa:

Cái Thang Tre, *sơn dầu trên bố của họa sĩ* **Đỗ Quang Em**

thư tòa soạn



Sinh hoạt của người Việt tại quận Cam rất sôi nổi những ngày cận Tết. Những khu bán hoa, bánh mứt mọc đầy hai hè phố Bolsa; Những hội chợ mừng Xuân thu hút hàng trăm ngàn người từ khắp nơi trên thế giới đổ về; Những tờ báo Xuân in màu rực rỡ bày chật các sạp sách, ngổn ngang trước cửa mọi hàng quán... "Ba ngày Tết" qua đi, mọi dịch vụ xẹp hẳn, chỉ hoạt động cầm chừng. Tình trạng trì trệ đó còn kéo dài đến hôm nay, đầu tháng hai (âm lịch).

Lãnh vực văn học nghệ thuật cũng không thoát khỏi cảnh "ăn Tết dài ngày" này. Các nhà xuất bản tạm ngưng trình làng những đầu sách mới. Các tác giả tạm nghỉ xả hơi sau một năm miệt mài với những chồng bản thảo. Và những khung tranh, những mặt bố, những ống màu, những cây cọ cũng ngoan ngoản nằm yên chờ... ngày lành tháng tốt.

Các tạp chí văn học xuất bản định kỳ - trong đó có *Hợp Lưu* - tất nhiên bị chi phối bởi qui luật chung này. Dù vẫn đến tay độc giả đúng hẹn, nhưng phải thú thật, tòa soạn rất khó nhọc để làm đầy hai trăm năm mươi trang báo, mà chất lượng bài vở vẫn không bị sút giảm, như qua số Tân Niên, và số mới nhất độc giả đang cầm trên tay. Nỗ lực giữ vững phẩm chất tờ báo là công lao của nhiều người, trong đó ban chủ biên chỉ chiếm phần nhỏ, rất nhỏ. Có nghĩa, nếu không nhờ sự góp công góp sức của văn hữu và độc giả khắp nơi trên thế giới, chắc chắn, dù giỏi xoay sở bao nhiêu cũng khó lòng chu tất nổi. Thay mặt ban chủ trương, tòa soạn trân trọng gửi đến quí vị lời cảm ơn.

Hợp Lưu số này qui tụ nhiều sáng thơ văn, biên khảo của các cây bút đã nổi danh trong, ngoài nước nhiều năm qua, nhiều chục năm qua: Ngô Thế Vinh, Nguyễn Xuân Quang, Thụy Khuê, Trân Sa, Hoàng Lộc, Lâm Chương, Lệ Hằng, Phạm Công Thiện, Tô Thùy Yên, Cao Đông Khánh, Võ Đình, Đỗ Kh., Hoàng Phủ Ngọc Tường, Lê Minh Khuê, Trần Thùy Mai, Nguyễn

Quang Thiều, Trần Duy Phiên, Nhật Chiêu, Nguyễn Huy Thiệp, Bùi Chí Vinh, Nguyễn Bắc Sơn, Trần Trung Chính...

Đặc biệt, như đã loan báo từ số trước, *Hợp Lưu* cố gắng "trẻ hóa" nội dung, bằng cách tìm kiếm và giới thiệu các tài năng MỚI của văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại lẫn quốc nội. Sở dĩ chúng tôi dùng chữ MỚI mà không dùng chữ TRẺ, là để khẳng định: trong văn học không có tuổi tác, chỉ có thời gian sinh hoạt trong nghành lâu, hay vừa bước vào mà thôi. Chúng ta vẫn thường thấy nhiều nhà văn, nhà thơ có tuổi nghề rất cao, nhưng thơ văn của họ chưa từng và sẽ không bao giờ từng "gây nên sóng, tạo ra bão". Ngược lại, nhiều hiện tượng văn học chỉ mới xuất hiện đã gây chấn động.

Thời gian vừa qua, tòa soạn nhận được vài sáng tác MỚI ấy. Vài thôi, nghĩa là chưa nhiều, nhưng vẫn là một khích lệ lạc quan. Các sáng tác này của Đinh Linh, Phùng Nguyên, Hòa Đa, Đỗ Quang Nghĩa, Dương Hồng Việt, Nhược Trần...

Rất mong mảnh đất này sẽ là nơi ươm mầm cho những hạt giống văn học nẩy chồi. Chúng tôi xin nhắc lại: các tác giả có thể viết bằng bất cứ ngôn ngữ nào khác, tòa soạn đã thành lập một ban dịch thuật, có khả năng chuyển mọi ngoại ngữ ra tiếng Việt. Văn chương Việt Nam đến lúc phải tách thoát khỏi vòng kiềm tỏa của chính kiến, của hoài nhớ dĩ vãng, của than thân trách phận, của căm thù giết tróc. Một số các vị cầm bút đàn anh của chúng ta hình như bị buộc quá chặt vào quá khứ, không thể cởi ném được vòng xích oan khiên ấy, khiến văn chương trở nên già nua, buồn thảm, thiếu hẳn sức sống. Đó là lý do chúng tôi tha thiết kêu gọi sự góp mặt của lớp người viết MỚI.

MỚI, đồng nghĩa với tương lai, với khai lối, mở đường. Tất nhiên không có trước chẳng thể có sau, nhưng chúng tôi vẫn tin một nền văn chương sung mãn, mạnh khỏe, bao giờ, và mãi mãi, vẫn thuộc về họ, lớp người còn tràn đầy sinh lực mang tên MỚI ấy.

Chúng tôi xin chào đón các bạn bằng tất cả tin tưởng và hy vọng. Hay, dở còn tùy thuộc ở tài năng và thời gian. Vấn đề là sự lên đường. Mạnh dạn lên đường. Hợp Lưu xin được đứng chung với các bạn. Hợp Lưu xin làm một đồng hành.

HỢP LƯU

Tòa soạn Hợp Lưu rất cần tài liệu (kể cả hình ảnh) liên quan đến

nhà văn PHAN KHÔI

để thực hiện một số chủ đề về ông.
Văn hữu, độc giả nào có, xin gửi cho chúng tôi.
Trân trọng cảm ơn

BK

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

lý tưởng anh hùng trong thơ việt nam thời nguyễn sơ



Từ giữa thế kỷ 18 sang thời Tây Sơn cho đến lúc Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, sân khấu lịch sử Việt Nam đã diễn ra trong bối cảnh bão táp của chiến tranh dưới nhiều dạng khác nhau. Chiến tranh giành quyền lực giữa các vương triều, chiến tranh cát cứ, chiến tranh khởi nghĩa và chiến tranh chống ngoại xâm. Trên sân khấu đó, những nhân vật lý tưởng của thời bình, những minh quân lương tướng, tài tử giai nhân v.v... đều rút lui đứng nép bên cánh gà, nhường chỗ cho một hình mẫu nhân vật chính diện mới: người nam nhi lập thân ngoài trận mạc, giành lấy sự nghiệp bằng "ba thước gươm, một cổ nhung yên", như hình tượng chinh phu trong *Chinh Phụ Ngâm*.

Có lẽ chưa có thời kỳ nào như cái nửa cuối thế kỷ 18 ấy, trên những nẻo đường huyên náo của thời đại, người ta nhìn thấy nườm nượp những trang nam tử hảo hán xách gươm ruổi ngựa đi lập công danh, từ các võ tướng lừng danh thời Trịnh - Nguyễn đến những thủ lĩnh kiêu binh, những tướng quân cát cứ vùng châu thổ sông Hồng thời Lê Chiêu Thống, tiếp theo là những anh hùng bách thắng dưới cờ nghĩa quân Tây Sơn, và những hào kiệt phương Nam chiến đấu vì đại nghiệp của họ Nguyễn. Vì lý tưởng hoặc chính nghĩa thời đại, vì tham vọng hoặc hoang tưởng cá nhân hoặc nhiều khi không vì

một động lực nào khác, chỉ từ giấc mơ một đêm thức dậy thành "người hùng", nhưng tất cả những trai thời loạn ấy đều giống nhau ở chỗ từ bỏ giấc mộng công danh bằng con đường dùi mài kinh sử, để cầm lấy vũ khí, tự định vị bản thân giữa đấu trường của thời đại. Tâm lý kiêu hùng của người nam nhi thời loạn đó được phản ánh qua câu trả lời thách thức của Ngô Văn Sở, đối diện với một ông tiến sĩ nhà Lê, không phải là một tay mơ trói gà không chặt nào khác, mà chính là Ngô Thời Nhiệm.

- Quan thị lang thật giỏi về nghề văn học, còn cung kiếm có thông thạo gì không?

Và tiếp theo sau đó:

- Lúc ấy sẽ phiền ông làm một bài thơ để lui quân giặc. Nếu không làm được như thế thì túi dao bao kiếm chính là phận sự của kẻ võ biền này, can gì phải lo...

Thử làm một thống kê đơn giản trên một cuốn tiểu thuyết lịch sử bao gồm một thời kỳ kéo dài chừng 60 năm, bằng cách đếm tên các nhân vật đao kiếm lớn nhỏ đủ cỡ, chính tà đủ phái, người ta sẽ có một bảng danh sách dài hơn 108 anh hùng Lương Sơn Bạc. Qua sự đào thải tàn nhẫn của lịch sử, hai nhân vật kiệt xuất còn lại để trở thành hai mẫu anh hùng thời đại, là Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh. Nguyễn Huệ là người anh hùng hấp thụ nội lực vô địch của nhân dân, dựng nên sự nghiệp kỳ vĩ bằng lòng tự tin vững như bàn thạch, bằng sức mạnh sấm sét và vận tốc siêu thời đại, trong khi Nguyễn Ánh là một bản lĩnh anh hùng kiểu khác, là ý chí quyết sống của một đại tộc trước nguy cơ bị tiêu diệt, là nghị lực không lay chuyển trước thất bại và gian khổ, đồng thời là trí thông minh uyển chuyển để giành lấy chiến thắng sau cùng. Có thể kết luận rằng Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh là hai nhân vật anh hùng song lập cùng chi phối quan niệm "làm trai" của cả một thời đại.

Đặc biệt là hình tượng lẫm liệt của Nguyễn Huệ, mà chúng ta đã thấy được mô tả trong *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, đồng thời được phản ảnh qua những tác phẩm văn học lớn thời Tây Sơn như *Ai Tư Vãn* của Ngọc Hân công chúa và *Tụng Tây Hồ Phú* của Nguyễn Huy Lượng, chính Nguyễn Huệ với cống hiến lịch sử vĩ đại đã thống nhất đất nước, chống ngoại xâm bảo vệ độc lập Tổ quốc, đã tạo sức chuyển hóa sâu rộng trong ý thức "nam nhi" của nhiều thế hệ tiếp sau ông: từ tham vọng mưu bá đồ vương vươn lên đại nghĩa dân tộc, từ tư tưởng "người hùng" thăng hoa thành "lý tưởng anh hùng" trong tương quan giữa cá nhân và lịch sử. Với Nguyễn Huệ, lý tưởng anh hùng đã trở thành ý tưởng phổ quát trong triết học dấn thân của nam nhi, như đã được lưu truyền trong nhiều câu hát dân gian có lẽ đã được sáng tạo trong bối cảnh hùng tráng của lịch sử thời đó:

"Làm trai cho đáng nên trai
Xuống đông đông tĩnh, lên đoài đoài tan"

hoặc là:

"Ở đời muôn sự của chung
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi"

- Lý tưởng anh hùng đã được hun đúc như vậy, nhưng lịch sử đã chuyển hướng qua một tình thế mới, với cái chết đột ngột của hoàng đế Quang Trung, sự sụp đổ của triều đại Tây Sơn sau Nguyễn Huệ, kết thúc bởi chiến thắng hoàn toàn của Gia Long Nguyễn Ánh mười năm sau. Cần một cái nhìn khách quan để thừa nhận rằng sự kiện lên ngai vàng của Gia Long vào năm 1802 là một giải pháp lịch sử khó có thể thay thế trên quan điểm lợi ích dân tộc, nhằm chấm dứt nội chiến, tạo điều kiện ổn định chính trị để tái thiết đất nước. Lý tưởng anh hùng được hun đúc quanh nhân vật trung tâm là Nguyễn Huệ, dĩ nhiên bây giờ bị đặt trước một thách thức mới, đối diện với quyền lực nghịch hướng với khát vọng Tây Sơn, chính là Gia Long và những vua kế vị triều Nguyễn. Vấn đề đặt ra ở đây là lý tưởng anh hùng liệu còn khả năng để thực hiện hay không, và thực hiện như thế nào, đối với thế hệ đã từng chứng kiến cả một thời bể dâu, và đã được nuôi dưỡng bằng lý tưởng hành động của người nam nhi. Ta thử cố gắng tìm giải đáp, bằng cách theo dõi phương cách ứng xử của các nhà văn nhắm theo lý tưởng anh hùng thuộc tiền bán thế kỷ XIX, qua ba trường hợp tiêu biểu là Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ và Cao Bá Quát.

Trước tiên, với Nguyễn Du, xin lưu ý nhanh về một đặc điểm lý lịch vốn đã được làm sáng tỏ, rằng dù gia đình ông nhiều đời là trọng thần của họ Trịnh, nhưng bản thân Nguyễn Du không hề tham gia một hoạt động chống Tây Sơn nào cả, khác với điều ngộ nhận trước nay vẫn thường nghe nói. Là nhà văn nhạy cảm nhất trong lịch sử văn học của chúng ta, dĩ nhiên lý tưởng anh hùng của thời đại không thể vắng bóng trong lịch sử quan, cả trong mỹ học của Nguyễn Du, và xin nói ngay, đó chính là hình tượng Từ Hải của *Truyện Kiều*. Xét ba nhân vật người tình của đời Kiều, thì Thúc Sinh là nỗi đam mê có thực. Kim Trọng là lý tưởng đồng điệu của tâm hồn nàng, và Từ Hải lại là một khát vọng cao lớn, đột khởi khỏi kích thước của hiện hữu tầm thường của nàng. Rõ ràng với Nguyễn Du, Từ Hải là hiện thân của lý tưởng anh hùng mang tính chất không khuất phục, và vì thế dẫn đến "dáng đứng Từ Hải" trong cái chết. Hành động tự vẫn của Kiều tiếp sau cái chết của người anh hùng cho ta thấy rằng với Kiều, lẽ sống đã không còn nữa, rằng cuộc đời của nàng sau đó chỉ là trò chơi của ngẫu nhiên và đã mất hết ý nghĩa. Dù đau đớn đến thế, Nguyễn Du vẫn phải đẩy Từ Hải vào cái bẫy hủy diệt, lý do là không thể để người anh hùng tiếp tục tồn tại bằng sự thỏa hiệp hèn mọn, mặt khác, một đấng đội trời đạp đất như Từ Hải cũng không thể tồn tại bên ngoài trật tự của một triều đại đã ổn định. Càng ngày, chúng ta càng

nhận ra ở Từ Hải hình tượng hùng vĩ của Nguyễn Huệ vẫn vang động trong lý tưởng anh hùng của Nguyễn Du, mà ông vẫn hoài tưởng bằng xiết bao cảm khái.

Thành quách suy di, nhân sự cải
Kỷ xứ tang điền vi thương hải
Tây Sơn công nghiệp nhất đán tận tiêu vong
Ca vũ không lưu nhất nhân tại
(Thành quách ấy đời nay biến cải
Ngán bể dâu thay đổi nhiều nơi
Tây Sơn công nghiệp đâu rồi
Chỉ còn sót lại một người hát xưa)

Nỗi giằng buộc với nhân vật lý tưởng của mình đã khiến cho sự hợp tác của Nguyễn Du với triều đại mới thật không dễ dàng gì, thực ra là một thỏa hiệp đầy cơ cực cay đắng tận đáy lòng:

Dùng dằng khi bước chân ra
Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bảy lần...

Rốt cuộc, Nguyễn Du đã sống với triều đại Gia Long như một cái bóng, nhưng tâm hồn ông vẫn tìm được nỗi thanh thản khi đất nước chấm dứt thảm cảnh "*đống xương vô định đã cao bằng đầu*", và dân tộc bị ly tán suốt mấy thế kỷ nay đã tìm thấy đoàn viên qua hình ảnh tái ngộ của Kim và Kiều. Nói tóm lại, với Nguyễn Du, sự xung khắc giữa lý tưởng và hiện thực lịch sử hóa giải bằng *cái Tâm* của nhà văn, cầu chúc an lành cho dân tộc mình.

Khác với con người nội tâm Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ là một tính cách năng động, gánh vác và thiết thực. Thời Nguyễn Huệ ra Bắc Hà, Nguyễn Công Trứ đã lên mười, ông đủ điều kiện để nhận thức và tiếp thu lý tưởng anh hùng trong thời kỳ hình thành bản ngã của mình. Chí nam nhi của Nguyễn Công Trứ từ đó, mang đầy đủ dấu ấn của giấc mơ hùng tráng của thời đại ông lớn lên:

Có những lúc mưa dồn sóng vỗ
Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong
Chí những toan xẻ núi lấp sông
Làm nên đấng anh hùng đây đấy tỏ...

Dù thân phụ ông là trung thần của nhà Lê, nhưng Nguyễn Công Trứ không phải là mẫu người mang mặc cảm với quá khứ. Trật tự xã hội đã an bày, và ông tuyên bố tuân phục quyền lực chính trị của nhà Nguyễn:

Ba vạn anh hùng đè xuống dưới

Chín lần thiên tử đội lên trên...

Khoảng giữa *thiên tử* và *anh hùng* đó là không gian sinh tồn của bản ngã Nguyễn Công Trứ, ở đó sẽ lần lượt thực hiện hai nội dung lớn trong triết lý nhân sinh của mình, một là lý tưởng anh hùng của "chí nam nhi", một nữa là con người hành động trong mẫu mực "kẻ sĩ".

Đối với Nguyễn Công Trứ, sự thay đổi triều đại là quy luật biến động mang tính "sân khấu" đã có từ nghìn xưa: "*Ngàn muôn năm âu cũng thế ni - Ai hay hát mà ai hay nghe hát*"; điều quan trọng là người ta phải đủ bản lĩnh cần thiết để thực hiện lý tưởng vì dân của mình. Từ đó, sự nghiệp kinh bang tế thế của Nguyễn Công Trứ, như ta đã biết, được thực hiện trong khuôn khổ truyền thống mang màu sắc bảo hoàng của Nho giáo, cộng với năng lực hành động tích cực của một công dân vì lợi ích của trăm họ trong buổi đầu tái thiết đất nước.

Tuy nhiên, Nguyễn Công Trứ không dừng lại ở ranh giới của tư tưởng tôn quân để giải thích triết lý hành động của mình. Ông mở rộng đường biên này đến tận cõi bao la vô tận, để xác lập nhiệm vụ con người góp vào sự tiến hóa của vũ trụ. Ông nói nhiều lần:

- Vũ trụ chức phận nội
- Vũ trụ giai ngô phận sự
- Trong vũ trụ đã đành phận sự...

Có nghĩa là, tất cả các việc trong vũ trụ, tức là trong toàn cõi nhân sinh, đều ở trong vòng chức phận của ta. Hoàn tất nợ tang bồng ở đời nầy cũng là cùng một lúc hoàn tất *nghĩa vụ vũ trụ* của nam nhi, từ đó hàm dưỡng và phát triển tâm linh giữa lòng bản giao hưởng của vũ trụ, mà ông gọi là "*linh khâm bảo hợp thái hòa*". Trong bài "*Phận sự làm trai*", Nguyễn Công Trứ khẳng định lại tất cả các mục đích của triết lý hành động và kết luận rằng:

Người thế, trả nợ đời là thế
Của đồng lần thiên hạ tiêu chung
Riêng nhau hai chữ "anh hùng

Chính ý niệm công dân vũ trụ (*thiên dân*, ý niệm của Mạnh Tử) này đã đem lại cho lý tưởng anh hùng của Nguyễn Công Trứ một kích thước hoành tráng đặc biệt, vượt quá ranh giới chính trị của thời đại để đạt tới cấu trúc *thiên - địa - nhân* của siêu hình học phương Đông.

Cao Bá Quát đến muộn, sinh trưởng hoàn toàn dưới triều Nguyễn, nhưng khí chất hào hùng kỳ lạ đã khiến ông không thích nghi nổi với những giới hạn chật hẹp của cuộc đời một viên chức triều Nguyễn, từ đó bùng nổ khát vọng vươn tới lý tưởng anh hùng như là di sản châu báu của thế kỷ trước. Giấc mơ vào đời của ông đã báo động về nỗi bất an của số phận ông, khi tư tưởng của

Cao Bá Quát cứ đòi tung cánh chim hồng lên nghìn dặm cao để ký thác hoài bão:

Bốn bề đã mong mưa lâu rồi
Sao phép ngũ lôi còn giữ kín mãi trong núi
Ta ngẩng đầu lên nhìn tận ngoài trời
Những muốn vin mây mà lên cao mãi.

Hoài bão của Cao Bá Quát là gì? Bằng sức nhạy cảm bẩm sinh của một nhà thơ trước thời đại mình, ông thấu suốt đến tận cùng nỗi thống khổ của nhân dân trong thời kỳ suy thoái toàn diện của chế độ Nguyễn dưới triều Tự Đức; hầu toàn bộ tác phẩm thơ của Cao Bá Quát uất kết lại trong một tiếng kêu phẫn nộ: "*Xích nhật hành hà đạo - Lê dân thán kỷ hồi*" (Mặt trời hồng đi đâu - Dân đen ta thán mãi).

Lý tưởng anh hùng mang bản chất Nguyễn Huệ lớn lên rất nhanh trong tâm thức thời đại của Cao Bá Quát, bao gồm những nội dung sau đây:

a) Tư tưởng nhân nghĩa gắn bó máu thịt với số phận khổ đau của nhân dân (thơ về người nông dân đói tát nước; cô gái Huế nghèo đi bán áo; người đói gặp giữa đường; người ăn xin, người vác hòm, cuộc phát chẩn...), và "*chữ hận viết xong cứ khóc hoài đến nổi "trào máu"*.

b) Nỗi uất hận trước bạo quyền (*Vịnh gông dài, Bài ca roi song, Thơ trong tù...*), và "*Mày biết thế nào được ai phải ai trái - Mày chẳng qua là cái máy làm nhục con người ở cõi đời thôi"*.

c) Khát vọng đổi mới lịch sử (hàm ẩn trong nhiều bài thơ nói việc đời, ngụ chí hướng, kết thúc bằng khẩu hiệu lập lại thời đại Võ Thang trên cờ nghĩa...), và "*Ước sao việc đời như việc hoa - Qua gió mưa, giang sơn đổi mới hoàn toàn"*.

Khát vọng Đổi Mới này là cái đích đi tới của lý tưởng anh hùng mà Cao Bá Quát hằng ấp ủ, qua các bài thơ vịnh anh hùng (*Phù Đổng Thiên Vương, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi...*) nung nấu đến độ thành tuyên ngôn như trong bài thơ tiễn một người bạn lên đường nhậm chức ở quê hương của Chu Văn An và Nguyễn Trãi: "*Tài trai sống ở đời đã không làm được việc phơi gan, bẻ gãy chấn song, giữ vững cương thường - Lại ngồi nhìn bọn lang sói nghênh ngang - Đến lúc tuổi già thì mặc áo gấm, ban ngày về bôi nhọ quê hương - Cũng không làm nổi việc mài mực ở mũi lá mộc, truyền hịch định bốn phương...*" Điều lạ lùng là cái khát vọng thay trời đổi đất ghê gớm dường ấy lại đã được Cao Bá Quát khẳng định một cách mạnh mẽ ngay từ thuở hàn vi tìm đường vào đời. Trong "*Tài Tử Đa Cung Phú*", bài ca mang tính "lập chí" của người thư sinh trong cảnh nghèo của ông, người ta đọc thấy cái lý tưởng hùng tráng mà Cao Bá Quát đã quyết định vươn tới trong đời ông:

"Rửa buồng gan du tử nhơn nhơn, giương tay tạo rắp xoay cơn khí số"...

"... Để ta đeo vòng thư kiếm, quyết xoay bạch ốc lại lâu đài..."
"... Để ta gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm sang cẩm tú"...

Lý tưởng anh hùng bị kềm hãm dưới quyền lực băng hoại của vương triều thời Tự Đức, dồn nén thành thái độ phản kháng của nhà thơ, và tiến nhanh tới sức bùng nổ tất yếu là hành động khởi nghĩa của Cao Bá Quát.

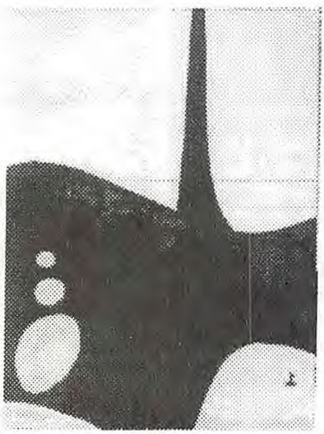
Nhìn lại, ta không lấy gì làm lạ khi nhận ra rằng sức sống cường tráng của nhân vật Nguyễn Huệ vẫn là trung tâm của lý tưởng anh hùng được tiếp tục nuôi dưỡng trong thế hệ các nhà văn thời sơ Nguyễn, gắn liền với cách thế dấn thân của trí thức nửa đầu thế kỷ XIX. Với Nguyễn Du, lý tưởng anh hùng vẫn bảo tồn đúng bản gốc của nó ở thế kỷ trước, là một nam nhi tự do vẫy vùng, cuối cùng chỉ tồn tại như một giấc mơ của chính tác giả; trong khi ở Nguyễn Công Trứ, lý tưởng anh hùng mang tính chính thống và thừa mệnh của Nho giáo để biến thành chương trình hành động thực tiễn của kẻ sĩ ngoại hạng; và với Cao Bá Quát, đó là ý thức nổi loạn bi tráng đưa đến hành động tuẫn đạo cho khát vọng dân chủ.

Sau Cao Bá Quát, còn một ít vang vọng qua *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, lý tưởng anh hùng đi vào khúc quanh của vận nước, hòa nhập vào dòng chảy của văn học yêu nước của các phong trào Cần Vương, Văn Thân, Duy Tân, để chuyển hướng lần thứ hai thành cảm hứng anh hùng ca rộng lớn của thơ văn hiện đại.

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

NHẬT CHIÊU

bashô, vị hành giả của ánh sáng và cát bụi



Tâm hồn Nhật Bản hay toàn thể nền văn học ấy có thể biểu hiện bằng một cái tên. Và cái tên được phóng vào cõi u huyền vũ trụ là đây: Bashô.

Bashô, con người xa xôi hơn ba thế kỷ ấy, nhưng rồi trong sâu thẳm của tâm hồn phương Đông, dường như ông gần gũi với ta hơn bất kỳ ai khác trên đời. Con người mà, theo lời nhận xét của Biyth, "không chỉ là người Nhật Bản vĩ đại nhất mà còn là một trong những người hiếm hoi đã sống, và dạy chúng ta sống bằng chính sự sống".

Giữa thơ và đời sống thường có một khoảng cách nào đó. Và những người đa cảm ngồi giữa khoảng cách ấy mà khóc cho hố thẳm. Nhưng tôi nhìn thấy một hình bóng, một lữ khách thường bước qua hố thẳm ấy, nhẹ nhàng và tự tại. Bởi vì ông là một hành giả của ánh sáng và cát bụi.

Cầu treo và hố thẳm
Những dây thường xuân
Quanh đời ta quấn.

Khi nhìn ra con người ấy, khi gặp ông bước qua cái hố thẳm giữa đời và thơ, tôi reo lên trong niềm hạnh phúc vô song: Matsuo Bashô.

Còn ông thì xưng danh với chúng ta, với mưa mùa thu như thế này:

Tên tôi trên đời:
"Một người lữ khách"
Mưa mùa thu ơi.

1.

"Một người lữ khách" (Tabibito: lữ nhân), ấy là cái tên mà Bashô muốn mình được gọi, một lữ nhân, một hành giả của bao nhiêu mùa gió bụi hành hương. Đời ông là một cuộc lữ hành không biết mỏi. Như ngày đi, như đêm đi, như mùa đi:

Áo bông tôi cởi
Quẩy lên vai trần
Mùa thay áo đổi.

Ông đi theo tiếng gọi của những con đường: "những hồn linh đường sá vẫy tay kêu gọi, và tôi chẳng còn làm gì được."

Tiếng gọi ấy có từ bao giờ không rõ nơi cậu bé *Munefusa*, tên thật của Bashô, mang họ *Matsuo.*

Bashô sinh ra trong một gia đình *samurai* ở thị trấn Ueno xứ Iga ngày 15-11-1644. Trong bảy người con của gia đình ấy, ông là con trai út (dù có ba cô em gái) nhưng mới lên chín đã phải xa nhà, đến lâu đài Chúa đại danh xứ Iga, làm tiểu đồng cho con trai Chúa đại danh là Yoshitada, lớn hơn Bashô hai tuổi. Nhưng rồi hai thiếu niên trở nên đôi bạn thân, cùng nhau học tập, làm thơ.

Hai năm sau, Bashô chịu cảnh mồ côi cha. Tình bạn với Yoshitada an ủi Bashô trong sự mất mát đó. Giữa đời sống thái bình của thời Tokugawa (1600-1868), đôi bạn ấy chuyên chú vào văn chương hơn là võ thuật. Cả hai học làm thơ dưới sự hướng dẫn của Kigin. Một số bài thơ *haiku* của đôi bạn trẻ bắt đầu xuất hiện trên vài hợp tuyển thơ ca thời ấy.

Nhưng tình bạn hạnh phúc đó khá ngắn ngủi vì Yoshitada chết lúc mới 24 tuổi. Bashô thực hiện chuyến hành hương đầu tiên trong đời khi lên núi Kôya để đặt một món tóc của Yoshitada vào chùa. Trong rừng vắng, giữa đền chùa và mộ phần. Bashô cảm nghiệm lần đầu về nỗi vô thường (mujô) và niềm cô tịch (sabi), những cảm thức rồi sẽ thấm sâu vào mọi dòng chữ của Bashô. Sau này, nhớ đến người bạn đầu đời ấy, Bashô viết:

Cuộc đời rồi sớm tắt
Nhưng con ve sầu kia
Vẫn ngân nga hát.

Vì bút hiệu của Yoshitada a Sengin, có nghĩa là "Con ve sầu". Bài thơ giản dị nhưng chứa đựng vĩnh cửu trong nỗi vô thường. Con ve hát tiếng hát vĩnh cửu trong khi nó sống trong cái phù du của đời nó, không bận tâm đến điều chi khác.

Sau đó, Bashô quyết định rời bỏ lâu đài xứ Iga, một nơi đầy kỷ niệm, dù không được phép của Chúa đại danh. Ông cũng muốn xa rời người góa phụ trẻ đẹp của bạn mà ông đã thầm lặng yêu thương và biết đó chỉ là mối tình

vô vọng.

Năm năm kế tiếp, Bashô sống ở Kyoto. Ông tiếp tục học cổ văn Nhật với Kigin. Ngoài ra, ông còn nghiên cứu cổ văn Trung Quốc và thư pháp với một vài bậc thầy khác. Ông sống trong nhà Kigin hoặc trong một đền chùa.

Năm 1672, sau một thời gian về quê chừng vài tháng, Bashô không trở lại Kyoto nữa mà đi Edo, thủ phủ của chính quyền Tokugawa.

2.

Edo (Tokyo ngày nay) có thể là thành phố lớn nhất thời đó với dân số gần một triệu. Văn hóa Edo được gọi là "văn hóa thị dân" gợi ta nhớ đến thời Phục Hưng bên châu Âu. Phong trào phục sinh văn học cổ điển lan nhanh. Thị dân và ngay cả nông dân cũng bắt đầu mở mang kiến thức để thích hợp với một thời đại mới mà giai cấp quý tộc không còn nắm thực quyền nữa.

Ở cả Kyoto, Osaka và Edo, sinh lực mới của xã hội tập trung vào thành phần trung lưu đang vươn dậy. Nhưng tất nhiên, trung tâm của thời đại mới là Edo. Các *chônin*, tức thị dân và thương nhân là những nhân vật nổi bật giữa thời đại thanh bình sau một thế kỷ loạn ly, những nhân vật nổi bật của nền văn chương *Phù thế thảo chỉ* (Ukiyo - zôshi: các sách về cuộc sống phù thế, giàu tính chất giải trí, phù hợp với nhu cầu của thị dân).

Quyền lực của mạc phủ tướng quân, quyền lực của tiền bạc thị dân, quyền lực của hòa bình và truyền thống văn hóa được phục sinh, vô hình trung đã góp phần tạo nên ba hình bóng khổng lồ của thời đại. Đó là Saikaku trong tiểu thuyết, Chikamatsu trong sân khấu và Bashô trong thơ. Nhưng trong ba thiên tài ấy, ta sẽ thấy chỉ có Bashô là người duy nhất xa lánh của cải vật chất, biểu tượng của cõi đời phù thế và nếp sống doanh thương, để đi theo con đường tâm linh, con đường cô tịch. Ông đã từ bỏ một quan chức trị thủy để theo đuổi thơ ca, không một niềm hối tiếc. Ông tự nguyện làm người hành hương của vĩnh cửu.

Edo là một thành phố trẻ trung, náo nhiệt, rực rỡ như những bức tranh khắc gỗ đầy màu sắc mà nó phô trương trên đường phố, nó có hàng ngàn du nữ (gái làng chơi) và một không khí phóng đãng, tự do.

Trên cái nền âm thanh ấy, màu sắc ấy của xã hội phù thế, Bashô không đứng vào với nó mà đứng cao hơn nó và con đường cô tịch mà ông chọn đi quả là một con đường hẹp, một khung cửa hẹp.

Tuy nhiên, Bashô gia nhập văn giới Edo một cách nhanh chóng. Vào năm 1675, khi nhà thơ nổi tiếng Sôin từ Osaka đến, Bashô là một trong các nhà thơ được mời tham dự soạn *renga* (liên ca) với ông.

Chính những cuộc họp soạn *renga* thời ấy làm nảy sinh một thể thơ độc đáo là *Haiku*.

Hay nói rõ hơn, haiku bắt nguồn từ thể thơ truyền thống *tanka* tức là đoản ca, mỗi bài có năm câu. Theo dòng phát triển, người ta tách tanka

thành hai phần. Một nhà thơ soạn phần đầu ba câu và người bạn thơ sẽ soạn hai câu còn lại. Và trò chơi ấy, sang thế kỷ mười hai, trở nên phổ biến, gọi là *renga*, đạt đến đỉnh cao với Sôgi (1421-1502) và hai môn đồ của ông.

Đến thời Bashô, *renga* đã chia thành hai trường phái. Thi phái *Mushin* (vô tâm) chuyên về trào lộng và thi phái *Ushin* (hữu tâm) thì cố gắng tìm kiếm những cảm xúc sâu xa.

Thể *renga* đi sâu vào trào lộng, dung tục và nhục cảm thì được gọi là *haikai renga*, hay gọi tắt là *haikai.*

Phần đầu ba câu trong thể liên ca được mệnh danh là *hokku* (phát cú), tức là vần thơ khởi phát.

Cuối cùng, hai từ *haikai* và *hokku* được ghép vào nhau, tạo ra chữ HAIKU, thành tên cho thể thơ tam tuyệt.

Toàn bài haiku chỉ bao gồm 17 âm tiết. Câu đầu năm âm, câu giữa bảy âm và câu cuối năm âm.

Thể thơ haiku ấy, Bashô đã đem trọn đời mình rèn luyện nó, nâng nó lên thành thơ ca chân thực, đưa nó về với đời sống và thiên nhiên.

Khi Bashô đến Edo vào năm 1672 thì ở đấy đã lừng danh hai trường phái haiku: Trường phái *Teimon* (Trinh Môn) của Teitoku và trường phái *Danrin* (Đàm Lâm) của Sôin.

Mặc dù vậy, trước sự ra đời của điều được gọi là "Tiêu Phong" (Shôfu: phong cách Bashô), haiku vẫn chỉ là một trò chơi trong bao nhiêu trò chơi của xã hội phù thế, có tính thù tạc, giải trí nhiều hơn là đeo đuổi những mục tiêu cao nhã, những đòi hỏi tâm linh tha thiết.

Thơ haiku chờ đợi một linh hồn mới. Ai sẽ ban cấp điều đó cho nó, kết hợp nơi nó cả vô tâm lẫn hữu tâm, hoan lạc và cô tịch, cái nhỏ nhoi và cao cả, cái đơn sơ và chiều sâu, cái bình thường và huyền diệu, trào lộng và trữ tình, sự nghèo nàn và phong nhiêu... nó đang chờ đợi một phép lạ.

Và Bashô đến.

Nhưng không phải đến là có ngay phép lạ. Nhà thơ của chúng ta cần có thời gian, cần bao nhiêu là tích tụ, rèn luyện, thử thách... Mãi đến gần bốn mươi tuổi, ông mới thật sự thành công khi giải thoát haiku ra khỏi trò chơi chữ nghĩa, trò chơi phù thế và ông là một với haiku, là một với vĩnh cửu.

Chính là thế nhưng dẫu sao, cuộc gặp gỡ Sôin vẫn là một biến cố đầy ý nghĩa trong đời Bashô sống. Là thủ lĩnh của thi phái Danrin, Sôin chủ trương lấy đề tài từ trong lòng hiện thực, từ đời thường ngày. Điều đó đã ảnh hưởng tốt đẹp đến sự tìm kiếm của
Bashô trên con đường thơ ca.

3.

Một thương gia giàu có, rất ngưỡng mộ Bashô, xây cho nhà thơ một ngôi nhà nhỏ ở Fukagawa, gần dòng sông Sumida. Bên nhà có một cây chuối do học trò trồng cho Bashô. Ở Nhật, cây chuối không có trái. Nhưng Bashô rất

yêu nó. Người Nhật gọi nó là *bashô* (ba tiêu) và nhà thơ trú ngụ bên dòng sông Sumida ấy đã lấy tên cây chuối làm bút hiệu cho mình. Còn nhà ở thì được ông gọi là Bashôan (Ba tiêu am).

Hẳn là đêm nào có mưa, chính là tàu lá chuối sẽ báo ngay cho Bashô biết bằng âm thanh của nó trong mưa, như vần thơ của Bạch Cư Dị: "*Cách song tri dạ vũ, Ba tiêu tiên hữu thanh*".

Có thể do vần thơ Đường ấy, do cây chuối bên nhà mà Bashô yêu quý loại cây "vô dụng" này, vô dụng theo nghĩa rằng thơ ca vô dụng. Bashô viết:

"Cây kết hoa, nhưng không giống với những loài hoa khác, chúng không có vẻ gì rực rỡ. Thân cây không ai đốn hạ làm gì, vì nó vô dụng. Tuy vậy, tôi yêu cây chính vì sự vô dụng ấy... Tôi ngồi dưới bóng cây, vui hưởng gió mưa đập vào nó."

Giữa thời buổi buôn bán náo nhiệt, đầy tinh thần vụ lợi của một Edo tưng bừng háo sắc, một tình yêu sự vô dụng như thế chính là thái độ sống đặc biệt của Bashô.

Cũng từ khi đến Edo, nghĩa là từ năm 28 tuổi, Bashô tụ tập Thiền đạo dưới sự hướng dẫn của Thiền sư Bucchô (Phật Đỉnh) ở tự viện Chôkeiji (Trường Khê Tự).

Nói đến ảnh hưởng Thiền tông trong thơ Bashô thì hầu như đó là một điều thừa. Vì ông là một con người thanh thản tắm mình trong biển thiền và bất kỳ điều gì ông viết ra, cũng không thể nào không đậm đà thiền vị:

Nhất là từ năm 37 tuổi trở đi, năm ông viết bài thơ về con quạ, tạo nên một hiện tượng thơ ca:

Cánh quạ ô
Trên cành héo hắt
Chiều thu.

Bài haiku ấy được ấn hành vào năm 1681 trong hợp tuyển *Nhật ký Azuma* chứa đựng nhiều bài thơ về đề tài chiều thu của nhiều tác giả khác nhau.

Nhưng chính là hình ảnh một cánh quạ cô đơn đậu trên cành cây trơ trụi giữa một chiều thu mông mênh của Bashô đã cuốn hút ta vào thế giới của u huyền (yugen) và cô tịch (sabi) và ném ta vào trầm mặc chân không.

Toàn thể hình ảnh ấy là sự cô tịch. Cành cây, con quạ, chiều thu là sự cô tịch mà Bashô mang trong trái tim mình khi ông lắng nghe niềm im lặng bất tuyệt của chân không.

Nhưng dù gợi lên nhiều ý nghĩa, nó không bao giờ là sự chết hay sự bất động. Chân không nằm trong diệu hữu, và diệu hữu nằm trong chân không. Sức mạnh của cô tịch chính là sức mạnh của chân không. *Sabi* (tịch) chính là *Mu* (vô). Bài thơ đưa ta đến với cô tịch, tiếp xúc với cô tịch chứ không phải với sự chết. Cánh quạ, cành khô và buổi chiều thu dung chứa nhau, góp phần tạo nên một vũ trụ tương tùy, vũ trụ mà ta sống mỗi ngày.

Chính cánh quạ im lìm đó là sự xuất hiện đầu tiên của tập thơ haiku theo phong cách Bashô mà ở Nhật gọi là *Shôfu* (Tiêu phong).

Thời gian lướt qua cánh quạ ấy, qua cành cây ấy, qua buổi chiều thu ấy. Hơn ba trăm năm rồi, nó vẫn đứng im, làm chứng cho sự xuất hiện của thiên tài thơ ca vĩ đại Bashô, người tạo dựng cho Nhật Bản một định mệnh thơ ca bất hủ: Haiku.

Vì còn là một họa sĩ nên hình ảnh con quạ giữa chiều thu cũng được Bashô thể hiện trong một bức tranh thủy mặc. Bức tranh ấy là một *haiga* (hài họa), một loại tranh tương ứng với thơ haiku về đề tài, phong cách, linh hồn.

Với bài con quạ, Bashô đã thật sự lên đường.

Phần còn lại của cuộc đời Bashô quả là những cuộc hành hương vô tận. Không phải là những thiền thất cài chặt cửa mà là những con đường gió bụi qua các thị trấn, những đồng không mông quạnh, những hẻm núi và vực thẳm.

4.

Ba tiêu am chỉ đứng được hai năm thì bị cháy rụi trong cơn hỏa hoạn tàn phá một phần thành phố Edo. Bashô phải đến ở tạm nơi nhà một người bạn tu thiền. Năm 1683, mẹ Bashô qua đời nơi làng quê. Nhà cháy, mẹ mất - đấy là những năm u ám trong đời Bashô. Trên con đường thơ ca, Bashô cũng bước đi một mình, bước từng bước, dấn mình qua thất bại và đau khổ.

Bạn bè và đệ tử hợp nhau xây cho Bashô một ngôi nhà mới ở Fukagawa. Vì đang giữa mùa đông, ngồi trong nhà mới, ông nghe tiếng mưa đá rơi rào rạt. Ông cảm thấy bản ngã xưa cũ của mình quay trở về đây, ngồi lại như một cây sồi cổ thụ.

Nhưng Bashô cũng không ở yên trong ngôi nhà mới ấy. Năm sau, ông khởi sự chuyến đi đầu tiên trong hàng loạt cuộc hành trình mà ông sẽ liên tiếp thực hiện.

Bút ký về cuộc du hành thứ nhất này là tập NOZARASHI KIKÔ (Dã Sái Kỷ Hành = Nhật Ký Gió Mưa Đồng Nội).

Theo Yuasa, "Bashô đã trút bỏ những ràng buộc thế gian từng thứ một vào những năm trước cuộc du hành này, và bây giờ ông chẳng còn gì để trút bỏ ngoài chính bản ngã của mình ở trong ông cũng như ở quanh ông. Ông phải trút bỏ bản ngã ấy đi, vì nếu không, ông không thể nào lấy lại được cái nhất thể của mình (điều mà ông xem như *cái bản ngã vĩnh cửu gọi là thơ ca*). Ông nhìn thấy một cơ hội giản dị để thành tựu mục tiêu tối hậu của đời mình, nó nằm trong du hành, và ông rời nhà ra đi mà "không để tâm gì đến tài sản trong một trạng thái hoan lạc hoàn toàn".

Như nhiều bút ký khác của Bashô, tác phẩm trên là một hợp thể giữa *haibun* (hài văn) và *haiku* (hài cú), nghĩa là bằng một thứ văn văn xuôi pha thơ.

Tuy chưa toàn bích, nó là tác phẩm đầu tiên của Bashô cho thấy một phong cách lớn đã thành hình.

Chuyến đi năm 1684 ấy là cuộc hành hương đến Thần cung Ise theo con đường từ quê cũ ở Ueno. Từ đó, Bashô trở thành một nhà thơ phiêu lãng nổi tiếng, như Lý Bạch và Đỗ Phủ ở Trung Quốc, như Sôgi và Saigyô ở Nhật Bản.

5.

Hai năm sau, Bashô tạo nên một chấn động trong văn học bằng một bước nhảy bất ngờ của một con ếch qua bài haiku đăng trong một hợp tuyển của thơ ông và đồ đệ mang tên là HARU NO HI (Xuân Nhật).

Ao cũ
Con ếch nhảy vào
Vang tiếng nước xao.

Biết bao lời bình đã được viết ra về bài thơ kỳ bí này. Toàn bộ thơ ca Nhật Bản, từ năm 1686, năm bài thơ ra đời, dường như chỉ là tiếng vang của nước (mizu no oto) mà con ếch của Bashô đã khuấy động nên.

Theo nguyên lý của chính Bashô thì "thơ ca chỉ sinh ra từ sự hòa điệu khi ta và sự vật trở thành một - khi ta đã lặn sâu vào lòng sự vật để nhìn thấy điều gì đó tựa như tia sáng mờ ảo đang ẩn giấu ở đấy... Nếu như cảm thức của ta không tự nhiên - nếu sự vật và ta còn ly cách - thì thơ lúc ấy không còn là thơ ca thật sự nữa mà chỉ còn là một thứ đồ vật giả mạo chủ quan của ta".

Bài haiku "Ao cũ" của Bashô đã thể hiện được lý tưởng trên một cách toàn bích.

"Ao cũ" (Furu ike) không nằm ở đâu cả và đồng thời nằm trong Bashô, trong chúng ta. Nó cũ nghìn xưa đồng thời có mặt ngay bây giờ bởi vì nó vô thủy vô chung.

Một con ếch (Kawagu) đã đánh thức vũ trụ dậy bằng bước nhảy của mình giống như một tiếng gõ cửa có thể mở cả vũ trụ. Ta nhỏ nhoi như con ếch và ta là con ếch đang nhảy vào cuộc sống, đồng thời ta là chiếc ao cũ và là tiếng vang của chính ta, là tiếng vang của vũ trụ. Một cành khô hay một ao cũ. Một con quạ im lìm hay một con ếch nhảy. Một ngày xuân hay một chiều thu. Toàn thể đời sống tập trung, rung động trong con quạ im lìm đó và con ếch nhảy vào ao đó, mà toàn bộ đời sống vẫn không mất một mảy may sinh lực nào.

Tuy nhiên, bạn đừng hoài công tìm kiếm một khái niệm nào trong những bài thơ trên. Không có khái niệm nào hết. Và con quạ chính là con quạ. Con ếch chính là con ếch. Đó là cái "như như" của sự vật, cái như thế.

Nhưng khi bạn cảm nghiệm được niềm cô tịch và cái u huyền rồi thì buổi chiều thu kia hay tiếng vang của nước ấy sẽ tràn đầy một thị kiến vô biên

trong tâm hồn bạn.

Và ta cảm thấy những bài thơ haiku nhỏ bé sao mà mênh mông đến thế, cọng cỏ sao mà hùng vĩ đến thế, giọt sương sao mà tráng lệ đến thế và chiếc lá rơi chứa đầy sự huyền diệu.

6.

Chuyến đi kế tiếp hướng về Kashima, được Bashô kể lại trong tác phẩm KASHIMA KIKÔ (Nhật ký Kashima).

Theo dòng Tone, Bashô đến "thị trấn của nước" Kashima mà thăm viếng sư phụ của mình là Thiền Sư Bucchô (Phật Đỉnh). Ông cũng đi thăm những cây anh đào nổi tiếng ở Yoshino, không xa Kyoto bao nhiêu. Bashô trở về lâu đài xưa ở Iga vào giữa mùa xuân, bùi ngùi đứng dưới bóng cây anh đào mà hơn hai mươi năm xưa, ông và người bạn yểu mệnh từng vui đùa học tập:

Ôi hoa đào!
Các ngươi mang đến hồn ta
Bao nhiêu điều kỳ ảo.

Ngay sau chuyến đi ngắn ngày ấy, Bashô lại bỏ ra một năm trời lang thang. Từ Edo đến bờ biển Suma, Bashô đi và viết, tạo nên tác phẩm OI NO KOBUMI (Cấp chi tiểu văn: Ghi chép từ chiếc túi hành hương).

Bashô tiếp tục đến Sarashina để chứng kiến mùa trăng ở Đỉnh Obasute, theo truyền thuyết là nơi người ta đem các bà mẹ già đến đấy bỏ rơi. Cuộc du quan này chỉ được ghi chép vắn tắt trong một vài trang mang tên SARASHINA KIKO (Nhật Ký Sarashina).

Nhưng chuyến đi dài nhất và nổi tiếng nhất của Bashô là cuộc du hành lên phương Bắc được thực hiện vào năm ông 45 tuổi.

7.

Du hành vào thời ấy, nhất là đi lên phương Bắc, còn đầy gian khổ, bất trắc hầu như không có một chút tiện nghi nào. Vậy mà Bashô cùng với đệ tử là Sora thường đi bộ.

Rời Edo vào mùa xuân năm 1689, Bashô lang thang phiêu bạt gần ba năm trời. Lần này, ông tránh con đường Tokaido quen thuộc để đi lên phương Bắc. Vào thời đó, miền Bắc là nơi hầu như còn hoang dã, còn chứa đựng một sự huyền bí sâu xa. Đường lên phương Bắc vì vậy đối với Bashô là đường đi vào thâm sâu cuộc sống. Qua những gì cảm nghiệm được, ông đã viết ra kiệt tác của đời mình: OKU NO HOSOMICHI (Áo Chi Tế Đạo: Con đường hẹp Oku), có thể dịch là "Con đường sâu thẳm".

Oku (Áo) là tên riêng cho một địa phận miền Bắc nhưng còn có nghĩa là

thâm áo (sâu xa). Để đi đến với điều kỳ diệu, phải đi bằng khung cửa hẹp hay con đường hẹp (tế đạo).

Con đường sâu thẳm chính là những cảm nghiệm của Bashô về vĩnh cửu. Tuy chỉ là một tập sách mỏng (chừng 50 trang), nhưng nó nằm trong số các tác phẩm trọng đại nhất của văn chương Nhật. Bashô không chỉ trải nghiệm được cái huyền diệu (myo) của cuộc sống mà còn có thể truyền đạt được nó trong một tác phẩm đầy tính nhất quán và gợi cảm, nơi thơ (haiku) và văn xuôi (haibu) pha lẫn nhau trong sự hài hòa tuyệt diệu.

Sự nhất quán trước hết nằm trong cấu trúc tác phẩm. Các địa danh và biến cố dường như đều có đối điểm của nó trên dòng phát triển của lời tự sự tự tình. Chẳng hạn như mở đầu cuốn nhật ký, ta thấy Bashô cùng các bạn thân chia tay ở Senju sau khi đi chung thuyền một vài dặm. Bài haiku ghi lại cảm xúc biệt ly đó như sau:

Mùa xuân ra đi
Tiếng chim thổn thức
Mắt cá lệ đầy.

Thì đến cuối tác phẩm, ta lại thấy Bashô chia tay các bạn, xuống thuyền ở Ogaki và tất nhiên, có một bài haiku khác:

Vỏ trai tách rời
Chia tay cùng bạn
Mùa thu ra đi.

Sự đối xứng thể hiện từ không gian đến thời gian, từ vạn vật chung quanh đến cảm xúc không nói ra của con người. Cái kỳ diệu của thơ Bashô là bao giờ cũng đầy cảm xúc mặc dù không có cảm xúc nào được trực tiếp miêu tả. Thơ ấy luôn luôn phát xuất từ tâm và đến với ta bằng nghệ thuật "tâm truyền tâm", nếu có thể nói như vậy. Nó sử dụng một thứ ngôn ngữ vô ngôn. Để cảm nhận nó, cần làm quen với văn hóa của nó, làm quen với một tình yêu.

Có nhiều điểm đối xứng khác trong kiệt tác "Con đường sâu thẳm" mà khi đắm mình vào đó, ta sẽ dễ dàng nhận ra. Nhưng đừng tìm sự nhất quán ở bề mặt mà hãy cảm nhận sinh lực ẩn giấu của nó chi phối toàn thể tác phẩm, trong linh hồn của từng con đường, từng nơi chốn mà Bashô đã gợi lại trong bút pháp và chữ nghĩa:

"Tháng ngày là khách hành hương của thiên thu. Mỗi năm đến rồi đi cũng đều là lữ khách. Những người trôi trên thuyền hay già đời dong ngựa đang ở trên cuộc hành trình vĩnh cửu và nhà ở cũng là những con đường họ dẫm chân lên, nhiều người chết già trên đường, và tôi hàng năm qua hằng xúc động trước mỗi áng mây cô đơn cuốn theo gió, trước những ý nghĩ phiêu bạt không ngừng.

Năm rồi tôi lang thang dọc theo bờ biển. Đến mùa thu tôi quay về căn lều nhỏ của mình bên bờ sông mà quét đi mạng nhện. Năm tàn dần. Khi mùa xuân đến và sương mù vương không, tôi tính tới việc vượt qua biên giới Shirakawa mà vào Oku. Tôi như bị thần linh du hành ám ảnh, chẳng còn thanh thản xét suy. Những hồn linh đường sá vẫy tay kêu gọi, và tôi không còn làm gì được.

Tôi vá víu những chiếc quần rách của mình và thay dây trên chiếc mũ tơi. Để chuẩn bị đi đứng vững mạnh, tôi đốt cỏ thuốc mà chăm sóc đôi chân. Cuối cùng, tôi bán túp lều để dọn tới nhà người bạn chờ lên đường, tâm hồn không ngớt mơ tưởng đến vầng trăng mà chẳng bao lâu nữa sẽ chào đón tôi ở Matsushima.".

Con đường sâu thẳm ấy đưa Bashô qua nhiều cảnh đời khác nhau, những giấc mơ, những nỗi buồn tục lụy, tình người, cái chết...

Thơ Bashô chứng tỏ rằng haiku đi với cuộc đời bình thường mà không bao giờ tầm thường. Haiku đụng chạm đến những đề tài bình thường nhất nhưng rồi bụi đời tưởng chừng được nâng lên, cùng với trăng sao xoay chuyển.

Có lần, Bashô ngủ trọ trong một lữ quán. Có hai cô kỳ nữ từ xa đến trọ, thấy ông mặc áo hành giả bèn đến đảnh lễ và rưng rưng nước mắt.

Dưới mái quán, Bashô lắng nghe những câu chuyện buồn của họ, những câu chuyện của đời người. Dưới mắt kẻ khác, họ là hiện thân sa đọa, là một chủng loại đã rơi xuống thấp trong thế giới con người. Nhưng Bashô nâng họ dậy, đặt họ giữa những đóa hoa xa trục thảo và vầng trăng bên trời:

Dưới mái quán tụ về
Tôi và hai kỹ nữ
Trăng và hoa hagi.

Khi đến thị trấn Kanazawa, đứng bên mồ một nhà thơ trẻ từng là đệ tử của mình, đã chết vào mùa đông năm ngoái, Bashô viết:

Hãy rung lên, ôi nấm mồ
Giọng ta than khóc
Là gió mùa thu.

Trong "Con Đường Sâu Thẳm", "Bashô đã nắm vững nghệ thuật viết *haibun* hoàn toàn đến nỗi văn xuôi và *haiku* thắp sáng nhau như hai tấm gương đối xứng. Đấy là điều mà không ai trước ông đã làm được". (Yuasa).

Bashô đi hết vòng cung của những con đường phương Bắc, cuối cùng đến Ogaki vào mùa thu năm 1689. Tác phẩm "Con Đường Sâu Thẳm" kết thúc ở đấy.

Tuy nhiên, Bashô vẫn tiếp tục du hành và mãi đến mùa đông năm 1691

mới về đến Edo.

8.

Thời gian mà Bashô không kể lại trong "Con Đường Sâu Thẳm", ông đi Kyoto, về quê thăm nhà và cùng các bạn thơ du quan hồ Biwa (Tỳ Bà).

Trên đường đi, Bashô tạm trú trong một vài thảo am như Huyễn Trú Am (Genju-an), Vô Danh Am (Mumei-an) và Lạc Thị Xá (Rakushisna).

Bài tùy bút nổi tiếng Huyễn Trú Am Chi Ký (Genjuan no ki) viết về thời gian ấy, thổ lộ niềm hạnh phúc ở am đời hư huyễn:

"Và tôi lê chân dọc theo bờ biển hoang dại của phương Bắc, nơi mỗi bước chân băng qua cồn cát đều khốn khó. Tôi lang thang ven bờ hồ tìm nơi trú ngụ, một nhánh lau sậy mà chiếc tổ chim cộc trắng sẽ tấp vào trên dòng nước chảy. Đây là nơi Huyễn Trú của tôi, và nó đang bên mạn núi gọi là Kobubu. Gần đây có một đền thờ xưa cũ, nơi tôi cảm thấy trần thức của mình được gột sạch cát bụi trần gian. Chủ nhân của nó đã bỏ đi từ tám năm trước; am còn lại phía sau giữa ngã tư đời hư huyễn... Trong niềm vui, tôi gọi bồ câu rừng:

Chim Kanko ơi,
Hãy đem niềm cô tịch
Mà lắng đọng vào tôi.

Làm sao mà tôi không hạnh phúc cho được. Quang cảnh này có thể sánh ngang với những thắng cảnh tuyệt vời nhất ở Trung Quốc".

Bài tùy bút kỳ tuyệt ấy được xuất bản trong tập SARU MINO (Viên Thoa: Áo rơm cho khỉ) là tác phẩm chứa đựng chừng 400 bài haiku. Đây cũng là một kiệt tác, được xem là đỉnh cao của phong thái Bashô, cũng như tập "Con Đường Sâu Thẳm".

Tiêu đề "Áo Rơm Cho Khỉ" dựa vào một bài haiku trong sách:

Trận mưa đầu mùa đông
Những con khỉ run rẩy
Cần rơm áo che thân.

Những năm kế tiếp, Bashô sống hầu như hoàn toàn trong cô tịch, theo ý nguyện của chính ông:

"Niềm cô tịch sẽ là bạn tôi, và sự nghèo nàn sẽ là của cải của tôi. Trong tuổi năm mươi, đấy là điều tôi tự nguyện".

Cánh cửa khép suốt ngày đó chỉ thỉnh thoảng mở ra khi có một "biến cố" như hoa bìm bìm vừa nở ngoài hàng giậu!

9.

Vào mùa xuân năm 1694, Bashô quyết định lên đường đi thăm phương Nam. Đến Osaka, ông được các văn nhân ở đó đón tiếp trọng thể. Nhưng Bashô lâm trọng bệnh. Đệ tử khắp nơi nghe tin, tụ về bên giường bệnh của nhà thơ mà họ tôn thờ và yêu quý. Một đêm mùa đông năm 1694, Bashô gọi đem bút mực tới, viết bài "Từ thế chi ca":

Dang dở cuộc hành trình
Chỉ còn mộng tôi phiêu lãng
Trên những cánh đồng hoang.

Và Bashô mất ở nhà nữ sĩ Sono-Jo vào ngày 12-10-1694 tại Osaka trong khi những giấc mộng còn lang thang phiêu bạt. Trên những cánh đồng hoang, trên những ngã tư đời hư huyễn, trên những con đường sâu thẳm và vô danh, trên những ao hồ vĩnh cửu...

Nhà thơ được chôn cất trong một ngôi đền gần "Vô Danh Am" ở Otsu, nhìn xuống Hồ Biwa (Tỳ Bà) mà ông hằng yêu mến.

CHừng ba trăm học trò đưa tiễn thầy đến nơi an nghỉ cuối cùng. Bashô dường như là nhà thơ có nhiều môn đồ nhất, trong đó có mười người trở thành những nhà thơ haiku nổi danh, được gọi chung là *Bashô Jittetsu (Ba Tiêu thập triết) mà tên tuổi thường được nhắc tới nhất là Jikaku.*

Sau khi Bashô mất vài mươi năm, các bài thơ của ông cùng một số đệ tử được tập hợp thành BASHÔ SHICHIBU SHU (Ba Tiêu thất bộ tập) tức là bảy tác phẩm: Ngày Đông, Ngày Xuân, Hoang Dã, Bầu Rượu, Áo Rơm Cho Khỉ, Túi Đựng Than, Trở Lại Áo Rơm Cho Khỉ.

Dù được chôn cất trong một ngôi chùa, Bashô được phong thần trong nhiều ngôi đền Thần đạo, có đền còn lấy tên theo câu thơ của ông về tiếng vang của nước do con ếch nhảy vào.

10.

Và khắp Nhật Bản, nơi nào có Bashô đi qua hầu như đều mọc lên những tấm bia kỷ niệm. Có hơn ba trăm tấm như thế. Nhiều gò đất, theo truyền thuyết, chứa các vật dụng đi đường của Bashô.

Ở Kisakata, một đài kỷ niệm được dựng trong vườn chùa Kanmanji, tôn xưng Bashô là thánh thơ (haisei). Sự hâm mộ đặc biệt này một phần do ông đã viết một bài haiku nổi tiếng về Kisakata:

Vịnh Kisakata
Như nàng Tây Thi ngủ
Trong mưa và trong hoa.

Những tấm bia kỷ niệm ấy có khắc thơ haiku của Bashô nên được gọi là ku-hi (cú bi = bia hài cú).

Trên lưng một đá tảng ở đồi Kemari-zuka, dưới bóng một cây dẻ cổ thụ là bài haiku:

Ngón ta nhỏ nhoi
Hạt dẻ còn trong vỏ
Xin mùa thu đừng rơi

Ngày nay, quanh bài thơ ấy, những hạt dẻ vẫn còn rơi, những mùa thu ra đi và trở lại.

Khi lang thang ở Okitsu, Bashô có viết một bài thơ về gió mùa thu và nó được khắc vào một tấm bia kỷ niệm đặt bên con đường cái quan.

Gió mùa thu
Thổi niềm cô tịch
Bay đi khắp đời.

Sau đó, thị trấn gặp nhiều điều không may và người dân muốn ném tảng đá thơ ấy xuống biển, nhưng hòa thượng ở Seikenji nhận nó về vườn chùa và đặt nó bên hồ nước. Khi thị trấn trở nên thịnh vượng, người dân hối hận đã thất lễ với thơ, rước đá về chỗ cũ. Một thời gian sau, thị trấn lại tồi tệ, và tấm bia thơ lại quay về vườn chùa!

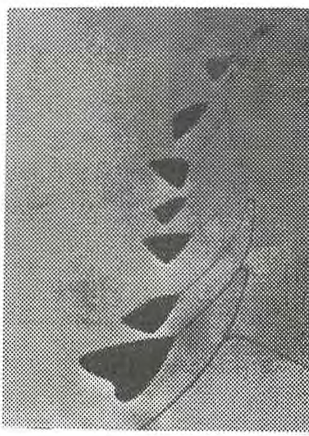
Nó vẫn còn ở đấy, bài thơ cô tịch soi bóng mặt nước bình yên không phù phiếm đổi thay như lòng người.

Liệu có bao giờ, trong tâm trạng tồi tệ của mình, con người hiện đại muốn ném tất cả thơ ca xuống biển?

NHẬT CHIÊU

THỤY KHUÊ

thái thanh, tiếng hát lên trời



Trong những phút giây thiếu vắng trống trải nhất hay những nhớ nhung cuồng nhiệt nhất của cuộc đời, mọi hiện diện hữu hình đều vô nghĩa, ta chờ đợi một đổi trao, khao khát một niềm giao cảm thì sự hiện diện vô hình đem lại một nguồn sáng, một tri âm, một đồng tình gần gũi: *sự hiện diện của tiếng hát.*

Nếu *thơ là một ngôn ngữ riêng trong ngôn ngữ chung,* theo Valéry, *hay thi ca là tiếng nói của nội tâm không giống một thứ tiếng nói nào của con người*, theo Croce, thì âm nhạc hẳn là tiếng nói của những trạng thái tâm hồn và nhạc công hay ca sĩ là nguồn chuyển tiếp, truyền đạt những rung động từ hồn nhạc sĩ đến tâm người nghe.

Thị giác giúp chúng ta đọc một bài văn, nghiền ngẫm một bài thơ, nhưng chúng ta không thể thưởng thức một bản nhạc bằng thị quan của riêng mình mà phải nhờ đến người trình diễn, đến ca công, ca kỹ. Ngàn xưa nếu người kỹ nữ bến Tầm Dương chẳng gieo *"tiếng buông xé lụa lựa vào bốn dây"* chắc gì ngàn sau còn dấu vết Tỳ Bà Hành?

Sự biểu đạt tác phẩm nghệ thuật hay sự truyền thông cảm xúc từ nhạc bản đến thính giả, nơi một vài nghệ sĩ kỳ tài, không chỉ ngưng ở mực độ trình diễn mà còn đi xa hơn nữa, cao hơn nữa, tới một tầm mức nào đó, ca nhân đã sáng tạo, đã đi vào lãnh vực nghệ thuật: nghệ thuật vô hình của sự truyền cảm, nghệ thuật huyền diệu sai khiến con người *tìm nhau trong bom lửa, tìm nhau trong mưa bão*, nghệ thuật dị kỳ tái tạo bối cảnh quê hương đã *nghìn trùng xa cách*, nghệ thuật mời gọi những tâm hồn đơn lạc xích lại gần nhau *dìu nhau*

đưa nhau vào ngàn thu, nghệ thuật không tưởng *đừng cho không gian đụng thời gian* khi ca nương cất tiếng hát, tiếng hát của bầu trời, giao hưởng niềm đau và hạnh phúc: Thái Thanh.

*

Người ta nói nhiều đến sự nhạy cảm của người đàn bà, đến một thứ giác quan nào đó ngoại tầm nam giới. Những người đàn bà phi thường như Thanh Quan, Piaf, Thái Thanh, ... đã tận dụng đến cùng cảm quan bén nhạy của người phụ nữ để sai khiến, xao động, chuyển hóa ngôn ngữ, âm thanh, màu sắc, ... những yếu tố thuần phạm vi ngoại giới thành nội cảm, cấu tạo nên một vũ trụ thứ hai, đắm đuối, cuồng say, trong lòng người:

Trời trong em, đồi choáng váng
Rồi run lên cùng gió bốn miền

Tiếng hát Thái Thanh đến với chúng ta bằng rung động trực giác rồi tan loãng trong suy tư, xoáy vào những hố sâu, những đỉnh cao, vào tiềm lực của sự sống. Trong nghệ thuật hội họa, Van Gogh dùng sắc độ chói rạng để diễn tả những cuồng nhiệt, những trận bão trong tâm hồn; trong nghệ thuật trình diễn, Thái Thanh vận dụng tiết tấu của âm thanh tạo nên sự giao thoa mãnh liệt giữa con người, tình yêu và vũ trụ:

Ngày đó có bơ vơ lạc về trời
Tìm trên mây xa khơi có áo dài khăn cưới
Ngày đó có kêu lên gọi hồn người
Trùng Dương ơi! có xót xa cũng hoài mà thôi!

*

Vẽ lên hình ảnh người nữ ca sĩ dưới ánh đèn sân khấu, Hoàng Trúc Ly đã có câu thơ thật hay:

Vì em tiếng hát lên trời
Tay xao dòng tóc, tay mời âm thanh

Câu này, trái với vài truyền thuyết, không nhắm vào một danh ca nào nhất định, chỉ gợi lên không khí các phòng trà ca nhạc Sài Gòn khoảng 1960. Nhưng *tiếng hát lên trời* là một hình ảnh có lẽ hợp với giọng ca Thái Thanh nhất, giữa những tiếng hát thời qua và thời nay. Thái Thanh là một danh hiệu, nhưng như có ý nghĩa tiền định: bầu-trời-xanh-tiếng-hát. Hay tiếng hát xanh thẳm màu trời. Tiếng hát *long lanh đáy* nước trong thơ Nguyễn Du, *lơ*

lửng trời xanh ngắt trong vòm thu Yên Đổ, tiếng hát *sầu chót vót* dưới đáy Tràng Giang Huy Cận, hay *đẫm sương trăng, ngừng lưng trời* trong không gian Xuân Diệu, tiếng *hát cao như thông vút, buồn như liễu* đến từ cõi thiên thai nào đó trong mộng tưởng Thế Lữ.

Ngày nay, những khi tìm lại giọng ca huyền ảo của Thái Thanh trong tiện nghi, ấm cúng, chúng ta ít ai còn nhớ đến định mệnh gian truân của một tiếng hát, những bước gập ghềnh khúc khuỷu, chênh vênh, trôi nổi, theo vận nước lênh đênh. Tiếng nhạc Phạm Duy gắn bó với tiếng hát Thái Thanh thành tiếng của định mệnh, chứng nhân của nửa thế kỷ tang thương, chia lìa trên đất nước. Tiếng Thái Thanh *là tiếng nước tôi*, là tiếng nước ta, là tiếng chúng ta, là tiếng tình yêu, là tiếng hy vọng, là tiếng chia ly, oan khổ ... Tiếng hát Thái Thanh vang vọng những đớn đau riêng của phận đàn bà, mà người xưa đã nhiều lần nhắc đến bằng nhiều công thức: hồng nhan đa truân, tài mệnh tương đố, tạo vật đố hồng nhan. Giọng hát Thái Thanh dịu dàng đằm thắm vẫn có chất gì đắm đuối và khốc liệt. Thái Thanh tình tự những khát vọng và những đau thương của hàng chục triệu người phụ nữ Việt Nam, một thế hệ đàn bà bị dập vùi trong cuộc chiến kéo dài hằng nửa thế kỷ, kèm theo những giằng co tranh chấp, những băng hoại của một xã hội bất an. Nạn nhân âm thầm, vô danh là những người tình, những người vợ, những người mẹ đã có dịp nức nở giữa tiếng hát Thái Thanh: từ *o nghèo thở dài* một đêm thanh vắng đến *nàng gánh lúa cho anh đi diệt thù*, đến lúc *anh trở về bại tướng cụt chân*, đến nhiều, rất nhiều bà mẹ Việt Nam, từ Gio Linh đến Đồng Tháp suốt đời *cuốc đất trồng khoai* ... Tiếng hát Thái Thanh là tiếng vọng khuya khoắt của cơn bão lịch sử.

Và Thái Thanh đã sống lăn lóc giữa cơn lốc đó. Từ tuổi mười lăm, mười bảy, cô Băng Thanh tên thật Thái Thanh- đã mang ba-lô theo kháng chiến chống Pháp: Hà Nội, khu III, khu IV, chợ Sim, chợ Đại, chợ Neo, Trung Đoàn 9. Về thành, cô đã góp công, tích cực và hiệu lực vào việc củng cố, phát triển nền tân nhạc mới phôi thai với ban hợp ca Thăng Long, sau đó là kiếp ca nhi chạy phòng trà những nơi gọi là "Sài Thành hoa lệ", những đêm màu hồng, chiều màu tím.

Trong mười năm chờ *đi* (chữ của Đặng Đình Hưng), cô không hát, *chim gìn giữ tiếng, tiếng chim Thanh* như lời Phạm Duy trong một tổ khúc. Sang Hoa Kỳ, Thái Thanh hát lại, vẫn đắm say, vừa kiêu sa vừa gần gũi, đơn giản và điêu luyện.

*

Xã hội Việt Nam ngày nay tuy đã vượt xa thành kiến lạc hậu "xướng ca

vô loài" vẫn chưa có khả năng đánh giá đúng mức giá trị của ca sĩ. Nói rằng hát hay, cũng phải ba bảy đường hay. Thái Thanh, ngoài giọng hát điêu luyện phong phú, mở rộng trên nhiều cung bậc, còn có năng khiếu văn chương để làm nổi bật lời ca trong nhạc khúc và tạo ra một khí hậu, một tâm cảnh chung quanh bài hát. Nghe Thái Thanh hát là thưởng thức một khúc nhạc, một bài thơ, trong một thế giới nghệ thuật trọn vẹn. Giọng hát xoắn sâu, xoáy mạnh vào tâm tư người nghe, khi lâng lâng, khi tê buốt, nhưng lúc nào tâm tư cũng vươn lên, hay lắng xuống. Giọng hát Thái Thanh tha thướt và tha thiết buộc người nghe phải sống cao hơn, sâu hơn, sống nhiều hơn. Tiếng hát Thái Thanh có lúc gợi cảm, khơi tình, nhưng vẫn là những *hổn hển như lời của nước mây* trong thơ Hàn Mặc Tử.

Hữu thể làm bằng sỏi đá và sắt thép, thân xác và nước mắt phút chốc tan biến, trở nên vô hình, vô thể, biến thành tiếng hát khi trầm mặc, khi vút cao; Thái Thanh, phù thủy của âm thanh là một thứ Đào Nương trong truyền thuyết có ma lực hú về những âm tình u khuất.

*

Trong những cassette giới thiệu nhạc của mình, Phạm Duy một đôi lần có lưu ý Thái Thanh khi hát, thỉnh thoảng hát sai. Dĩ nhiên một tác giả có quyền đòi hỏi người khác phải trung thành với văn bản của mình; riêng trong nghề ca xướng, nghệ nhân vẫn có thông lệ đổi vài chữ cho hợp với hoàn cảnh, nhất là ở Việt Nam, nền văn nghệ trình diễn vốn dựa trên truyền thống truyền khẩu lâu đời.

Ví dụ như bài *Cho Nhau*, Phạm Duy viết:

Cho nhau ngòi bút cùn trơ...
Cho nhau, cho những câu thơ tàn mùa
Cho nốt đêm mơ về già

Thái Thanh hát:

Cho nhau ngòi bút còn lưa
...
Cho nối đêm mơ về già

Lưa là một chữ cổ, có nghĩa còn sót lại, nhưng mang một âm thanh u hoài, luyến lưu, tiếc nuối. Ca dao Bình Trị Thiên có câu:

Trăm năm dù lỗi hẹn hò
Cây đa bến Cộ con đò vắng đưa

Cây đa bến Cộ còn lưa
Con đò đã thác năm xưa tê rồi.

Chính Phạm Duy cũng có lần sử dụng chữ lưa trong bài Mộng Du: *Ta theo đường mộng còn lưa* ... Dĩ nhiên *ngòi bút cùn trơ* có nghĩa chính xác hơn, nhưng không thi vị bằng *ngòi bút còn lưa.*

Cho nốt đêm mơ về già, như Phạm Duy đã viết, nghĩa là cho phứt đi, cho đi cho xong. Chữ *nối* của Thái Thanh, thay vào chữ *nốt*, tình tứ và thủy chung hơn: những giấc mơ về già chỉ là tiếp nối những giấc mơ tuổi xuân mà anh không tặng được em vì gặp em quá muộn; cho nhau chỉ còn trái đắng cuối mùa, nhựa sống trong thân cây chỉ còn dâng được cho em dư vị chua chát và cay đắng.

Phạm Duy viết:

Cho nhau thù oán hờn ghen ...
Cho nhau cho cõi âm ty một miền

Thái Thanh hát:

Cho nhau cho nỗi âm ty một miền

Chữ *nỗi* vô tình buông ra mà hay hơn chữ *cõi*, vì *cõi* chỉ là một miền, một không gian, một ý niệm hiện hữu, có vẻ bao la nhưng thực ra hữu hạn. Chữ *nỗi* vô hình, nhỏ bé nhưng vô hạn, đi sâu vào tâm linh con người: với tuổi già nỗi chết nằm trong cuộc sống. Cho em nỗi chết là cho tất cả những niềm hoang mang, khắc khoải, đau thương còn lại, nghĩa là chút tình yêu còn lưa trong từng nhịp đập yếu ớt của trái tim đã cạn dần cạn mòn hết những mùa xuân.

Nói như thế, không có nghĩa là khuyến khích ca nhân đổi lời tác giả. Chính Thái Thanh nhiều khi hát sai, ví dụ như trong *Về Miền Trung: Tan thân thiếu phụ, nát đầu hài nhi* mà đổi ra làm *Thương thân ... khóc đầu* là hỏng, nhưng người nghe dễ nhận ra và điều chỉnh. Nhiều chỗ sai, người nghe không để ý.

Ví dụ câu này có thể xem như là một trong những câu hay nhất của Phạm Duy và tân nhạc Việt Nam:

Về miền Trung còn chờ mong núi về đồng xanh
Một chiều nao đốt lửa rực đô thành

Thái Thanh hát *một chiều mai đốt lửa* ... là đánh vỡ một viên ngọc quý. Chữ *nao* mơ hồ, phiếm định, chỉ là giấc mơ ánh sáng, màu sắc của nghệ sĩ mà Nguyễn Tuân gọi là cơn hỏa mộng- nó chỉ là hình ảnh nghệ thuật, chứ Phạm Duy không mong có ngày đốt thành phố Huế. Có lẽ ông còn giữ trong

ký ức câu thơ của Chính Hữu trong *Ngày Về* mà ông rất thích:

Bỏ kinh thành rừng rực cháy sau lưng

*

Thơ không thể dịch được, nghĩa là không thể chuyển thơ từ ngôn ngữ nước này sang ngôn ngữ nước khác mà không làm mất hồn thơ, làm mất chất thơ, nhưng có thể chuyển thơ sang hình thức nghệ thuật khác như chuyển thơ sang nhạc hay phổ nhạc những bài thơ hoặc ngược lại, đặt lời thơ cho bản nhạc.

Chúng ta có nhiều nghệ sĩ sáng tác những nhạc khúc tuyệt vời với ngôn ngữ thi ca, nhưng chúng ta có ít ca sĩ thấm được hồn thơ trong nhạc bản. Đạt tới tuyệt đỉnh trong ngành trình diễn, Thái Thanh nắm vững cả bốn vùng nghệ thuật: nghệ thuật truyền cảm, nghệ thuật âm nhạc, nghệ thuật thi ca và nghệ thuật phát âm tiếng Việt, giữ địa vị độc tôn trong tân nhạc Việt Nam gần nửa thế kỷ: *Thái Thanh chẳng cần làm thơ cũng đã là thi sĩ.*

Giữa những phôi pha của cuộc đời, tàn phai của năm tháng, giọng hát Thái Thanh vang vọng trong bầu trời thơ diễm tuyệt, ở đó đau thương và hạnh phúc quyện lẫn với nhau, người ta *cho nhau cả bốn trùng dương* và mặc tàn phai, mặc tháng năm, tiếng hát vẫn bay bổng *ở chốn trần gian hoặc ở vô hình.*

THỤY KHUÊ

Chú thích: Những lời ca trích trong bài này của nhạc sĩ Phạm Duy.

CHIA BUỒN

Được tin

Nhà báo **CHỬ BÁ ANH**

vừa qua đời ngày 12 tháng 3 năm 1996, nhằm ngày 23 tháng 1 năm Bính Tý, tại tiểu bang Virginia , Hoa Kỳ, hưởng thọ 63 tuổi
Ban chủ trương *Hợp Lưu* thành kính chia buồn cùng chị Chử Bá Anh - Vi Khuê Trần Trinh Thuận và tang quyến
Nguyện cầu hương hồn người quá vãng sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Ban chủ trương *Hợp Lưu*

HÒA ĐA

vài suy nghĩ về tình tự dân tộc: năm phần trăm và chín mươi lăm phần trăm



Có nhận xét cho rằng người Việt có rất ít tinh thần sáng tạo, điều này xét trên tổng thể có lẽ đúng. Từ thời lập quốc đến nay, chúng ta không tìm thấy những sáng tạo độc đáo nào của dân tộc về nhiều phương diện: hội họa, điêu khắc, kiến trúc... Người ta có thể biết đến người Nhật qua tinh thần Võ Sĩ Đạo; người Tàu qua tinh thần Phong kiến; người Thái, Lào, Miên qua cách kiến trúc đặc thù của các ngôi chùa Phật... Chúng ta không có những đại tác phẩm có tầm vóc quốc tế, cũng không có những triết thuyết chi phối trí tuệ nhân loại. Nói chung, gần như về mọi mặt, người Việt không có một cống hiến nào sáng giá. Chắc có người trong chúng ta đã bị hỏi: Chữ Việt có giống chữ Tàu không? hay giống chữ Thái? Khi người Tàu hay Nhật nói, người Việt có hiểu không? Thức ăn của người Việt và Tàu có khác nhau không?... Thường chúng ta giải thích và thông cảm cho sự không biết của họ; nhưng vấn đề đặt ra là việc đó do họ kém kiến thức hay chúng ta không có gì đặc sắc đủ để họ có thể nhận biết. Dưới mắt họ, *người Việt không khác người Tàu.*

Chúng ta khác người Tàu nhiều lắm chứ: Người Việt có bánh chưng, bánh tét, dùng nước mắm là món gia vị chính. Trang phục riêng của dân tộc cũng

khác, ngay điệu hò câu hát cũng không có làn điệu Tàu, đến cả các nhạc khí, dù có nguồn gốc Tàu như Tranh, Sáo, Kìm, Cò... cũng được biến đổi cách cấu tạo, trình bày khiến người nghe nhận biết ngay sự khác biệt. Chúng ta cũng có những cái rất Việt mà người Tàu không có, chẳng hạn như thơ lục bát đầy âm điệu dùng rất nhuần nhuyễn trong ca dao; trầu cau trong cuộc sống hàng ngày và trong lễ nghi; người Việt không được kết hôn với những người có quan hệ huyết thống (với người Tàu anh em cô cậu có thể kết hôn với nhau); trong gia đình người Việt, người đàn bà có chỗ đứng, được tôn trọng hơn so với vị trí của người đàn bà Tàu; con cái trong gia đình người Việt được đối xử tương đối bình đẳng hơn giữa con trưởng hay thứ, trai hay gái (tài sản do cha mẹ để lại, các con đều có phần ít nhiều dù là con thứ hay con gái, ở người Tàu, tất cả tài sản cha mẹ chỉ chia phần cho con trai, con gái không có phần)...

Như thế rõ ràng là người Việt chúng ta có rất nhiều đặc thù. Thế thì tại sao những đặc thù ấy chúng ta không có những phát huy mà dường như chỉ là thứ yếu bên cạnh những ảnh hưởng du nhập từ Tàu?

Kể từ Hùng Vương lập quốc đến triều đại tự chủ đầu tiên: nhà Đinh, theo các nhà Sử học, văn minh Văn Lang là Văn Minh Lúa Nước. Vết tích còn lại là những hoa văn trang trí trên trống đồng tìm thấy rất nhiều ở vùng Đông Sơn và Nam Trung Quốc (Trần Quốc Vượng, Nguyễn Khắc Ngữ). Đã có giả thuyết cho là những vết chân ngựa sắt của Phù Đổng Thiên Vương chính là những ao chuôm của cư dân dùng để chứa nước trong việc nhà nông. Ta thấy rất rõ Sự Tích Trầu Cau để giải thích cho tục ăn trầu; Chuyện Sơn Tinh Thủy Tinh là truyện ký lưu truyền ở vùng đồng bằng Bắc phần để chỉ giải thích hiện tượng lụt lội do nước lũ sông Hồng gây ra hàng năm, chuyện Bánh Dầy Bánh Chưng rõ ràng là chuyện của một dân tộc chuyên sống về nông nghiệp chứ không phải là chuyện cổ tích của một dân tộc du mục. Những dẫn chứng trên cho thấy người Việt là tập họp một nhóm cư dân phi Hoa (không phải người Hoa) có từ lâu trên vùng đất bao gồm phía Nam Trung Quốc và Bắc phần ngày nay có một nền văn minh, văn hóa riêng, hoàn toàn độc lập với văn minh Trung quốc; mặc dù đó chỉ là một nền văn minh sơ khai, không có văn tự, chỉ dựa trên truyền khẩu. Đó là *Văn Hóa, Văn Minh Đông Sơn*, cư dân sống dựa vào nông nghiệp, theo chế độ Mẫu hệ, sống phóng khoáng, tin tưởng quỷ thần, không thích lý luận. Họ là những con người *Cảm tính*.

Triệu Đà diệt Thục Phán, tự xưng là Nam Việt Vương (Vua nước Việt ở phía Nam). Ông cũng là người mang những định chế về chính trị và xã hội của Tàu vào Việt, từ đó xã hội Việt bắt đầu có những biến đổi, chịu ảnh hưởng của Tàu. Sau đó là một khoảng thời gian dài Bắc thuộc. Với ý đồ muốn biến Việt thành một quận huyện của mình, các quan Thái Thú Tàu ra sức

đồng hóa dân Việt, mong xóa cho bằng được Văn minh Nông nghiệp Đông Sơn riêng biệt của người Việt. Những kẻ thống trị phương Bắc đã tích cực áp đặt Văn Hóa, Văn Minh Hán lên Văn Hóa Đông Sơn. Nhưng cái Văn Minh Nông Nghiệp ấy đã không biến mất mà lại còn mềm dẻo biến đổi thích ứng với hoàn cảnh mới: một mặt người Việt thuận theo những định chế chính trị xã hội của người Hoa, mặt khác vẫn giữ những sắc thái bản địa tạo thành một thứ văn minh mới: *Văn Minh Đông Sơn Hán Hóa*. Người Việt vẫn còn nhuộm răng, ăn trầu, vẫn kể chuyện cổ tích Bánh Dầy Bánh Chưng, Sơn Tinh Thủy Tinh, Phù Đổng bên cạnh những khái niệm mới về tam cang, ngũ thường, tam tòng, tứ đức.

Người Việt tuân theo phép nước, nhưng không bỏ lệ làng (*Phép Vua thua Lệ Làng*), dùng Trầu Cau (Văn Hóa Đông Sơn) trong nghi lễ cưới hỏi; dùng bánh chưng, bánh dầy (tín ngưỡng nông nghiệp Đông Sơn) trong dịp Tết Nguyên Đán... Đến thời tự chủ người Việt có đủ thì giờ, tư thế chính trị cũng như hoàn cảnh để thấy sự cần thiết cho một định chế xã hội có tổ chức. Vì văn hóa nông nghiệp thô sơ của Đông Sơn không đáp ứng được nhu cầu này nên một tầng lớp mới, năng động hơn, thành hình dần và bắt đầu học hỏi, phát triển có hệ thống văn hóa du nhập từ phương Bắc. Bị thu hút bởi sự ưu việt của hệ thống tư tưởng Khổng Mạnh, lớp người ấy cố học lấy định chế tổ chức xã hội theo một trật tự theo mẫu của Tàu, trật tự có tính áp đặt từ trên xuống. Nhưng với sự phức tạp và đa dạng của chữ Hán nên chỉ có khoảng 5% dân số theo đuổi việc học, nghĩa là chỉ có 5% là chịu ảnh hưởng trực tiếp của văn minh Hán, còn 95% còn lại tuy có bị ảnh hưởng gián tiếp nhưng vẫn còn giữ được tập quán riêng biệt của mình.

Bắt chước định chế Tàu, con người kiếm được chỗ đứng trong xã hội qua việc có bằng cấp, địa vị của người có học được tôn cao trong xã hội. Thang giá trị xã hội theo *Nhất Sĩ, Nhì Nông, Tam Công, Tứ Thương*, đẩy dần con người đi dần đến chỗ cố thoát khỏi giai cấp của mình bằng cách cố học lấy một ít chữ Thánh Hiền, lâu dần những lời nói của Khổng Tử, Mạnh Tử được coi như là khuôn vàng, thước ngọc. Hệ thống triết lý trật tự xã hội của Khổng Tử biến dần thành một thứ Đạo, một thứ kinh. Thành phần sĩ phu đã tìm thấy qua hệ thống tư tưởng Khổng Mạnh một con đường lập thân mới.

Số 5% nói trên tuy xuất phát trong cái 95% kia, là thành phần năng động nhất, tích cực nhất, đã nắm trong tay chìa khóa Tam Cương Ngũ Thường, dùng hết năng lực của mình để phục vụ cho Vua Chúa, xem đó như thái độ, hành động đúng của người theo đạo Thánh hiền và đã xem thường hay quên đi cái văn hóa cội nguồn đơn sơ dù trước kia họ xuất thân từ đó. Nói cách khác, với định chế xã hội chính trị rập khuôn bởi tư tưởng Nho giáo, tầng lớp nho sĩ đã nhanh chóng bị *vong thân*. 95% còn lại với tính phóng khoáng cố hữu, tiếp tục đời sống với tập tục truyền thống cũ. Họ cho rằng

Việc nước là việc của quan
Còn việc của làng, mới việc của dân.

Giữa đại đa số quần chúng và thiểu số lãnh đạo không có thành phần nào ở giữa làm gạch nối, cho nên mới có tình trạng *Quan cần, dân trễ*. Người dân không được lãnh đạo, khai phóng; người dân chỉ bị cai trị, chăn dắt. Vua quan là cha mẹ của dân (*dân chi phụ mẫu*). Nhìn hết chiều dài lịch sử của dân tộc, ngoài những lúc chống ngoại xâm, quần chúng và vua quan chưa bao giờ là người của nhau. Vua quan chưa bao giờ coi mình là người của dân, coi dân là quý và dân cũng chưa bao giờ coi chính quyền là của mình, cần phải bảo vệ, Thành phần có học có những sinh hoạt riêng của họ: thi phú xướng họa, viện dẫn điển tích văn hóa Tàu, trong khi đại đa số quần chúng còn lại có những hoạt động văn hóa khác: hội hè, hát đố, hát vè... tạo thành hai dòng khác nhau mà ngày nay các nhà nghiên cứu gọi là văn chương bác học và văn chương bình dân. *Chính văn chương bình dân này là nơi người Việt cất giữ những đặc thù của mình*. Bằng truyền khẩu, người Việt để lại cho con cháu những gì được coi là đặc thù nhất của Việt Tộc.

Dù vậy giới nho sĩ Việt Nam với lòng tự ti nào đó đã chỉ có thể theo vết mòn đã được vạch sẵn. Nói ngược lại những gì có sẵn trong sách vở, kinh điển là có tội, lập lại giống y những gì có trong sách được coi là thông minh, đáng kính, thậm chí những gương sáng cũng phải theo mẫu mực của Tàu. Với tinh thần ấy, được kéo dài hằng bao thế kỷ, người Việt còn lấy đâu ra tinh thần sáng tạo, tinh thần duy lý. Cũng phải khách quan mà nhận rằng cho đến thời cực thịnh của Nhà Trần, ảnh hưởng của lớp đa số quần chúng còn có ít nhiều trong giai cấp cầm quyền. Đinh Bộ Lĩnh xuất thân từ nông dân, Lý Công Uẩn là một trẻ vô thừa nhận sống nhờ cửa Phật; Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng... là những anh hùng có nguồn gốc từ quần chúng bên cạnh những tướng lãnh quý tộc như Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải... Ta có thể nói thời Trần là đầu thời đại cực thịnh của nền *Văn Minh Đông Sơn Hán Hóa* nói trên. Cái thời cái học còn thấm nhuần tinh thần Chính Danh, trách vụ An Bang Tế Thế. Chúng ta có *Hịch Tướng Sĩ, Bình Ngô Đại Cáo, Luật Hồng Đức*, tuy có vay mượn điển cố Trung Hoa đó, nhưng thể hiện tinh thần tự chủ của một dân tộc độc lập.

Đến cuối thời Hậu Lê và Nguyễn, thế lực tập quyền phong kiến rập khuôn Trung Quốc thể hiện rất rõ trong xã hội Việt Nam. Tầng lớp cầm quyền đã khai thác triệt để cái trật tự phong kiến vốn chỉ để bảo vệ quyền lợi cho một thiểu số thuộc thượng tầng kiến trúc, tôn sùng mù quáng vào kinh điển Tống Nho, tổ chức xã hội, chính trị, văn hóa rập khuôn một cách cứng ngắt vào những gì xuất phát từ phương Bắc. Gia Long còn bỏ đi bộ luật Hồng Đức để thay thế bằng bộ luật Gia Long mà thực chất là bản sao chép từ bộ luật Khang

Hi của nhà Thanh bên Tàu. Thái độ sùng bái mù quáng vào văn hóa Tàu còn thể hiện ở cả cung cách xây dựng cung đình, lăng tẩm, trang phục vua quan... nhất nhất đều cố rập khuôn theo Trung Hoa. Ngay cả đến việc thi cử để chọn người tài, cách thi, đề thi, văn bài đều mô phỏng theo cung cách của Tàu, kiêng kỵ đến cả tên hiệu của các vua Tàu. Thảng hoặc có một vài nhà cải cách như Hồ Quý Ly muốn đem môn toán số, hay Quang Trung muốn phát triển văn Nôm trong các kỳ thi thì chỉ như là vài hiện tượng lẻ loi, không có sự kế tục và cũng không có sự hưởng ứng nhiệt tình của giai cấp thống trị vốn đã bị xơ cứng lâu đời trong văn hóa cũ.

Sự tôn sùng kinh điển Tống Nho, trải từ thế hệ này qua thế hệ khác đã làm thui chột những khả năng ưu việt của một dân tộc sống nhờ vào sự khai thác thiên nhiên và tạo nên một sự thiếu hữu hiệu của giai cấp cầm quyền trước sự xâm nhập của nền Văn Minh Kỹ Thuật của Tây phương vào cuối thế kỷ 18, để rồi cuối cùng đất nước ta rơi vào vòng nô lệ mới của thực dân Pháp. Nhưng cái di hại ghê gớm nhất của sự sùng bái mù quáng vào văn hóa Tàu còn đi xa hơn về sau, khi tầng lớp sĩ phu yêu nước muốn chống lại Pháp, họ đều nhìn sang Trung Hoa, sang Nhật. Lòng tự tin vào sức mạnh của dân tộc như thời Trần Hưng Đạo phá Nguyên với Hội Nghị Diên Hồng. Hội Nghị Bình Than thể hiện một lòng đoàn kết từ vua đến dân, từ tướng soái đến sĩ tốt; hay như thời Lê Lợi mười năm gian khổ chống giặc Minh, tồn tại và thành nhờ biết dựa vào nhân dân, dựa vào cái 95% không bị hay bị ảnh hưởng rất ít cái văn hóa Khổng mạnh kia.

Tàu có Quốc Dân Đảng, Ta cũng có Quốc Dân Đảng, Tàu có Cộng Sản, Ta cũng có Cộng Sản. Trước chúng ta nói đến những lời của Khổng Tử, Mạnh Tử, lúc đó chúng ta nói đến Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, Tôn Dật Tiên. Chúng ta cũng đã quên lãng đi một Gia Huấn Ca rất nhân bản, phù hợp với Việt tính, để du nhập vào một Nhị Thập Tứ Hiếu. Tất cả những di hại đó còn được nhận thấy rõ qua cung cách sống thường ngày của người Việt: chúng ta thường *thụ động* ngồi chờ người khác giúp mình chứ ít khi *năng động* tìm kiếm; thường *bằng lòng* với cái có sẵn chứ ít khi *đặt vấn đề* phát triển, thay đổi; thường giải quyết khi vấn đề *đã* xảy ra (crisis management) chứ ít khi *tiên đoán* trước để ngừa; thường *tham khảo*, nhớ lại xem người khác đã làm thế nào, chứ ít khi *suy nghĩ* mình nên làm thế nào cho đúng...

Mà có thật dân tộc ta không có tinh thần sáng tạo không? - Tham khảo trong sách vở có thể chúng ta có câu trả lời là *không*. Vì sao? Vì sách vở là sản phẩm tư tưởng của thiểu số 5% kia vốn đã vong thân khi chấp nhận toàn bộ kinh điển Tống Nho không coi trọng những gì thuộc về lớp đa số còn lại sống giản dị với tự nhiên, không có nhu cầu phô trương. Những chuyện Trê Cóc, Lục Súc Tranh Công... là những hiện tượng lẻ loi bên cạnh những truyện tích có xuất xứ từ Trung Hoa. Tuy vậy di sản của cái gọi là Văn Học Bình Dân là rất to lớn và chưa được khai triển đầy đủ chỉ vì nó quá nôm na, không có tính bác học, bị lớp thiểu số 5% kia coi thường (*nôm na là cha mách qué*).

Mãi đến nay, có bao nhiêu người trong chúng ta biết người khai sinh ra sáu câu vọng cổ là ai. Có được bao nhiêu người như họa sĩ Bé Ký, nhiếp ảnh gia Trần Cao Lĩnh, Nguyễn Cao Đàm đã sử dụng tối đa khả năng trong lãnh vực chuyên môn của mình để chuyển những cái được coi là bình thường nhất thành những tác phẩm nghệ thuật.

Sau 1975, do định mệnh của lịch sử, người có học có cơ hội tiếp xúc thẳng với giới bình dân, để thấy rằng ở họ tiềm ẩn một khả năng sáng tạo rất độc đáo trên mọi lãnh vực và để thấy chúng ta đã chưa phát huy được hết cái thông minh, sáng tạo của người bình dân. Các nhà sản xuất máy đuôi tôm để đẩy xuồng ghe nhỏ trên sông rạch miền Nam hẳn phải ngạc nhiên khi thấy người nông dân sử dụng chúng để bơm nước, quạt lúa. Cũng vậy, không có một kỹ sư cơ khí nào có thể chỉ cho người lao động cách làm thế nào để biến đổi chiếc Honda 50cc vốn được chế tạo để đi chơi trên một khoảng đường ngắn, lại có thể thay thế cho chiếc Harley 250cc kéo những chiếc xe lôi chở đến sáu người với tất cả hàng hóa của họ.

Máy tuốt lúa theo mẫu của IRRI (Viện nghiên cứu lúa quốc tế) nhập vào miền Nam ở cuối thập niên 60, không phù hợp được với tình trạng ẩm ướt của lúa khi thu hoạch ở đồng bằng Nam Bộ đã được biến cải, từ bệ ăn lúa, trục tuốt, quạt tống rơm, máng hứng lúa hột... đi dần đến chỗ gần như lý tưởng cho tình trạng đồng bằng miền Nam. Những biến cải đó, không phải do Bộ Nông Nghiệp của VNCH cũng không phải do các cán bộ nông nghiệp của Cộng Sản, mà là của những người trực tiếp sản xuất, đã khiến chuyên viên của IRRI ngạc nhiên thán phục. Đó là những bằng chứng cho thấy khả năng sáng tạo không phải không có trong cái đa số bình thường kia, mà chính là khả năng ấy đã không được phát triển một cách có hệ thống.

Hiện tại, tỉ lệ 5/95 trên có thay đổi ít nhiều, và cũng không phải tất cả 5% có học thức đều thuộc về thành phần cầm quyền. Những người có học ngày nay cũng đã thay thế lớp sĩ phu ngày trước trong việc năng động nắm bắt lấy tư tưởng tiến bộ về Tự Do, Dân Chủ, đi tiên phong trong việc tiếp thu một nền văn hóa mới. Vấn đề được đặt ra cho chúng ta suy nghĩ là số 5% ngày nay có còn tiếp tục bị vong thân hay đã nhận thấy được lẽ hưng thịnh của dân tộc qua việc mang hết những kiến thức của mình quay về phục vụ cho tuyệt đại đa số, phát huy tối đa bản sắc riêng của dân tộc Việt. Chúng ta đang học lấy cái mới, cái tinh túy tinh thần khoa học kỹ thuật, tinh thần thượng tôn pháp luật, trọng lẽ phải, tôn trọng tự do của người khác, xem xét vấn đề một cách vô tư và khoa học... rồi mang về cùng với đại đa số quần chúng, khơi dậy nơi Dì Ba, Bác Hai, Anh Năm, Chị Út... rất bình thường trong xã hội, những khả năng sáng tạo của một dân tộc vốn sinh tồn nhờ đấu tranh: đấu tranh với thiên nhiên, thú dữ, đấu tranh với ngoại xâm.

Chúng ta chỉ có thể tự làm chủ lấy vận mệnh của mình khi thắp lên được trong lòng mỗi người chúng ta niềm tự hào là người Việt Nam.

HÒA ĐA

DƯƠNG HỒNG VIỆT

chiếc đinh ốc



Anh Dương Hồng Việt tốt nghiệp Cao học và tiến Sĩ Cơ Học Năng Lượng, Quản Trị Kỹ Nghệ, và Vật Lý Nguyên Tử tại Canada và Hoa Kỳ. Công việc nghiên cứu đã đưa anh đi đến cùng khắp các vùng của đất Mỹ: nhờ đó, anh có cơ hội tiếp xúc với nhiều người thuộc nhiều giới. Sở thích của anh là nghiên cứu và biên khảo về sách lược kinh tế, kỹ nghệ của Hoa Kỳ nói riêng, và các nước trên thế giới nói chung.

Bài viết dưới đây, được viết dưới dạng đối thoại, thuật lại cuộc nói chuyện giữa anh và một người bạn. Qua câu chuyện, anh muốn chia xẻ với độc giả Việt Nam những nỗi bứt rứt, dằn vặt về cuộc sống của những người sống trên đất Mỹ, những người ở lứa tuổi 30, "thirty something." Thiết nghĩ những chia xẻ này sẽ cống hiến cho quý độc giả một vài khía cạnh của con người và đất nước này, đất nước mà chúng ta đang hội nhập vào.

*

Anh và tôi cùng học chung ở Canada vào cuối thập niên 70. Ở tuổi hai mươi, hai chúng tôi ôm nhiều lý tưởng và ước mơ. Với giấc mộng làm đẹp cuộc đời, anh theo học ngành kiến trúc. Còn tôi, đứa bé xuất thân từ một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu, vì ngưỡng mộ những tiến bộ kỹ thuật hiện đại của các nước Tây phương nên đeo đuổi ngành khoa học. Rồi thời gian trôi qua, sau khi ra trường, chúng tôi mỗi người một hướng, lao vào cuộc sống với tất cả niềm hăm hở của tuổi trẻ...

Thế rồi, cũng cuộc sống ấy đã tình cờ đưa chúng tôi gặp lại nhau.

Mùa Thu, thành phố Pittsburgh se lạnh với mưa phùn và lá đỏ. Và anh, khách tìm nhà ở trọ, tình cờ gõ cánh cửa nhà tôi. Anh đứng đó, như người bạn tôi của hơn mươi năm về trước, dáng vóc vẫn mảnh mai, nhanh nhẹn. Tuy nhiên, ánh mắt bạn tôi không còn tinh anh và tràn đầy nhựa sống như ngày nào. Tôi như thoáng thấy trong ánh mắt ấy chút mệt mỏi, chua chát, dấu vết của một cuộc sống với nhiều nổi trôi và đổ vỡ.

Cuối tuần ấy, tôi và anh rủ nhau leo lên đỉnh rặng núi Appalachian và ở lại đêm ở đó. Bắc Mỹ chuyển lạnh, cái lạnh, cùng độ cao của vùng rừng núi, làm lòng người như chùng xuống, hoang mang, lạc lỏng. Hay phải chăng đó là tâm trạng của hai chúng tôi, bí lối, ngạt thở trước tương lai của mình. Ở lứa tuổi chúng tôi, "thirty something", với đời sống có vẻ như không có gì đáng để phàn nàn, nhưng sao chúng tôi trong lòng vẫn như còn thấy thất vọng về điều gì, mong mỏi một điều gì...

Chúng tôi đều tự hỏi cái gì đã làm cho mình thất vọng? Cái gì đã khiến chúng tôi từ những kẻ tràn đầy niềm tin vào đời sống, công việc, và xã hội mà nay cảm thấy mình như bị người tình phản bội? Có phải tại chúng tôi đã quá ngây thơ, đặt trọn niềm tin và hy vọng vào trong sự nghiệp mình theo đuổi, và bây giờ cái sự nghiệp ấy, một thời trông có vẻ thật cao cả và tràn đầy lý tưởng, nhưng nay hình như đã thoái hóa, biến dạng và không còn đủ sức đáp ứng và thỏa mãn những đòi hỏi tinh thần ở lứa tuổi chúng tôi nữa!

Anh đưa chân đá một hòn sỏi lăn lông lốc xuống dốc núi, thốt lên:

- Thế đấy, cứ tưởng mình đang ở trên đỉnh núi, cao nhất thiên hạ, nhưng nhìn lại, so với tổng thể, hóa ra mình chỉ bé như hòn sỏi kia...

- Bạn thân mến, tôi cũng đang có chung một ý nghĩ. Ngày xưa, khi vừa bước vào đời, tôi mang mộng vá trời lấp biển, những tưởng mình sẽ có thể thay đổi cả thiên hạ. Nhưng rồi, sau bao năm miệt mài với công việc, đã không thay đổi được điều gì lớn lao, mà ngược lại, nhận ra chính mình đã bị guồng máy công việc cuốn vào, biến mình trở thành một cơ phận nhỏ nhoi, như bao cơ phận khác trong guồn máy khổng lồ ấy, đang mất dần đi cá tính riêng tư...

- Đúng vậy, anh tiếp lời tôi, từ lâu nay ta vẫn mang cái ảo tưởng mình là người điều khiển cái guồng máy, nhưng không ngờ thực ra chính cái máy ấy đã điều khiển mình. Anh có còn nhớ học thuyết do nhóm Adfred Sloan's sáng lập từ cuối thập niên 20, và đã được toàn thể các đại công ty ở Bắc Mỹ đem ra áp dụng trong công việc điều hành các cơ cấu phức tạp của công ty họ? Theo học thuyết này, bất kỳ một tổ chức nào cũng có thể chia nhỏ thành những phần tử; rồi với một sách lược nhất định, người ta có thể nối kết các phần tử ấy lại, và điều khiển chúng như một tập hợp thống nhất. *Nguyên tắc cơ bản của phương thức tổ chức này là tối thiểu hóa tính cá nhân, và xử dụng*

nhân viên như những cơ phận; những cơ phận này, nếu hư, có thể tháo ra thay thế vào đó bằng một cơ phận khác, đơn giản, dễ dàng. Tôi thiết nghĩ, chính nhờ vậy, có những công ty tuy số nhân viên lên đến cả trên trăm ngàn, nhưng guồng máy hoạt động vẫn nhịp nhàng, suông sẻ. Nhưng bù lại, chúng ta, những con người nằm trong hệ thống ấy, đã dần dần mất đi những nét đặc thù của riêng mình. Từ các ngài tổng giám đốc đến mấy anh "manager," và toàn thể nhân viên, tất cả chỉ là những con đinh ốc - ốc to, nhỏ, ốc vô tri, dễ thay thế...

Anh quay nhìn tôi, ánh mắt hoang mang, có cả nét phẫn nộ:

- Tôi từng nghĩ rằng nơi làm việc không chỉ là nơi tôi đến kiếm tiền, mà còn là nơi cho tôi thực thi khả năng, nơi cho tôi cơ hội khẳng định mình là ai với xã hội, nơi để tôi phát triển sở thích, năng khiếu... Cái gì là lý tưởng, cái gì là đam mê, tất cả những điều đó giờ nghe sao quá mai mỉa. Tôi, cũng giống như giới trẻ của nước Mỹ, luôn mơ làm anh hùng, Và một ngày nọ, các anh hùng nhận ra mình chỉ là những con đinh ốc!

Rồi anh nói tiếp:

- *Chúng ta, những con đinh ốc, lúc nào cũng phải chạy đua xung quanh cái trục sản xuất. Nhưng chúng ta càng làm hết sức mình thì cái trục ấy càng quay nhanh hơn, và đòi hỏi nhiều hơn.* Nói một cách khác, chúng ta bị buộc chặt vào cái trục do chính chúng ta đặt ra. Hơn thế nữa, cứ mỗi thập niên, mỗi khi tình trạng kinh tế thế giới bị đình trệ và thoái hóa, thì guồng máy sản xuất này lại phải được tái phối trí: và sự tái phối trí thường đem đến những hậu quả như nhân viên bị thuyên chuyển và sa thải trên khắp lãnh vực. Chính điều này đã tạo ra một tình trạng tâm lý bấp bênh và một áp lực thường trực, lúc nào cũng đè nặng lên đời sống của chúng ta. Nói tóm lại, từ vị tổng giám đốc cho đến anh "culi," tất cả chúng ta chỉ là một lũ nô lệ dây chuyền được sắp xếp và hoạch định để hoàn tất cái chu trình sản xuất do chúng ta đặt ra. Vâng, chúng ta là những nô lệ hiện đại. Những kẻ nô lệ này đỡ hơn nô lệ thời trước ở chỗ là không có những chủ nhân điều khiển, đánh đập. Nhưng ít ra, những người nô lệ ngày xưa lúc nào cũng phấn đấu và mong mỏi được tự do. Còn *những người "nô lệ hiện đại" thì càng ngày càng lún sâu trong tình trạng làm tù nhân cho chính cái lòng tham vô đáy của chính mình.* Nhà muốn mỗi ngày một lớn, xe muốn mỗi ngày một sang, và nợ thì mỗi ngày chồng chất... Thế mà chúng ta lúc nào cũng tự mãn cho rằng mình đã nằm trên cái đỉnh của đời sống. Thực chất, chúng ta chỉ là những con đinh ốc, những kẻ nô lệ, không hơn không kém!

Tôi nghiệp anh chàng đinh ốc bạn tôi. Thì ra đây là lý do khiến anh bỗng dưng bỏ hết tất cả, quay trở về với khuôn viên đại học, nghiên cứu ngành thần học mênh mông. Phải chăng người hùng của tôi, con đinh ốc, sau hơn mười

năm lăn tròn này quyết định đi tìm lại cái tôi của chính mình, cái tôi mà anh đã thất lạc trong cái guồng máy khổng lồ của nền kỹ nghệ Mỹ quốc này.

- Này bạn, theo anh thì cách giải quyết là gì?

- Như tôi đã nói cái mô thức điều hành quản trị đưa vào học thuyết sáng lập từ thập niên 20 có lẽ không còn thích hợp với sự tiến bộ của nền kỹ nghệ Bắc Mỹ hiện nay nữa. Trong quá khứ mô thức nầy đã thành công mỹ mãn khi được áp dụng hệ thống kỹ nghệ sản xuất dây chuyền. Nhưng hiện nay với sự tiến bộ vượt bực về tin học, điều nầy đã đổi các phương tiện điều hành sản xuất. Đặc tính cứng ngắc và đồng nhất của hệ thống dây chuyền không đủ khả năng để đáp ứng những đòi hỏi để phát triển kinh tế Hoa Kỳ trong thế kỷ đến. Trái lại, tính linh động và sự ứng biến, uyển chuyển và thông minh của nhân viên là những yếu tố tối cần để gia tăng hiệu quả làm việc. Trong tương lai sở làm không phải chỉ là nơi nhân viên đến để kiếm ra đồng tiền, mà còn phải là nơi cho người ta cơ hội để phát triển và đáp ứng những đòi hỏi của đời sống tinh thần. Tôi thiết nghĩ đến lúc các nhà lãnh đạo các công ty phải tổ chức công việc một cách lôi cuốn; phải khuyến khích, tạo ra môi trường để nhân viên được phát triển toàn diện khả năng, từ đó đào tạo ra những cá nhân xuất sắc nhất. Có như thế thì năng suất làm việc và hiệu quả sản xuất sẽ đương nhiên gia tăng, và mức nhuận lợi mỗi ngày một cải tiến.

Cái kinh khủng nhất là hệ thống tổ chức của nền kỹ nghệ Mỹ Quốc hiện nay đã làm người ta trở nên quá duy lý, quá thực tế; chính điều này đã lần hồi giết chết đi đam mê và lý tưởng của con người. Kết cuộc là cuộc sống của con người trong xã hội dần dần trở nên đơn điệu, buồn chán, dễ dẫn đến tình trạng nội tâm căng thẳng, mất thăng bằng trong đời sống tinh thần.

Ở Nhật Bản, mô hình tổ chức kinh tế xem ra có nhiều điều khác biệt. Giới lãnh đạo công ty có cuộc sống giản dị, gần gũi với thiên nhiên, và triết lý quản trị hoạch định có vẻ dài hạn và bao quát, bao quát như cái triết học vô ngã của Đông Phương. Theo lý thuyết này, mục đích của tổ chức hay công ty là để phục vụ nhân sinh chứ không phải để thuần túy duy lợi. Người lãnh đạo công ty thường tiêu biểu cho hình ảnh của một người cha già đáng kính, và mỗi nhân viên, với công ty của mình, thường cảm thấy là một phần tử trong một đại gia đình.

Dĩ nhiên là các công ty Mỹ Quốc không thể và không nên thay đổi từ mô hình quản trị hiện tại sang mô thức Nhật Bản. Tuy nhiên, thế liên kết phát triển kinh tế toàn cầu hiện nay càng ngày càng mở rộng, sẽ giúp cho nhân loại có cơ hội để vượt qua những cách biệt văn hóa. Hy vọng rằng trong tương lai, con người, từ những nguồn văn hóa và những hệ thống triết học khác biệt, có thể cảm thông, học hỏi, và bồi khuyết lẫn nhau để tái tạo thành một hệ thống xã hội hoàn hảo hơn. Với bối cảnh tiến triển của thế giới hiện tại, *sự*

kết hợp cái triết học vô ngã của Đông phương với cái cá tính thuần lý của Tây phương có thể sẽ là một giải pháp đích thực để tái tạo cân bằng cho đời sống của con người, và định lại sự liên hệ giữa con người trong các tổ chức sản xuất.

Những điều anh tâm sự làm tôi cứ ngẫm nghĩ mãi. Hy vọng rằng trong tương lai, anh và tôi, cũng như các thế hệ trẻ nối tiếp, sống trong hệ thống kinh tế tư bản này mà không phải chua chát cảm thấy mình chỉ là những con số vô tri, sinh ra, lớn lên cắp sách đến trường, bỏ tim óc ra làm việc cả một đời chỉ để phục vụ duy nhất nhu cầu vật chất của bản thể. Như nhà bác học Einstein đã từng nói, *"Điều cao quý nhất của con người là khả năng vượt lên trên sự hiện hữu thực tại bằng cách hy sinh những năm dài của đời sống để thực hiện cái mục đích mà mình theo đuổi."* Hy vọng rằng anh và tôi và mỗi chúng ta tìm ra được cái mục tiêu đích thực để theo đuổi, và sẽ hiện thực được những ước mơ của đời mình.

DƯƠNG HỒNG VIỆT

NGUYỄN NHƯ MÂY

bếp lửa

Chẳng kịp nhìn nhau nữa
ngày đã úa nắng chiều
anh vụng về nhóm lửa
soi đường em trăm năm

Sông dựng đầy vách ngăn
bên này anh thấm lạnh
đêm chia thành hai mảnh
đắng không đủ đời nhau

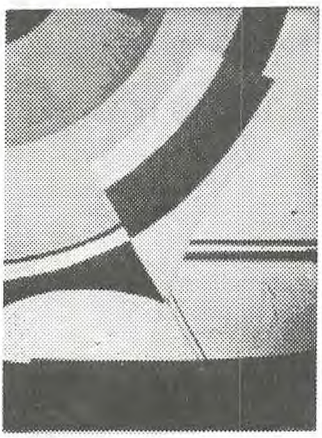
Đừng nghĩ đến mai sau
cùng ngồi chung bếp lửa
trăng khuyết vào quá khứ
Sẽ yên giấc tro tàn

Lá kỷ niệm sẽ vàng
trong vườn cây dĩ vãng
mắt nhìn nhau đã cạn
anh uống thầm cô đơn.

NGUYỄN NHƯ MÂY

TRẦN DUY PHIÊN

vòng lẩn quẩn



Trước ba ngày thi chuyển cấp vào lớp 10, anh bạn ở tít tận ngoại ô đi cùng với một người khách lạ đến thăm tôi. Anh bạn giới thiệu người cùng quê và cho hay ông ta có người con gái sắp thi vào trường tôi dạy. Tiếp lời bạn, ông ta nói tên con mình là Ngọc Hoa, học tập tàm tạm, đạo đức tốt, lao động giỏi. Vợ chồng ông muốn tôi giúp cho cháu vào lớp 10. Tôi tỏ ra ngần ngại. Ông ta nói thầy có lòng thương, vợ chồng tôi không bao giờ quên ơn. Tôi đắn đo một lúc rồi gật đầu. Sau khi thống nhất với nhau cách đánh dấu bài thi, bạn và khách ra về.

Buổi chấm đậu, đến xấp thứ hai, tôi gặp đúng bài Ngọc Hoa, được cái chữ to dễ đọc, ý tứ lằng nhằng, câu kéo luộm thuộm. Đọc hết bài, tôi chẳng hiểu thí sinh nói gì ngoài mấy câu khẩu hiệu lôi thôi. Ngay lúc ấy, người tôi như bị choáng, mồ hôi vã ra như tắm. Thi có hai môn, văn đã bảy, toán chỉ cần ba cũng đã ăn chắc. Thế mà... khi tìm được bài môn toán của cô ta, không trúng được một câu, tôi đành xin chị bạn cho Ngọc Hoa hai điểm. Năm đó, điểm chuẩn thấp, Ngọc Hoa vừa dễ dính, tôi thở phào nhẹ nhõm.

Bố Ngọc Hoa giữ đúng lời hứa, nhớ ơn khá hậu. Bữa ăn gia đình từ đó có cá thịt, ba ngày Tết nhà có mứt bánh, con có áo mới...

Để cho đầu xuôi đuôi lọt, học kỳ nào tôi cũng lân la tới nhà đồng nghiệp xin điểm cho Ngọc Hoa. Nói cho đúng, giữa chúng tôi có qua có lại. Tình cờ mở lối kiếm sống, quen đường, những năm kế tiếp, tôi không ngần ngại bắt mối. Không nhiều lắm, nhưng đủ cải thiện cuộc sống gia đình tôi vốn dĩ quá tồi tệ.

Ba năm sau, Ngọc Hoa thi tốt nghiệp, đỗ. Toàn khối chỉ có hai học sinh rớt: Một, bỏ thi nửa chừng. Và một, vừa đần vừa lười. Thú thực, tôi không

phải mó tay vào, để đạt chín mươi tám phần trăm, thành tích ấy đã có trường lo. Ngọc Hoa thi vào đại học, phiếu điểm gởi về: 0-1-0. Đỗ phổ thông, rớt đại học, đối với Ngọc Hoa là chuyện đương nhiên. Ông bố chạy đôn đáo xin cho Ngọc Hoa vào trung cấp y tế hoặc ngân hàng nhưng cô được gọi đi học sư phạm. Nghề thầy cao quý - bố Ngọc Hoa động viên con. Hai năm sau, Ngọc Hoa tốt nghiệp, đúng vào năm thằng con đầu vợ chồng tôi lên cấp hai. Trước đó không lâu, tôi xin thôi dạy và kiếm sống bằng nghề khác.

Nghe nói Ngọc Hoa về trường dạy được mấy tuần rồi được đi bồi dưỡng. Học xong về chưa kịp nhận thời khóa biểu, cô lại đi một khóa khác. Rồi lại về, lại đi nữa. Không hiểu do khả năng học tập tốt, hoặc do hoàn cảnh độc thân, hoặc quy chế chuyên tu,... tôi không rõ, chỉ biết chắc Ngọc Hoa trở nên đại biểu thường xuyên của trường đi dự khóa học ngắn ngày. Thâm niên mỏng nhưng cô có bề dày nghiệp vụ. Giáo viên ở trường, kể cả hiệu trưởng hiệu phó so với Hoa đều trở nên lạc hậu vì không được tiếp thu những kiến thức giáo dục hiện đại. Phải đến năm lớp 7 thằng nhỏ nhà tôi mới được học và được cô giáo Ngọc Hoa làm chủ nhiệm.

- Ba, coi cô Ngọc Hoa dạy thế này! - Một hôm đi học về, nó mở vở ra trước mắt tôi.

Đang lúc chờ bữa, tôi cúi đọc đề bài tập. "Một nhà thám hiểm đi vòng quanh trái đất một giờ được 48 km. Hỏi người ấy phải đi trong bao lâu? "Tiếp theo là phần giải của thằng nhỏ, một đường mực đỏ dài như cây sào vắt chéo, bên lề, một con số không to tướng.

- Con làm đúng, hở ba? - Đợi tôi xem xong, nó hỏi.

- Ờ, con làm đúng - Tôi gật đầu nhưng vẫn rà mắt khắp mặt giấy xem có khuyết điểm nào. Không, bài toán rất giản đơn, lấy chu vi trái đất chia cho vận tốc, đơn vị giờ - Thế cô giáo giải thế nào?

- Lấy diện tích trái đất chia cho...

- Con có thưa lại với cô giáo không? - Tôi nhìn thẳng vào mắt con.

- Dạ có - Nó ấm ức nói - Nhưng cô bảo con hỗn láo, bắt ngồi im.

Ngày mai, con mượn về cho ba vài tập vở của bạn con có điểm 10.

Hôm sau, ba quyển vở có điểm 10 nằm trước mặt tôi.

- Thôi, cất đi - Tôi nói - Chiều nay nhớ mang trả cho các bạn.

- Sai, phải không ba? - Nó ôm cứng mấy quyển vở, há hốc miệng.

- Ừ, sai - Tôi không dám nhìn thẳng mặt con.

- Ba đến trường xin cô giáo xóa điểm không trong sổ cho con? - Nó níu vào vai cha, giọng tha thiết, tôi ngồi im.

Bằng chứng đã có, nên tôi tới làm việc với ban giám hiệu, việc gì sẽ xẩy ra? Xóa điểm không cho con? Đâu có giản đơn thế. Xóa danh dự của một người thầy! Xóa uy tín của một ngôi trường!... Không ổn! Hay cứ bảo với con nó sai? Vậy thì vợ chồng mình cho con đến trường học cái gì??

- Mười năm ba dạy học, đôi khi cũng có sơ suất - Sau một lúc suy nghĩ, tôi nói với con - Khi phát hiện ra, ba công khai điều chỉnh lại. Ba tin cô Ngọc

Hoa sẽ làm như thế.

Tuần sau, Ngọc Hoa lên lớp, gọi học sinh khảo bài. Cô đổi số liệu nhưng vẫn ra lại bài tập ấy. Em học sinh làm y hệt cách của cô. 10 điểm - Ngọc Hoa vừa ghi vào sổ vừa đọc to cho cả lớp nghe.

- Thưa cô, km vuông chia cho km, thương số mang đơn vị gì? - Thằng nhỏ nhà tôi không dằn được ý nghĩ.

- Ngồi xuống! - Ngọc Hoa bực tức - Tôi chưa cho phép kia mà!

Trong bữa ăn, thằng nhỏ rơm rớm nước mắt thuật lại với mẹ sự việc buổi sáng ở lớp. Nhà tôi định ngày mai đến trường, tôi can ngăn. Học kỳ một, thằng nhỏ mang học bạ về, cô giáo chủ nhiệm Ngọc Hoa phê: "Đạo đức kém", đó là lý do nó bị cắt phần thưởng trong đợt sơ kết. Một lần nữa, nhà tôi lại có ý định đến trường.

- Để làm gì? - Tôi hỏi.

- Phản ánh với ban giám hiệu cô giáo không đảm bảo kiến thức chuyên môn lại còn trù dập học sinh! - Nhà tôi nói như có soạn sẵn.

- Mình sẽ làm được điều đó - Tôi nói - vì đã có đủ bằng chứng. Nhưng mình có biết nguyên nhân nào tạo ra một Ngọc Hoa như thế?

Nhà tôi úp mặt vào hai tay, khóc ấm ức. Tôi ngồi lặng thinh...

T.D. PHIÊN

DƯƠNG LÝ

héo hon

Bao người ra khỏi nhau chưa
Kịp cây lá một ngày chừa gọi em

Ngày xong tối xuống buông rèm
Dầu lưng đèn thắp lem nhem nói thầm

Trán xa nhớ nhớem dâm
Khua cơn mộng cụt trở đầm đìa ra

Dối gian âu cũng thân ngà
Bướm hoa âu cũng sáng ra đồng cày

Chim về buồn ý chim bay
Người về vui cố qua ngày héo hon

DƯƠNG LÝ

TÔ THÙY YÊN

những thành phố mà ta không ghé lại

Anh cũng như em đều từng trượt lỡ, trượt lỡ
Những cơ may
Thoáng vụt
Không chừng đã mở sáng cho ta
Những con đường khác hẳn
Đưa về những trạm dừng cũng khác hẳn...
Nơi ta được chính mình
Như được bạc
Ở một nhà sòng cực cao sang.
(Nhà sòng đó cuối cùng phải đóng cửa.)
Và ta đứng lên sừng sững rỡ ràng
Giữa trăm nghìn con mắt sửng lặng,
Đích đáng một lần trên trần gian.
Ôi những trượt lỡ thương tâm
Hoặc do mình hoặc chẳng phải do mình,
thường khi không hiểu nổi
Như tính tình phản trắc của tương lai.
Ôi những thành phố mà ta đã băng qua
Trong một chuyến đi nào
Nhưng rồi không ghé lại.
Ôi những người tình mà ta đã yêu qua
Trên một giao lộ nào
Nhưng rồi không giữ lại.
Phải chăng định mệnh đuổi lùa ta,
Một con thú thuận tùy,
Trên cánh đồng chiều hôm sụp rất vội?
Những thành phố mà ta không ghé lại
Biết đâu chẳng có một con đường

Mà ta bồi hồi đi lại suốt đời ta
Như một người tri mệnh
Chẳng tưởng vọng gì hơn.
Những thành phố mà ta không ghé lại
Biết đâu chẳng có một con người
Mà ta yêu suốt đời ta thắm thiết mãi
Như một vầng trăng rời rợi cổ thi
Nghìn năm không xế lặn.
Hẳn em tin có những con người để cả đời mình
miệt mài chuẩn bị
Một tình yêu,
Một tình yêu trác tuyệt
Trùm lấp thời gian, khuất phục vô thường
Sau bao nhiêu là phác thảo lan man.
Em muốn lên rừng,
Muốn xuống biển...
Vì cớ gì chẳng thả mình đi
Như ngọn gió một lần sống kiếp gió
Hạnh ngộ mênh mông?
Sao phải tự giấu mình
Trong đám đông thường tục,
Gọi không nghe
Dẫu biết rõ chẳng thể nào hội nhập?
Sao chẳng đứng riêng ra,
Rực chất sáng của mình
Như khối tượng lân tinh
Ngời ngời tiêu hủy lấy
Dẫu phải làm cái đích nén tang thương?
Sao chẳng một lần ghé lại thành phố đã băng qua,
Ghé lại giấc mơ một đời chưa tỏ rõ?
Sao cứ phải ngồi già trên thềm cửa tiếc thương,
Chờ tối đến với ngọn đèn thắp sẵn?
Và chuyến tàu đó vẫn băng qua thành phố đó
Thường trực chở theo em, một hành khách vô hình
Thờ thẫn từ ô cửa nhìn ra...
Anh yêu em bóng nhỏ đường dài
Đi lại thời con gái xa xôi,
Cỏ hoa bối rối,

Rừng tóc chiêm bao
Ngan ngát hương đêm
Hay hương của những gì còn bay tản trong đời
Để rồi sẽ mất hẳn.
Anh yêu em vầng trán hắt hiu
Gợn mơ hồ nét tuổi
Như trang sách võ vàng nào
Khuya khoắc thức,
Hiển lộ những lần em vấp ngã,
Tan nát mọi nâng niu.
Anh đau đớn như chính mình vấp ngã.
Ồ, sao chẳng là người cũ của nhau
Gặp từ trước, tránh lỗi lầm phụ rẫy?
Hãy yêu nhau trọn vẹn một lần một,
Đền bù nhau cho kịp trước ngày mai.
Hãy yêu nhau trọn vẹn một lần một,
Bám víu từng khoảnh khắc còn bên nhau.
Ôi giọt mưa sa ngoài bãi cháy,
Một lần thôi cũng tiếng là mưa.
Việc đời thường khi bất xứng ý...
Vinh quang cho người chọn được mệnh mình,
Dù với giá nào cũng khứng trả.
Anh muốn viết một bài thơ mới cho em
Trên trang giấy đã ố vàng quên lãng.
Anh muốn ngắt một cành hoa lạ cho em
Trên cuộc đất đã phơi trần hạn hán.
Mai ta đi rồi.
Mai ta đi rồi,
Họa chăng còn một ít tàn tro
Từ bếp lửa qua đêm ngoài quãng trống,
Gió thổi bay tan
Trong một thời khoảng luyến thương
Nghe chừng cũng ngắn ngủi.
Ôi những thành phố mà ta đã băng qua
Mãi còn mơ ước ghé.

TÔ THÙY YÊN

TN

ĐINH LINH

căn lều của chú tom



Đinh Linh là một người viết trẻ, từng có thơ, truyện, phê bình đăng trên nhiều tạp chí như Sulfur, Manoa, New Observations, Moonrabbit Review, New Art Examiner, Crossconnect, Seven Art, Northeast Corridor. Và cũng đã từng dịch nhiều ca dao, thơ Hồ Xuân Hương và truyện Nguyễn Huy Thiệp ra Anh ngữ.

Truyện ngắn "Uncle Tom's Cabin" *nguyên tác Anh ngữ, tòa soạn Hợp Lưu chuyển sang Việt ngữ dưới đây.*

Hợp Lưu

*

1984 là năm rất ế cho nghề sơn nhà. Chả có ma nào tìm được việc làm. Mới giữa tháng Giêng, tôi đã phải lôi sách trong tủ ra đi bán có thể nói là hàng ngày - bán cả trăm loại sách mà giá chỉ ba cọc ba đồng so với giá mua.

"Ê, Jay, làm ơn." Tôi nài nỉ cái thằng ở tiệm sách cũ "Loại này tuyệt bản rồi, cha nội. Thêm cho tao chút nữa được không?"

"Mày biết bao giờ tao cũng trả cho mày cao hơn những đứa khác mà." Jay trả lời (Hắn nói đúng. Tôi bán sách cũ cho hắn bao năm nay, và hắn luôn đối với tôi hậu hĩnh).

"Mày lại ra quán McGlinchey's nhậu béng, tao rành quá mà." Jay nói khi tôi bước ra cửa. Người ta có thể mua đậu nướng, một hộp chi li hiệu Hormel's, một cục thịt bò xay, hoặc một bịch mì ống với nước sốt pha - loại tưới lên với đường ngọt hoặc bằng nước bấp, mỗi thứ độ hai đô hoặc rẻ hơn, và một bình bia đen hay vàng ở quán McGlinchey's vẫn còn dưới một đô.

Túi nhẵn mà lại vô công rồi nghề, quả nghèo còn gặp eo, thật khổ mớ đời. Tôi dúi đầu vô mớ tạp chí cũ New Yorker tìm truyện mà đọc, rồi đấm bùi

vào, hoặc rị mọ từng xu từng cắc trả tiền bia ở quầy rượu. Thật không biết lũ bạn học với tôi hồi trước nay cầu bơ cầu bất xó mô? Sao chẳng có trự nào ăn nên làm ra, giàu có tiếng tăm cả vậy? Ăn nhằm gì cái vụ con Laura Humes trúng độc đắc cá cặp với lô Daily Double! Láo toét cả!

Kathleen Johnston, con nhỏ cả hai năm qua tôi chưa gặp lại, bỗng gọi tôi và để lời nhắn trong máy. Tôi thì chẳng màng gọi lại, vì mấy lần cuối gặp ngoài đường, nó chẳng niềm nở tí nào. Có tin đồn nó đang dính vô chuyện phê. Có thể nó gọi mình để mượn tiền chăng? Tôi đang sạch túi, rỗng toe. Hay nó tìm mình chuyện khác? Nó lại gọi tôi và nhắn hai lần nữa. Tôi quay số của nó.

"Thưa, cho tôi nói chuyện với Kathleen", tôi nói khi nghe giọng một ông già bắt máy.

"Xin hỏi ai gọi vậy?"

"Bùi"

"Booey"

"Bùi"

"Chờ một chút"

Khứa lão nào vậy ta? Tôi tự hỏi, thì giọng Kathleen trong máy:

"Mày gọi lại tao mừng quá."

"Mày mạnh giỏi không?"

"Không khá."

"Chuyện chi vậy?"

"Tao không thể nói qua máy được. Nè, cho tao đến ở tạm chỗ mày vài bữa được không?"

Tôi ngần ngừ:

"Chỉ vài bữa thôi"; con nhỏ vội tiếp lời, "tao hứa."

"Chừng nào tới?"

"Tối nay"

"Tối nay hả?"

"Trường hợp khẩn cấp mà."

"Được rồi. Mấy giờ mày tới?"

"Chín giờ nghen?"

"Vậy tối gặp."

Mày chỉ ham lờ của nó, trong tôi có giọng thì thầm khi tôi gác máy. Nhưng tại sao tôi lại nghĩ vậy? Con nhỏ cầu cứu tới tôi mà tôi thì đang hốc hác, chẳng những không giúp gì được cho ai, lại còn toan tính chuyện bẩn thỉu. Câm mõm đi, cái lòng dạ chó má của mày. Bậy rồi, con ơi, thề theo đức lý của của Giê-Su, Amen. Tôi vội đưa tay làm dấu thánh giá. Hãy nhớ tới ông già của Kathleen trước là trung sĩ hồi hưu trong ngành Quân Y Quân Đội Hoa Kỳ, đã hai lần sang Việt Nam phục vụ để bảo vệ nền dân chủ cho những kẻ như tôi... Cái thuở ban đầu hai đứa gặp nhau thật là dễ quên. Hôm đó tôi đang ngồi ở quầy rượu một mình, thèm thuồng, thì con nhỏ bước vô quán cùng hai

người bạn và ngồi chỗ bàn ngăn riêng. Đó là con bé Kathleen, tôi liền đăng ký nó vô tròng mắt hau háu của mình. Con nhỏ nom mày mặt vui vẻ và thân hình như thể chiếc xe thùng chở hàng. "Tao thích ngủ với thằng Greg," có lần nó bảo tôi "vì mông nó bự."

"Mày giống một con khỉ". Sau này nó bảo tôi khi hai đứa đã làm ăn xong trên giường.

"Nghe mày nói tao khoái chí tử." Tôi buột miệng sau hồi ngần ngừ.

"Đừng nhạy cảm quá." Nó nói.

Tôi lại ngần ngừ.

"OK, mày làm tao thấy mày giống con sóc."

"Ờ, vậy đỡ hơn." Tôi nói. Rồi cả hai ngủ vùi.

Lần thứ hai độ một năm sau, cũng thật rất dễ quên. Tôi sẽ không bao giờ, nhất định thề với mình, dù có nứng cách mấy đi nữa, cũng không thèm ngủ với con đàn bà này nữa.

Cái tầm vóc cọc còi của giống người như thằng tôi, tôi thường cho vì nó giống chúng tôi bốn mươi thế kỷ qua, chẳng ăn món gì khác ngoài MSG, nước sốt vịt, bột đậu, mù tạt cay, lòng chua, cà rốt thái mỏng, mì gói Ramen Pride, và thỉnh thoảng ăn một cái bánh đô-nấc ngào đường, đẩy trôi xuống cổ họng liền tù tì hết ly này đến ly khác bằng thứ cà phê đậm nhất thế giới, vị ngọt gắt bởi sữa đặc dày một hai đốt ngón tay đọng dưới đáy ly. "Mày là hậu duệ của một loài hầu đuôi cong," đầu tôi nảy một ý nghĩ mất dạy, "và mẹ mày là giống sóc nâu!"

Tôi tưởng tượng đến ông bố của Kathleen giống một khứa lão mặt đỏ gay hơi men, đầu đội mũ lưỡi trai có dấu đội banh Phillies, áo phạch ngực, cổ lủng lẳng một tấm huy hiệu vàng.

"Nè Bùi."

"Dạ, thưa ngài."

"Mi có biết ta đã từng đi lính hai nhiệm kỳ sang xứ sở cóc cắn của mi vào lứa tuổi thanh xuân của ta?"

"Dạ, thưa ngài có."

"Mi có biết ta liều mạng sống vì lý tưởng bảo vệ chính nghĩa tự do chó má của xứ sở mi, để những thằng oắt con cỡ như mi chực xơi tái ta?"

"Dạ thưa ngài có."

"Vậy sao mi chịu thua không thỏa mãn con gái ta?"

"Lúc ấy tôi say, thưa ngài."

"Ta cũng say khi ta đụ má mi ba chục năm trước, có sao đâu."

"Dạ thưa ngài là người đàn ông số dzách."

"Mày nói trúng phóc. Ta là cựu Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ!"

Tôi xổ gọn hết một tràng AK47, cúi xuống thọc tay chôm ít tiền cắc lẻ trong túi khứa lão, dở cái nón cối Vici trên đầu tôi, và lặn biến vô rừng.

Chín giờ đến rồi đi mà chẳng thấy tăm hơi Kathleen.

Nửa đêm, tôi nằm trên giường nhưng chưa ngủ, thì có tiếng chuông cửa

reng.

Con nhỏ bước vào, tay ôm hai bịch giấy, nhìn nhớn nhác và tỏ vẻ xin lỗi.

"Không sao."

"Tao mang đến ít bia."

Tôi cười.

"Mày đang ngủ hả?"

"Tao mới đặt mình, ờ."

"Mình uống bia trên giường được không?"

"Ờ."

Tôi không thể nào ngờ con nhỏ nhìn có vẻ tiều tụy đến thế. Nó từng có thành tích làm đủ loại nghề, toàn những nghề quái đản, tại Rite-Aid hoặc đâu đó. Lần chót, vào tháng trước, nghe tin con nhỏ cặp bồ với một trự thợ đá nào đó ở Fort Richmond.

Chúng tôi cởi quần áo, chỉ chừa lại đồ lót rồi chun vô mền. Hơi sưởi căn phòng tôi yếu xìu, mà bên ngoài trời thì cực lạnh.

"Bia này ngon thật!" Tôi thốt lên sau một ngụm đầu.

"Bia Rolling Rock đó!" Kathleen nói.

"Nhịn đã lâu nên uống cái gì cũng thấy ngon."

"Mày cạn láng hả?"

"Tao vét sách đi bán từng bữa một." Tôi nói và chỉ về phía cái kệ sách rỗng. Gương mặt Kathleen trong ánh đèn mờ coi bơ phờ hốc hác. Cưng đáng làm em gái của anh, tôi chọc, tụi mình thân nhau mãi mãi nghe cưng.

"Tao chỉ còn mười tì." Con nhỏ nói khi cả hai cùng bật cười. Tôi cúi xuống cạnh giường mò trong bao giấy nâu ra một lon bia khác.

"Cái lão trả lời điện thoại sáng nay là ai vậy?"

"Walter đó!"

"Walter là ai?"

"Walter bảy mươi hai."

"Bảy mươi hai tuổi?"

"Tao ở chung nhà với lão."

"Tại sao?"

"Tao bị đuổi khỏi căn phòng tao thuê."

Tôi ngẫm nghĩ vài giây, rồi nói:

"Hai người là nhân tình hả?"

"Lão thường sờ mông tao mỗi khi đi ngang đằng sau, và thỉnh thoảng lão muốn hôn tao."

"Có vậy thôi à?"

"Sức mấy tao cho lão làm gì khác."

Kathleen, lúc này tôi mới để ý mùi hôi không tắm và mùi thuốc lá nồng nặc toát ra từ miệng con nhỏ - Chán mớ đời, người ta thì ấp gái tơ thơm như múi mít, còn tôi, sao phải nằm kề cái tổ đĩa này?

Tôi khui một lon bia nữa và gác chân giữa háng con nhỏ, tôi thích nằm

kiểu đó khi ngủ chung với gái.

"Tắt đèn đi mày" Kathleen nói.

"Mày buồn ngủ hả?"

"Ờ, cũng sắp."

"OK."

"Tao cởi nịt vú ra nghen?"

"Ừ cởi đi."

Chúng tôi xoay trở thế nằm vài lượt cho thoải mái cả hai, nằm yên một chặp, cùng im lặng. Ba lon bia lỏng bỏng trong cái dạ dày rỗng, tôi thấy mệt mề. Vài tuần nữa mới có tiền vào, tôi ngẫm nghĩ, rồi thảm cảnh này sẽ lùi vào quá khứ.

"Mày muốn nghe chuyện vui không?" Kathleen nói, cắt đứt dòng nghĩ ngợi của tôi.

"Nói đi."

"Nhưng hứa là đừng kể cho ai nghe đó."

"Tao hứa."

"Tao suýt chút nữa thành gái điếm."

"Bộ giỡn à?" Vừa nói tôi vừa đặt tay lên ngực con nhỏ.

"Tao tìm được chỗ làm việc cho dịch vụ phục vụ khách đàn ông, nhưng mới có một ngày đã bị đuổi."

Con nhỏ nghiêng người về một bên, chìa cặp vú vào mặt tôi, trong lúc tôi thò tay xuống lột quần lót nó.

"Tao được phái tới một khách sạn," con nhỏ kể tiếp "và tao hồi hộp quá xá. Một tay thương gia Nhật Bản ra mở cửa, nhìn thấy tao, thằng chả vội đóng sầm cửa."

Âm đạo con nhỏ khô ran, nhưng nó nắm tay tôi đưa vào khi tôi định rút ra.

"Làm tao nhớ lại một chuyện tao đã đọc đâu đó," tôi nói "Mày biết nhà văn Arthur Koestler? Có một chuyện kể về ông ta khi ông ta du hành đến Azerbaijan. Koestler đi xe lửa, khi người soát vé mở toa phòng cho ông ta vô, thì trong ấy đã chờ sẵn nường gái quê tự bao giờ. Người soát vé định đuổi nường đi nhưng Koestler bảo: Thôi cứ để cô ấy ở đây." Tôi ngừng lại chỗ này, chống khủy dựa người lên, khui lon bia Rolling Rock thứ tư.

"Chỉ có vậy hả?" Kathleen hỏi.

"Không", tôi nói khi ngả lưng trở xuống "ngay khi người soát vé quay ra, nường nhà quê ấy liền cởi tuột quần áo, Koestler vội bảo: Đừng, đừng cô không cần làm thế. Cô ta vụt tiu nghỉu nói: Em chắc ngài thích gái khác đẹp hơn em."

Tôi cười rộ lên ở đọa này, nhưng Kathleen vẫn im lìm.

"Rồi sao nữa?"

"Chẳng có gì hết. Con nhỏ nhà quê bỏ đi mất vì cụt hứng, không có gì xảy ra hết." Tôi nhìn chăm chăm Kathleen với một chút khó chịu "Con nhỏ làm

điếm, hiểu không? Còn Koestler thì nghĩ nó chỉ là con bé quê bị du vào hoàn cảnh bán thân bất đắc dĩ!"

Kathleen bỗng chồm người đè lên mình tôi, nó hỏi:

"Bùi, tao có xấu không?"

Tôi ngập ngừng, dĩ nhiên vẻ đần độn, nhưng cũng đáp "Mày chẳng xấu đâu."

Tôi vật con nhỏ nằm ngửa rồi đè lại trên nó.

"Tao có đẹp không?" Con nhỏ hỏi tiếp.

Tôi lại ngập ngừng, ra vẻ ngu ngơ, nói, "Mày không xấu!"

Kathleen nói, "Chắc là tao xấu, nên thằng cha Nhật mới đóng sầm cửa vào mặt tao."

"Mày không xấu." Tôi lặp lại, giọng cả quyết, và hôn thật lâu trên môi con nhỏ, mùi khó ngửi toát ra, như tôi hôn phải một hộp đựng đầy thuốc lá nhai hiệu SKOAL. "Mày đẹp mà." Tôi làm ra vẻ trìu mến ngon lành "Thằng Nhật ấy mới xấu xí. Mày đẹp mà. Có lẽ nó khoái gái đẹp hơn mày. Ha! Ha!"

ĐINH LINH

CAO ĐÔNG KHÁNH

đà lạt ở vậy

Tặng Lê Cảnh Thạnh

Nàng có ngôi nhà cheo leo cất trên sườn núi
Đón đưa mấy hồi xuống biển lên non
Người ấy biệt tăm ở ngoài nhân loại
Mỗi trái tim chìm trong bóng tối mỗi người

Xưa có kẻ khai sơn phá thạch
Cung hiến nhân tình những thớt gỗ hồng tâm
Một người. Một kiểu. Một hình. Một cảnh
Chiếc xe tùy thân xuống biển lên rừng

Xưa có kẻ cho nàng hơi thở
Cho da thịt trở mình trổ nụ đơm hoa
Cho nàng nhan sắc. Nhưng một hôm trời sập
Người ấy một mình theo dấu hải âu

Trước mặt tượng chúa Jesus có dáng kẻ ở
Sau lưng Phật ngồi có bóng người đi
Em thất thế, Một mình em chịu trận
Trên đau buồn như trên một chiến công

Mưa châu ngọc ngoài suối vàng thác bạc
Củ carrot đỏ tươi nồng ấm ân tình
Em ở lại, một mình em gánh vác
Trên u sầu như trên một uy nghi

Nàng đơn chiếc. Vá trời bằng cẩm thạch
Hồ nước bình yên soi nhan sắc Xuân Hương
Bích chương biểu ngữ trên các thành phố thế giới
Diễn nghĩa sao bằng sự im lặng Vân Nga

Sương e ấp. Những điều thầm kín nẩy rễ
Nắng là là. Thiếu nữ bốc hơi
Mưa phượng múa lả lơi. Gió rồng bay ngùn ngụt
Con đường vô nhà bàng bạc lá mimosa

Ở phía mây che có cây quế ngàn tuổi
Có một chân trời của kẻ bỏ xứ ra đi
Trái chuối La Vang ngọt bùi tình ái
Sống chết một đời không đủ để yêu nhau

Đất đỏ, rừng xanh, những vườn rau cải ôn đới
Những ruộng dâu tây, những trang trại cà phê,
những ảo tưởng của Á châu
Trái avoca mượt mà diệp lục
Tình yêu của nàng cũng vạn niên thanh

Thành phố nhỏ xíu, món đồ chơi của Thượng Đế
Mắt cầm thú về khuya như kính vạn hoa
Gái thôn bản khỏa thân ngoài suối lạnh
Đốt lửa phập phồng sưởi ấm rừng thiêng

Biệt thự, phố xá, một Âu châu bỏ túi
Khóm pansé si tình thắm thiết gót chân son
Mặt trời biển lên sân thượng lảnh thổ
Để cho nàng hong tóc hái hoa

Mặt trăng rú xuống ngàn thước ngoạn mục
Chuyến xe đò cũ mèm ghé trạm Đơn Dương
Uống chén rượu nếp mới cất quên đường đi nước bước
Nhớ kẻ xuân thì còn heo hút trên non

Nàng có con đường chon von trên đầu ngọn núi trùng điệp
Điệp điệp trùng trùng hang động thông thiên
Có bầy ngựa hoang đùa giỡn với mãnh hổ
Có chỗ tư tình cỏ gấm hoa nhung

Trái Articheau xanh trong chiếc gùi sơn cước
Hơi thở trầm hương. Môi ướt nhụy quỳnh hoa
Có người ở vậy với tấm lòng thảo mộc
Cây bách cây tùng thơm tuổi tác ngàn năm

Nàng có muôn vàng con bướm lượn cánh trăm hương
Đại hội hồng hoa trên đồi thông tiểu thuyết
Mấy cành phong lan trổ bông trong khu rừng
phía sau lưng trường
Đại học
Bụi đỏ ngoài hiên thơm vạc áo liêu trai

Nàng thắm thiết với lưng chừng hết sức
Căn nhà lâu đời trên bờ vực thôi miên
Mây rối trí. Hình cây. Thế núi
Với trái mặt trời chín đỏ ngoài hiên

Hoa nở trên đá. Cỏ mọc trên mái ngói
Cây cối bình sinh nở nhụy mê hoang
Mặt trời rụng hết xuống rừng lá rộng
Đom đóm mọc thêm lên một bầu trời

CAO ĐÔNG KHÁNH

TRẦN THÙY MAI

nàng công chúa lạc loài



Chuyện xảy ra thực tình cờ, đúng năm năm sau ngày Cầm bỏ gian phòng này đi. Năm năm, bức chân dung của nàng vẫn còn lại trên tường, mái tóc dài như rong, màu áo tím, tím đến cả ánh mắt. Mắt nàng sâu thẳm, rợn người. Đã bao năm nàng ngồi đó, thầm lặng tham dự vào cuộc đời tôi - cho đến buổi chiều hôm ấy...

Túc đến tìm tôi ở cổng cơ quan, lúc tôi vừa chủ trì xong một buổi họp quan trọng. Hắn luôn luôn biết rõ lúc nào đầu óc tôi căng thẳng, mệt mỏi và luôn tìm được những lý do rất bất ngờ. Có hôm hắn trịnh trọng tuyên bố: "Tao chiêu đãi mầy... nhân ngày giỗ bố tao", có khi thì "Nhân kỷ niệm ngày tao yêu lần đầu", có khi thì nhân danh ngày rằm, ngày vía gì đó. Chiều hôm ấy, như mọi lần hắn gợi ý "chiêu đãi" tôi bằng cách đi kiếm một đứa con gái về để chung vui. Tôi cười, không đồng tình, cũng không phản đối. Từ lúc tôi có tiền và bắt đầu lao vào cuộc ăn chơi, Túc đã dẫn đến quá nhiều loại đàn bà con gái đến nỗi không nhìn vào một phụ nữ nào mà tôi không cảm thấy nghi ngờ. Tất cả bọn họ đối với tôi đã trở thành một món ăn vừa nhàm chán vừa không thể thiếu.

Trời xẩm tối, tôi về phòng. Không có xe Túc dưới chân cầu thang. Một dòng phấn trên chiếc bảng con: "Tao có việc gấp, sẽ trở lại ngay". Hừm. Việc gấp? Tôi nhún vai. Không khí lạnh phả vào mặt, tê tái thú vị. "Tách" một cái, cửa mở, trước mặt tôi là một khoảng tối mờ với tiếng muỗi vo ve... Tôi sờ soạng bật công tắc. Ánh đèn rực sáng. Như mọi lần, bức tranh màu tím đập vào mắt tôi. Nhưng lần này, trước bức tranh có một thiếu nữ ngồi im lặng.

Tôi đến gần. Một cô bé chừng mười sáu tuổi thu mình trên chiếc ghế mây, hai tay bó gối. Vóc người tròn trĩnh với chiếc áo gió màu mận chín. Đôi mắt mở to kinh ngạc đầy vẻ bỡ ngỡ trẻ thơ. Tôi rùng mình vì một cảm giác vừa thích thú vừa ghê tởm. "Mẹ kiếp, thế này thì có lẽ thần thánh cũng có thể làm đổm được, trời ạ!".

Tôi chậm rãi ngồi xuống mép giường, chậm rãi hút hết điếu thuốc, quẳng mẩu đầu lọc vào sọt. "Lại đây". Tôi hất hàm gọi. Cô gái ngoan ngoãn đứng dậy, rồi lại ngồi xuống. Tôi bước đến, nâng cằm cô bé:

- Em tên gì?

Cô ta rụt rè, giọng khản đi:

- Ái.

Một cái tên quen quen! Nhưng quan trọng gì, thường đây là cái tên giả. Điều cần thiết là có một cái từ để gọi, dù trong một đêm thôi. Tôi cúi xuống định bế bổng cô ta lên - Trông con nít quá, vẻ măng sữa trên làn da và đôi mắt làm tôi thấy ghê ghê, nhưng thực tình mà nói có thể làm gì hơn trong lúc này!

Và chuyện bất ngờ xảy ra ngoài dự đoán.

Khi tay tôi chạm vào vai cô gái, cô đứng phắt dậy, mặt mũi tái xanh và khuỵ xuống. Hoảng hốt, tôi đặt cô lên giường, cuống quýt mở các cúc áo bó chặt lấy cô. Chợt tôi sững người: dưới cổ, một vết ruồi son đỏ tươi, như một hạt đậu xinh xinh. "Ái Duy... Trời ơi, đúng Ái Duy rồi!". Hình như nghe gọi đúng tên mình, đôi mắt hôn mê nhắm nghiền của thiếu nữ hé mở. Trong vẻ ngái ngủ ngây dại đó, tôi nhận ra đứa bé học trò mười năm trước.

Năm ấy Duy lên bảy, tôi vừa vào đại học. Tôi là người dạy kèm, vừa là bạn của cô bé Ái mồ côi mẹ. Cha Ái Duy là giám đốc một cơ quan lớn trong thành phố. Ông luôn bận rộn với công việc và thường xuyên vắng nhà. Trong căn nhà rộng, u nhã, lạnh lẽo chỉ còn hai chúng tôi với một bà cô nghễnh ngãng, nếu không kể một bầy chim câu ở mé trái hiên nhà và vô số nhân vật trong những cuốn truyện cổ trên giá sách.

Ái là một cô bé hơi kỳ cục, vừa ngoan hiền vừa bướng bỉnh. Cô bé yêu bố một cách kỳ lạ và đã quen nghĩ về bố như một phẩm chất siêu việt. Ái thèm biểu lộ tình thương hết sức, và vì bố luôn vắng mặt, cái tình cảm trẻ con sôi trào chan chứa ấy được san sẻ qua tôi. Ái Duy đã vẽ bao nhiêu bức tranh với hộp màu tôi mua cho, rồi chính tôi đã dán những bức tranh ấy lên bốn bức vách của phòng học - gian phòng nhỏ có những cửa sổ viền hoa tím xinh xinh. Những bức tranh đã ghi lại cả thế giới cỏn con của anh em tôi. Này đây là ông bố với cặp kính trắng và cái áo kiểu cổ lãnh tụ, tay cầm chùm chìa khóa - khóa xe hon đa, khóa tủ, khóa nhà, khóa phòng giấy, khóa tủ hồ sơ... cô bé đã cố công đặc tả hình thù từng chiếc một. Bà cô nghễnh ngãng thì luôn luôn

có chiếc chảo to trên tay. "Em thích nhất là lúc cô đang chiên bánh phồng tôm". Những chiếc bánh phồng làm cho bé Ái đặc biệt thích thú, không phải vì ngon, mà vì cái cách chúng duỗi ra và phình to như có phép màu trong chảo dầu nóng.

Còn những bức vẽ Ái và tôi thì nguyệch ngoạc và sai sự thực một cách tuyệt vời. Một khung cửa sổ màu tím có hoa nơi bệ cửa, tôi và Ái ngồi trên những bông hoa, y như trong một màn xiếc. Tôi và Ái đứng trên một cành ổi trĩu quả, chân mang giày, người thẳng đứng. Khi tôi chỉ ra điều vô lý đó, Ái cau mày suy nghĩ rất lâu rồi bất chợt tìm ra giải pháp: vẽ ngay cho mỗi người một đôi cánh. Thế là tôi và Ái đậu trên cây như đôi chim, không lo ngã xuống bao giờ. Sẽ không ai nhận ra những nhân vật thần kỳ này, nếu chàng trai không có chiếc mũ bê rê to và cô bé không mang một chấm ruồi son được cố tình tô rất đậm, rất tròn dưới cổ...

Chính cái chấm son vừa đập vào mắt tôi... Không hiểu bằng con đường nào, nhân vật thần kỳ bé bỏng đã bay đến đây, nằm trên chiếc giường phóng đãng này?

*

Tôi đến bên cửa sổ, lẳng lặng đốt thuốc và chờ.

Ái Duy cựa mình, mở mắt, ngẩn ngơ một lát rồi ngồi hẳn dậy.

Bất giác, tôi buồn nôn, một nỗi ghê tởm xen lẫn bực bội. Tôi không biết ứng xử như thế nào trong hoàn cảnh này và cuối cùng đã chọn cách ứng xử theo thói quen. Ái Duy đã tới đây, nghĩa là bé Ái không còn nữa. Nghĩa là trong tôi, chút thiên đường cuối cùng, nếu có, cũng đã tản cư vào địa ngục. Tại sao tôi không được quyền buông thả trong địa ngục của mình?

Gieo mình xuống giường, tôi quờ tay nắm lấy tay cô bé, bàn tay nhỏ mềm như cánh chim câu. Ái Duy kêu lên một tiếng, giằng tay ra và lùi về phía bên kia giường. Trò vờ vĩnh ngây thơ? Tôi đã gặp khá nhiều loại nữ sinh "chíp chíp" ở đây, đủ để biết cái lối giả vờ lần đầu sa ngã là một thứ trang sức không mất tiền của những loại đàn bà trước tuổi đó. Nhưng lần này, hình như không phải thế. Đôi mắt mở to sợ sệt kia biểu lộ điều gì đây thành khẩn đến xót xa. Óc hiếu kỳ của tôi bị kích thích đến cực độ và tôi quyết định đi đến cùng xem sự thể ra sao. Mặt giường phút chốc bừa bộn dưới một cuộc giằng co quyết liệt. Không hiểu từ lúc nào, tôi đã nắm chặt hai tay cô gái trong tay mình với một sức ghì siết mãnh liệt làm toàn thân tôi tê dại và mê mẩn.

Ái Duy kêu lên nhưng không dám kêu to, những tiếng kêu như tiếng thở. Nàng lăn vào sát bên tôi để giằng tay ra, những ngón tay mảnh mai dịu mềm cố sức gỡ tay tôi. Một lối tự vệ hết sức dại dột... Thình lình giữa lúc ấy có tiếng đập cửa, rồi tiếng huýt sáo vang lên từ ngoài hiên gác. Túc trở lại, đúng như

đã hẹn.

Lẽ ra tôi phải mở cửa cho hắn vào. Nhưng cô gái dường như hiểu ra điều chi sẽ đến, cô chắp tay lại, nhìn tôi lặng im như van vỉ. Bất chợt tôi thấy lại bé Ái trong ánh mắt ấy. Hạ giọng rất khẽ, tôi bảo:

- Em đừng sợ.

Nhìn thấy bức màn đầu giường, tôi nhẹ nhàng kéo Ái Duy vào đó. Cô bé ngoan ngoãn theo tôi như không hề nhớ trước đây có một phút tôi vừa làm cô hoảng sợ đến mức nào. Bây giờ điều làm cô khiếp hãi đang đứng ngoài khung cửa.

Túc gọi tên một lúc, rồi im lặng. Có lẽ hắn đang nhìn vào lỗ khóa, và đang bể đầu không hiểu tại sao chẳng có ai trong phòng. Chiếc xe hai ống khói của tôi vẫn nằm im dưới chân cầu thang kia mà.

Bên tôi, Ái Duy run rẩy nép sát vào như nhờ che chở. Bỗng chốc những ham muốn trong tôi nguội lại, chỉ còn nỗi xót thương. "Một lát thôi, hắn sẽ đi". Tôi thì thầm. Đúng vậy, năm phút sau có tiếng làu bàu gắt gỏng, rồi tiếng xe rồ ga, xa dần.

Đồng hồ chỉ bảy giờ tối. Gió bắt đầu thổi trên mái nhà, ngọn cây me đập từng cơn vào cửa sổ. Cô gái đứng sững giữa căn phòng, ngơ ngẩn, phân vân.

- Em không cần tiền sao? - Cuối cùng tôi lên tiếng hỏi, phá tan nỗi yên lặng rình rập giữa hai người.

Cô bé nhìn tôi, như không hiểu tôi nói gì.

- Thế sao em lại đến đây?

Ái Duy khẽ chớp mắt, hai giọt lệ rơi xuống. Mắt nàng màu hạt dẻ với hàng mi cong dày và và những tia nhìn kỳ lạ mà ngày xưa tôi chưa từng thấy bao giờ.

Tôi cầm tay Ái Duy dẫn đến bên bàn ăn, lần này là cái cầm tay thân tình của người chủ nhà. Tôi ăn một mình vì nàng cứ ngồi trơ không nhúc nhích.

Lát sau, không chịu nổi, tôi bỏ đũa, xúc từng thìa thức ăn đút cho Ái Duy. Nàng miễn cưỡng, nhai, nuốt, mắt nhìn đăm đăm về phía trước, rồi chợt bật khóc, khóc thật sự như đứa trẻ.

"Mẹ ơi!" Ái Duy kêu lên, tiếng gọi cổ sơ nhất thốt ra từ một nỗi đau, khiến mắt tôi bỗng dưng cay xót. Ái Duy! Bé Ái Duy ngày xưa! Điều gì đã xảy ra với em?

- Em phải đi - Cô bé ngẩng mặt lên, dường như hiểu nỗi thắc mắc của tôi.

- Không được. Em ngồi đây, nghỉ một lát. Nhà em ở đâu? Tôi sẽ lấy xe đưa em về.

Tôi biết rất rõ nhà Ái Duy ở đâu, căn nhà sau những tán lá ổi xanh và giàn hoa tỏi tím. Gần mười năm không đến đó, nhưng đường đi tôi vẫn chưa quên. Thế mà đã vờ vĩnh; thì ra tự thâm tâm, tôi cũng sợ Ái Duy nhận ra tôi, tôi vẫn sợ thằng tôi quỷ sứ bây giờ xóa nhòa hình ảnh thần kỳ trong những bức tranh thời thơ ấu của nàng.

"Không... Không, em không về nhà nữa". Ái Duy rụt người lại khi nghe đề nghị của tôi. "Thú thực, em làm tôi chẳng hiểu gì cả cô bé ạ, nhưng hình như em đang gặp rắc rối. Tôi có thể giúp em được gì không?". Cô bé nhìn tôi từ đầu đến chân như muốn đánh giá lại xem có thể tin cậy con người xa lạ đứng trước mình tới mức nào. Không rõ bộ dạng tôi lúc đó ra sao nhưng Ái Duy dần dần dịu lại, tỳ cằm lên bàn tay.

- Em sẽ kể cho anh nghe - Cô bé khựng lại, thảng thốt - nhưng anh đã quen biết em gì đâu? - phút ngập ngừng qua đi, cô bé bắt đầu câu chuyện của mình.

- Này nhé, tên em là...

Tôi khẽ đặt một ngón tay lên miệng: "Suỵt, đừng, em không cần phải nói tên với anh. Anh chưa biết em là ai, và sẽ không biết em là ai, ở đâu. Nhưng cứ kể cho anh nghe, anh hứa sẽ tìm cách giúp em".

"Bây giờ nghĩ lại, em không hiểu sao có thời kỳ em sống bình an phẳng lặng như thế. Em có trường học, bạn bè, những kỷ niệm vui, những nỗi buồn, nỗi thiếu thốn xót xa cảm thấy mình thèm có mẹ, thèm được vỗ về yêu thương, tất cả những vui và buồn, thiếu và đủ ấy đều phẳng lặng, ổn định trong một trật tự đã thành nếp từ thời còn bé. Tất cả chỉ xảy ra khủng khiếp là khi người đàn bà ấy đến gặp em. Lúc bấy giờ đã tan trường, cô ấy đón đường em ngay cổng. Cô ta ném vào mặt em mảnh áo may ô rách như một lời nguyền rủa. Em chịu trách nhiệm gì về mảnh áo ấy? Ấy thế mà, từ lời nguyền rủa ấy, cuộc sống của em như gãy gập. Em không biết diễn tả cách nào. Em chỉ biết có điều gì đó đã sụp đổ, một trật tự đã đảo lộn. Không bao giờ còn như trước, không bao giờ nữa.

Em quên nói là mẹ em đã mất từ khi em còn nhỏ. Em lớn lên lặng lẽ, cô thì không nghe em nói gì bao giờ, còn ba thì đi mù mịt chẳng mấy lúc có nhà. Ba em rất nghiêm, khắc kỷ, dù vậy em rất yêu ba, gần như tôn thờ." Bây giờ, Ái Duy đang nằm úp trên giường, cằm tỳ lên hai tay. Ánh đèn dừng lại trên sống mũi thon thon, một nửa khuôn mặt chìm trong bóng mờ. Tôi ngồi trong ghế bành, hút thuốc và nhìn những sợi tóc cô đang trải ra trên mặt gối.

"Tự đáy lòng, em cảm thấy mất mát không gì bù đắp nổi từ khi ba em lấy vợ. Nhưng may mắn sao mợ em là một người mẹ kế rất tốt. Vả lại, em đã quá quen với sự cô độc đến nỗi chẳng còn thấy buồn chán nữa. Ở trong nhà, em hòa thuận, hiếu để và cô đơn. Mỗi bữa ăn, em vẫn nói chuyện, vui cười, âu yếm các em, thưa gửi với ba mợ. Rồi những giờ còn lại em ru rú trong căn phòng trên gác, đó là thế giới của em, ở đó em thực sự sống cuộc đời của mình.

Gia đình em vẫn phát triển với những tiện nghi ngày càng phong phú, những tiện nghi tất nhiên là đến bằng con đường chân chính, vì ba em là một người nghiêm trang, mẫu mực, đúng đắn đến mức khô khan. Ba em sống nghiêm túc đến nỗi ban khiếu tố ở địa phương đã phải bật cười vì kinh ngạc, rồi sau đó mới bất bình phẫn nộ, khi có tin cô văn thư của cơ quan hô hoán lên rằng ba em đã giở trò chim chuột và định cưỡng hiếp cô ta. Cái tin đó

chẳng khác nào một thứ chuyện vừa khó tin vừa không có thực. Ở đời không thiếu những lời vu khống, nhưng không ai có thể vu khống những vị Bồ Tát. Hành động vu cáo trở lại kẻ trừng phạt và kẻ chủ mưu: Cô văn thư bị buộc phải xin thôi việc.

Từ đầu đến cuối, ba em không phân trần nửa lời. Ông không thiếu người ủng hộ và bênh vực, khi cần đến. Kể cả mợ em, người làm chứng có giá trị cao nhất. Trước ban khiếu tố, mợ em đã nhận vào giờ xảy ra vụ việc như lời người đàn bà kia tố cáo, ba em ốm nghỉ ở nhà, và chính mợ đã điện thoại mời bác sĩ đến thăm bệnh. Làm sao ông có mặt một lúc hai nơi được? Tất cả trôi đi như một bài toán đơn giản, và tưởng chừng rồi sẽ chẳng còn ai phải nhớ.

Nhưng một chiều, người đàn bà ấy đón em trước cổng trường. Em suýt nhận không ra cô ta, vì cô ta đã gầy tọp đi, hai gò má nhô cao, tóc xõa rũ rượi. Cô ta có bốn đứa con và hiện nay không còn việc làm nữa.

Người đàn bà nhìn em, đôi mắt chết, và rút ra một mảnh vải. Đó là một mảnh may ô bị xé toạc, có chữ đầu tên ba em thêu trên đó. (Ba em thường đi công tác nên em đã đánh dấu tất cả quần áo của ông để tránh lẫn lộn).

Em cầm lấy mảnh vải, nhận ra dấu hiệu, ngạc nhiên:

- Tại sao? Cô xé của ba tôi... Nhưng lúc nào? "Lúc ông ấy nằm trên bụng tôi".

Giọng nói lạnh lẽo của người đàn bà vang lên bên tai em. Em lặng người như hóa đá. Em biết cô ấy đã thua trận, ngã gục, bây giờ cô ta căm hận và báo thù.

Khi em về đến nhà, ba em không có ở đó. Em đến bên mợ. Mợ đang thử cái máy may mới mua. Em đặt mảnh áo xuống bên mợ, lặng lẽ. Mợ quay nhìn, rồi cau mày, yên lặng. "Con điên sao?". Lát sau mợ hỏi và nhìn em, cái nhìn cho biết là đã hiểu và không cần giải thích gì thêm nữa.

"Con điên sao". Câu hỏi của mợ làm em không biết vịn vào đâu mà lần nữa. Lẽ nào là điên rồ, cái nguyện vọng muốn biết sự thật về những gì thân thiết nhất của đời mình? Bất giác em chợt nhận ra qua giọng nói bình thản kia, đã từ rất lâu rồi chính mợ đã hiểu hơn ai hết, ba em là người như thế nào... Em rùng mình, chới với như vừa thụt chân xuống vực sâu...

Trước mắt em, mợ em thản nhiên tiếp tục đạp máy. Hình ảnh mợ in lên những vật dụng đắt tiền trong gian phòng. Mợ đã có đủ để không cần thắc mắc gì thêm cả. Còn em, em không cần gì cả, em cần ba em. Nhưng làm sao em có lại ba như em vẫn từng đã có? Làm sao sự phẳng lặng trở lại? Làm sao yên tâm và hy vọng? Làm sao...

Em gập người lại, lảo đảo, muốn nôn mà không nôn được. Mợ em ngẩng lên, nhìn thấy em, giật mình:

- Con ốm à? Mợ hỏi.

Em lắc đầu:

- Không. Con không muốn sống trong cái nhà này nữa. "Ái Duy?". Mợ kêu lên, vừa lo lắng vừa tức giận.

"Con không muốn sống trong cái nhà này nữa". Em nhắc lại và nấc lên nhưng em không khóc. Như một người lên cơn động kinh, em thấy tay chân co giật. Mợ em nhào vào phòng ngủ. Bà đi gọi điện thoại cho ba em. Trong trạng thái kích động mãnh liệt, em đi thẳng ra đường, hai tay không cầm một thứ gì tùy thân.

Những con đường. Những con đường nhảy múa trước mắt em. Xe cộ, cây cối, người qua lại. Những con đường!

Em đi, đi hoài, không nghĩ ngợi. Một cái gì đấy đã rạn vỡ, không thể hàn gắn được nữa. Một thế giới đã sụp đổ không còn nơi nương náu.

Đêm lạnh, phố vắng. Em dần dần nhận ra mình đói, rét, mỏi mệt và nếu cứ đi tiếp mãi em sẽ thành một trong những người điên lang thang của thành phố này.

Em ngồi xuống chiếc ghế đá bên mé công viên. Một chiếc xe máy rà lại. Em nhìn một lúc mới nhận ra một người đàn ông đang cúi xuống:

- Lên đây, anh chở đi. Chết cóng bây giờ.

Em không nhớ sau đó em và anh ta đã nói những gì. Em chỉ nhớ trong trạng thái mê muội tê cóng, mình đã lên ngồi sau xe.

Lúc đến căn phòng này, em bắt đầu thấy sợ. Hình như có điều gì khủng khiếp sẽ đến. Nhưng em không thể ra khỏi trạng thái rũ liệt. Anh ta pha cho em một cốc chanh nóng nhưng em chỉ hớp được một hớp. Thấy vậy, anh ta ra khỏi phòng, khóa trái cửa lại.

Dần dần, em hơi tỉnh lại, bắt đầu nhớ ra mình đang ở nơi đâu. Giữa lúc đó em nghe tiếng người lên thang và anh đến..."

Ái Duy ngừng kể. Trời tối mịt mùng trên ô kính chắn gió.

Cô bé kiệt sức. Lúc kể xong, cả người cô rung lên, mái tóc dài úp sát xuống gối. Tôi ngồi yên trong ghế bành. Không biết làm gì, cũng không biết nói gì.

Trên giường, Ái Duy nằm yên, lịm dần trong giấc ngủ. Những ngấn nước mắt còn đọng quanh mi.

Đêm ấy tôi ngủ trên tấm drap trải giữa sàn nhà, cuộn mình trong chăn. Đêm yên tĩnh, tôi nghe tiếng thổn thức trong cơn mơ ngủ thỉnh thoảng dội lên từ lồng ngực cô gái trẻ thơ. Hình như tôi đã từng cảm thấy nỗi đau đớn ê chề này hơn một lần trong đời. Tôi đã cảm thấy như thế vào ngày Cầm bỏ đi sau khi bĩu cặp môi khinh khi tuyệt đẹp trên tình yêu thần thánh của tôi ngày đó. Tôi đã đau đớn nằm trên cái sàn nhà này - lúc ấy còn trơ trụi chưa hề có dấu vết những vật dụng xa hoa - Nằm, tự nguyền rủa và muốn hủy diệt cả cuộc đời bất lực của mình. Rồi chợt bản năng sinh tồn trỗi dậy, tôi ra đi, lột xác, vứt bỏ những niềm tin, chấp nhận những con đường ngắn nhất để có quá hơn những gì Cầm đòi hỏi. Khi cuộc sống đã đầy ắp thú vui vật chất, tôi khoái trá nghĩ sẽ có ngày Cầm ao ước trở lại với tôi và lúc đó tôi sẽ quay lưng để làm nhục nàng. Nhưng nàng không quay trở lại, bao năm nàng không trở lại.

Dần dần, lòng căm thù nguôi ngoai, nghĩ đến Cầm tôi chỉ còn một cảm giác mơ hồ không vui không buồn. Đôi khi tôi cảm ơn nàng đã khiến tôi đủ sức mạnh để thay đổi số phận mình - đúng thế, lòng căm hận có khi còn mạnh hơn cả tình thương yêu. Nàng đã cho tôi một số phận khác và biến tôi thành một con người khác. Bây giờ tôi không căm ghét nàng nữa vì lẽ giản dị: tôi đã trở thành giống như nàng.

Bây giờ, cạnh tôi là một cô gái mười sáu tuổi thất vọng. Thế giới thần tiên của tuổi thơ tan biến: một thế giới khác, nham nhở, ti tiện hiện ra. Hôm nay cô bé ngạt thở, vùng vẫy. Ngày mai cô sẽ thở quen không khí ấy, thậm chí không thể thiếu nó. Cũng như tôi bây giờ...

Suốt trong đêm, ánh mắt ma mị của Cầm cứ xoáy vào tôi, cám dỗ, xúi giục, khêu gợi một điều gì vốn có từ trong bản năng của đàn ông. Tôi nhổm dậy, đến ngồi cạnh Ái Duy. Đôi mắt nhắm nghiền mệt mỏi. Gò ngực thiếu nữ phập phồng dưới lớp chăn. Tôi rít thuốc liên tục, rồi đứng dậy đưa cái giường xếp nhỏ ra hành lang, cùng với chiếc chăn bông đương đầu với đêm lạnh.

Đêm lặng yên, lặng yên đến không thể nào chịu được.

*

Sáng mai tôi tỉnh dậy. Tiếng lá ngoài kia rì rào: hình như hôm nay trời ấm hơn.

Cửa phòng mở hé. Tiếng nhạc nho nhỏ phát ra từ chiếc Cassette ở đầu giường: "Chuông thanh thanh, chuông thanh thanh, chuông giáo đường thanh thanh..." Thấy tôi bước vào, Ái Duy đang ngồi hát theo tiếng nhạc chợt dừng lại, mỉm cười. Đó là lần đầu tiên Ái Duy cười với tôi từ hôm qua đến giờ. Trong nụ cười thấp thoáng vẻ hoàn hồn, tin cậy, và tôi biết đó là phần thưởng đền bù cho một đêm không ngủ.

- Bây giờ em mới nhớ, hôm nay là Nôen.

- Vâng. Hôm nay, nếu em đồng ý, anh sẽ đưa em đi chơi để nhìn trời đất Giáng Sinh.

Ái Duy nhìn tôi như dò xem trong lời đề nghị ấy có gì đáng sợ không.

- Em đừng ngại. Anh hứa không làm cho em sợ hãi đâu... Anh xin em, mình không thể ở đây lâu hơn được. Sẽ có người đập cửa như ngày hôm qua ấy.

Điều đó hoàn toàn là thực, vì những thằng bạn phóng đãng của tôi đâu có để lỡ dịp tụ tập vào một ngày rảnh rỗi như thế này. Mặt Ái Duy xanh rờn: "Vâng, vâng, em sẽ đi". Tôi mỉm cười: sự tình cờ đã đẩy tâm hồn trẻ con dễ thất vọng mà cũng dễ tin này về phía tôi, và chốc lát tôi biết mình đã từng hoang đàng biến thành tay hiệp sĩ. "Được rồi, anh sẽ cố gắng làm cho ngày hôm nay không buồn tẻ, nhưng ta phải giao ước nhé: hôm nay ai cũng phải vui, không ai được nhắc đến chuyện buồn. Ngày Chúa ra đời mà!".

Hai chúng tôi thỏa thuận với nhau và ngồi vào điểm tâm, với món mì cua

muôn năm của anh chàng độc thân. Ái Duy nhìn lên bức chân dung của Cầm. Cái nhìn ngây thơ của cô bé như bị hút vào ánh mắt mê hoặc của nàng tiên cá trong tranh.

- Ai đấy anh?

- Người đàn bà của đời anh đấy. Em hãy nhìn thoáng qua thôi, nhìn lâu sẽ bị hớp hồn, giống như anh ngày trước.

- Em thấy sợ - Ái Duy nói. Có cái gì ma quái ây, anh ạ.

- Đúng, nàng là ma, ở đấy quá lâu nàng đã biến thành ma quỷ. Em không tưởng được đâu. Những đêm trăng hắt vào, nàng lè lưỡi ra dài hàng thước. Từ trong giường nhìn ra, anh ớn lạnh, cô độc đến xây xẩm mặt mày.

Ái Duy mở to mắt nhìn tôi như muốn hỏi xem đùa hay thật. Rồi cô bé trầm ngâm nhìn chân dung thiếu phụ, mặt thoáng vẻ phân bì trẻ thơ:

- Anh... anh đã yêu cô ấy nhiều lắm phải không?

Tôi gật đầu. "Đẹp quá. Chắc anh không bao giờ quên cô ấy". Bỗng dưng tôi thấy buồn cười: "Anh cũng không biết. Có thể là thế". Không, hình như tôi đã không hề nghĩ gì về Cầm. Tôi đã quên nàng từ rất lâu, những nhức nhối cũng đã qua. Nhưng nàng vẫn còn đó, mãi mãi vẫn còn đó, trên từng vật dụng xa hoa bừa bãi, trên những gối chăn hàng đêm xê dịch trong cuộc truy hoan, trong sự trống rỗng chán chường gậm nhấm đời tôi.

Chiếc Bonua chạy như mũi tên lao trên đường. Ái Duy ngồi sau, tôi chỉ nghe thoang thoảng tiếng nói, hình như cô bé hỏi tôi tại sao lại dùng cái xe to kềnh càng như thế này.

- Xe này theo kịp cả ô tô, Ái Duy ạ.

- Để làm gì?

- Để làm gì à? Anh không biết. Có lẽ để thỏa mãn lòng háo thắng. Cái đó quỷ quái và mạnh mẽ lắm, em ạ. Không có điều đó, chắc cuộc sống của anh chẳng còn gì.

Như để chứng minh điều vừa nói, tôi cho xe chạy vọt lên. Những cây xanh hai bên đường như giật lùi mờ thoáng. Vài chiếc ô tô cũ rỉ rả bên đường tụt về phía sau. Ái Duy cười, tiếng cười trong như thủy tinh. Đúng là trẻ con, khóc đấy rồi cười đấy. "Sợ không? Có sợ thì ôm lấy người lái nhé". Tôi cho xe phóng nhanh hơn nữa, tốc độ chóng mặt. "Không!" Cô bé bướng bỉnh trả lời. Xe phóng nhanh hơn nữa. "Không! Không!... Tiếng Ái Duy reo trong gió, rồi một lát, tôi thấy bàn tay nhỏ mềm mại bám nhẹ vào vai mình: "Em chóng mặt quá". Tôi cười thành tiếng, tiếp tục phóng xe. Ái Duy kêu to: "Em sẽ buông tay ra. Em té xuống cho mà xem". Tôi sợ, đầu hàng, cho xe chậm lại. Sau lưng tôi, Ái Duy đấm thùm thụp, trách móc. Bỗng nhiên tôi cười vang, nghịch ngợm như chú học trò nhỏ.

Bãi cỏ dưới chân đồi Thiên An xanh ngắt, những cây thông non ẩn mình lấp ló dưới chân thung lũng đầy sương.

- Sao đến đây hở anh?

- Thì em đã chẳng bảo là đến bất cứ đâu cũng được. Đã lâu lắm anh không

đến chỗ này. Sáng nay, lúc đi cùng em trên đường, tự nhiên anh thấy nhớ cảnh cũ.

Thuở còn đi học, tôi thường đến ngọn đồi này, có lúc là để yên tĩnh ôn thi, có khi để mượn những cuốn sách rất xưa ở thư viện của nhà dòng. Lâu lắm rồi, tuy vẫn ở trong thành phố, tôi không trở lại. Bây giờ tôi ngồi đây, trên chiếc áo mưa trải rộng. Ái Duy nằm sấp, chiếc áo gió đỏ thắm vẽ một vệt màu tươi sáng trên cỏ xanh.

Vẻ mặt Ái Duy khiến tôi nghĩ cô bé đang sống trong mơ. Và lạ thay, tôi cũng có cảm tưởng như thế: một giấc mơ bất ngờ, kỳ lạ.

"Hình như em đã đến đây nhiều lần, khi còn nhỏ". Ái Duy vừa nói vừa chăm chăm nhìn xuống hồ Thủy Tiên. Đôi lông mày đen, cau lại như muốn đào sâu vào trí nhớ:

- Đúng, đúng rồi! Ở đây có một hồ tròn và bên kia là tu viện... Khi còn nhỏ, em đã nhìn, và tưởng tượng tới tòa lâu đài và mặt hồ bằng gương trong truyện Chú Lính Chì... Tôi gõ gõ lên mái tóc Ái Duy. Đúng, tôi cũng vừa nhớ lại đã có lần dẫn cô bé học trò lên đây, thuở đó Ái Duy còn thích ngậm ô mai. "Em đã đến đây với một người...". Ái Duy bỗng thở dài. Tiếng thở hòa tan vào cơn gió đang xì xào quanh mặt hồ rồi mất hút trong lũng thông. "Bây giờ em không còn hình dung được mặt mũi người ấy nữa. Thế mà thuở đó đọc chuyện cổ tích, em luôn thấy các hiệp sĩ và các hoàng tử có đôi mắt và miệng cười giống hệt anh ấy..."

Ái Duy dừng lại, bứt một bông cỏ, chúm môi thổi vào nhị hoa.

- Bây giờ anh ấy đâu rồi? - Tôi hỏi.

- Em không biết. Lâu lắm rồi, tự nhiên em lại nghĩ đến. A! Nếu mà anh ấy vẫn còn ở nhà, có lẽ hôm qua em sẽ không ra đi.

Vẻ mặt Ái Duy rũ ra, buồn bã.

- Thôi đừng nói chuyện đó nữa. Em làm tôi phật lòng ghê gớm lắm đấy.

- Vì sao?

- Nếu hôm qua em vẫn ở nhà, hôm nay tôi chẳng được biết em. Giờ đây em không vui sao? Hãy nhớ lời giao ước đấy nhé!

Ái Duy vội vã trả lời: "Ồ! Không, không, vui chứ".

- Ít ra tôi cũng dễ thương gần bằng ông anh hoàng tử của em ngày trước.

Ái Duy nhìn tôi chăm chăm:

- Anh chẳng giống gì anh ấy đâu. Anh ấy nghiêm và hiền. Anh ấy cũng không có ria mép...

- Khó gì ria mép. Có thể nơi nào đấy ông anh của em bây giờ cũng đã để ria mép, không chừng cả râu quai nón nữa.

Ái Duy phá ra cười: "Nhất định không có đâu, những người hiền lành không có râu".

- Nghĩa là anh dữ tợn lắm?

Ái Duy lắc đầu: "Đến bây giờ em cũng chẳng rõ anh là người thế nào?".

- Thế sao em lại dám đi cùng tôi?

- Em cũng không biết, nhưng em linh cảm, nhất định anh không phải là ma quỷ.

Câu nói đơn giản của nàng, không hiểu sao, làm tim tôi se thắt.

Ái Duy đứng dậy, chạy xuống lòng thung lũng, cúi nhặt những trái thông rơi rải rác trên mặt cỏ. Màu áo đỏ phấp phới sau những tán thông xanh.

Tôi chầm chậm bước theo cô bé, tay cầm điếu thuốc cháy dở và nhận ra mình đã qua cái tuổi có thể chạy nhảy hồn nhiên trên cỏ. Ái Duy đang chập chờn trước mắt. Qua hết bờ dốc cô bé tìm thấy một ngôi mộ cũ nằm lẻ loi bên sườn đồi và ngồi thụp xuống sau thành mộ.

Thấy rất rõ chỗ nấp ấy nhưng tôi cũng giả vờ đi quanh tìm kiếm và gọi to:

- Bé ơi! Bé ơi!

Một tiếng reo dài, hai bàn tay nhỏ bịt lấy mắt tôi, tinh nghịch. Chúng tôi ngồi bên nhau trên bức thành quanh ngôi mộ, chân buông thõng chạm đầu vào những ngọn cỏ ngũ sắc.

"Tội nghiệp cho ai nằm đây, ngày đêm chỉ có một mình". Ái Duy nói, bứt những cánh hoa ngũ sắc tung về phía nấm mộ. Chợt cô bé ra chiều tư lự: "Nếu bây giờ đột ngột động đất chẳng hạn, hai anh em mình sẽ vĩnh viễn nằm lại nơi đây".

- Anh chắc như vậy sẽ hạnh phúc lắm. Ở dưới ấy mình sẽ không cô đơn.

Tôi định nói: "Ít nhất cũng dễ chịu hơn khi nằm cạnh em lúc còn sống", nhưng kịp dừng lại vì thấy dường như lời nói đùa cợt ấy ẩn chứa chút xíu đểu cáng. Tôi ngập ngừng, im lặng rồi chợt ngạc nhiên vì sự đàng hoàng của mình.

Bây giờ Ái Duy đang say sưa bứt bông cỏ gấu tết lại để chơi trò đá gà. Cô đưa cho tôi một cọng, tôi ngẩn người:

- Làm thế nào đây nhỏ, từ lâu anh quên cái trò này mất rồi.

"Thế này... Thế này nhé..." Ái Duy loay hoay gài hai bông cỏ vào nhau. Mắt cô bé chăm chú nhìn, rồi chợt ngẩng lên sáng trong màu hạt dẻ. Một chút nắng mùa đông long lanh trong ánh mắt thỏ con.

- Sao thế anh? Ái Duy hỏi, bỡ ngỡ.

Mặt tôi lúc ấy có lẽ thoáng vẻ ngây dại, buồn và hạnh phúc.

- Anh cũng không hiểu. Tự nhiên anh nhớ thời còn nhỏ, bắt dế, trèo cây, tắm sông, nghịch nước. Hình như em vừa đánh thức tất cả trở dậy trong anh, chúng nằm ngủ quên đâu đấy. Lâu quá anh bận rộn đến mức tưởng như mình không có quá khứ.

- Anh nói leo cây làm em cứ nhớ hồi còn nhỏ ngoài vườn nhà có cây ổi lớn. Em cứ mơ leo lên mà người lớn cấm ngặt. Thế là em vẽ em và anh Thắng đứng trên cành ổi. Rồi em cho vào vai cả hai những cặp cánh thật dài.

- Để làm gì? Tôi tủm tỉm cười, mắt chợt rất cay.

- Đề phòng khi có ngã mình sẽ bay lên. Thật dễ sợ nếu ngã từ trên cao xuống mà không có cánh.

- Người có cánh đâu, em?
- Vậy mới khủng khiếp. Làm sao hở anh?
- Có hai cách. Một là ngã chết, hai là chấp nhận tình trạng chênh vênh đang sống, thay đổi dáng kiểu người. Hóa thân làm một chủng loại gì đó để có thể lắc lẻo ở mọi độ cao. Dần dần sẽ quen, sống béo tốt, vui tươi, giàu có nữa.
- Em không hiểu.
- Hoàn toàn dễ hiểu. Nhưng thôi, bé, hãy trở lại chuyện ngày còn nhỏ.

Ràn rụa nước mắt, Ái Duy úp mặt vào vai tôi, và tôi khẽ đặt tay lên mớ tóc tơ vuốt nhẹ như vỗ về đứa trẻ.

Trên đường về, chiếc Bonus lao theo những con dốc dài. "Nhanh lên anh, nhanh lên!" Ái Duy kêu lên và cười, tiếng cười lạ lùng trong như thủy tinh. Tôi nhún vai. Chiếc xe bốc lên, lao như xé gió.

- Nhanh lên nữa! Nhanh lên!

Giọng cô bé tinh nghịch, hối hả. Hai cánh tay quàng quanh người tôi, cái đầu nhỏ áp vào lưng áo. Tình huống bất ngờ làm tôi hơi bối rối. "Sao? Hết sợ như hồi sáng rồi hả? Nhanh thế này được chứ?"

"Được" một tiếng thoáng bên tai, rồi chợt mắt tôi tối sầm. Hai bàn tay Ái Duy vừa bịt lấy mắt tôi, chiếc xe loạng choạng. Tôi thắng gấp, xe nẩy bật, quay tròn. Một tiếng "rầm" rùng rợn trên mặt đường, tôi không còn biết gì nữa... gì nữa.

*

Tôi cũng không nhớ sau đó người và xe làm cách nào về đến nhà. Buổi chiều, tôi lục tìm thuốc tím và mấy lọ thuốc khác để lau chùi những vết trầy kéo dài trên mu bàn tay và đầu gối. Không hiểu sự may mắn nào đã giúp chúng tôi thoát chết, hoặc ít ra cũng bị thương trầm trọng.

Ái Duy nằm yên lặng lơ mơ trên ghế bành. Chiếc áo gió màu đỏ toạc một đường dài. Tôi bực bội phát cáu vì câu chuyện gặp gỡ tình cờ đã suýt biến thành một trò chơi trí mạng. Nén cảm giác đau rát đang ran lên từ vết thương, tôi bảo:

- Ngốc nhất là tự tìm cách hủy diệt mình, em bé ạ. Chẳng giải quyết được gì cả. Hèn nhát! Anh không bao giờ muốn chết.
- Thì anh đã chẳng bảo chết nằm bên em là một hạnh phúc. - Ái Duy bướng bỉnh trả lời.
- Đừng có ngu. Kinh nghiệm đầu tiên mà mọi con người phải có là đừng bao giờ tìm cách kiểm chứng lời nói của đàn ông - Tôi nói thêm với giọng pha trò để không khí đỡ căng thẳng - Những lời nói ấy thuộc phạm trù thi ca, không thuộc phạm trù khoa học.
- Ít ra, nhờ vậy bây giờ em mới hiểu ra điều đó.

Tôi nhún vai, lắc đầu, không nói nữa.

Tối hôm ấy, sau bữa ăn tối, tôi đưa cái giường xếp nhỏ ra hành lang. Bên trong, Ái Duy chuẩn bị đi ngủ. Qua khung kính mờ, bóng cô gái ngã xuống, kéo dài. Cái bóng đang chải tóc.

Đèn tắt. Một lát. Rồi ánh sáng trở lại, hắt qua những ô thông hơi. Cửa mở. Ái Duy bước ra, ngồi xuống mép giường, mắt mở to, tay rụt rè nắm lấy tay tôi.

Nằm yên, tôi nhìn cô bé. Không hiểu sao, giờ phút nàv lòng tôi bình thản lạ.

- Có chuyện gì nữa, bé?

- Em đang nghĩ đến ngày mai. Anh khuyên em nên thế nào?

- Về nhà. Xem như không có chuyện gì xảy ra. Đi học, đi chơi, nếu thích thì trèo cây, bắt bướm v.v...

- Không thể được. - Ái Duy thở dài, một tiếng thở buồn thương.

- Được. Và phải như thế. Khi những bức xúc qua đi, em sẽ trở lại bình thường.

- Anh lại nói như thế sao? Với em, không bao giờ có thể như trước nữa.

- Đó chỉ là một bước để thành người lớn, chỉ có thế thôi. Em tưởng em có thể làm trẻ con mãi sao? Chẳng quan trọng gì cả, rồi em sẽ hiểu ra và chấp nhận.

- Không, không thể được. Ái Duy òa khóc. "Không, em muốn ở lại đây. Em không thể trở về. Hãy cho em ẩn náu một nơi không có giả dối, không có nhơ nhuốc". "Không có một nơi nào như thế cả". Tôi muốn hét vào tai nàng điều đó. Nhưng làm sao cho nàng tin. Ôi! Ái Duy, những ảo tưởng đầu đời của tôi!

- Anh ơi, tuổi thơ của em đã chấm dứt rồi. Em muốn ở lại đây, ngày ngày em sẽ cọ sàn và nấu ăn. Rồi em sẽ chiên bánh phồng tôm.

Ái Duy nắm cả hai tay tôi. Run run, tôi đứng dậy, nhẹ nhàng đẩy cô bé ra. Nhưng cô không buông, và từng bước, từng bước, chúng tôi đến gần lan can.

Sao đầy trời. Màu đen tím huyễn hoặc phủ xuống thế gian. Lặng yên, lặng yên mênh mông, chỉ còn tiếng Ái Duy thì thầm "Không hiểu sao, anh ạ, lúc này em thấy anh giống như anh Thắng của em hồi xưa vô cùng! Hãy để em ở lại đây. Em yêu anh".

Không hiểu vào giờ phút thốt ra mấy tiếng thiêng liêng ấy, cô bé có hiểu mình đang nói gì không? Tôi đứng trân người, chết điếng, xao xuyến vì sự thử thách quái ác đó, mái tóc cô bé dịu dàng áp vào vai tôi, mùi thơm thiếu nữ làm tôi ngây ngất.

Nhưng tôi trấn tĩnh được. "Bé, bé biết không, anh vẫn nghĩ tìm kiếm sự thanh khiết tuyệt đối là dấn thân vào cuộc hành hương không tới đích. Nhưng không hiểu sao hôm nay... Hồi nhỏ, anh từng kể chuyện một gã ác độc suốt đời toàn chém giết, chỉ duy nhất một lần, hắn đã cứu được một con nhện. Khi

chết, y xuống hỏa ngục và lúc sắp bị thiêu cháy thì một sợi tơ nhện từ trời buông xuống kéo hắn ra khỏi âm ty. Anh có linh cảm rằng sau này khi anh chết, nếu có gì cứu rỗi được anh, đó chính là cái đêm này.

Ái Duy nhìn xoáy vào mắt tôi, đôi mắt ngây dại dưới ánh sao.

- Nghĩa là thế nào, hở anh?

- Nghĩa là thế này, giả dụ đúng là em yêu anh, giả dụ có một điều gì đó giữa chúng ta... Điều đó, bé ạ, nếu là chuyện đùa chơi thì anh không nỡ. Còn nếu là chuyện nghiêm túc, thì lúc này anh chưa dọn mình để đón tiếp nó.

Ái Duy sững người một phút, rồi lùi lại:

- Như thế nghĩa là em phải ra đi?

- Này nhé! Sáng mai, anh sẽ đưa em đến một ngã tư mà anh biết rõ từ đó em có thể đi bộ về nhà trong năm phút. Đừng ngạc nhiên. Em sẽ về nhà, xin lỗi mọi người, sống bình thường như chẳng có chuyện gì xẩy ra. Em hãy yên tâm quên hết những gì xẩy ra trong hai hôm nay; anh hứa với em rằng chỉ có một mình anh biết, mà anh lại không hề rõ em là ai, tên gì, ở đâu. Rồi một ngày kia chính anh cũng chẳng còn nhớ nữa.

Ái Duy vẫn đứng lặng. Hai con mắt nàng nhìn tôi, đôi mắt màu hạt dẻ, lần đầu tiên tôi thấy trong ánh nhìn ấy một vẻ ai oán đến não lòng.

- Em không hiểu vì sao lại phải cẩn thận đến rắc rối như thế. Nhưng thôi, điều đơn giản nhất thì em hiểu rồi: anh không cần có em... Em sẽ đi, đúng như lời anh khuyên - Bỗng nhiên cô bé nghẹn ngào run rẩy: "Bây giờ anh đến đây...".

Ái Duy ngước mắt lên, mắt nhắm nghiền. Tôi đặt tay nhẹ nhàng quanh vai cô bé, "Hãy hiểu cho anh. Sau này em sẽ hiểu". Tôi nhủ thầm và khẽ hôn lên trán cô bé, cái hôn của người anh dành cho đứa em gái nhỏ.

Nhưng Ái Duy mở choàng mắt, lắc đầu, quàng hai cánh tay mảnh dẻ vào cổ tôi. Rồi nàng quả quyết níu đầu tôi xuống và hôn vào môi tôi, cái hôn đầu đời như một thứ lễ vật ngọt ngào. Bây giờ thì tôi không cưỡng lại những lời ru dỗ ngọt ngào của trái tim mình được nữa...

Đêm lặng yên, lặng yên bất tận. Chợt một hồi chuông từ trời cao thánh thót vang ngân. Đã nửa đêm, giờ Chúa ra đời.

*

Lại một sớm mai tràn vào hành lang hẹp qua những ô thông hơi. Tôi tỉnh giấc và nghe tiếng nhạc vọng từ cassette: "Nghe kể chuyện ngày xưa, có một nàng công chúa..."

Rửa mặt, thay áo xong, tôi bước vào phòng.

Cửa mở! Chăn bông nằm nửa trên nửa dưới, chéo chăn phết trên mặt sàn gạch hoa. Trên gối vẫn còn chỗ trũng xinh xinh, mấy sợi tóc tơ còn vướng lại.

Ái Duy đã đi rồi, lặng lẽ, đột nhiên như khi nàng đến. Tôi nhào ra phía cửa sổ, nhìn xuống đường. "Ái Duy, Ái Duy!".

Tự nhiên trong tôi trào lên một ước muốn xót xa được thấy lại khuôn mặt cô bé. Tôi định xuống lấy xe lao ngay đến căn nhà ấy, căn nhà có những cây ổi vươn cành ra tới bờ thành. Nhưng không hiểu sao tôi dừng lại... Hãy chờ một thời gian để lắng xuống những xôn xao của cơn bão. Có thể tất cả cũng chỉ là ảo giác. Không phải là lần đầu tôi biết đến những ảo giác như thế...

Mười ngày sau, khi biết cơn bão ấy không bao giờ qua đi, tôi tìm đến ngôi nhà, ngỡ sẽ gặp cô bé đi học về, áo trắng và cặp sách ôm trước ngực.

Bà cô nghễnh ngãng ra mở cửa. Bây giờ bà già quá mức tôi tưởng tượng, đét như một cành củi khô. Khó khăn lắm tôi mới hỏi thăm được và bà trả lời rằng Ái Duy không trở về nhà. Gia đình tìm kiếm khắp nơi, vẫn bặt tăm.

Năm sau, cũng vào dịp Nôen, tôi đến một thành phố khác nhận công việc làm ăn và được mời dự dạ vũ ở nhà một người bạn. Phòng nhảy mờ ảo dưới ánh đèn lác đác trên cây thông rực rỡ. Đang ngồi trước ly rượu, chợt tôi giật mình vì thấy một đôi trai gái cặp tay nhau bước vào. Người con trai còn trẻ nhưng khá mập, bụng đã phát triển quá mức. Cô gái mặc Jupe đỏ thời trang lưng hở rất thấp, bộ ngực nhô lên rụt rè dưới cổ áo rộng. Trời ơi! đấy là Ái Duy!

Ái Duy! Nhưng sao nàng thay đổi nhiều qua thế? Nàng quay cuồng theo điệu nhạc, đôi môi son màu cánh sen thời thượng. Ái Duy... tôi dụi mắt, nhưng đúng là cái răng khểnh khi cười, cái cổ cao mảnh khảnh, không bao giờ tôi quên.

Nhạc dừng. Tôi đến gần bên gốc thông. Gã con trai đặt một tay lên khoảng thịt da mát mẻ sau lưng cô gái. "Ái Duy", tôi gọi khẽ khẽ, một lần, hai lần. Nàng không nhúc nhích. Lẽ nào em đã quên cả tên của mình rồi ư?

Chợt người đàn ông thầm thì điều gì, chỉ tay về phía cửa. Cô gái quay nhìn, nghiêng nửa người lại, và tôi bàng hoàng nhận ra: Cô ta không có vết son dưới cổ. Không phải Ái Duy.

Đêm hội tan. Tôi trở về khách sạn, lòng bồn chồn vì mừng vui lẫn tiếc nuối. Ái Duy! Bây giờ em ở đâu? Biết đâu chừng, ở nơi xa xôi nào đấy em chẳng đang son phấn quay cuồng trong tay những gã đàn ông không quen biết? Nếu thế thì em sẽ nghĩ gì về tôi, về điều thiện còm cõi mà tôi đã nói với em đêm em cầu xin tôi giữ em lại, và tôi đã quay đi, mặc em lăn xuống dốc cuộc đời!

Cứ thế, tôi nằm chong mắt trong đêm yên lặng. Lúc ánh sáng mai lờ mờ hiện ra qua những ô kính trên cao, tôi chợt thầm nghĩ: Không, mãi mãi Ái Duy vẫn là Ái Duy! Mãi mãi em vẫn là em của đêm ấy, chính em đã ra đi để khẳng định niềm tin của mình, bất chấp những lời tôi khuyên nhủ. Ở con người mảnh khảnh nhỏ nhoi ấy là sức mạnh mãnh liệt không tàn lụi.

Ái Duy, ngọn lửa nhỏ của tôi, bây giờ em ở đâu?

TRẦN THÙY MAI

TRẦN SA

bài năn nỉ cuộc đời

Sau này già tôi sẽ không còn yêu
Không còn nhớ thương không còn hờn giận
Tóc tôi sẽ bạc, da tôi sẽ nhăn, răng tôi sẽ rụng
Tay run run chống gậy làm sao cầm tay nhau
Đêm nằm xương sẽ mỏi lưng sẽ đau
làm sao tựa má kề môi cho nổi

Sau này tôi sẽ già làm sao lầm lỗi
Làm sao đọc sách làm sao làm thơ
Làm sao đi lang thang làm sao sầu lãng mạn
Làm sao cười to làm sao hát vang vang

Sau này chết rồi tôi còn đâu trên trần gian
Còn đâu để nghe chim hót tràn lan trên cành cây buổi sáng
Còn đâu nghe nhạc buổi chiều tin tức buổi tối
Còn đâu đợi chờ ai thủ thỉ yêu tôi

Sau này chết rồi mắt tôi đời đời bóng tối
Tôi không còn nhìn trời đất trong sáng sau cơn mưa
Tôi không còn nhìn thấy con đường xanh đi giữa hàng lá trưa
Không còn ngắm hoa trong vườn khoe áo màu rực rỡ
Không còn liếc trộm lưng chừng đồi mượt cỏ
Thảm biếc lót lưng những tình nhân

Tôi sẽ không còn hít thở giữa mùa xuân
Mỉm miệng cười bất tử
Mơ làm con chim én
Mơ làm con bồ câu
Mơ làm một mũi tên
Bay vào lịch sử hay bắn vút ra ngoài trái đất

Sau này già, rồi tôi sẽ mất
Cuộc đời ơi đừng đợi làm người vuốt mắt
Tôi hôm nay đang còn hồng môi xanh tóc
Hãy cho tôi nghe tiếng cười ngọt ngào
Hãy cho tôi những nụ cười vui
Tôi yêu đời sao đời chẳng thương tôi

Tôi đang nai rừng hồn hậu rong chơi
Tôi năn nỉ đời đừng làm cạn suối
Cho tôi chạy nhảy làm gai bít lối
Đời hãy hiền từ tôi sống một lần thôi

khép hai mắt lại nghe trời tuyết rơi

Bỗng dưng rồi
lại nhớ Người
Khép hai con mắt
đã vui cười hôm qua
Lúc chia tay
gượng chẳng lệ nhòa
lúc đau vừa thấm
là xa vô ngần
Ngỡ ngày cũ sẽ
quên dần
Ngờ đâu ngày ấy
còn mưng
trong hồn
Nhìn nhau

mừng
má còn hồng
Không nhìn nhau
vẫn thấy
lòng xuyến xao
Bàn tay đâu nói lời nào
Mà nghe sông suối
mát vào ngón tay

Bỗng dưng
rồi lại thèm say
Khép hai mắt
để mộng bay lên trời
Trao nhau
lại buổi bồi hồi
Rót lưng chén rượu
nâng mời ngang môi

Mà thôi
nắng đã xa rồi
Khép hai mắt lại
chỉ nghe trời tuyết rơi

TRÂN SA

NGUYỄN XUÂN QUANG

thoát xác



Tên tùy viên của người lãnh tụ quay qua nói với người con gái:

— Em không nên đi chuyến này với Người.

Người con gái để ly rượu xuống cái bàn góc, ngước mắt nhìn thẳng vào mắt người đàn ông.

— Sao vậy?

— Bây giờ là mùa đông ở phía Nam.

— Mưa thì sao?

Người đàn ông hạ thấp giọng gần như đang nói trong miệng mình.

— Nguy hiểm...

Người tùy viên nhấp một ngụm rượu, tiến lại gần người con gái, mắt lấm lét nhìn quanh nhà, nhìn kỹ từng cái khe hở, tưởng như căn nhà xa lạ không phải là căn nhà của chàng. Người đàn ông thầm thì:

— Anh biết nhiều người đàn bà sau một đêm mưa ăn nằm với Người...

Người con gái trố mắt, miệng hé mở chờ phần cuối của câu nói.

— Sau đêm mưa Người thường ra lệnh thủ tiêu những người đàn bà...

Người con gái thở thật sâu để lấy thêm không khí, choàng tay ôm ngang cổ người đàn ông.

— Chứ không phải anh tham lam, muốn giữ em cho riêng anh sao?

— Không... Anh yêu em... Anh hiểu người... anh không muốn chính anh là người thi hành cái lệnh thủ tiêu em.

— Em cũng yêu anh, nhưng em phải trở thành đệ nhất phu nhân... em phải chiếm Người.

— Nếu thế em phải sống còn.

— Nhưng tại sao lại sau đêm mưa.

— Chỉ những người đàn bà đó hiểu tại sao. Em biết không. Họ biết nên họ phải câm miệng đời đời. Chỉ cần một ám hiệu của Người, anh phải ra tay.
Người đàn bà nốc hết ly rượu, tiến ra cửa sổ vén màn nhìn ra ngoài.
— Thế em phải làm sao?
— Em nên tìm cách đừng đi theo Người kỳ này. Hãy để một người con gái khác thế cho em. Anh sẽ cố gắng...
Người con gái ôm chầm lấy người đàn ông. Cả hai người cùng im lìm, suy tư. Bên ngoài thành phố đã lên đèn.

*

Chuyến kinh lý về phương Nam vẫn được xúc tiến như dự định. Người tùy viên dẫn theo người nữ bí thư thay thế chỗ của người yêu mình. Đúng như sở khí tượng đã tiên đoán, càng đi về phía Nam, trời càng âm u. Viên lãnh tụ biết rõ trời sắp mưa hôm nay. Tên tùy viên thỉnh thoảng lén nhìn trộm khuôn mặt viên lãnh tụ. Anh ta là người duy nhất hiểu Người. Nhiều lần anh muốn đề nghị dừng chân nghỉ dọc đường nhưng chưa dám. Khuôn mặt viên lãnh tụ thay đổi với thời tiết bên ngoài, càng ngày càng tỏ ra căng thẳng, bất an. Cuối cùng người tùy viên lấy hết can đảm mở lời:
— Thưa ngài, trời đang chuyển mưa, hay chúng ta dừng chân nghỉ đâu đây đêm nay.
— Có nơi an toàn gần đây không?
— Thưa ngài, có Điện Hoàng Gia ở rừng ông Hoàng cách đây nửa giờ.
— Ra lệnh cho chúng nó đến đó càng sớm càng tốt, đừng để mắc kẹt cơn giông
Tên tùy viên ra lệnh cho đoàn tùy tùng.
Khi đến Điện Ông Hoàng, trời đã tối đen vì cơn giông.
Viên lãnh tụ ra lệnh cho dọn dẹp cái hầm nhà mặc dầu các căn phòng bên trên đầy đủ các tiện nghi, đồ đạc nguy nga. Đám tùy tùng không hiểu tại sao viên lãnh tụ lại muốn dọn cái hầm nhà ẩm mốc tối tăm, họ chỉ mang máng cho rằng có lẽ đó là vấn đề an ninh. Chỉ có tên tùy viên hiểu mà thôi.
— Căn nhà này có cột thu lôi chứ?
— Dạ thưa ngài có.
Đoàn người hầu cận tháo gỡ hết đồ đạc từ những ngăn trên chuyển xuống hầm nhà. Màn cửa được kéo chặt, kín mít. Viên lãnh tụ đi đi lại lại trong căn phòng ở dãy trên chờ đoàn hộ vệ dọn dẹp căn hầm nhà, khuôn mặt đã bớt căng thẳng.
Trời bên ngoài chuyển mưa. Sấm chớp. Viên lãnh tụ mỗi lần nhăn mặt vài giây sau tia chớp lại soẹt lửa trên nền trời mây đen. Kế đó là những tiếng sấm rền trời.
Khi bước xuống căn hầm viên lãnh tụ mới hết lầm lì, bắt đầu nói cười trở lại. Căn phòng kín như bưng. Tuyệt nhiên không có một vật gì bằng kim khí.

Tên tùy viên hiểu thượng cấp mình hơn ai hết. Hắn biết trong những ngày mưa viên lãnh tụ chỉ uống một loại rượu duy nhất, một loại rượu thật rẻ tiền. Hắn lúc nào cũng cho mang theo trong những lần đi kinh lý. Hắn cũng biết trong những đêm mưa viên lãnh tụ rất sợ cô độc, lúc nào cũng cần phải có một người đàn bà bên cạnh.

Bữa cơm chiều đã dọn xong. Viên lãnh tụ ngồi yên tại bàn chưa chịu cầm muỗng nĩa. Viên đầu bếp trước khi rút lui lấy hết can đảm mở lời.

— Thưa ngài còn cần gì thêm nữa?

Viên lãnh tụ nheo mắt đùa:

— Còn cần một người ngồi ăn chung.

— Thưa ngài tôi sẽ nói với người tùy viên.

Người đầu bếp đi giật lui ra tới cửa. Năm phút sau người tùy viên xuất hiện.

— Thưa ngài cho gọi tôi.

— Mời cậu ngồi ăn chung với tôi.

— Dạ thưa ngài tôi đã dùng. Tôi có đưa một nữ bí thư đi theo, để tôi nói cô ta ra hầu rượu ngài.

Người tùy viên đi như chạy ra ngoài. Vài phút sau một người con gái vào trình diện viên lãnh tụ. Người con gái có vẻ ngơ ngác trông thấy, đứng chờ lệnh, nàng chỉ khẽ gật đầu chào rồi im lặng. Viên lãnh tụ đôi mắt rực lửa, quét nhanh khắp người con gái, chậm rãi đẩy ghế ra sau từ từ đứng dậy tiến tới cái ghế bên cạnh, kéo ghế mời người con gái ngồi xuống. Người con gái nhỏ nhẹ.

— Cám ơn ngài.

Viên lãnh tụ chậm rãi trở lại chỗ, ngồi xuống ghế.

— Cô em là Bí thư?

— Dạ.

— Sao tôi chưa gặp cô lần nào?

— Tôi không được cái hân hạnh đó, hôm nay trời mưa..

Người con gái nhếch mép cười có vẻ chua chát. Viên lãnh tụ cau mặt, hai tay bóp thái dương, vài giây sau tiếng sét nổ vang trời. Viên lãnh tụ nhấc ly rượu, hớp một ngụm lớn, hai mắt đỏ lửa.

— Cô bảo sao?

— Tôi nói hôm nay nhờ mưa bão tôi mới có diễm phước gặp ngài, ngồi ăn chung với ngài.

Viên lãnh tụ gờm nhìn người con gái, cái ngang ngạnh, xấc xấc như ngòi nổ cháy chậm, ngún dần... Không người đàn bà nào không sợ cái uy quyền và chờ đợi cái ân sủng của mình. Trong lòng viên lãnh tụ gợi lên một chút e dè nghi ngại, một chút tò mò:

— Phúc hay họa?

— Phúc hay họa tùy nơi mình.

— Cô dùng cơm đi chứ?

— Mời ngài.

Người con gái khám phá ra một điều, thỉnh thoảng viên lãnh tụ lại ngưng ăn, nhăn mặt, hai tay bóp thái dương, vài giây sau tiếng sét nổ rền trời. Dường như người lãnh tụ biết sắp có sấm nổ.

Chiếc đèn cầy thấp dần. Chai rượu rẻ tiền cũng đã cạn.

Người con gái không hiểu sao một vị nguyên thủ lại uống một thứ rượu rất tồi.

Tiếng mưa rào rào bên ngoài. Sấm chớp dường như tiến lại càng gần lâu đài viên lãnh tụ đang trú chân. Đột nhiên người đàn ông cất tiếng hỏi:

— Này cô em.

— Dạ.

— Nếu sáng mai cô em biết mình không còn là người...

— Thế cũng mãn nguyện rồi... Một đêm với ngài có thể dài hơn quãng đời còn lại... Mục đích đời tôi vào làm bí thư là để có dịp được gần ngài một lần...

Người đàn ông gật gù

— Cô em sẽ được mãn nguyện.

Vừa nói dứt câu, người đàn ông hai tay chụp lấy đầu, chúi về phía người con gái như một đứa trẻ nấp vào người mẹ tìm một chỗ ẩn náu nương tựa trong một biến cố.

— Chuyện gì vậy ngài?

— Sấm sét...

Người đàn ông dứt lời một tiếng nổ long trời. Người con gái ôm chầm lấy người đàn ông che chở.

— Cám ơn cô em.

Người đàn ông ngồi ngay ngắn trở lại.

— Sao ngài biết có sấm sét?

— Sấm sét ở trong đầu tôi.

Người đàn ông cũng khám phá ra một cảm giác lạ lùng là kể từ lúc có sự hiện diện của người con gái trong phòng, ông ta thấy dễ chịu hơn.. Trước đó những tia chớp ngoài trời, mặc dầu bây giờ đang ở cuối căn hầm kín mít này, viên lãnh tụ không còn thấy nữa, nhưng viên lãnh tụ vẫn biết, mỗi lần có chớp bên ngoài trời óc người đàn ông lại nhói buốt. Người con gái đem lại sự tự tin trong lúc mưa, sấm chớp lần đầu tiên trong đời ông ta khác hẳn với những người đàn bà khác. Ông không bao giờ để một người nào kể cả đàn bà con gái có thể tranh luận ngang hàng với mình nhưng không hiểu sao đêm nay chuyện đó có thể xảy ra với người con gái này. Người con gái không tỏ ra sợ sệt trước oai quyền của ông.

Người đàn ông kéo khăn lên lau mép.

— Cô uống thêm rượu gì cứ gọi đầu bếp họ sẽ đem ra. Tôi chỉ thích uống rượu này trong đêm mưa.

— Cám ơn ngài, tôi thích uống cùng thứ rượu với người đối ẩm, cùng thứ men sẽ thấy đồng điệu hơn.

— Cô là người đàn bà lạ lùng tôi gặp trong đời. Tôi hỏi thật cô em nhé. Cô không sợ tôi phải không?

— Tôi kính ngài, nể ngài. Sợ ngài? Tôi không sợ ngài. Ngài nói ngày mai tôi có thể chết. Cái chết tôi không sợ nên tại sao tôi sợ ngài, ngài cùng lắm cũng là nỗi chết.

Niềm nghi ngại nổi dậy trong đầu óc viên lãnh tụ, người đàn ông nhìn dò xét. Trên người con gái không còn một mẩu kim khí... Trước khi vào căn phòng này chắc chắn nàng đã phải bị lục soát kỹ lưỡng, ngay cả cái giây đeo lưng, mảnh kim khí trang sức cũng phải tháo bỏ lại bên ngoài.

— Ngài có vẻ sợ tôi phải không?

Viên lãnh tụ giật mình, một lúc sau ông ta cố giữ thản nhiên.

— Tại sao lại sợ cô, dù rằng cô có là người của kẻ thù tôi gửi đến...

Người đàn ông liếc nhanh dò xét. Người con gái mỉm cười bí hiểm.

Viên lãnh tụ sờ tay ngang lưng nhận thấy mình cũng không có một tấc thép trong người, khắp căn phòng không còn một mẩu kim khí, ngay cả những đồ ăn, muỗng nĩa cũng đều bằng gỗ. Gỗ hay nhựa. Người tùy viên đã hiểu ý viên lãnh tụ đã cho lấy hết và tháo gỡ lấy những vật có thể dẫn điện. Người đàn ông cố giữ bình thản, nói lảng:

— Cô em ở đâu?

— Tôi sinh ở một tỉnh nhỏ ở vùng núi Bạch Mã.

Người đàn ông đưa mắt ngần ngại nhìn người con gái.

— Tôi cũng từng ở đó.

Người con gái bí hiểm

— Ngài đã theo học trường nhà dòng ở đó.

Người đàn ông thấy lạnh gáy.

— Sao cô biết?

Người con gái châm chọc

— Đọc tiểu sử của ngài.

— Tiểu sử của tôi không có nói đến cái tiểu tiết đó.

Người con gái đưa mắt nhìn người đàn ông tình tứ châm chọc.

Viên lãnh tụ nốc cạn ly rượu. sự nghi hoặc làm choáng váng, cả bộ óc như đang sủi bọt, sôi sục, ông ta đứng dậy lấy cớ

— Tôi đi rửa tay.

Người con gái lại mỉm cười không nói, tuy nhiên nàng cũng đứng dậy muốn đỡ người đàn ông. Viên lãnh tụ cố ý đi ra ngoài liên lạc với tên tùy viên để hỏi tung tích người con gái, ông ta từ chối:

— Tôi đi một mình cũng được.

Viên lãnh tụ đi ra phía cửa. Càng đến gần cửa đầu óc càng đau buốt, cả khối óc như bốc lửa, đầu óc càng tăng cao điện thế. Viên lãnh tụ nhận thấy rằng, càng xa người con gái, cái an toàn càng mất, nhưng ông cố gắng phải liên lạc được với người hầu cận. Rời khỏi căn phòng, đầu óc càng quay cuồng, nhói, buốt, những tia chớp ngoài trời như bổ xuống đầu mình. Tiếng còi hụ

trong đầu. Chóng mặt. Người đàn ông biết chắc sấm sét sẽ bổ xuống đầu mình, cuối cùng không chịu nổi nữa, người đàn ông phải mở cửa phòng trở lại căn phòng.

Người con gái giật mình thấy người đàn ông đầu bốc lửa, đôi mắt xanh như hai ngọn lửa đốt bằng hơi đốt, mái tóc dựng đứng, toàn thân phát quang. Người con gái nhào tới, khi bàn tay nàng chạm vào người đàn ông, một giòng điện làm tê dại cả người. Một tiếng nổ long trời. Bụi bay mịt mù, gạch vữa tung bay. Người đàn ông ngã người vào lòng tay người con gái. Cả hai người phát quang như lân tinh.

— Anh có sao không?

— Không sao. Cô không sao chứ?

— Em không sao. Sét đánh phải không anh?

— Ừ sét đánh.

Người đàn ông nhận thấy người con gái tự tiện gọi mình bằng anh. Tiếng sét đã bổ xuống đầu người đàn ông. Nỗi ám ảnh đã qua, người đàn ông thở dốc nhưng cảm thấy khoan khoái. Ông ta đã thoát thân thành một người khác.

— Cám ơn cô em đã cứu tôi.

— Em có làm gì đâu.

— Cô em đã chia sớt giòng điện trong đầu tôi, nếu không lưỡi tầm sét đã cắm vào đầu tôi rồi. Tay cô có sao không?

Nghe người đàn ông hỏi, người con gái cười, nhận thấy đầu ngón tay mình rát như phải phỏng. Nàng đưa hai bàn tay lên. Mười đầu ngón tay cháy nám, rộp bỏng.

— Cô có nghị lực, có một sức sống và tình thương mãnh liệt nên mới cứu được tôi đêm nay.

— Em không hiểu rõ.

— Cô giống mẹ tôi... mẹ tôi đã cứu tôi nhiều lần, hai bàn tay của bà đã cháy cụt vì sấm sét.

Có những tiếng chân người chạy hối hả bên ngoài. Tiếng gõ cửa.

— Vào đi.

Tên tùy viên và đám cận vệ hiện ra sau cửa.

— Thưa ngài bình an chứ?

— Không sao.

— Thưa ngài, sét đánh gẫy cột thu lôi và đào một lỗ hổng rất lớn ở trên sàn nhà tầng trên...

Viên lãnh tụ ngước nhìn lên trần. Ngay trên đỉnh đầu một tảng lớn xi măng đã tróc mất, tua tủa ra những đường rạn nứt như chân nhện.

— Không sao cả. Cho trồng lại cột thu lôi khác.

— Tôi cho tháo cột thu lôi ở tòa nhà bên trồng lại.

Đoàn cận vệ thu dọn căn phòng xong rút lui. Tên tùy viên kinh ngạc về sự mềm dịu của viên lãnh tụ, đây là lần thứ hai hắn thấy thượng cấp mình là một

con người khác lạ, rất nhã nhặn.

Viên lãnh tụ đã thoát xác. Ông ta dìu người con gái lại giường.

— Hèn gì thiên hạ hồi trước đồn mẹ anh bị bệnh cùi rụng mười ngón tay.

Người đàn ông rùng mình, đứng khựng lại. Hai mắt cố mở lớn nhìn người con gái. Hai mí mắt nặng như ngàn kí không tài nào nhấc lên nổi, người đàn ông không hiểu chuyện gì xẩy đến.

— Cô có phải là hiện thân của mẹ tôi không?

Người đàn ông đã có ý nghĩ người con gái là hậu thân của mẹ mình. Người đàn ông mân mê mấy đầu ngón tay cháy bỏng của người con gái.

— Anh cầm thử tay mẹ anh phải không?

— Tôi yêu và hận mẹ tôi đến chết.

Người đàn ông buông hai tay người con gái rơi thõng xuống. Thở dài. Hai mí mắt rũ liệt, không tài nào giương lên nổi nữa.

— Đưa tôi đến giường, đưa tôi đến giường ngay lập tức.

— Anh có sao không?

— Điện trong óc tôi cạn hết rồi.

Người con gái không hiểu gì cả. Nàng dìu người đàn ông đến bên giường. Người đàn ông đổ xuống giường như một thân cây mục gốc. Nằm sóng xoài.

— Ngủ đi cưng... anh sẽ kể cho em nghe...

Tiếng nói thều thào, cạn hơi. Người đàn ông rũ liệt...

*

Chợp mắt một lúc, người lãnh tụ choàng tỉnh dậy. Người con gái hai tay khoanh trước ngực, đứng sau cửa sổ, màn cửa đã kéo qua một bên, đăm chiêu nhìn ra ngoài. Trời đã tạnh mưa, những tia chớp ngoằn nghèo trên nền trời mây ướt sũng, trĩu nặng. Người lãnh tụ đã nhận ra được cái vóc dáng quen thuộc. Những tia chớp không còn làm buốt óc người đàn ông.

— Cô em không ngủ sao?

Người con gái giật mình quay lại:

— Anh tỉnh rồi à?

— Ừ

Giọng nói khiến người đàn ông nhận biết chắc chắn tung tích người con gái. Người lãnh tụ ngẩng người dậy, dang rộng vòng tay.

— Lại đây "cái kẹo" của anh.

Người con gái ngã vào vòng tay đón chờ:

— Bây giờ anh mới nhận ra em. Tưởng anh không bao giờ nhớ ra em.

— Ừ... Tư thế của anh đã làm anh quên đi nhiều thứ.

Em vẫn như ngày nào, vẫn ngang bướng đành hanh... Anh còn nhớ em là cô bé bạn học cùng lớp với anh ở cái trường nhà dòng đó, cô bé lúc nào cũng đòi học hơn anh, và mỗi lần thua lại khóc sướt mướt...

— Sao hồi tối anh không nhớ ra em?

— Nhờ bị sét đánh... sét đánh làm anh nhớ ra được nhiều thứ, ngay cả tiền kiếp anh...

Người con gái tê dại cả người. Như có giòng điện truyền qua người mình. Nàng rợn người, từng mảng da xần xù, từng mảng da dầy cộm. Nàng ngửi thấy bàn tay mình cháy khét.

Người đàn ông với điếu thuốc, mồi lửa, tráng miệng. Thịt gân trùng xuống. Hắn nhìn hắn ngắm những lằn chớp ngoằn ngèo, hắn nhìn cả đôi mắt. Điếu thuốc ngon lạ lùng.

— Anh.

— Gì em! Em thấy hạnh phúc chứ!

— Em có cảm tưởng như bị sét đánh lần nữa.

— Em tuyệt vời, mặc dầu sau mỗi lần bị sét đánh, anh hoàn lại thành người, anh thấy lại đàn bà, anh lại tìm thấy giống cái, nhưng lần này tuyệt vời, tuyệt vời.

— Còn em, em đã trả được thù, em ao ước có được đêm nay với anh, và em đã rửa được thù.

— Thù gì?

— Thù cái thằng bạn học mà em rất yêu và rất ghét.

Người đàn ông cười hả hê, xiết chặt lấy người con gái.

— Anh biết không, khuôn mặt anh đêm nay rạng rỡ dễ yêu, em ghét cay ghét đắng khuôn mặt anh trước quần chúng, trước nhân dân.

— Sét đã đánh rơi cái mặt nạ đó đi rồi.

Người đàn ông thở dài, dụi điếu thuốc.

— Hồi nãy anh bảo ngủ đi, anh sẽ kể cho em nghe chuyện gì?

— Em muốn nghe thật chứ?

— Tại sao không thật?

— Nếu sáng mai em không còn là người, em có còn ý định muốn nghe anh kể chuyện đời anh cho em nghe đêm nay không?

— Em đã nói với anh rồi, em không sợ chết, em đã trả được thù, em không tin anh sẽ giết em sau khi đã biết em đêm nay. Em tin anh có thể hủy diệt hàng triệu người, nhưng em không tin anh giết nổi em...

— Em khá tự tin... Được rồi... em cho anh ly rượu... rượu vào lời ra.

Người đàn ông kéo cao cái gối, ngồi dựa vào thành đầu giường đợi người con gái nằm xuống gối đầu lên lòng mình.

— Không biết anh bắt đầu từ đâu đây?

— Chỗ nào để kết thúc đúng vào lúc mặt trời mọc sáng mai.

— Thôi bắt đầu từ cái tế bào gốc của đời anh. Khi anh còn là một tế bào mầm, người ta gọi là cái trứng non, anh đã bị giam cầm, đã bị giam cầm bởi các hóa chất hơn mười lăm năm trong cái buồng trứng của mẹ anh. Nói một cách dễ hiểu hơn là mẹ anh uống thuốc ngừa thai. Anh đã ao ước, anh đã muốn bao lần được phát triển, được cơ hội để trở thành người, anh đã thoi thóp sống, thoi thóp chờ... Thuốc đã đầu độc cái tế bào đó, anh đã lơ mơ, lơ

mơ mười mấy năm trường khắc khoải... Mẹ anh uống thuốc ngừa thai từ hồi bà mười bốn tuổi... Anh đã ở trong cái ngục tối hóa chất, anh đã ngụp lặn trong cái vũng hóa chất loài người, anh đã nuôi chí trở thành con người, để thấy thế giới loài người và để ngự trị loài người...

— Và anh đã trả thù con người.

— Nếu có, thì cũng là do hóa chất đã thấm vào đầu óc anh đã làm... Bên em, đêm nay anh hoàn lại thành người.

Người đàn ông nhấp rượu thấm giọng:

— Anh còn nhớ nhiều lần mẹ anh quên uống thuốc vài ngày, anh đã ra khỏi cái đám mây mù hóa chất, anh thề anh phải thành người, bằng mọi giá anh phải làm người, anh đã mừng hụt không biết bao lần, mẹ anh và những người đàn ông lại dùng những phương pháp ngừa thai khác ngăn cản anh thành người.

— Thế rồi sao anh thành người được?

— Em bình tĩnh, anh sẽ kể đến đoạn đó.

— Anh câu giờ quá!

— Thì em muốn kết thúc đúng lúc mặt trời mở mắt và đúng lúc em nhắm mắt...

Người con gái hờn mát:

— Chả sao!

Người đàn ông vuốt mái tóc mai, nựng:

— Thôi được, để anh kể vắn tắt hơn, chúng mình còn cần nhiều thì giờ để ân oán.

Người con gái tình tứ:

— À há.

— Rồi một hôm, anh tưởng mẹ anh có ý định có thai, nhưng sau đó anh biết không phải mẹ anh muốn sinh ra anh, tất cả chỉ là một tai nạn. Mẹ anh là một người đàn bà cuồng tình, có rất nhiều tình nhân. Lúc ấy bà bị bệnh lậu. Một cơ hội ngàn đời đã đến với anh. Con vi trùng lậu đó đã lờn các loại thuốc thông thường, vị bác sĩ đó đã cho mẹ anh uống Rifampin. Loại thuốc này đã làm cho thuốc ngừa thai không còn hiệu nghiệm nữa. Lợi dụng thời cơ, tế bào anh phát triển mau, phát triển mạnh. Mẹ anh không hay biết gì, vẫn ăn chơi vẫn giao du, vẫn rượu chè. Như em đã biết, gia đình mẹ anh là một gia đình tư bản, trọc phú, sa đọa. Anh không biết thật sự ai là cha anh. Anh đã lao đao, choáng váng ngay từ lúc rời cái tổ trứng, cái xà lim mười mấy năm trời đóng khung bằng hóa chất, anh đã say khướt với những trận rượu của mẹ anh, anh đã ghiền các loại rượu mà mẹ anh khoái.

— Đó là lý do anh thích uống loại rượu rẻ tiền hiện tại.

— Nhất là những đêm mưa sấm chớp.

Người đàn ông vuốt những giọt mồ hôi trên ly rượu.

— Căn bệnh lậu đã làm cho cái ống dẫn trứng mấp mô tắc nghẽn, nhờ thèm khát, nhờ trì chí muốn thành người anh đã lết được đến đích và đã gặp

được mầm đực, trở thành cái trứng thụ tinh để rồi cuối cùng ngoi ngóp bò tới được cái góc dạ con. Em biết không, hạnh phúc biết bao, tuyệt vời như đêm nay ăn nằm với em, lúc nãy anh đã rợn người khi bắt gặp lại cảm giác huy hoàng lúc mầm đực và mầm cái gặp nhau. Tuyệt vời như cái lúc thành người.

Nhưng em biết không, mẹ anh không muốn có con, chỉ vài tuần sau bà nhận biết có sự khác thường, bà nghi ngờ sự hiện diện của anh. Rồi những ngày lao đao, những ngày tra tấn, những ngày sát nhân đã đến với anh. Mẹ anh đi hết bác sĩ này qua bác sĩ khác, hết thử nghiệm này đến thử nghiệm khác. Định mệnh đã đến với anh, không biết có phải vì anh quá yếu hay vì mẹ anh quá bê tha trác táng, các thử nghiệm vẫn không cho thấy có sự hiện diện của anh. Người ta chích thuốc điều kinh cho mẹ anh. Anh đã chết đi sống lại bao lần. Mẹ anh lao đầu vào rượu chè, độc dược, ma túy. Anh đã lênh đênh trên những giòng thác hóa chất, anh đã mê man...

Người đàn ông giọng rưng rưng ướt

— Nếu em hiểu, em sẽ không thù hận anh.

Người con gái nắm chặt lấy bàn tay người đàn ông, chia xẻ.

— Một tháng sau người ta khám phá ra cái mầm sống là anh. Mẹ anh đã khổ sở vì toan tính và anh đã sống chuỗi ngày địa ngục. Cuối cùng mẹ anh quyết định phá thai. Một lệnh tử hình đến với anh. Mẹ anh lại đầu độc mình và anh lại bị đầu độc thêm.

Lại một định mệnh nữa, người ta nạo dạ con, nhưng may thay nhờ anh thiếu phát triển so với những phôi nhi cùng ngày tháng như anh, anh lại kẹt ở cái góc dạ con, nên cái muỗng nạo, cái máy chém không bổ xuống đầu anh, nó chỉ đâm vào bàn chân phải anh.

Người đàn ông kéo quần lên, nhấc chân ra chỗ ánh sáng.

— Em là người con gái được thấy cái sẹo này lần đầu tiên.

— Thế rồi sao anh?

— Anh chỉ bị thương ở chân. Anh còn nhớ tiếng muỗng nạo xoèn xoẹt bên cạnh người, rút từng mảng nhau, nhổ từng mảng thịt, anh đã ngộp thở chết lịm trong vũng máu... Khi tỉnh dậy, anh biết mình đã nhờ phép mầu nên sống còn, nhưng sống còn trong địa ngục, trong thống khổ, trong đọa đầy, thiếu thốn. Anh sống thoi thóp, thân thể anh không đủ dinh dưỡng để phát triển, ngoại trừ bộ óc anh... Kể từ ngày đó anh đã quen, anh đã thích và cũng đã ghiền những hóa chất mẹ anh dùng, chúng giúp mẹ anh quen với tội lỗi và giúp anh quen với đọa đầy.

Một tháng nữa trôi qua, mẹ anh không thấy kinh trở lại. Bác sĩ bảo bà có thai và phúc đức thay ông ta khuyên không nên phá thai thêm nữa vì tình trạng sức khỏe của bà và ảnh hưởng đến sau này nếu bà muốn có con. Mẹ anh đinh ninh là bà có mang trở lại.

Sóng gió lại nổi lên, lần này cha anh vắng nhà cả tháng trời. Khi về cha anh — mà chính anh cũng không chắc ông là thủ phạm đã đẻ ra anh hay

không — ông ta từ khước, tự nhận mình vô tội và cha mẹ anh ly dị nhau.

Mẹ anh lao đầu vào nghiện ngập, lấy nghiện ngập làm lẽ sống, và anh trở thành người hóa chất, như một xác người ngâm trong lọ hóa chất.

Những tháng trôi qua, nhờ những đầy đọa, những tai ương, những hóa chất, con người anh tong teo nên cái góc dạ con đó đủ chỗ cho tới ngày anh có thể sống được. Ngày ấy anh được bẩy tháng rưỡi, cái góc dạ con hết chỗ và anh đã bị tống ra ngoài trong một cuộc truy hoan của mẹ anh. Anh đã ra đời trong mê loạn, anh chỉ nặng bằng miếng thịt bò, hơn nửa kí lô.

Người đàn ông uống một ngụm rượu lớn, như chờ lật qua trang truyện khác.

— Ra đời rồi anh lại hối tiếc cái góc kẹt dạ con đó, sự thay đổi môi sinh là một đọa đầy. Thiếu ma dược, thiếu rượu chè anh đã bị ma túy vật tàn bạo, nhưng cực hình hơn nữa chính là những tra tấn tinh vi của loài người.

Em biết không? Lúc ấy anh muốn được nhắm mắt xuôi tay, nhưng người đời đã nhân danh cái này cái nọ, bằng mọi giá họ làm cho anh đạt được những hình thức gọi là sống, để thỏa mãn cái nhân danh, để đạt được mục đích thí nghiệm, để sửa chữa những khiếm khuyết của máy móc... Nhiều lúc chán chường anh đã hối tiếc không được chết ngay lúc đó.

— Chết ngay lúc đó thì làm sao anh có được ngày hôm nay?

— Anh chỉ là nô lệ của ma lực. Hóa chất đã đem lại vinh quang cho anh.

— Họ đã làm gì anh?

— Họ tận lực cứu anh sống. Họ bỏ anh vào lồng ấp, bắt chước như một cái dạ con nhân tạo. Nhưng làm gì có cần sa, ma túy, thuốc lá, cà phê... phổi anh còn non, anh không cất được tiếng khóc chào đời, người ta đút cho anh cái ống thở, cái máy thở, thở hộ anh, anh được nuôi bằng thức ăn truyền vào rốn, họ luồn ống vào bọng tiểu anh và ruột cùng để thoát dẫn chất cặn bã ra ngoài. Anh mệt mỏi quá, nhiều lúc tim muốn ngừng đập cho xong cực hình, nhưng cái máy điều khiển tim lại bắt tim anh phải đập đúng theo tiêu chuẩn... rồi phổi anh bị dập, máu rỉ ra trong óc, họ đút ống phổi cho hơi xì ra, cho máu chảy ra, họ đâm kim vào óc anh vào sống lưng anh hút máu ra... Những lúc mệt quá thiếp đi, máy lại phát ra điện làm giật bắn người lên thức dậy, anh phải sống theo những cái máy tinh vi, anh là nô lệ của những cái máy vô tình cảm... Em biết không, nằm trong cái địa ngục lồng ấp đó, ánh nắng điện chói chang chiếu vào người, họ bịt mắt anh cho khỏi lòa, ánh điện làm cho da anh bớt vàng, tiếng máy chạy suốt ngày đêm buốt óc, những âm thanh, những tiếng máy báo động rợn người... Thế rồi máu anh vỡ ra. Người ta rút hết máu anh ra thay vào bằng máu của một người vô danh nào đó, có lẽ một tên nghiện ngập đã bán máu để mua vài phút yên thân và anh cũng được vuốt ve một thời gian.

Anh không hiểu anh bị tra tấn như thế bao lâu, anh chỉ biết anh phải tuân lệnh theo máy, và anh có cảm nhận là máy móc đã đẻ ra anh, anh tùy thuộc vào những máy móc đó, anh là người máy đã điều kiện hóa. Anh phải sẵn

sàng tuân lệnh. Anh sống theo giờ giấc, ăn uống theo phân lượng, phổi thở, tim đập, bài tiết theo máy chỉ định... và anh sống còn như cây cỏ, như một cái máy nhờ đủ thực phẩm, đủ nước, đủ nhiên liệu.

— Loài người đâu có ác ý với anh.

— Anh biết. Và loài người nói chung và em nói riêng cũng nên hiểu là anh cũng không có ác ý với đồng loại. Có nhiều lúc anh tuân lệnh những hóa chất, những giáo điều của máy móc mà anh ra tay.

— Và anh đã thành công ở một khía cạnh nào đó.

— Phải, anh thành công từ những rút tỉa bản thân.

— Tội nghiệp anh. Bây giờ em mới hiểu rõ anh. Em yêu anh nhiều hơn.

Người con gái ngồi nhổm dậy, tay ôm choàng qua cổ người đàn ông.

— Yêu anh nhiều hơn và em không muốn chết nữa.

Người đàn ông ranh mãnh:

— Em vẫn tinh quái như ngày xưa, anh không bị lừa đâu.

— Em không lừa dối anh. Tại sao anh lại muốn giết em?

— Đó là một giáo điều, em biết quá nhiều về anh.

Người con gái thở dài, ngã đầu vào ngực người đàn ông:

— Anh sẽ hối hận khi giết em.

— Anh đã hối hận nhiều thứ, nhưng anh vẫn làm, chỉ hối hận khi bị sét đánh, như đêm nay, ngày mai anh lại trở thành con người lãnh tụ, em hiểu cho anh, dường như anh yêu em, không biết có phải vậy không. Làm lãnh tụ không có quyền hối hận.

Người con gái vùng ngồi dậy như khám phá ra được điều gì.

— Anh đã nói lúc gần em anh bắt gặp lại cái cảm giác tuyệt vời khi hai mầm giống hòa hợp nhau, anh đã tìm được cái tuyệt vời của sự sống khai sinh... biết đâu đêm nay...

Người con gái ngưng lại, hôn lên môi người đàn ông một cái hôn chớp nhoáng:

— Biết đâu đêm nay cái sự sống khai sinh trở lại giữa anh và em. Anh đã từng chịu bao cực hình để thành người, để làm người...

Người đàn ông bóp trán như bị nhức đầu.

— Tại sao anh lại muốn giết em, giết luôn cả cái mầm sống đó?

Người đàn ông kéo người con gái ngã xuống nệm.

— Thôi để chuyện đó qua một bên, mặt trời còn lâu mới mọc... hãy tận hưởng đêm nay, ngày mai điện óc lại làm sống lại những phản ứng hóa học trong đầu anh.

— Em lậy trời, ngày mai mặt trời đừng mọc.

— Mưa gió được bao nhiêu ngày?

— Được bên anh ngày nào hay ngày đó.

Bên ngoài cơn mưa bóng mây ập xuống. Những giọt mưa gõ vào khung cửa kính những âm thanh mừng vui, vội vã, phù du...

Khi tỉnh dậy, người con gái bàng hoàng nhìn thấy mặt trời non treo lửng

lơ giữa khung cửa kính, nàng dụi mắt, nhìn nhanh qua phía người đàn ông. Người đàn ông vẫn còn ngủ say. Người con gái thở dài. Những tấm kính gió mưa lau sạch, khiến mặt trời rạng rỡ sau cơn mưa, có chút gì huyền diệu khác thường. Không lẽ sáng nay lần cuối cùng nàng thấy mặt trời.

Cái vòng tròn đỏ nhòe nhoẹt, phát hào quang, người con gái khóc, mặt trời càng tỏa hào quang mông lung. Người con gái cũng không rõ hẳn nàng khóc vì một lý lẽ gì chính yếu, dường như khóc vì một cái hứng khởi từ tận đáy lòng.

— Em dậy sớm vậy.

— Để ngắm mặt trời mọc.

Người đàn ông trở dậy, Người con gái nhận ngay ra một người đàn ông khác, một người đàn ông lãnh tụ. Không phải là người đàn ông đã ăn nằm với mình đêm qua.

— Cô em có mười lăm phút để sửa soạn.

Khi ở nhà tắm ra, người con gái đã sẵn sàng. Người đàn ông bấm chuông gọi hầu cận. Vài phút sau người tùy viên, như thường lệ, đã hiểu như cái máy, đã hiểu việc làm, đứng chờ lệnh.

— Cô em đây sợ mặt trời, đưa cô ta đến nơi nào không có mặt trời.

Người con gái, cái ngang bướng nổi lên, nàng thản nhiên đi ra cửa, nàng dừng lại, quay lại nhìn mặt trời sau cửa kính. Mặt trời chỉ còn một vành cung đỏ thò xuống cái đà ngang phía trên cửa sổ.

— Chào anh, hẹn gặp lại anh ở cái nơi nào không có mặt trời đó... em vẫn biết anh yêu em và sẽ nhớ em trong một đêm mưa sấm chớp nào đó...

— Đem cô ta đi...

— Tôi muốn xin một ân huệ.

— Cô muốn gì?

— Tôi muốn nhìn nốt cái mẩu mặt trời ngoài kia.

Người đàn ông quay nhìn ra cửa, rồi lững thững đi vào nhà tắm. Có một chút gì lầm lũi. Không hiểu sao hắn chợt nhớ tới những sự ấu yếm của mẹ hắn.

Rồi vành mặt trời cũng bị nhấc lên khỏi khung cửa. Người con gái lầm lũi đi theo người tùy viên. Từ nãy đến giờ người tùy viên kinh ngạc. Y không chắc mình đã hiểu lệnh của thượng cấp, hắn kinh ngạc về cử chỉ thái độ của người con gái. Người đàn ông linh cảm một điều gì thấy rợn người. Người con gái rất thông minh, nhận biết người đàn ông đang suy nghĩ, nàng thăm dò:

— Ông định đưa tôi đi đâu?

Người đàn ông giật mình, lúng túng

— Ờ... ờ...

Người con gái vận dụng hết trí óc mình để đánh ván bài chót của đời mình:

— Nếu ông hiểu nhầm thủ lãnh, mạng của ông sẽ không còn.

Một luồng lạnh chạy dọc theo xương sống. Người đàn ông toát mồ hôi lạnh. Hắn có cảm tưởng như lời người con gái nói, hắn đang thi hành một cái

án tử hình, tử tội không phải là người con gái mà chính mình là tử tội. Người đàn ông liếc nhanh người con gái, nàng không có cử chỉ, dáng dấp gì của một tử tội, như những người con gái trước đây hắn đã hành hình. Người đàn ông run trong thớ thịt.

Cái hành lang ẩm thấp, tối tăm. Cả hai người cúi đầu, âm thầm đi như hai tử tội, cả hai cùng cố tìm cách bám víu lấy sự sống. Người đàn ông lẩm bẩm trong miệng như nhẩm lại bài "Đưa cô ta đến một nơi nào không có mặt trời". Nhẩm mãi mà cũng chưa thuộc, chưa hiểu được bài... hay là thượng cấp muốn hắn nhốt nàng xuống hầm kín?

Cái hành lang đầy tử khí dài một đời người...

NGUYỄN XUÂN QUANG

TRIỀU HOA ĐẠI

lộc biếc

Tinh thể một dòng sông
chảy trên cành thê thiết
những nụ non sinh, diệt
buổi tối đã không còn

giả dụ đi biền biệt
mặt trời ở trong tay
đời ai sao biết vậy
như cùng với thân này

một hôm sông chảy cạn
mơ hồ tiếng hát quen
trường giang, trường giang khúc
sao chẳng mãi êm đềm

có hôm nào sông cạn
lá thắm đỏ, bụi sầu
cúi hôn cành lộc biếc
sĩ hề, trăng nơi đâu

TRIỀU HOA ĐẠI
to my dauther: Đỗ Đoan Trang (Nila Do)

NGUYỄN XUÂN THIỆP

Thỏi thầm giọt mưa và nói giùm tôi

Ơi em bé hái búp sen mùa hạ
sen thì hồng mà tay nhỏ xanh xao
em hái sen chiều nay ra chợ bán
hương hạ nồng cùng sợi khói nhà sau

mẹ già tưới cây chanh bên bờ dậu
để một mai đời ngát lộng hương chanh
mẹ còng lưng mà trời cao vời vợi
dẫu một ngày giọt nắng rụng xa cành

người chị nấu bát canh khi chiều xuống
nhớ chồng xưa đã khuất cuối rừng lau
sau cái chết vẫn gần bên sự sống
bát canh chiều thoang thoảng vị chiêm bao

ơi bờ ao và ơi khu vườn biếc
em gái hiền đứng đợi trước gương xưa
em gầy ốm một đời không áo lụa
em xin trời chút nắng để cho thơ

người thi sĩ với những tờ bản thảo
uống nước mưa và thở chút khí trời
hồn có rộng đi trên đường gió bụi
mắt hôm xưa còn dõi bóng cuộc đời

xin hỏi đất trời và hỏi thầm hoa cỏ
hỏi giọt mưa đã rớt xuống khu vườn
trong gỗ mục có chồi lên đọt lá
trong tim người có tiếng nói nào không

hãy nhìn lại những bóng hình thân thuộc
ở quanh đời và hãy nói giùm tôi
hãy nói giùm tôi trong cơn cùng khổ
hãy nói giùm tôi hy vọng của người

NGUYỄN XUÂN THIỆP

PHẠM CÔNG THIỆN

tuổi thơ

lửng lơ bông mồng gà
chiều ba mươi tết ta
tôi ôm gà tre nhỏ
chạy trốn tuổi thơ qua

sương

càng xa càng mông lung
tới gần vẫn lạ lùng
nhắm mắt sao lạ quá
mở ra: ồ không cùng

tinh sương

thừa khuya trời rạng đông
triều nước lớn qua sông
giật mình quên đóng cửa
trên đồi phong trổ bông

sương mãn thiên

bông cỏ mọc vàng sân
con quạ đen què chân
nhảy đậu cành dâm bụt
ngó nhìn bướm lượn gần

sương muối

sương muối bay trắng đồng
bềnh bồng mây rụng bông
hiu hiu kè gió thổi
buồn nhè nhẹ trôi sông

PHẠM CÔNG THIỆN

HOÀNG LỘC

chổng mông trông trời

quằn thủng đít ngó trời, trán vùi xuống gối
mẹ phá lên cười thấy anh nằm chổng mông
bảo chỉ mình mi mẹ nuôi còn chưa nổi
em út làm gì - đừng con, đừng trông!

con một, nhà nghèo - anh quả cô đơn
quá lắm thứ cần tới người chia xẻ
cứ nằm chổng mông từng khi vắng mẹ
nhưng chổng kiểu nào, mẹ cũng chẳng sinh thêm

mẹ nuôi một anh ra ngày lớn khôn
kể mấy mươi năm thôi nằm thế ấy
nghi hoặc người xưa nói lời xằng bậy
chớ thế nằm nào là thế-trông-em?

ba bảy mối tình lầm lỡ qua nhanh
để buổi em về chín mùa thơm thảo
bỗng hóa trẻ thơ - ngu ngơ, khờ khạo
anh lại ưa nằm thế nằm chổng mông

như phép màu - rất kỳ diệu linh thiêng
hễ anh vừa chổng mông là emvừa ghé
anh muốn nói một điều riêng với mẹ:
cong chổng mông nằm để trông tình!

dễ buồn cười không? (em cười anh?)
anh vẫn chùm hum những khi nhớ quíu
khổ gã đàn ông đã ngoài năm mươi tuổi
mặt úp, lòng xanh, mông chổng - trông người.

HOÀNG LỘC

NGUYỄN HUY THIỆP

đời thế mà vui



Ngôi nhà nhỏ ở trên đồi, cách đường cái ba chục mét. Ngôi nhà đơn độc, lẻ loi. Đằng sau ngôi nhà có hai cây nhội gai lá đỏ, thứ cây mọc hoang chỉ dùng làm củi.

Từ dưới chân đồi đi lên ngôi nhà là một lối nhỏ xếp đá, hết hai mươi bậc thì đến một bãi đất hoang: người ta định san nền cho ngôi nhà mới nhưng sau đó lại bỏ ý định ấy đi. Từ bãi đất hoang đi lên mười sáu bậc nữa mới đến ngôi nhà vừa kể.

Ngôi nhà làm theo kiểu nhà ở tạm, cột bương, mái gianh, tường đất. Những người công nhân lâm trường dựng ngôi nhà này mấy năm trước làm chỗ trú mưa nắng khi đào hố trồng thông và bạch đàn.

Trong nhà, đồ đạc lèo tèo. Đáng kể chỉ là cái giường rẻ quạt gỗ mít đã sứt sẹo cả. Trẻ con dùng dao khắc lên thành giường những nỗi buồn và ước mơ của chúng: nỗi buồn thì dứt khoát và sâu sắc, còn ước mơ thì táo tợn. Cuối giường có vết khắc chắc là của một tay đàn ông phóng đãng in hình mũi tên xuyên qua trái tim.

Chính giữa nhà là chiếc ban thờ làm bằng miếng tôn đóng nẹp treo lên tường. Bát hương là loại bát tô đựng miến. Xế trên trái bàn thờ là chiếc gương với ảnh nữ tài tử Mai Diễm Phương người Hồng Kông trên tờ quảng cáo phim. Chỗ ức trắng ngần của Mai Diễm Phương có ghi một bài thơ của kẻ vô danh, lời lẽ tầm thường:

"Thời không có anh hùng
Người không có tri âm
Mỹ nhân đêm vò gối
Gạt nước mắt thương thầm".

Trong góc nhà đặt chiếc kiềng sắt, tro than nguội lạnh. Cạnh đấy là xô nước, nồi xoong, rổ đựng bát đĩa.

Thằng bé ngồi ở trên giường, dựa lưng vào cái chăn bông. Nó trạc sáu tuổi. Trên mặt nó chưa có dấu vết của lòng căm thù hay sự đau đớn, điều ấy phải sau nữa mới có. Cũng không có dấu vết của lòng độ lượng hay sự chán nản, điều ấy cũng phải sau nữa mới có. Nét mặt nó vô sự.

Thằng bé đưa mắt nhìn ra cửa. Mẹ nó khóa trái bên ngoài. Mẹ nó đi chợ mua sách bút để mai nó đi học. Nó học lớp Một.

Thằng bé nhổm người dậy. Nó tần ngần ngắm con tò vò xây tổ. Con tò vò tha những viên đất tròn, ướt ở góc xô nước về chỗ then cửa kiên nhẫn uốn thành một vòm mỏng, cong. Nó bay đi lại hàng chục lần, không lần nào thay đổi hướng bay.

Con tò vò vụt qua mặt thằng bé. Nó nhận ra cái eo lưng thắt lại của con tò vò. Ở đấy có những ngấn tròn. Con tò vò cái.

Trong trí óc non nớt của thằng bé xuất hiện hình ảnh mẹ. Bụng mẹ nó nhẽo, cũng có những ngấn tròn. Sáng nay mẹ nó đi nhờ xe chở than của chú Hảo.

Thằng bé không thích chú Hảo. Chú Hảo râu xồm. Chú nói:

- Đồ đĩ! Béo nứt bụng!

Mẹ nó cười. Chú Hảo lại bảo:

- Gái xề! Đồ mặt chó!

Mẹ nó lại cười.

Con tò vò lại vụt qua mặt thằng bé. Đôi cánh của con tò vò có mầu vàng phơn phớt. Ở gò má mẹ nó cũng có vết lõm mầu vàng phơn phớt. Nó sờ vào chỗ ấy và thấy ngón tay ướt.

Chú Hảo nói:

- Nước mắt đàn bà! Nước đái bò!

Mẹ nó lại cười.

- Rồi mày cũng bỏ tao mà đi thôi con ơi - Mẹ nó nói - Như thằng bố mày!

"Tò vò mà nuôi con nhện
Ngày sau nó lớn nó quện nhau đi
Tò vò ngồi khóc tỉ ti
"Nhện ơi! Nhện hỡi! Mày đi đằng nào?".

Thằng bé hỏi mẹ:

- Bố đi đâu?

Mẹ nó thở dài:

- Bố mày là sói! Bố mày đi kiếm ăn! Bố mày đi theo gái!

Thằng bé có lần đã nhìn thấy sói. Con sói chạy ở ven rừng, bồn chồn, sốt ruột, đuôi cúp lại, lưỡi thè ra. Nó sợ hãi. Nó côi cút. Thằng bé không thấy sợ nó.

Chú Hảo cũng có vẻ bẩn thỉu của sói. Chú Hảo nói:
- Chán đời... Rất chán đời!
Chú Hảo nằm ngả trên giường, chân gác lên tường.
Chú Hảo hát:

"Này em, người yêu ơi, đôi môi dịu dàng
Và mắt em xa xôi mơ màng
Anh đã suốt đời lang thang tìm em..."

Thằng bé thấy đói. Nó ra rổ bát tìm cái ăn. Mẹ nó trước khi đi đã để quà cho nó: cơm nguội với nải chuối luộc. Đường đi lên chợ thị xã ba mươi cây số. Ô tô của chú Hảo đến trưa mới về.

Thằng bé ngồi xổm ở góc nhà bóc chuối ăn. Nó bầy những cái bát ra rồi cắn từng miếng chuối cho vào bát. Đây là mâm cỗ tướng. Ăn cỗ có nó, mẹ nó và ông khách qua đường. Có lần trời mưa, ông khách qua đường đã vào nhà nó. Mẹ nó nấu cơm cho ông khách ăn. Ông khách cao lớn cười nói sang sảng, đi đứng rung chuyển cả căn nhà.

Ông khách nói:
- Vô nghĩa hết! Làm gì có vàng mà đào... Tôi đi xem thiên hạ đào vàng, vừa khinh bỉ, vừa đau đớn, vừa buồn cười... Chỗ nào cũng tàn ác, dâm dục, đểu giả, tham lam... Con người đối xử với nhau như con thú...
Thằng bé ăn một miếng chuối. Nó mời:
- Ăn đi ông... Mời ông xơi miếng phao câu... Ăn đi...
Ông khách cười:
- Thằng này khá... Làm thân nam nhi, vượt qua một bể lửa lọc, vượt qua một bể ái tình... đời nát toét ra... Kẻ nào có phao là đồng tiền hay lòng nhân đức còn đỡ, không có phao xót lắm... Lửa thử vàng. Vàng thử đàn bà. Đàn bà thử đàn ông. Đàn ông thử ma quỷ với thành thần... Hóa ra ma quỷ hết! Thánh thần ít lắm...
Thằng bé nhớ đến con sói đi ở ven rừng, đuôi cúp lại.
Ông khách ôm thằng bé vào lòng, gõ nhịp hát bài hát của bọn người đi đào vàng:

"Khi có vàng là ta có ăn, ta có chơi.
Đời thế mà vui!
Khi có vàng là ta hết đời, ta hết hơi
Đời thế mà vui!"

Thằng bé không ăn nữa. Khách đến rồi khách lại đi.
- Chào cô... Chào Phật Bà Quan Âm... Chào Bồ Tát... Tôi đi nhé.
- Mẹ con cháu chào ông. Ông đi chân cứng đá mềm... Ông đi về quê hay đi đâu ạ?
- Về quê làm gì? - Ông khách cười khẽ - Tôi còn đi nữa... Đời thế mà vui.

Về quê làm gì? Lòng người đen bạc, đất đai khô cằn...

Thằng bé không biết gì về làng quê. Mẹ nó hứa nhiều lần sẽ đưa nó về thăm quê nhưng chẳng bao giờ mẹ nó đủ tiền. Mẹ nó nói ở quê có nhiều người quen: ông bà chết rồi nhưng vẫn còn mộ, mẹ nó sẽ về thắp hương; rồi chú bác, cô, dì; những bạn bè của mẹ nó như cô Lượt, cô Na, chú Sửu, cậu Bền...

Chú Hảo cũng hay nói chuyện về thăm quê. Chú bảo đã về thăm quê ba lần, mỗi lần về lại buồn thêm một chút.

Chú Hảo bảo:

- Quê tao có cái đình rất to. Hội đình vui lắm. Các bà các chị đứng xem đàn ông vật nhau. Hồi còn bé, bạn bè đố tao hễ cứ phát vào đít một cô lại được một hào. Mỗi kỳ hội tao có vài trăm tiền tiêu, tha hồ ăn quà.

Mẹ nó cười:

- Ba tuổi ranh đã dâm!

Chú Hảo cãi:

- Đấy là bọn có tiền nó dâm chứ! Tôi phận nghèo hèn phải bỏ quê ra đi là cơ nhục lắm.

Mẹ nó bảo:

- Sao bảo chú bỏ quê ra đi là vì gái?

Chú Hảo bảo:

- Đồ đĩ! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Chú Hảo hát:

"Ta ra đi, ta ra đi, đâu nề chông gai
Tiến lên đi, tiến lên đi, tung hoành sức trai
Chí ta lớn cao ngất từng mây..."

Mẹ nó cười:

- Tôi còn lạ gì đàn ông! Các người đi tìm vàng, tìm gái chứ chí lớn khỉ gì!

Chú Hảo bảo:

- Đồ đĩ! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Chú Hảo lại hát:

"Tiến lên đi chân trời rực hồng
Thân nam nhi phỉ chí tang bồng
Coi cái chết nhẹ tựa lông hồng
Kìa mấy ai da ngựa bọc xương..."

Thằng bé đứng lên, nó dỏng tai để ngóng tiếng xe ô tô. Nó biết làm thế vô ích. Mẹ nó còn lâu mới về.

Không có âm thanh nào lọt vào nhà ngoài tiếng gió. Tiếng gió thổi khẽ, từng đợt, như có người ngáy khẽ. Nó nhận ra bởi tiếng những phên gianh va đập vào nhau.

Thằng bé ngẩng mặt nhìn lỗ hở trên mái nhà. Lỗ hở bé, chỉ bằng đồng xu. Ánh trời lọt vào nhà qua lỗ hở vạch một vệt sáng thẳng đầy những hạt bụi bé

li ti. Thằng bé xòe tay hứng vệt sáng. Vệt sáng đầy lòng tay nó.

Thằng bé nhớ khi ông khách vốc nắm đất trong tay. Ông khách bảo mẹ nó:

- Chỗ đất này biến được thành vàng là xong cuộc chơi hùng. Đàn ông thường anh nào ở đời cũng mơ như vậy... vô nghĩa hết!

- Tiền mà làm gì - Mẹ nó nói - Đàn bà chúng tôi sống chỉ vì tình.

Chú Hảo bảo:

- Đồ đĩ! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Ông khách lắc đầu:

- Có được tình tốn sức lắm đấy... có khi trả cả cuộc đời cho người ta mà không đủ.

Mẹ nó khóc:

- Đàn bà chúng tôi nhẹ dạ lắm, trong lòng lúc nào cũng thấy trống vắng, trong lòng lúc nào cũng thấy thiếu tình thương. Ai nói đến tình thương là bọn chúng tôi đều gục đầu vào ngay chẳng biết trời đất gì nữa.

Ông khách cười:

- Thế mới khổ! Thế mới đích thị đàn bà!

Chú Hảo bảo:

- Thế mới chết! Đồ đĩ! Đồ mặt chó!

Chú Hảo cười:

- Đàn bà là giống yêu tinh ác độc nên trong lòng nó mới thấy thiếu tình thương! Còn đàn ông bao giờ thiếu tình thương đâu! Hoan hô đàn ông! Hoan hô dê cụ!

Ông khách bóp nát nắm đất, tung ra như gieo mạ. Ông khách vung tay:

- Bay đi... bay đi lòng căm hờn. Bay đi trả giá. Bay đi bất công. Bay đi dục vọng đê hèn...

Ông khách xốc áo, vươn vai đứng dậy, bước đi rung chuyển cả căn nhà:

Ông khách móc túi lấy một gói vải đưa cho mẹ nó:

- Chào Bồ Tát... Chào cô... Cô giữ cái này để nuôi cháu... Chẳng được là bao, gắng sống qua được đận này.

Ông khách cười, giơ tay làm một cử chỉ khó hiểu, như biểu tượng. Mưa giăng giăng. Bây giờ đang tiết mưa xuân.

Thằng bé đi lại chỗ giường. Nó ngồi tựa lưng vào chỗ có vết khắc mũi tên xuyên qua trái tim. Mũi tên cắm vào vai nó.

Thằng bé đưa mắt tìm con tò vò. Không thấy con tò vò đâu nữa. Cái tổ đang còn xây dở, vết đất còn ướt. Thằng bé thở dài. Cái tổ tò vò xây ngay chỗ cài then cửa. Mở cửa ra là cái tổ tò vò nát bét.

Có tiếng động khẽ đâu đây. Không phải bên ngoài, mà ở trong nhà. Thằng bé dỏng tai nghe ngóng. Như có con gì rón rén bò vào nhà. Thằng bé hoảng sợ. Nó lạnh toát cả người, mồ hôi rịn ở chân tóc. Nó đưa mắt nhìn quanh. Linh cảm của nó không nhầm: nó thoáng thấy có cái bóng ngoằng ở xó tối, nơi để xoong nồi. Bóng gì?

Thằng bé run bắn người. Nó co hai chân lên giường rồi lùi sát vào tường. Rõ ràng có một cái bóng. Bóng gì?

Tiếng động khẽ, ướt và lén lút. Thằng bé run bắn người. Nó chưa bao giờ nghe thấy tiếng động như thế. Rõ ràng có một cái bóng. Ánh sáng ở trong căn nhà đột ngột trầm xuống, mờ mờ, lạnh hẳn đi. Bóng gì?

Thằng bé thấy tim đâu nó đau thắt lại. Nó không dám thở mạnh nữa. Lại ngoằng một cái đâu đấy trong xó nhà. Thằng bé nhận ra điều ấy không phải bằng mắt.

- Mẹ...

Thằng bé co rúm người. Nó kêu lên, nước mắt trào ra, hai tay thu vào, ngón tay quắp lại. Nó đập chân xuống chiếu. Rõ ràng có một con gì đang bò chầm chậm, ráo riết, lì lợm, lạnh lùng ở dưới gậm giường.

- Ầm...

Có tiếng đổ vỡ chai lọ, tiếng kéo lê sền sệt, tiếng nhai xương rau ráu. Tiếng nhai khẽ, ngấu nghiến, nhẩn nha. Tiếng hút tủy. Tiếng xương vỡ vụn. Tiếng chép miệng nữa.

Thằng bé choáng người, ngực đau tức. Nó không thở được. Nước mắt nó trào ra. Mặt nó đỏ tía.

- Mẹ... Mẹ...

Thằng bé cuống cuồng gọi. Nó lăn lộn trên giường. Bây giờ không còn nghi ngờ gì nữa. Rõ ràng có tiếng nhai xương. Tiếng hút tủy. Tiếng chép miệng. Tiếng nhai rau ráu.

Thằng bé khóc ngằn ngặt. Nó nằm im gục mặt vào chăn. Nó mệt lả người. Nó lịm đi.

Căn nhà yên tĩnh. Vẫn chỉ có tiếng gió bên ngoài rin rít. Mãi lâu sau thằng bé mới hồi tỉnh lại. Nó hé hé mắt nhìn. Mồ hôi túa đầy mặt nó.

Thằng bé lắng tai nghe, căn nhà yên tĩnh lạ thường. Không có tiếng động nào cả. Không có gì hết.

Thằng bé đưa tay cấu vào chân. Nó cảm thấy đau. Nó lồm cồm bò dậy, liếc mắt nhìn thanh sắt mẹ nó dựng ở đầu giường, thanh sắt ngừa trộm. Nó rón rén dịch người để lấy thanh sắt.

Thằng bé nín thở. Nó kéo thanh sắt lên, cầm chắc trong tay. Nó dỏng tai nghe. Không có tiếng động nào cả. Yên lặng lạ lùng.

Thằng bé đập đập thanh sắt xuống giường, sau đó lại dỏng tai nghe. Vẫn yên lặng như thường.

Thằng bé thở nhè nhẹ. Nó lấy lại sức rồi rón rén bò ra mép giường. Nó nhìn dưới gầm giường: dưới ấy không có gì cả.

Thằng bé đặt hai chân xuống đất, cố giữ để không run. Nó cầm thanh sắt khua dưới gầm giường. Không có gì cả. Một nỗi căm uất vô hình dâng đầy ngực nó. Nó khua thanh sắt vào xô đựng nước, vào các xoong nồi. Nó đập nát chiếc gương. Nó lục soát cả các góc kín trong nhà: dưới đất, trên tường, trên mái gianh. Nó xô đổ mọi thứ. Không có gì cả. Yên lặng như thường. Yên lặng

đáng sợ.

Thằng bé dỏng tai nghe. Tiếng gió ngoài trời ngưng bặt. Không gian sững lại, nặng nề. Thằng bé bỗng cảm như toàn bộ không khí trong nhà ngừng lại, dồn tất cả lên người nó. Nó bị nén xuống, ép chặt. Nó run lẩy bẩy, thanh sắt tuột khỏi tay. Nó quỵ xuống đất. Toàn bộ gân cốt nó nhão ra, không cử động được.

Thằng bé nằm co quắp, úp mặt xuống nền đất, ngay chỗ vũng nước. Tim nó đập thình thịch, đập rất nhanh, loạn xạ, cuống cuồng, đôi lúc ngừng hẳn. Sức lực nó bị rút kiệt. Nó định mở mắt nhưng không sao mở được.

Nó máy môi. Nó định gọi mẹ nhưng không sao đẩy được âm thanh ra khỏi lồng ngực.

Thằng bé nằm im như thế rất lâu. Không biết bao nhiêu thời giờ trôi qua. Con tò vò đã xây xong tổ. Khuôn mặt bầu bỉnh của thằng bé như bị rút kiệt hết nước, hết máu. Khuôn mặt nó tái nhợt, khô đanh lại.

Căn nhà hoang khóa trái nằm ở trên đồi. Mưa giăng giăng. Bây giờ đang tiết mùa Xuân.

Mãi đến giữa trưa, chiếc xe ô tô chở mẹ thằng bé mới về. Người lái xe có bộ râu xồm mở cửa xe cho mẹ thằng bé bước xuống.

Người đàn bà mặt rỗ, mặt xị ra có lẽ vì phù, cười thỏn thẻn kéo từ *ca-bin* ra hai cái bị cói bẩn thỉu. Người lái xe đóng cửa *ca-bin* lại rồi giằng lấy hai cái bị cói trên tay người đàn bà. Anh ta cau có:

- Đồ đĩ! Đồ mặt chó!

Người đàn bà đứng lại, nhận ra một vệt máu loang ở ống quần.

Ngượng ngập, người đàn bà quay người ngồi thụp xuống, bứt vội nắm cỏ bên đường.

Người lái xe quay mặt nhìn về phía hai cây nhội gai lá đỏ. Anh ta hát khe khẽ:

"Này em, người yêu ơi, đôi môi dịu dàng
Và mắt em xa xôi, mơ màng
Anh đã suốt đời lang thang tìm em..."

Người đàn bà đã chùi sạch vết máu, chị ta đứng dậy bươn bả bước lên đồi. Người lái xe xách bị đi sau. Anh ta bỗng như nhớ ra chuyện gì bèn gọi:

- Này... này! Đồ đĩ!

Người đàn bà quay lại, nét mặt lo lắng, chờ đợi.

Người lái xe thở dài:

- Này, cái ông khách hôm nọ trú mưa ở đây ngoẻo rồi đấy.

Người đàn bà ngơ ngác:

- Sao biết?

Người lái xe lắc cái đầu bù xù, tỏ vẻ không hiểu.

- Lão ấy bị bọn ở bãi vàng thịt. Chúng nó tưởng lão ấy lắm tiền nhưng hóa ra chẳng có cóc khô gì cả.

Người đàn bà lặng im, quay người đi tiếp lên đồi. Còn chín bậc đá nữa là đến ngôi nhà của chị.

Ngôi nhà nhỏ ở trên đồi. Ngôi nhà đơn độc, lẻ loi. Mưa xuân giăng giăng trùm lên ngôi nhà. Mưa xuân giăng giăng trùm lên hai cây nhội gai lá đỏ. Mưa xuân giăng giăng trùm lên quả đồi.

Năm nay mưa xuân trong thời tiết nồm thế này là có nhiều sâu hại lúa. Mưa xuân suốt từ tiết Kinh Trập đến nay vừa được 14 ngày.

N.H. THIỆP

LÊ THÁNH THƯ

độc thoại

Nắng mất ngủ
vắt ngoài sân phơi
Chuông cổ
khàn hơi
không có gì đổi thay
sớm mai chìm trong cỏ
người ngồi đồng một chỗ
mòn vẹt mặt ghế vuông
thế giới thu về trước bức tường ám khói
cái nhìn xước da

Không có gì sinh ra
ban mai cháy như tờ giấy mỏng
người thu hồi móng vuốt
ngửa cổ uống tiếng cười thần thánh ngân nga
ngờm ngợp hoa
ngày rằm

Không có gì bí ẩn
tiếng kêu để lại sau cái bóng của người
hun khói

LÊ THÁNH THƯ

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG

kẻ đánh cắp tình yêu

Ta thầm mong anh về gõ cửa
Đêm hung dữ chẳng làm ta khiếp sợ
Ta vẫn mở cửa chờ...

Nhưng chỉ là mơ
Chỉ là xuông
Xong xóc tự ru trên cánh võng
Ta ngủ vùi trong cơn mê lêu lổng
Chờ anh về đêm nay...

Ta dấu mọi người bằng những cơn say
Dấu cả chính ta cái nhìn ủ dột
Tiếng cười giật làm đêm chạy trốn
Ta phơi thân dãy dụa trước mặt trời
Biết rằng anh không đến nữa rồi
ta òa khóc

Thuở bé mẹ đi chợ chậm mua chiếc bánh đa
ta đập vỡ tan tành lăn ra ăn vạ
rồi nhoẻn cười nhặt vụn bánh đa rơi
Bây giờ đi qua tuổi thơ, đi qua những kiếp người
Ta chẳng thể lăn ra bưng kín mặt
Lẽ nào ăn vạ tình yêu như một kẻ nát rượu và bất lực?
Để mong anh trở về.

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG

PHẠM NHÃ DỰ

xuân tha hương nhớ bạn

CUNG TÍCH BIỀN

Ông đứng dậy tụt quần, đ.m.
Chửi thằng nhã dự đếch chơi ngon
Giữa khuya thanh vắng còn hai kẻ
Uống rượu và quên chuyện mất còn.

NGUYỄN ĐẠT

Quán vắng chung bàn ông ngủ tĩnh
Còn quanh dăm đứa gật gù say
Đơn Dương có lạnh, ông còn lạnh?
Gió tuyết mưa phùn đây trắng bay.

LÊ TRIỀU ĐIỂN

Ông mang tranh tặng, ta mang nặng
Bằng hữu chi giao, ông vẽ sao?
Châu thổ bây giờ sông nước lụt
Bao nhiêu thảm cảnh vẽ nên màu?

DƯƠNG TRỮ LA

Đưa ta đi Mỹ ông chết giấc
Đò đời còn lại ở lòng nhau
Rượu chìm, rượu nổi dăm thằng ngất
Đời đã muộn màng chuyện bể dâu!

NGÔ NGUYÊN NGHIỄM

Ông thiền mấy bậc tu thành đạo
Đã chán chường chưa cuộc tỉnh say!
La Hán bao giờ về núi thất?
Hay nợ văn chương vẫn lụy hoài?

PHẠM NHÃ DỰ

PHỐ THỊ NGỌC NI

để nhớ

nguyễn đông ngạc 1

nghe hát thôi
có cảm thương nàng
cái gì thiếu
như là dở dang
hỏi ai
bầu bạn
làm sao nhỉ?
nhiễu xuống lời em
những
giọt đàn

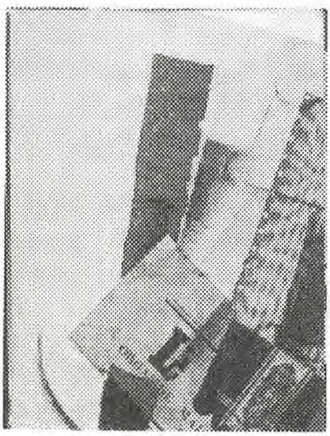
nguyễn đông ngạc 2

nghe anh nhắc đến cái tình
mà thương cho lũ chúng mình không may
đời buồn như xác lá bay
vui
khi được gặp
những tay chí tình

PHỐ THỊ NGỌC NI

JUDITH ROSSNER

người cha bội phản



Judith Rossner sinh ra và lớn lên ở Bronx, New York. Bà đã sống ở đây gần hết cuộc đời.

Giữa những năm từ 1966 đến 1983 bà đã có bảy quyển tiểu thuyết được phát hành. Đây là một truyện ngắn được chính bà ưa thích.

*

Có những việc xảy ra trong một đời người quan trọng đến nỗi nó bao trùm lên hết tất cả những việc xảy ra sau đó. Khi tôi lên 7, mẹ tôi mất đi vì một căn bịnh não được chuẩn đoán quá trễ, không còn cứu chữa được nữa. Một năm và một tuần sau đó, ba tôi đã cưới người em của mẹ, dì Lilah. Cuộc hôn nhân đó không làm ai ngạc nhiên, trừ tôi. Phải chi gia đình chúng tôi không có đức tin, chúng tôi đã không bị lệ thuộc vào đạo Do Thái hòn đảo trú ẩn của nhiều người Do Thái từ khi chiếc thuyền chuyển tải ý Thượng Đế đã chìm đắm trong bóng tối của thời hiện tại. Theo phong tục cổ truyền của người Do Thái, người góa chồng hay góa vợ được khuyến khích tạo lập lại gia đình với anh em hay chị em của người chết.

Mẹ tôi và dì Lilah khác nhau về hình dáng lẫn tính nết, đến nổi người ta khó tin họ là chị em ruột thịt. Họ càng không hiểu tại sao một người đàn ông có thể yêu cả hai mẫu người đàn bà hoàn toàn khác nhau như thế. Người lớn thì ý tứ không bày tỏ lòng bất bình về sự thay đổi tình cảm nhanh chóng của Ba tôi. Nhưng tôi thì chẳng có gì phải ngại cả.

Chúng tôi sống trong một apartment hai phòng gần Bảo tàng viện Brooklyn trên đường Eastern Parkway. Dì Lilah ở với Ngoại và cô em gái, dì Estelle, trong một apartment sáu phòng cách chúng tôi hai dãy nhà. Ông Ngoại cũng

sống ở đấy trước trước khi ông mất cách đây vài năm.

Mẹ tôi là người thẳng thắng, nghiêm nghị, cao lớn và đôn hậu với cái đầu đầy tóc muối tiêu (hơi sớm) quăn dợn sóng. Tôi nhớ mẹ có giọng cười đặc biệt, rộn rã sang sảng; ngực mẹ căng to trong chiếc áo theo kiểu nông dân vùng Rumania mà người ta thường thấy vài thế hệ trước đây. Người cùng thời với mẹ ít ai còn mặc chúng, mẹ có những món nấu không giống ai (canh cải với thịt heo, bánh khoai tây chiên với fromage, bánh chocolate với ít vỏ chanh thắng đường). Giọng mẹ lanh lảnh và khi bà đọc truyện cho tôi giọng đó hay hơn tất cả các bà mẹ khác trong khu phố. Tôi không nhớ rõ những thay đổi đặc biệt gì trong những tháng mẹ ngã bệnh. Tôi nhớ lờ mờ một căn phòng tối; mùi dầu thoa da Nivea trên những chỗ da lở vì nằm một chổ (nhiều năm sau khi nghe thấy mùi dầu đó là tôi muốn bịnh luôn); bà vuốt tóc khen tôi là một đứa trẻ lớn khôn, ngoan ngoãn.

Trong ba người còn gái, dì Lilah, thứ hai, nhỏ hơn mẹ tôi 4 tuổi, lùn hơn vài tấc, thon thả, gợi tình (ngay tới bây giờ tôi cũng không thích tả dì như thế) kiểu các cô gái chưa chồng. Người ta thường khen dì đẹp, điều mà lúc đó hay bây giờ tôi đều không thể thấy được ở dì. Mẹ tôi nói, với riêng mẹ, mẹ thích vẻ dịu dàng, kín đáo của dì Estelle hơn. Cho đến bây giờ, mỗi lần xem ảnh của dì Lilah, tôi cố dùng con mắt của người lớn nhìn cho ra những điều tôi không thể thâu nhận được với đôi mắt của một đứa trẻ, chỉ thấy đôi mắt dì quá nhỏ, miệng quá bự lại tô son quá đậm, tóc thì nhuộm rồi uốn cong lên theo cái kiểu bây giờ người ta cho là rẻ tiền. Dì hay mặc màu đỏ như thể sợ người ta không chú ý tới mình, và thường đeo những đồ trang sức bự sự ở thời điểm khi những người phụ nữ khác chỉ đeo những mặt dây chuyền nhỏ hay dây hột bẹt trong các buổi hội hè.

Thêm nữa, dì Lilah là thương gia, một chức vụ nghe mơ hồ dễ khiến người ta có ý nghĩ sai quấy về mình.

Những người lớn khác, không phải cha mẹ tôi, rao rêu rằng sở dĩ dì tôi, quản trị viên văn phòng của một hãng làm nút áo ở Manhattan, ăn mặc như thế vì dì là một nữ thương gia chưa chồng. Hay ngược lại không chừng. Tóm lại, con người dì Lilah có cái gì đó không thật, đáng ngờ.

Dì Estelle dạy trường mẫu giáo. Dì nhỏ nhẹ và hay mắc cở với những người lớn nhưng thích đùa giỡn, nghịch ngợm như con nít với tôi.

Ba tôi là nhân viên Kế Toán cho Abraham & Strauss, trong cửa hàng bách hóa Brooklyn. Suốt mấy tháng sau khi bịnh viện trả mẹ về để chết ở nhà, bà ngoại chăm sóc cho mẹ trong tuần để cha tôi vẫn đến sở bình thường. Dì Estelle thay thế cho bà vào khoảng ba giờ rưỡi, bốn giờ chiều rồi ở luôn đó với chúng tôi cho đến khi ba về, dì đi hâm lại thức ăn bà đã nấu sẵn từ lúc sáng. Dì Lilah không thể đến trong tuần vì bận ở sở suốt ngày.

Tôi cảm thấy cuộc sống dễ chịu nhất trong những tháng đó. Ba nấu ăn khá và tôi cũng bắt đầu học lẻm bẻm. Cuối tuần chúng tôi đi chợ khi có người trông dùm mẹ, về hai cha con dọn dẹp nhà cửa với nhau, rồi cùng giặt đồ

trong cái máy giặt to lớn, cũ kỹ để trong bếp. Khi cần mau đồ lặt vặt một hộp sữa, một toa thuốc- tôi cầm tờ giấy ông ghi xuống ra đầu phố là xong việc. Chúng tôi không muốn người khác xót xa dùm mình. Mặt khác, tôi thấy rõ ràng, không cần phải suy nghĩ dông dài là đời sống của chúng tôi sẽ dễ chịu hơn nếu như cái sinh vật không còn nhận diện được ở chính phòng mà người ta gọi là mẹ tôi không còn cần đến sự quan tâm của chúng tôi.

Buổi sáng, sau khi ba đã chu tất những đòi hỏi của mẹ, ba sửa soạn điểm tâm. Xế chiều tôi về, dùng chìa khóa riêng của mình mở cửa, chào Bà hay dì Estelle rồi kiếm gì ăn snack. Có ngày tôi ghé nhà bạn chơi. Lúc khác tôi chơi một mình hay chơi đánh bài, hoặc bày trò với dì Estelle cho đến lúc ba về nhà. Lúc đó ba và tôi dùng cơm với nhau, rồi rửa chén, rồi ôn bài.

Sinh hoạt đời thường như thế sẽ dễ chịu biết bao khi cái đống lù xù mang hình dạng con người nằm trong giường ba tôi không còn nữa, phân nửa tóc nó đã được cạo sạch, âm thanh đã giảm còn phân nửa, thì thào những lời tôi không thể nghe hiểu và rên rỉ mỗi lần nó chuyển mình sang một thế nằm thoải mái hơn. Tôi sẽ dễ thở hơn biết bao nhiêu nếu không có ai ép tôi phải hôn nó vì đó hình như là những lời thì thào của nó - Nó muốn được tôi hôn! Mẹ tôi đã biến mất và người ta bắt tôi phải ôm ấp con quái vật rõ ràng cũng chẳng còn sống được bao lâu nữa. Tôi mong Nó chết càng sớm càng tốt.

Người ta kể lại khoảng thời gian đó tôi nhắc đến mẹ tôi như bà đang ở một nơi nào khác, trong lúc hoàn toàn không đá động đến cái sinh vật đang nằm trong giường ba.

Tôi luôn ghét cách nói bóng gió "ra đi". Vậy mà bây giờ tôi thấy tự nhiên khi viết - vì đối với tôi mẹ thật sự đã chết trước khi đó- rằng mẹ tôi đã ra đi vào một ngày tháng 11 âm u, lạnh lẽo, một năm hai tháng kể từ khi mẹ ngã bệnh nặng. Lễ an táng, tôi ngồi giữa ba tôi và bà; dì Lilah ngồi cạnh ba (lúc đó tôi cũng chẳng để ý gì đến điều đó, vậy mà bây giờ tôi nhớ rõ mồn một như thề nó vẫn ở trong tâm trí tôi suốt ba mươi năm nay). Chúng tôi đi xe limosine ra nghĩa trang, bà ngồi giữa ba và tôi ở băng sau, hai dì ngồi ở băng phụ trước mặt chúng tôi, rồi về nhà ngoại làm lễ shiva, một nghi lễ tiếp theo sau khi an táng để tưởng nhớ người chết. Ba tôi và tôi ở đó hết cả tuần, chỉ về nhà để ngủ và thay đổi quần áo. Bạn bè thân quyến thay nhau thăm viếng, mang cho thức ăn nên chúng tôi chả ai phải nấu nướng. Có một lúc dì Lilah nói gì đó và ba tôi bật cười.

Nữa. Tôi lại nhớ đến những điều tưởng chừng như tôi chẳng để tâm tới lúc đó. Một tuần lễ ở đó tôi chỉ nhớ rõ ràng nhất việc này. Ngày ngày chúng tôi hay ngồi quanh bàn ăn trong nhà bếp. Tôi thường cầm một quyển sách trong tay... Hình như tôi đang đọc lại Little Women và thấy nó hay hơn cả lần đọc trước... tôi chúi mũi vào sách nhưng vẫn vảnh tai hóng chuyện để nếu có gì hay ho xảy ra, tôi có thể gấp sách lại nhảy vào cuộc.

Dì Lilah đang kể một câu chuyện ở sở dì. Như thường lệ câu chuyện liên quan một trong hai người vợ của hai ông xếp của dì, người đàn bà đó đã lầm

lẫn to khi nghĩ là mình nắm quyền điều khiển công ty. Dì Lilah và bà ta hay có chuyện mỗi khi hai người cùng có mặt trong sở. Bữa đó dì Lilah đã lạnh lùng gạt bỏ những đề nghị vô bổ của bà trong công việc của dì. Giận dữ, người đàn bà phóc ra khỏi phòng của dì Lilah, nhưng vấp ngưỡng cửa té 'nhào như bay đến nỗi người ta tưởng bà có cánh!'

Có tiếng cười. Cười ròn rã. *Cười bể bụng.*

Tôi ngước lên. Ba là một trong mấy người đó. Tôi nhìn ba, há hốc mồm. Ba thấy tôi nhìn, nhìn lãng ra chổ khác. Tiếng cười lắng xuống. Người khác lại kể một câu chuyện kém vui hơn ở sở họ.

Thời gian trôi qua. Cuộc sống chúng tôi trở lại bình thường, nếu không nói là tốt hơn vì chúng tôi không còn phải cảm thấy khó xử giữa bổn phận và sự ghê tởm. Ba buồn, nhiều khi còn buồn rầu hơn cả khi mẹ còn sống, đó là điều tôi không thể hiểu nổi. Một đôi lần tôi bắt gặp ba khóc, nhưng ông chối là không có. Không cảm nhận được nổi mất mát của chính mình, làm sao tôi hiểu nổi mất mát của ba, và còn cố làm ra vẻ mọi chuyện đều bình thường như nó đã từng bình thường trước đó. Một bữa tôi làm cho ba bất ngờ với những cái bánh tây tôi làm theo sách gia chánh Niềm Vui Nấu Nướng, vì tôi ngỡ những cái bánh tây đầy tràn các hũ keo là điều duy nhất chúng tôi thiếu từ khi mẹ mất.

Đến mùa xuân, tánh tình ba vui vẻ trở lại. Tôi cũng cảm thấy hạnh phúc. Ở trường tôi quen nhiều bạn hơn bao giờ hết, một phần vì cá tính của tôi, phần vì bạn bè thông cảm với nỗi buồn mất mẹ của tôi, việc tôi không hé môi nói rằng mình buồn càng làm bạn bè thêm nể.

Suốt mấy tháng sau khi mẹ tôi mất, mỗi khi ba đi làm về là tôi kè kè bên hông, không ai kéo ra nổi. Nhưng giờ chúng tôi đã quen với cái thời khóa biểu theo đó mỗi tối thứ sáu tôi đến ngủ nhà dì Estelle trên cái giường kéo trong phòng dì. Những lần ngủ lại đêm như thế thật thú vì dì Lilah, người mà mỗi lần gặp là tôi phát bực không hiểu tại sao, cũng thường vắng nhà, đi hẹn hò với bồ.

Thứ bảy nếu có phim dành cho con nít ba lại dẫn tôi đi. Đôi khi dì Lilah cũng đi với chúng tôi, khi về chúng tôi đưa dì đến tận cửa trước khi trở về apartment của mình. Chủ nhật chúng tôi đến nhà Ngoại dùng cơm. Trong tuần chúng tôi ở nhà, nhưng thời tiết đã bắt đầu nóng, ba cảm thấy cần phải đi ra ngoài nhiều hơn. Lúc đó nếu tôi có thức hoặc không phải làm bài tập, tôi sẽ cùng đi với ba. Bằng không ba sẽ hôn tôi, thì thầm "Sẽ trở về nhà trong nữa tiếng thôi".

Một lần khi tôi đã vào giường, thiu thiu ngủ, ba đứng ở cửa phòng thầm thì rằng ba sẽ trở về ngay. Tôi vẫn nằm trong giường, nhưng bổng tỉnh ngủ hẳn, nghĩ thầm giá mà tôi mặc đồ đi với ba. Cuối cùng tôi ra khỏi giường, đến ngồi bên cửa sổ, nhìn xuống bãi đậu xe sáng đèn. Dựa ngửa vào đầu một chiếc xe đậu trước cửa chung cư, giống như một cặp trai gái hơn là người ở tuổi tác của họ, là ba tôi và dì Lilah, không thể lầm lẫn được dì mặc cái áo ấm

lông sù màu xanh lợt pha đỏ, loại áo làm cho những người đàn bà khác phải bàn tán. Tôi trở vào giường, định bụng sẽ hỏi ba đã gặp dì ở đâu, nhưng rồi ngủ thiếp đi trước khi ba trở vào, rồi cũng quên hỏi luôn sáng hôm sau.

Tháng năm. Rồi tháng sáu. Bãi trường. Tôi không muốn đi cắm trại xa nhà, nhưng ba thuyết phục tôi là tháng Bảy thích hợp nhất cho việc này. Vào tháng Tám, chúng tôi mướn một căn cabin trên hồ Buell, gần Stockbridge. Bà ngoại, dì Estelle và tôi sẽ ở đó suốt tuần. Hai tuần lễ đầu, ba và dì Lilah sẽ lái xe lên vào cuối tuần, hai tuần còn lại sẽ ở lại luôn với chúng tôi.

Lúc tôi vui vẻ ở trại và ở Stockbridge, tôi hay nghĩ đến ba ở nhà một mình ban đêm. Tôi gọi điện về nhà thường nhất so với những đứa trẻ khác. Có lần dì Lilah cầm máy lên, làm tôi tưởng mình gọi nhầm số, nhưng ba đã cầm máy, giải thích là Lilah đã mang cơm chiều đến và ở lại nói chuyện cho ba vui thay tôi.

Tôi cảm thấy không yên lòng. Nhiều sự cố đã xảy ra làm tôi thêm nghi ngờ. Những lúc tôi không tìm thấy ba, hỏi ngoại hay dì Estelle thì họ không bao giờ biết ba ở đâu, còn dì Lilah những lúc đó cũng biệt tăm. Rồi còn việc họ cứ nhìn nhau qua lại như có điều gì thú vị lắm, khi tôi hỏi, thì họ không trả lời được. Ngoài những bực mình đó, nói chung tôi đã được hưởng một mùa hè thật vui vẻ, bận rộn đến nỗi khi trở về thành phố tôi đã nghĩ làm thế nào để sang năm được vui hơn nữa. Ba sẽ được nghỉ lâu hơn (năm nay ba bị mất một số thời gian lúc mẹ tôi bịnh) và có lẽ chúng tôi sẽ mướn một chỗ riêng cho chúng tôi, thay vì ở chung với người khác.

Trong thời gian mẹ tôi bịnh, tôi đã gần gũi ba hơn những đứa trẻ khác. Tôi có thương mến dì Estelle và ngoại, nhưng chỉ với ba là tôi hỏi ý kiến về những vấn đề quan trọng. Nếu tôi ở lại chơi nhà bạn sau giờ học, tôi không gọi cho ngoại ở nhà, mà gọi vào sở ba báo tin đó. Tôi có đôi lần đến sở ba. Lúc nói chuyện điện thoại với ba, hay ngay cả khi không làm thế, tôi thường tưởng tượng ba ngồi làm việc ở bàn giấy, hay mở cái sandwich ba đã tự làm cho mình lúc ba sửa soạn buổi ăn trưa cho tôi; hay chuyện trò với các bạn cùng sở.

Trong các bạn đồng nghiệp, ba tỏ vẻ không ưa một người, ba nói tốt về đôi người còn thì không có ý kiến gì về những người khác. Tôi không bao giờ hỏi ba về những việc đó, cũng như chấp nhận cái vẻ bề ngoài của ba; ông giống như mọi người đàn ông khác về vóc dáng, cử chỉ. Lúc nào cũng gầy đến nỗi cả nhà đã trêu chọc, ba đã lên khá nhiều ký kể từ sau khi mẹ tôi mất. Tôi không nhìn thấy sự khác biệt đó, có lẽ vì nhìn thấy ba hàng ngày, tôi biết vì ba than là quần áo cũ đã chật, và nghe người khác khen ba như thế khi ba mặc những bộ đồ mới. Tôi cũng chả biết mấy cái cravate mới của ba trẻ trung quá, nếu tự ba không than phiền như thế.

Ba tôi hiền từ nhưng ông ít khi làm quen với người lạ hay nói chuyện xã giao với người quen ngoài đường, như mẹ tôi. Trong thời gian mẹ tôi bịnh và ngay cả thời gian sau khi mẹ mới mất, tôi để ý thấy khi ra đường ba hoặc nhìn

tôi, hay nhìn xuống đường, nếu không nhìn vào các cửa tiệm. Bỗng một ngày mùa thu, một nhóm phụ nữ trẻ đi ngang qua chúng tôi, tôi nhìn thấy ba ngoái đầu nhìn họ, rồi mỉm cười.

"Có gì vui thế?", tôi hỏi, xiết tay ba, hạnh phúc vì thấy ba hạnh phúc.

"Ồ không, không có gì", ba trả lời, xiết trả tay tôi. "Ba chỉ cảm thấy... cũng vui thấy các cô gái trẻ tung tăng trên đường phố. Ba cảm thấy vui vì thấy họ vui."

Tôi nhớ là tôi đã cảm thấy lo lắng, một cảm giác rõ ràng dù chỉ thoáng qua; đó là dấu hiệu dầu tiên tôi nhận thấy là ba tôi bắt đầu trở về thế giới thực tại trong đó không chỉ có ông và tôi.

Mấy tuần lễ sau đó, tôi để ý theo dõi ba nhiều hơn thời gian trước. Tôi nhớ là tôi để ý thấy trong buổi họp phụ huynh cô giáo tôi, cô Margolin, người khá nghiêm khắc và đạo mạo trong lớp, đã cười hơi nhiều lúc cô trao đổi với ba tôi. Và một đôi lần tôi thấy bực với các bà bạn xã giao của ba hay các cô gái bán hàng vì họ nấn ná làm mất thì giờ hơn công việc đòi hỏi họ. Cũng trong khoảng thời gian này, mỗi lần dì Lilah xuất hiện là tôi thấy bực dọc, khó chấp nhận. Lần lần, dì có mặt ở nhà tôi nhiều hơn, tôi biến thành người theo dõi từng li từng tí cách ăn mặc, trang điểm và cử chỉ của dì.

Một sáng thứ bảy tôi thức giấc sớm trong phòng của dì Estelle và chợt nhớ đến một vài việc vặt vảnh ba và tôi cần làm hôm đó. Dì Estelle còn ngủ say. Nằm yên độ vài phút, tôi quyết định về nhà để làm cho ba tôi ngạc nhiên chơi. Tôi mặc quần áo rồi đi xuống nhà bếp, nơi bà Ngoại đang ngồi uống nước trà buổi sáng. Bà đứng dậy khi bà thấy tôi (thế hệ bà người bà luôn dứng dậy khi có người bước vào nhà bếp), rồi bà tiến về phía tủ lạnh. Tôi chạy đến ôm bụng bà nói bà không cần lấy gì cho tôi. Tôi muốn về nhà để làm ba ngạc nhiên và sẽ ăn sáng với ba.

"Hãy chờ chút," bà nói.

Có thể thời gian đã phóng đại thêm đôi chút làm tôi nhớ đến sự hốt hoảng trong giọng bà rõ mồn một như mọi việc khác đã xảy ra trong mười năm đầu tiên trong đời tôi.

"Chờ chút nữa. Con khoan đi đã. Hãy còn sớm lắm."

"Con có chìa khóa mà," tôi nói, vẫn ngây ngô. "Con muốn làm ba ngạc nhiên".

Bà làm thinh. Nếu bà biểu tôi ở lại, tôi đã ở. Có lẽ bà đã gọi điện báo cho họ biết ngay lúc tôi rời chỗ bà, vì lúc tôi về tới nhà thì ba đã dậy, quần áo chỉnh tề, đang pha cà phê trong bếp. Dưới nhà có tiếng người gặt Toilet.

"Có ai ở đây hả?" tôi hỏi.

"Dì Lilah của con ghé ngang", ba tôi nói, đặt hai cái ly và ba cái dĩa trên bàn. "Ba có rủ dì đi shopping với chúng ta."

"Tại sao?" tôi hỏi. "Chúng ta đâu có cần ai giúp đi shopping".

"Có người cho thêm ý kiến cũng tốt đó con," ba nói sau một phút im lặng.

Ý kiến về gì? Nước hiệu V-8 hay Sacremento? Cá hộp hiệu con Gà biển

hay hiệu gì khác? Ý nghĩ đó quá quái dị đến nỗi tôi không buồn cãi.

Ba mang bánh Danish ra mấy cái đĩa trên bàn. Điều nầy lại càng quái dị vì chúng tôi chẳng bao giờ dùng bánh nầy chỉ trừ vào ngày Chủ Nhật. Thấy vẻ mặt tôi, ba nói là ba đã mua tối hôm qua. Một lối giải thích mà chẳng giải thích gì.

Tôi bê bình nước cam ở tủ lạnh ra đổ vào ly - một việc làm hơi khó nên tôi thường để ba tôi làm cho tôi - rồi ngồi xuống bàn, cố hiểu về thế giới kỳ quặc, khó chịu này. Một lát sau dì Lilah bước vào phòng, đã thay đồ, trang điểm, và mang đôi giày cao nghểu. Thay vì chào dì, tôi hỏi dì làm sao đi shopping được với đôi giày cao gót đó.

Dì Lilah cười vui vẻ, cúi xuống hôn lên má tôi.

"Vớ vẩn, dì lúc nào cũng mang giày cao thế nầy. Dì không thể mang gì khác hơn."

Tôi chùi vết son của dì trên gò má nóng bừng của tôi, lặng thinh. Dì Lilah đi đến tủ lạnh lấy bình nước cam và tự rót cho mình một ly. Một hành động có lẽ dì đã làm cả trăm lần ở nhà dì hay ở đây, nhưng đây là lần đầu tiên tôi thấy kỳ dị đến lạ lùng.

Dì nghĩ là dì đang ở đâu vậy chứ?

Dì ngồi xuống.

Tôi nhìn dì, *quan sát* dì, một người ngoại cuộc, cố tìm hiểu xem việc gì đã làm tôi giận dữ như thế và vì không tìm được ra điều gì, tôi đổ cho dì Lilah. Tôi nhận ra cái thuốc đánh lông nheo trên mắt dì, màu má hồng trên má dì, môi son tím... những thứ má tôi và dì Estelle hay cười chế ngạo. Dì đang mặc một trong những cái áo ấm đầy lông của dì, màu trắng, jupe đen. Dì trông -giống như người ta nói về mấy đứa con gái học trường đạo chạy về nhà thay đồ đồng phục mặc những bộ đồ cho quyến rũ hơn- *dì trông rẻ tiền.*

Rồi còn một việc kỳ quái nữa. Dì Lilah là người duy nhất mà tôi biết dùng đường hóa học, và khi dì lấy cái hộp nhỏ xíu ra khỏi túi jupe, cẩn thận nhón một viên nhỏ xíu, bỏ vào ly cà-phê của mình, tôi nhìn như thể tôi chưa bao giờ hiểu cái hành động kịch cỡm đó.

Dì ngước lên và bắt gặp tôi đang quan sát dì, dì cười.

Không biết có phải miệng dì lúc nào cũng rộng và bày đầy răng ra như thế? Sao nụ cười của dì không hoàn toàn có vẻ thân thiện đối với tôi? Thiệt ra dì đang nghĩ gì trong đầu? Dì muốn tống cổ tôi đi chỗ khác như tôi đang không muốn thấy dì không?

Lát sau chúng tôi cùng đi shopping. Dĩ nhiên nó không còn là cuộc shopping của chúng tôi nữa. Một người nổi bật với đôi giày cao nghểu chực ngã ra vỉa hè đi trên lề đường, bên cạnh ba, kêu gọi sự chú ý nhiều hơn những lần chỉ có ba và tôi, và nói luôn mồm biến cuộc đi phố vui vẻ và đã trở thành như một nghi lễ của chúng tôi thành một cơn ác mộng.

Sáng thứ sáu kế tuần tôi tuyên bố ở bàn ăn là tôi không muốn đến nhà bà ngủ tối đó.

Ba đặt ly càphê đang xuống bàn.
"Vậy sao?"
Tả lại lúc đó ba mươi năm sao tôi cũng không quên được vẻ u ám trên mặt ba và sự im lặng nặng nề tiếp theo đó. Cuối cùng bằng một giọng nói tôi ít nghe ông dùng, trừ khi dùng để chế diễu ông bạn xấu ở sở, ông hỏi, "Tại sao vậy?"
Tôi không có câu trả lời, hay ít nhất là tôi không có câu trả lời rõ ràng. Tôi cảm thấy hình như mình thường vắng nhà. Có lẽ hơi quá nhiều. Nếu ba không cảm thấy cô đơn, ba đâu đã để cho dì Lilah đeo theo ba thường xuyên? Nói tới đó, tôi cảm thấy hình như dì Lilah đến đây nhiều hơn tôi tưởng. Không biết việc gì đã xảy ra cho việc làm ăn của dì ở Manhatan, cái công việc đã làm dì về nhà trễ đôi ba lần trong một tuần và khiến dì quá bận rộn không thể phụ gì vô việc nhà? Chưa kể đến việc thứ sáu nào dì cũng bận không thấy về nhà.
Tôi nhún vai.
"Con không biết. Con không được khỏe."
Điều đó không phải hoàn toàn là bịa đặt.
"Nhưng con đủ khỏe để đi học mà?"
Tôi làm thinh. Tôi chỉ quen nói thật... không phải vì tôi muốn thế nhưng tôi nghĩ là khó thể qua mặt người lớn... Nói ra sự thật là điều tôi không thể làm, còn nói láo, tôi chưa chuẩn bị. Tôi cố xua đuổi hình ảnh dì Lilah khỏi tâm trí mình, tự nhủ là dì không có liên can gì đến việc nầy, nhưng tôi không thể tin điều đó.
Tôi gật đầu và gầm mặt xuống bàn.
Sau một hồi ba nói: "Thôi được tối nay chúng ta cùng ở nhà. Nhưng con phải qua nhà ngoại đêm mai nhá."
"Tại sao?" tôi kêu lên. Chực khóc. "Tại sao con phải đi khi con không muốn đi?"
Ba nhìn tôi hồi lâu, đo lường sức mạnh sự phản kháng của tôi, cân nhắc coi nên nói gì với tôi. Rồi ông lại để ly càphê xuống, dụi mắt, rồi chìa tay qua bàn nắm lấy tay tôi.
"Vì ba thích được ở bên con, Nell," ba nói, vỗ vỗ lên bàn tay tôi khi nói. "Nhưng đôi khi ba cũng muốn được ở bên cạnh một người lớn khác."
Người lớn. Có phải ba muốn nói dì Lilah? Dì Lilah người lớn ở chỗ nào? Dì không biết nấu ăn hay dọn dẹp nhà cửa!
"Ba đã ở với người lớn cả ngày trong sở," tôi bắt bẻ.
"Điều đó đúng", ba chậm rãi nói. "Nhưng đó là công việc. Ba đâu có được vui vẻ ở chỗ đó đâu." Ông hơi đỏ mặt vì câu nói hớ của mình, ông vội vã nói thêm. "Đó là, ba yêu công việc mình, nhưng nó không giống như đi dự tiệc. Đi xem phim."
"Con cũng thích phim lắm", tôi nhắc.
"Dĩ nhiên là con thích rồi". Ông xiết nhẹ tay tôi. "Ba vẫn dắt con đi xem những phim hợp với tuổi con, phải không?"

Đó không phải là một câu hỏi, nhưng đó là đòn phản công để tính điểm.

"Nhưng có những cuốn phim chỉ dành cho người lớn. Và có những việc khác người lớn thích làm hơn", ông ngưng lại. "Giống như khiêu vũ."

"Khiêu vũ!" tôi nhìn ông trân trân không thể tin được. Tôi chưa bao giờ thấy ba mẹ tôi nhảy, nhưng đã nghe được nhiều câu chuyện đùa về việc họ nên vợ nên chồng nhờ cả hai đều không biết nhảy. "Ba không biết nhảy".

"Ừ..." Ông bỏ tay tôi ra, dụi mắt lần nữa, rồi mỉm cười với tôi. "Cũng ngộ. Chúng tôi... Ba chưa bao giờ biết. Đúng vậy. Nhưng ra là... dì Lilah nhảy rất giỏi, con biết không. Và gần đây dì dạy ba".

"Không!" Sự giận dữ cộng với lòng nghi ngờ làm tôi giận run, chực khóc. "Con không tin ba!"

Ông thở dài, buông tay tôi ra, nhưng tôi vẫn tiếp tục.

"Ba nói dối!"

Ông đứng dậy. Ông đã quá nhẹ nhàng cẩn trọng với tôi, để rồi tôi cám ơn bằng cách gọi ông là kẻ nói dối.

"Thôi đủ rồi Nell". Ông nhìn đồng hồ. "Con nên đi học đi, Con sẽ trễ đó."

"Con không cần!" tôi đang ở tình thế không thể lui được nữa. Tôi cần một sự dứt khoát, dù cho đó là một trận đòn như ba vẫn dọa nhưng chưa bao giờ đánh tôi. "Con không cần biết nếu con có trễ. Con cũng chẳng cần nếu con phải nghỉ học luôn!"

Tôi òa lên khóc rồi chạy từ phòng ăn trở lên phòng tôi, đóng rầm cửa và khóa trái cửa lại, một việc hoài công từ khi chúng tôi sơn lại nhà bốn năm trước. Nếu tôi biết thế này, tôi đã thử khóa trước.

Tôi nhào vô giường khóc tức tưởi trong một thời gian gần như hàng giờ trước khi ba tôi bước vào phòng, ngồi xuống giường vuốt lưng tôi.

"Con yêu, hãy nghe ba. Con đang nóng giận. Cả hai cha con đang không bình tĩnh. Thôi đợi đến tối nay, chúng ta sẽ ở nhà để nói chuyện với nhau."

Nước mắt tôi khô cạn dần.

"Chuyện này cũng hơi đột ngột cho chúng ta phải không con?"

"Chuyện gì?" tôi hỏi. "Chuyện gì đột ngột?"

"Cha con mình sẽ nói chuyện," ông lập lại. "Tối nay chúng ta sẽ nói chuyện rành rẽ."

Tôi không biết tôi đã nghe ba nói gì. Tôi nghĩ có lẽ tôi đã coi lời nói của ba như một lời hứa sẽ rời bỏ dì Lilah nếu như dì làm chướng ngại tôi. Dầu gì, tôi cũng đã ráng đứng lên, đi rửa mặt rồi ra cửa học.

Chắc là ba nghĩ một ngày nào đó tôi sẽ trở nên quen thuộc với dì Lilah. Tất cả hy vọng của tôi lại là một ngày nào đó ba nhận ra được dì là người nông cạn, nhạt phèo, để ba đặt dì trở về đúng với vị trí của dì trong gia đình. Chắc ba đã hy vọng là dì sẽ chiếm được cảm tình của tôi với sự duyên dáng mà ba thấy quá nổi bật với ba, và có lẽ nếu tôi là con trai chắc dì đã cố gắng hơn để lấy cảm tình của tôi. Tôi nghĩ nếu ba biết chúng tôi không ưa nhau đến thế nào, chắc là ba đã phải thức trắng đêm vì những viễn ảnh không hay của

mình. Dĩ nhiên là rồi ba cũng sẽ cưới dì.

Bây giờ tôi cũng phải công nhận là dì Lilah bốc lửa, có lẽ đây là lần đầu ba đụng chạm với loại phụ nữ này. Có lẽ khỏi cần nói là lúc đó tôi không thể nhìn thấy được dì rất quyến rũ. Ngay đến bây giờ khi nói về dì tôi thấy tôi cũng chẳng thể tìm thấy gì đáng giá ở dì để ba say mê. Khỏi cần nói về tôi rồi. Dì đã làm hỏng cuộc đời tôi, hay là những gì tôi nghĩ sẽ là cuộc đời tôi. Nếu lúc đó tôi không thể biết là ba tôi và tôi khó có thể sống với nhau như thế mãi, hạnh phúc mãi cho đến ngày tôi sẵn sàng rời xa ông, thì dì Lilah là phương tiện qua đó tôi nhận ra cái thực tế này. Tôi chẳng bao giờ có thể tha thứ cho dì.

Tối đó ba tôi và tôi trao đổi một số thỏa thuận. Nếu tôi không thể hiểu việc ông thỉnh thoảng cần có bạn bè đồng lứa (ông nói ông có thể chơi đánh bài với bạn cùng sở hay đi ăn với một người bạn nào đó), tôi phải thừa nhận cái quyền đó. Một tuần hai đêm tôi sẽ ngủ ở nhà Ngoại hay nhà bạn. Ba đêm chỉ có ba và tôi với nhau. Hai đêm còn lại ba và tôi cùng đi thăm bạn bè, gia đình hay cũng có thể ở nhà một mình với nhau.

Một phần của bảng thỏa thuận đòi tôi phải lịch sự với dì Lilah; ba hy vọng một ngày nào đó tôi đối với dì còn hơn sự lịch sự, tôi sẽ biết ngưỡng mộ dì giống như ông. (Còn lâu, tôi nghĩ). Ông nói khi tôi lớn lên tôi sẽ nhận ra rằng có những vấn đề người ta dễ nói với người cùng phái hơn, và khi thời điểm đó tới, tôi sẽ vô vàn hạnh phúc khi có dì Lilah cạnh bên. (Làm sao có thể được như thế khi chính dì Lilah là vấn đề của tôi). Trong lúc đó...

Tôi giữ lời hứa của tôi đến cùng, ba cũng thế. Dì Lilah và tôi lịch sự với nhau, đầu không ưa nhau. Giống như hai người khách có văn hóa trên cùng một chuyến tàu đi xa. Ba tôi cẩn thận không để tôi biết thêm những gì tôi không chấp nhận được về liên hệ của họ. Rồi, chỉ vài ngày sau giỗ đầu năm của mẹ tôi, ông báo cho tôi biết ông và dì Lilah sẽ cưới nhau.

Không có gì có thể diễn tả được tâm trạng bị người bội phản của tôi. Tôi đã giữ lời hứa, làm bài tập đều đặn, đến chơi nhà các bạn tôi nhiều hơn, nói chung tôi đã thích ứng với hoàn cảnh khó xử của mình. Tóm lại, tôi đã tỏ ra rất đạo đức - chỉ để nhận ra rằng những đức tính đó đã lát đường cho những hoàn cảnh còn tệ hại hơn ngàn lần!

"Cưới?" Tôi nhìn ba ngơ ngác. Chúng tôi đang ngồi trong phòng khách, bàn đánh cờ đã được xếp sẵn cho cuộc đấu cờ thường lệ mỗi chủ nhật của chúng tôi. Đặc biệt tối chủ nhật. Không hẹn hò. Không thăm viếng. Chỉ có hai cha con. Với nhau. Mãi mãi. *"Cưới? Để làm gì? Ở đâu?"*

Ba mỉm cười, vẻ diễu cợt nhưng mặt nghiêm. Có lẽ đã từ lâu ông không còn hy vọng là cuộc nói chuyện nầy sẽ trôi qua dễ dàng.

"Đó là điều người ta làm khi họ yêu nhau, Nellie ạ. Còn ở đâu, thì sẽ ở chỗ bà Ngoại."

Nhưng đâu có phải là tôi hỏi đám cưới ở đâu? Tôi định hỏi, nói một cách khác là, Ba sẽ để dì ở đâu? Tôi không cần suy nghĩ cũng thấy rõ là chúng tôi

không có chỗ cho dì trong nhà chúng tôi.

Ba tôi bắt đầu có phản ứng tự vệ. Thận trọng, có thể nói như vậy.

"Ba nghĩ là", sau một lúc ông nói "chúng ta sẽ dễ chịu hơn sau khi mọi sự đâu vào đấy". Ông mỉm cười. "Hai người phải quen với sự có mặt của nhau, thay vì lúc nào cũng thắc mắc không biết làm sao... bao nhiêu..."

Ông bỏ lửng nhưng tôi đã hiểu. Ở chung với nhau? Ba nói gì vậy. Nhà này chỉ có hai phòng, phòng của ba má và của tôi. Từ lâu tôi đã nghĩ đến nó như phòng của chỉ mình ông, rồi tự nhiên trước khi tôi để ý đến một sự thay đổi nào, nó đã lại trở thành phòng của ba mẹ tôi. *Ba đang nói gì vậy?* Chắc chắn ba không thể nào, không thể nào có ý nói dì Lilah sẽ dọn vào đó thay chỗ mẹ của tôi! Bây giờ mẹ tôi bỗng rõ ràng, đậm nét. Hình ảnh mà tôi đã từ chối không nghĩ đến từ khi tôi biết mẹ tôi bị bệnh nan y.

Mẹ ơi! Mẹ đang ở đâu? Hãy giúp con với!

Tôi bật dậy, đụng ngã bàn cờ làm văng tung tóe những con cờ.

Ba nhìn tôi, chờ đợi, không đứng lên để dỗ dành tôi hay lượm mấy con cờ.

"Không có chỗ cho dì ở đây!" Tôi hét lên. "Chỉ có đủ chỗ cho hai cha con hay cho... Dì sẽ ở đâu? *Tại sao dì không ở sở dì?*"

Lúc nghe đến đó ông không cầm được bật cười, một nụ cười lẫn lộn những tình cảm vui buồn. Thấy ông cười, tôi lại càng giận hơn. Tôi gân cổ lên gào tên mẹ tôi, kể lể những kỷ niệm để nói rằng dì Lilah không đáng làm vợ của ông, cũng không đáng làm bạn. Mẹ không còn ưa dì! Mẹ đã chế nhạo cách dì Lilah trang điểm hay chải tóc!

Ba nghiêm mặt. Ba đã cố gắng nói chuyện với tôi. Tôi đang mất bình tĩnh và ông cố trấn tỉnh tôi. Nhưng không có nghĩa là ông cho phép tôi nói xấu dì Lilah, người ông yêu.

Tôi hơi có dịu xuống. Hay ít nhất là một màn sương của sự bình tĩnh đã phủ lên những tình cảm nóng như núi lửa. *Yêu? Ba định nói cái gì, Yêu?*

"Con tưởng ba yêu mẹ con".

"Dĩ nhiên là ba yêu mẹ con. Một trong những lý do tại sao ba yêu dì Lilah là vì dì làm ba liên tưởng đến mẹ con."

Tôi nhìn ba trân trối. Ông đang nói gì vậy? Dì Lilah giống như Betty Grable hay những cô đào rẻ tiền trong các phim hát hơn là chị của dì, người đàn bà tóc muối tiêu, với một thân thể mềm mại tròn trịa.

Tôi làm thinh. Tôi không còn nhớ rõ tôi đã nghĩ gì, nhưng tôi nhớ rõ là có những ý nghĩ tôi không thể nói ra. Tôi ngồi trên tay ghế đối diện sofa, chờ đợi. Một lúc sau ba lên tiếng nói.

Tuần tới một hôn lễ nhỏ sẽ được tổ chức ở nhà ngoại. *Tuần tới!* Tôi cứng người. Dì Lilah sẽ dọn lần lần quần áo và những thứ cần thiết khác vào các phòng chứa và các hộc tủ. *Phòng chứa và hộc tủ? Phòng chứa và hộc tủ nào? Không lẽ họ đã vứt đồ của mẹ rồi mà chẳng cho tôi hay.* Sau đó dì Lilah sẽ dọn một số bàn ghế qua. Phòng của ông dĩ nhiên sẽ trở thành phòng của họ. *Phòng của họ. Phòng của họ. Tôi có lập lại điều này cả ngàn lần cũng không*

thể nào tin nổi. Ngoài những thứ đó, không có gì thay đổi lắm. Sau đó có thể cần trang trí lại một chút. *Trang trí lại? Như thế có nghĩa là gì? Nhà chúng tôi chẳng có gì cần sửa đổi cả? Tôi sẽ giết gì, nếu dì động vào một thứ gì trong phòng tôi*. Dì Lilah sẽ đi làm thêm một thời gian nữa. *Tại sao chỉ một thời gian nữa. Bộ dì tưởng dì có thể ở nhà cả ngày để sai bảo tôi việc này việc nọ*. Đời sống thường ngày của chúng ta thay đổi rất ít. Vài tháng gần đây ông đã biết những điều ông không biết trước đó là tôi không thể dễ dàng chấp nhận cái ý nghĩ là một người đàn bà khác sẽ thay thế chỗ của mẹ tôi. Ông đã hy vọng... và ông đã tin là.. hay ông sẽ bực bội hơn... nếu tình cảm của tôi đối với dì Lilah sẽ dần dần thay đổi. Nếu tôi sẽ quen dần với ý nghĩ chia sẻ ông với dì. Và rồi tôi cũng nhìn thấy ra dì là là một người tuyệt vời, dễ thương, thông minh.

Nhưng tôi đâu còn nghe thấy gì nữa sau câu *chỗ của mẹ con*, và bây giờ tôi không có thể ngồi yên được nữa. Tôi nhảy ra khỏi ghế, tôi muốn chạy ra khỏi phòng rồi biết là không thể làm thế, tôi chạy đến bên cửa sổ lấy cớ nghe tiếng còi hụ dưới đường.

Chỗ của mẹ tôi, thật vậy sao. Nếu ai có thể thay thế chỗ của mẹ, thì người đó phải là tôi, con gái của bà, nhưng dĩ nhiên là không ai có thể thay thế được, nói gì đến người đàn bà tóc nhuộm bạch kim kia... Tôi nhìn xuống đường. Một chiếc xe cứu thương sơn màu cam và trắng đang tăng tốc, với ngọn đèn trên mui chớp sáng. Có lẽ dì Lilah đã bị xe đụng và đang nằm chết giữa đường!

Tôi quay nhìn ba, sợ hãi nghĩ rằng ba có thể đọc được ý nghĩ của tôi. Nhìn vẻ mặt tôi ông dang tay ra đón. Tôi chạy đến sofa, nhào vào người ông khóc khi ông ôm tôi trong đôi tay.

"Mẹ ơi! Con cần mẹ!"

Tôi khóc vì cảm thấy cuộc đời đầy bất công, không thể lường, không thể hiểu được. Nhưng trên tất cả, tôi đau đớn khóc vì nỗi mất mẹ, người mà tôi chẳng hề nhớ tới cho đến tận bây giờ. Những kỷ niệm tôi đã xua đuổi khỏi tâm trí tôi từ lúc tôi biết bà sẽ chết, bây giờ ngập tràn tâm trí tôi, làm cơ thể tôi bủn rủn.

Một giáng sinh, mẹ mang về một nhánh cây mistletoe, cười khúc khích khoe chúng tôi. Tôi đã đòi có một cây thông để trong nhà, và ba mẹ tôi đã phải nhọc sức cắt nghĩa với tôi là người Do Thái không thể để cây trong nhà. Vả lại với mistletoe, mẹ sẽ có cơ hội hôn con cả trăm lần một ngày. (Người Tây Phương có tục ai đứng dưới nhánh cây mistletoe sẽ bị người khác hôn - Người dịch).

Mẹ đã dấu dưới gối sofa chiếc áo ấm mẹ đan tặng tôi làm quà sinh nhật.

Mẹ bày trò dọn dẹp trong nhà với tôi khi tôi vứt đồ chơi, sách vở khắp nơi.

Tôi đã có những ngày vui vẻ, thời gian chỉ có tôi với người cha đáng ngưỡng mộ. Chúng tôi đã sắp đặt, làm như thể mọi chuyện đều bình thường. Bây giờ là lúc chúng tôi phải sống thực. Tôi nhớ những lần đùa giỡn dùng gối đánh nhau hay những lúc nằm cù nhau trên thảm trong phòng sách, mẹ tôi bỗng thình lình ngồi dậy nói: "Ý chết, đã đến lúc phải nghiêm trang".

Vâng. Bây giờ đã đến lúc phải nghiêm. Đã đến lúc phải để cho ba kẻ ở trọ trong nhà nầy được quyền trở về cuộc sống.

Tôi không thể nín khóc, nhưng dần dần thiếp ngủ trong cánh tay ba tôi, giựt mình tỉnh giấc đôi ba lần, rồi lại rơi vào giấc ngủ với ý nghĩ đó là đôi cánh tay của mẹ đang ôm tôi.

Chắc là ba đã bồng tôi vào giường vì tôi nhớ ngày hôm sau, thứ bảy, lúc tôi thức dậy tôi vẫn còn mặc nguyên quần áo của ngày hôm trước, và buổi sáng hôm đó tôi nằm lâu hơn bình thường trước khi thực sự thức tỉnh. Lúc tôi thức giấc, tôi nhận ra là mình đã xoay cái gối nằm theo chiều dọc và tay tôi ôm choàng lấy nó như đó là thân thể của một người đàn bà to lớn, mềm mại.

T.LINH *dịch*
(từ The Unfaithful Father
theo New American Short Stories)

PHẠM CHI LAN

không đề

Tôi sinh ra vào mùa thu
Mừng ngày sinh nhật của lá

Trà tịnh hương và sương buổi sáng
Lá rơi,
lá rơi!
kìa một chiếc lá rơi
như hơi thở

Trong mênh mông
người ngồi ôm đàn
ru thời gian
ru chìm vào quên lãng.
Tiếng động nào đâu đây
Nghe như tiếng chim trở về sau mùa bão!

Lá ướt
giật mình
long lanh
giọt vỡ

PHẠM CHI LAN

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

hãy vì những hạt lệ

Vẫn có lúc
nước mắt chảy ngược vào lòng
môi vẫn cười
ngợi ca nỗi chờ mong
thôi
hãy cứ vì những giọt sương trên đám lá xanh
gọi mời những bông hoa tàn
tình yêu nào mà chẳng mong manh
chẳng rủ rê
chẳng khước từ
ơi những nụ hôn mệt mỏi ấm áp
đời có khi cũng chỉ vì một cọng tóc cỏ khô

ai chẳng một lần
đụng hồn mình cỏ rối
ai chẳng ngại ngần
khua hoài những tiếng dội
tôi muốn nói
những hàng cây muôn đời có lỗi
những con đường những nắng gió đơn côi
sao cứ phải nhìn kỷ niệm như một lời thú tội

sao cứ phải cùng tôi yêu hoài những tình nhân bất trắc
thôi
hãy cứ vì vẻ đẹp rợn người của những chiếc ghế đá bỏ không
một nỗi cô đơn độc địa của chia cắt

ở đó
một người đã ngồi xuống
và cũng ở đó
một người đã bỏ đi mênh mông
của từ trăm năm mùa hạ mùa xuân về trước
hay hàng chục mùa thu mùa đông về sau
thì cũng một chỗ ngồi đã hiu quạnh
đã mưa nắng phai màu

thôi anh hãy cứ vì nhau
gọi kêu một nỗi gì đó không có tên
đánh thức một dáng dấp trở về trong giấc mộng
như đêm nay ở một dòng sông
tôi đã thấy đôi tình nhân son trẻ bỏ nhà ra đi
tôi đã gặp hai trái tim rất đỏ
nghèo tiền nhưng giàu thơ mộng nhất thế giới
đang tìm bới cơn mơ một mái ấm
dưới một gầm cầu lãng mạn
tình yêu không cần phấn son lụa là
vẫn đẹp trần trụi như trăng
anh biết không
khi người ta bắt đầu tính toán thì tình yêu
thấm mệt

thôi
hãy vì vẻ quyến dụ của sự chết
tôi đi tìm những khát khao đầy tuyệt vọng
có gì đâu
nếu phải đẩy lùi một chút ánh sáng của đám đông
để được chui vào bóng tối huyễn hoặc
của anh
của tình yêu có khi đồng dạng với nỗi chết

thôi
hãy vì một tia mưa nước mắt
những sương giá trong mặt trời
những hạnh phúc trong đớn đau
những chồi non trong hoa nở
thấy không anh trên ngọn trời xanh
mây là nỗi buồn tôi bốc hơi

làm sao anh không biết ở thành phố này
vẫn có những cánh hoa bất hạnh
suốt đời chết khát những hạt môi sương
nơi trái đất vẫn còn tỉ tỉ những đứa con gái lỡ thì
đêm đêm chuyện trò với lũ tường câm điếc
khản giọng kỳ kèo trả giá đạo đức
khóc cười cùng chăn gối tiết hạnh khả phong
mà số kiếp thì vẫn cợt đùa trên những nhánh phù dung
làm sao nước mắt và nụ cười không chỉ là một

làm sao những cọng tuyết rơi trên mái vắng
có thể nói với tôi rằng
khung trời cũ đã vĩnh biệt
và một người cũng đã bần bặt xa

này mùa xuân vừa đến
thôi đừng làm đầy sự trống rỗng
bằng những tiếng chim thánh thót
bằng những môi cười của nắng rất ngọt
hạt giống ấy cũng vừa nẩy mầm từ trái tim tôi
bản sao chép của những hạt lệ

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

TRẦN TRUNG CHÍNH

đôi kiếm



... Lão đăm đăm nhìn những con sóng lăn tăn dàn ngang bò vào bờ, chúng biến đi đâu mất, những con sóng vừa chạm vào bờ đất. Sức nhìn của người già kém, chóng mỏi, lão buồn ngủ và chợt không xác định được thời gian. Ban mai hay hoàng hôn? mặt hồ vắng lặng, trời u ám, hình như có làn điệu dân ca vọng từ đâu đó, lời ca ảo não. Những khúc hát chiều chạng vạng gợi không gian phương Nam, nơi cặp mắt có thể đặt vào đường chân trời, không khí khô nóng, làng xóm nằm mỏi mệt trên nền đất thẫm, những chiếc xe thổ mộ cũng chìm vào đất đai, chỉ có tiếng bánh gỗ lăn kẽo kẹt... Còn lúc này trời rạng dần, đánh thức hương cây, mùi cỏ, mùi bùn. Trên đầu lão, cây bàng rải những cụm hoa không còn dịp kết trái. Hương vị ban mai, hương vị của con trẻ hay thân thể thanh nữ, thứ hương vị rất khó tận hưởng. Khi còn trẻ ta ít đau ốm, phần nhiều sợ đói chứ không sợ thức ăn không ngon, chẳng sợ sự đau ốm của thiên nhiên mỗi khi chuyển mùa. Bây giờ, đến một bữa cơm nấu khô cũng hành tội hàm răng lão. Thời tiết luôn làm lão bứt rứt: nóng quá, lạnh quá, ẩm quá, trăn trở thế nào cũng vẫn thấy thiếu tiện nghi. Các cơ quan cảm giác trở nên nhạy bén, dấy lên bao nhiêu thèm muốn. Hương vị ban mai tinh khiết này khi còn trẻ lão thường bỏ qua, giờ đây nó lôi cuốn, lơ lửng như màn sương khiến lão muốn đắm chìm vào nó.

Đã có một thời như thế với cô gái hàng xóm, lão cầm được bàn ta cô, một tay lão đỡ đầu cô, níu cô ngả lên vai lão. Mái tóc thiếu nữ đầu tiên kề sát lão

đến thế, không thật mềm mại như lão tưởng, nặng và ráp. Cái bớt nhỏ đậu trên cái gáy thanh tân của cô, lão thấy tựa như một dấu son, lão áp nụ hôn ban đầu lên nó, và thầm ước nó sẽ là kỷ niệm của lão mà cô sẽ mang theo mình mãi mãi. Ngực cô nhiều mồ hôi, cô để cho lão vuốt ve, có lẽ cô chờ đợi, tận hưởng, còn lão lại sợ làm cô phật lòng. Cô nằm xuống, nhắm mắt. Lão loay hoay cởi áo của cô, việc đó không quá khó như lão nghĩ...

Sau gần 40 năm, lão gặp lại cô ta ở "câu lạc bộ dưỡng sinh ngoài trời". Lão hay đứng sau bà ấy lúc tập bài múa kiếm. Bà thực hiện động tác hua kiếm lên ngang đầu và chém xuống. Lão nhìn thấy cái nách của bà kéo căng lên, xuất hiện vô số nếp nhăn ngang làm cho chỗ ấy giống như cái chân giò lợn sạch sẽ nhưng không thành thực. Vợ lão vào dịp mua chân giò lại dùng cái bàn cạo râu của lão để cạo lông lợn, lão nhắc bà không nên dùng chung, bà gắt bảo: "Hãy thay lưỡi dao khác nếu muốn vệ sinh cho mình!". Sau bài múa kiếm gỗ, bà ấy thăm hỏi sức khỏe lão, bà đề nghị lão đưa thanh kiếm mộc của lão để bà sơn mầu đỏ, giống như thanh kiếm bà đang sử dụng. Lão từ chối, bởi lão không thấy hai thanh kiếm đó có gì khác nhau. Lão nhìn thấy nơi cổ áo khoét trễ của bà thấp thoáng sợi dây chuyền vàng, mảnh. Lão biết chắc chắn phía dưới, chỗ bắt đầu hình thành cặp vú có một mặt đá xanh neo vào hai đầu sợi dây chuyền. Đã có lần lão tháo nó, luồn qua hai chân cô, đưa sợi dây chuyền vòng quanh eo lưng. Sợi dây hơi căng và mặt đá bầu dục nằm ở vị trí dưới rốn, giống như lưng con cánh cam, ở vị trí mới này có gợi cảm hơn và rập rờn theo nhịp thở của cô. Nhìn từ phía chân cô, trong tầm ngắm của lão, mọi hình khối thân thể cô được tạo dựng hết sức đối xứng, xuất hiện vô số điểm hội tụ... Dường như tấm thân ấy không chịu thuộc về lão, không chấp nhận bất cứ hình thức chiếm hữu và có thể nó còn ở ngoài sự kiểm soát của cô ấy. Nó có đời sống của nó, như mọi tạo vật trong thiên nhiên mà người ta có thể khẳng định quyền sở hữu, vậy mà nó vẫn sống riêng rẽ ngay cả với chủ nhân của nó. Lão nói với cô về một nốt ruồi rất đen của cô ở chỗ cô không nhìn thấy. Cô trả lời: "Thế à" và cười thẹn thùng. Cô có vẻ thích thú vì lão quan tâm tìm kiếm mọi dấu vết trên thân thể cô. Về sau, vào một lúc khác, lão nhắc đến chúng, cô khá hờ hững, cô có ý cho rằng lão lẩm cẩm và không lành mạnh. Lão sợ lão càng lố bịch trước mắt cô, vì đến vết chủng đậu mờ mờ trên cánh tay cô lão cũng thấy nó riêng biệt, quý giá.

Dĩ nhiên bây giờ, lão đủ khôn để làm ra vẻ không chú ý đến cái làm lão rất chú ý. Người đàn bà đang ngồi trước mặt lão có thể đoán nhận được gì trong đôi mắt chậm chạp và yếm thế của lão, đôi mắt ấy bất giác rưng rưng, nước mắt dâng trong hai con mắt, vượt qua sự tự chủ, tuyệt nhiên chẳng vì nỗi buồn hoài niệm, mà bởi ký ức đang bình tĩnh phiêu du qua một chặng thời gian. Bà nhìn lão ái ngại, lối ái ngại của người khỏe với kẻ yếu, bà sửa cho lão khi lão phóng một đường kiếm thiếu dứt khoát. - "Ông phải tập trung

tinh thần nơi ngọn kiếm và giữ thế kiếm song song với mặt đất". Lão chăm chú theo dõi bà đảo chân, xoay người, phóng kiếm... Những động tác mang vẻ trẻ trung toát từ tấm thân của bà, mặc dầu lão thấy tựa như bà đang diễn tuồng vậy. Bà phấn chấn liên tục lặp lại những động tác đó. Niềm rung cảm xưa cũ của lão cũng lặp lại trong trạng thái mới trong sáng và thanh thản. Bà đã tiến tới giàn cây đang xoay người mãnh liệt đá vào khoảng không. Dưới chân bà nắng lọt qua kẽ lá, bóng lá lốm đốm như bộ lông con gà mơ. Trên đầu bà, những dây lan tiêu lượn quanh thân cột đỡ giàn cây trĩu nặng những đóa lan tiêu kết chùm đỏ rực. Những đóa lan *tiêu* phiến ấy, nở bền, lão từng thấy những chùm lan tiêu chịu mưa, hầu như chúng không bị rã dưới làn mưa xối xả làm những chùm hoa giấy, trâm bầu rũ rượi.

Cũng đúng chỗ này ba mươi bảy năm về trước lão đã dìu người thiếu nữ chạy trú mưa dưới giàn hoa này sao? Lão có thể đưa câu hỏi này ra với ai? Giàn lan tiêu chẳng thể là vật chứng có giá trị, bởi nó vẫn thay lá, đơm hoa, giữ cho nó thanh xuân mãi mãi. lão đã ngắt một bông lan tiêu, bứt dãy khuy bấm chỗ ngực áo của cô và áp bông hoa vào khoảng lõm giữa hai bầu vú. Mưa mau hơn, môi lão tìm môi cô, nước mưa chảy ròng ròng trên mặt cô, lão thấy vị nhạt của nước mưa và không sao thỏa cơn khát. Có tiếng chim rúc đâu đó làm lão nhớn nhác, đôi tình nhân mải luyến ái quên mất họ đang đứng trong công viên giữa ban ngày. Công viên lúc đó quạnh quẽ, mưa rơi trên muôn ngàn phiến lá, cảnh bên kia hồ cũng khuất trong mưa. Con chim lên tiếng từ chỗ nào nhỉ? Cả hai đều đảo mắt tìm, thỉnh thoảng con chim lại rúc lên quanh chỗ họ đứng. Con chim trú mưa trong các tầng lá ken dày hay nó nép mình dưới những khóm cây, bụi cỏ dưới đất... Chẳng lẽ nó đấy chăng? Con chim mấy chục năm về trước giờ đây đang đậu trên chót cành lan tiêu vịn chùm hoa run rẩy. Nó đứng lộ hẳn ra như muốn giải thích cho lão. Một con chim khuyên vàng chỉ nhỏ như một bông lan tiêu lớn, tương tự như bông hoa nằm trên ngực cô gái. Dĩ nhiên sự so đọ bằng mắt chẳng thể nào khẳng định được quá khứ, không kiểm chứng được ký ức, chỉ điểm được vài nội dung kỷ niệm, cho dù nó thật vững với thời gian. Con chim khuyên đạp cành kêu liếp chiếp, rồi những bông lan tiêu thoắt biến mất vào rặng cây xanh thẫm. Lão buồn vì mất đi một bằng chứng, con vật giúp cho nỗi hoài niệm rõ nét, phần nào gợi nên sắc thái của dĩ vãng bây giờ là dòng sông tiến gần tới biển, bỏ lại ghềnh thác và chậm chạp mở rộng dòng chảy.

Lão ngượng ngập thấy bà tráng kiện và thuần thục trong mọi bài kiếm, quyền, cả sự ân cần pha lẫn tự đắc của bà đối với lão. Lão vốn không xem trọng sự rèn luyện cơ thể, chế độ dinh dưỡng, thuốc men... bởi cơ thể chúng ta vẫn cứ trục trặc, mặt dầu chúng ta tha hồ điều chỉnh những điều kiện sống. Chúng ta vẫn xét chúng ta từ bên ngoài. Tuổi già là sự chứng nghiệm muộn màng, chúng ta lặng lẽ già đi từ bên trong, không một hành vi bên ngoài nào

can thiệp nổi, chúng ta chỉ còn biết đứng bên ngoài chúng ta mà nuối tiếc. Lão lờ mờ hiểu rằng cần phải tìm đường vào chính bản thân mình, nghe những tiếng động đang tắt dần bên trong. Bây giờ chẳng phải lúc viết thêm những dòng sự kiện lên đời tư, mà cần đọc lại nó, làm sao để bình tĩnh thưởng thức những trang quá khứ của cuộc đời, như vậy lão sẽ được sống thêm một lần nữa, một cuộc sống không kém phần đắm đuối.

Hầu như không phải là ảo ảnh, lão thấy tuổi thơ của bà, chính trong các động tác lố lăng mà bà đang cố gắng thực hiện. Tuổi thơ ấy, lão chưa từng biết, nhưng giờ đây nó xảy ra trong mắt lão với cô bé chưa đầy mười tuổi gầy gò, chân trần chạy trên con đường đất. Cô mặc cái áo hẳn là cái áo cũ của mẹ cô, dài, rộng, cái áo phất phơ trong nắng gió ban mai. Bà ấy chưa bao giờ nhắc đến thời thơ ấu của bà. Sự gặp gỡ với lão xưa kia không có lời, như vị ngọt tan chậm trên môi, cả hai luôn thèm muốn nhau. Như vậy, có phải là tình yêu? Bởi cả hai đều chẳng thể ý thức được tình trạng của họ. Có lúc lão tỉnh ngộ và sợ hãi, ngăn bớt đam mê, những lần đi lại lén lút. Nhưng vì sao cô ấy đã chán lão trước, khiến lão đau đớn vì nỗi ghen tình dục và cố chiếm lại cô bằng tình dục. Lão chỉ yên tâm sau mỗi lần làm cái thể xác ấy thỏa mãn. Lão thù hằn cô vì cô lơi lỏng lão và tỏ ra trìu mến những người đàn ông khác, mối trìu mến dường như được cô bày tỏ thanh sạch. Thời gian đã phong hóa những lỗi lầm và hồi sinh cho mọi giá trị mà chúng ta đã đạt được trong quá khứ... Cô bé vẫn chạy chân trần đằng trước lão, không biết đến quan sát của lão, cô đuổi theo những con bướm trắng bay rập rờn, chốc chốc cô lại ngã vì vồ hụt chúng.

"Câu lạc bộ dưỡng sinh ngoài trời" quần tụ những người về hưu. Một lần gặp nhau ngoài phố, bà ấy thông báo và khuyến khích lão tham gia. Có nhiều lý do để người ta có thể dự vào trò vui này lúc cuối đời. Thí dụ: các thành viên tham gia không phải đóng tiền. Lương hưu chỉ là món quà tượng trưng của chế độ, ba tháng một lần lão chọn những cọc tiền hai trăm đồng từ quầy phát tiền hưu trí mang về góp với vợ con. Nếu lão lấy những tờ năm nghìn hay hai nghìn đồng thì nom có vẻ ít ỏi. Những cọc tiền hai trăm đồng rất có giá trị về mặt khối tích. Câu lạc bộ dưỡng sinh thì vô khối, vấn đề là nó sinh hoạt ngoài trời. Lão rất ngại những chỗ có mái che, vào chỗ ấy thế nào người ta cũng thu tiền, và hễ chuyện này xảy ra thì phải có người kiểm soát, người bị kiểm soát. Một tình trạng như vậy thì có khác gì ở nhà với vợ con. Lão ngỏ ý với vợ, bà ngần ngừ, bà muốn lão đừng làm mất giấc ngủ cả nhà lúc sáng sớm. Lão không nhớ rõ hứng thú tình dục với vợ mất đi từ lúc nào, còn trước thời gian bà ấy mãn kinh. Sự giảm thiểu ham muốn dần dần từ phía bà ấy trước, xen lẫn nhiều bực dọc, xấu hổ vì nhà chật, các cặp con dâu con gái nằm xung quanh. Đến khi đứa cháu đòi nằm với bà thì sự đoạn tuyệt ấy hoàn toàn. Cả gia đình mặc nhiên chẳng đếm xỉa gì đến nhu cầu giao lưu riêng tư của hai

người già. Đêm đêm, đứa cháu trai nằm giữa vợ lão và lão, lão trăn trở nghe tiếng bà ru nó ời ời... Bà đã quên lão rồi chăng? Mất đi cảm hứng tình dục cũng là mất đi lối đồng cảm để vào nhau. Có lần do một thoáng nhậy cảm nào đó, cô con dâu thứ cố ngăn thằng bé đòi bà ru ngủ. Cô phát vào đít thằng bé rõ mạnh, nó òa khóc và bà ấy lại cuống quýt ẵm cháu lên giường. Sự tế nhị của cô con dâu thứ cũng chẳng có khả năng bày tỏ hơn thế. Có lẽ bà ấy không hề đoán ra nỗi ái ngại của cô, cho rằng tình trạng này là tự nhiên, rằng sự gần gũi của những người già khác giới với nhau còn là nhơ bẩn. Lão không biết vợ mình nghĩ gì, vì sao quá khứ, bất chợt tan biến giữa hai người, sao nó không chậm rãi đi qua một hình thức chuyển tiếp nào đó. Sự lãng quên của bà giống như cánh cửa hiện tại lập tức đóng lại, bỏ rơi dĩ vãng bên ngoài. Thái độ của cô con dâu thứ cũng ngẫu nhiên dấy lên sự xúc phạm trong lão, khiến lão cũng, hỏi lại cô sao không để thằng bé được nằm với vợ chồng lão, mặc dầu cùng lúc ấy lão biết mình dối trá.

Sự thoái trào của mọi nỗi niềm trong lão không chỉ diễn ra trên chiều thời gian, không gian xung quanh cũng mênh mông bí ẩn hơn. Lão như lập lại cảm xúc trước thế giới hồi thơ bé, cảm giác mình là con bọ giữa thế giới tự nhiên to lớn, càng bé nhỏ bao nhiêu lão thấy cuộc sống càng mạnh mẽ, rõ nét bấy nhiêu. Những âm thanh từng quên một thời dạo này ám ảnh lão. Tiếng động của thành phố. Tiếng người, tiếng xe cộ ồn ã, tiếng gõ, rèn, tiếng kim loại va lanh canh... những tiếng động vang suốt tuổi thơ bỗng vọng lên khiến lão bừng tỉnh sau giấc ngủ dài. Khuôn mặt người vợ mỏi mệt, khổ sở gần gũi với cuộc đời lão trở nên xa cách mỗi khi lão thoáng day dứt do những hồi ức về bà. Lão đã từng bỏ qua những lần thấy vẻ khang khác trên dung nhan vợ, đôi môi bà tươi tắn như đôi môi người lạ, thoáng một chút son đủ xóa đi nhiều dấu vết cơ cực hàng ngày. Những ngày đó lão ngửi thấy mùi cám dỗ, gợi tò mò, có thể khiến lão bất chấp mọi suy xét vì phải sống và hít thở quá lâu không khí gia đình nhạt nhẽo. Lão muốn yêu bà, những cảm xúc mới chợt dấy lên trong những ngày tháng đó, pha lẫn ghen tuông, thèm muốn. Cuộc sống chẳng còn đáng gì nếu con người tỏ rõ mọi sự thật về nó, sự không biết kích thích chúng ta mường tượng, vả lại chúng ta có bao giờ biết hết về nó, tất cả những gì đã và đang diễn ra xung quanh chúng ta và của mỗi bản thân chúng ta nữa, bởi chúng ta đã dành phần lớn thời gian để sống bên ngoài chúng ta. Phải, chúng ta đã cặm cụi sống bên ngoài chúng ta, lang thang từ việc này sang việc khác...

Dưới rặng cây lan tiêu bà ấy tha thướt trong những động tác tập luyện như múa vậy. Khi bà kiễng chân, vươn tay, thân thể bà cong như một cánh cung bắt đầu căng dây. Một đường cong chưa đạt độ căng ở mọi điểm trên dây cung, chưa viên mãn và mầu trắng y phục của bà gần như lẫn vào màu nước của hồ. Lão nghĩ rằng tại sao hồi ấy hai người lại không có con với nhau,

họ đã chẳng giữ gìn mà chuyện ấy không xảy ra? Một đứa con chung có thể làm số phận họ rẽ theo một lối khác. Nhưng cuộc sống với vợ lão hiện nay có đáng để lão phàn nàng? Hoặc là lão cần cả hai, có gì không bình thường? Bố lão từng có đến ba vợ. Ông ấy đã có cuộc sống thật phức tạp, nhiều nhân nhượng. Lão sẽ hài lòng với cả vợ lão và bà ấy, khó khăn không do lão mà do quan hệ giữa họ. Điều đó lại không thể được, đa thê là không thể được đối với những người phụ nữ, sự cộng sinh ấy quái gở, ít nhất vì do nó trái với tập quán hiện tại. Lão xấu hổ quá, một người đàn ông gần 70 tuổi dám nghĩ đến chuyện đa thê.

- Rằm tháng sau chúng tôi lo cho cháu gái út, mời ông bà sang với chúng tôi.
- Vâng, thế là bên nhà sắp lo xong chuyện gia thất cho tất cả các cháu. Tôi có lời mừng trước.
- Ơn trời cho sức khỏe để chúng tôi lo liệu cho chúng nó.

Bà ấy ngồi xuống bên lão. Các thành viên của câu lạc bộ dưỡng sinh đã giải tán. Nếu lão có dù chỉ một đứa con với bà ấy câu chuyện sẽ không khách khí thế này. Lão nhìn những vết da mồi nâu sẫm lấm tấm trên mu bàn tay bà đang nắm lấy đốc kiếm màu son như trong tay một trang nữ. Những sợi tóc bạc lẫn rất nhiều trong mái tóc dài của bà đã được búi gọn lên cao lộ ra cái cổ trắng trẻo, cái bớt son trên đó như mới, có mầu hoa lưỡi mèo nửa trắng nửa cánh sen.

- "Tôi vẫn yêu bà như hồi bà còn con gái". Câu nói của lão đã vượt ra khỏi lão và bàn tay lão áp lên bàn tay bà trên đốc kiếm. Lão đang lưu lạc trong thời gian và mất phương hướng, không rõ mình ở chặng kinh nghiệm sống nào. Một tâm trạng hỗn hợp gồm cả tuổi thơ, hoa niên tráng niên thấm đượm nỗi buồn. Lão chờ vẻ thẩm thẹn có thể hiện lên trên gương mặt băng giá của bà, hy vọng nó báo hiệu trạng thái hiện tại của cả hai, hoặc nó ghi nhận rằng đã có một thời quá khứ chung giữa họ.
- Bà chẳng còn nhớ gì sao?

Lão sợ hãi trước nguy cơ tai họa sắp ập xuống, còn hơn cả sự sỉ nhục, tại sao sự chân thành không có phương tiện, còn lời nói là phương tiện diễn đạt giả dối nhất.
- Ông để tôi sơn màu đỏ cho thanh kiếm của ông.

Bà cầm lấy thanh kiếm gỗ của lão và đứng dậy. Bà ra đi với cả hai thanh kiếm trong hai bàn tay. Chỉ một lần bà ngoái lại nhìn lão đang cúi đầu nhìn những con sóng nhỏ trườn mình trên mặt hồ, nghe thấy tiếng con chim lẻ loi hót trong rặng lan tiêu, thấy bầu vú của bà cựa mình.

Rạng sáng, tiếng côn trùng râm ran khiến lão ngỡ mình ốm, những âm

thanh li ti dày đặc trong không gian. Nhưng rồi có tiếng dế rúc từ xó tối nào đó, con dế kiên trì đánh moóc giúp lão khỏi nỗi sợ. Ngoài phố có tiếng xích-lô lao trên mặt đường, mấy kẻ nào đó vừa chạy vừa hô theo nhịp thể dục. Vợ lão vẫn ngủ mê mệt, đứa cháu gác một chân lên bụng bà nội, một cánh tay của bà xoãi qua người nó hướng về phía lão. Lão nhỏm dậy, tần ngần nhìn bà, khuôn mặt hầu như không rõ sắc diện, không cho lão biết gì về bà. Nhưng nếu bà cứ bất động như vậy chẳng trở dậy nữa, thật khủng khiếp, đó chỉ là những ý nghĩ ngẫu nhiên, nhưng sao lão cứ bị hút vào những ý nghĩ gở ấy... Lão sẽ trở về nhà sau buổi tập sáng nay với thanh kiếm đỏ, liệu vợ lão có khó chịu về cái mầu lòe loẹt, hoặc cũng đáng để bà ấy vui nếu thanh kiếm đỏ hấp dẫn đứa cháu nội của bà. Còn lão phải cố gắng luyện kiếm cho thuần thục, để kết với người tình xưa thành song kiếm hoàn hảo. Lão thấy mỗi buổi mai dưới rặng lan tiêu bên hồ nước, cả hai người nhào nhộn trong vòng hào quang của đôi kiếm lượn loang loáng, thấp thoáng những tua vàng dưới hai đốc kiếm. Lão vội mở cửa và xăm xăm chạy ra ngoài.

Các thành viên của câu lạc bộ dưỡng sinh sẽ còn tiếp tục giải thích với nhau về cái chết đột ngột của bà ấy, dư âm của nó ám ảnh họ cho tới khi xuất hiện một vài trường hợp tương tự như thế. Mặc dầu vậy, họ dễ nhất trí với lời an ủi của ông chủ nhiệm câu lạc bộ rằng: "Sự rèn luyện thường xuyên để cơ thể chúng ta được chắc chắn chết một cách tráng kiện". Lão đã từng nghe bao người già thốt lên nỗi ao ước này, chỉ có bà ấy, chưa bao giờ bày tỏ nguyện vọng đó với lão. Bà ấy có toại nguyện về sự ra đi của mình? Lão tin bà ấy hài lòng, nhờ cái chết để bà trở lại sự khởi đầu. Có thể lúc này đã có một bà mẹ lâm bồn và một đứa trẻ ra đời với cái bớt đỏ trên cổ nó tựa như vết chạm của mũi kiếm. Lão đã lỡ dịp để bà làm cho thanh kiếm gỗ của lão trở nên cao khiết do sơn mầu đỏ, thanh kiếm chỉ giả là một thanh kiếm và có phần thô sơ so với thanh kiếm nhựa có dòng chữ Tàu "Thiên hạ đệ nhất kiếm" của ông chủ nhiệm câu lạc bộ. Ông ấy đang tiến lại gần lão, thông báo với lão rằng: "lão phải đóng cả hai khoản tiền phúng người quá cố, một khoản vào hội bảo thọ phường, một khoản vào câu lạc bộ dưỡng sinh ngoài trời".

TRẦN TRUNG CHÍNH

LÊ THỊ THẤM VÂN

yeloow light

Mỗi ngày
bước ra khỏi nhà
leo lên xe
người và xe
cùng chạy.
Sở làm, siêu thị, hàng quán, nhà thương, trường học
hẹn hò, thư viện, rong chơi, bạn bè...
ở mỗi góc đường
là những ngọn đèn
xanh, đỏ
vàng.

Đèn xanh,
Lisa, Brian, Jefferson, Vickie, Steve...
Peanut butter sandwich, apple pie, roast beef...
Computer, football, snow, credit cards, weekend...
Sharon Stone, Bill Gates, Woody Allen, Toni Morrison...
Equal rights, privacy, affirmative action, multicultural,
freedom, melting pot...
Ngẩng mặt, phố xá thênh thang rộng mở, xăn tay áo, hăm hở:
một hai với đời
một hai với người.

Đèn đỏ,
Khuôn mặt co rúm, gót chân nứt nẻ, lòng dạ cồn cào...
Ba giờ sáng mắt thao láo theo con thằn lằn di chuyển
trên trần nhà ẩm mốc
Phố cổ Hội An, Hà Nội văn vật, bùng binh Sàigòn.
Áo bà ba, Thúy Kiều làm đĩ cứu cha,
triết lý thằng Bờm, lũy tre làng...

Tàu, Pháp, Nhật, Nga, Mỹ... ào ào vô, ào ào ra.
Bốn ngàn năm: người người tầng tầng lớp lớp rung như lá trên rừng
để đứng ngang đường chỉ: sinh tồn
mà lòng đầy tự mãn
tự hào
tự vệ

Đèn vàng
Đạp gas: tới đâu tới!
Đạp thắng: thôi thì dừng...
Này người bạn đường ngồi cạnh,
Mẹ đẻ rớt trên bờ đê ruộng, luống khoai bãi sắn.
Nhưng sao lại lớn lên trên xa lộ mười lanes ở Mỹ quốc.
Hỏi những trụ đèn
sao không chỉ hai màu xanh đỏ
Có làm gì thêm màu vàng
cảnh giác.
Làm tôi phải băn khoăn
bứt rứt
đắn đo
khó nhọc...
Lại yellow light
dừng hay chạy
hả bạn đường ngồi cạnh.

LÊ THỊ THẤM VÂN

HUỲNH MẠNH TIÊN

một trương mục hai thí chủ

Vẫn có thể
360 tờ lịch rớt
Nẩy mầm 360 bản tình ca

Vẫn có thể
Với cố nhân "hơn nửa đời hư"
Nay nửa còn lại, nhập luôn hộ khẩu

Vẫn có thể
"Cánh cửa" chung cư "âm thanh nổi ba chiều" làm ầu
Vách khuya bóng về
Thủy chung chăn gối

Vẫn có thể
Chìa "tối hậu thư"
Em nước đá bào nhưng
Ngọt xi-rô (màu)

Vẫn có thể
"Đôi gạt nước xua đi nỗi nhớ"
Võng lại thòm thèm vú mẹ vú em

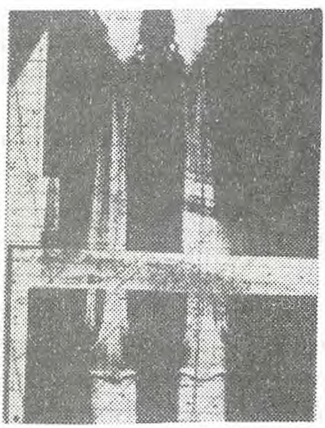
Vẫn có thể
Rau muống / Thị trường
Trống đồng / Hội nhập

Vẫn có thể
Nhưng này - tôi thách anh - Nhà thơ bố cái:
Vừa hút gió vừa mút tay!!!

HUỲNH MẠNH TIÊN

NGÔ THẾ VINH

in retrospect - nhìn lại



Was the character of my valor less intense than those at Lexington?
Was the pain of my wounds any less severe than those at Normandy?
And was my loneliness any less sorrowful than those at Inchon?
Then why am I forgotten amongst those remembered as Heroes?

George L. Skypeck

Tạm gọi tên anh là Gumber để tôn trọng sự riêng tư của nạn nhân và gia đình. Do cái chết mới đây, anh ta chẳng còn dịp đôi lần là bệnh nhân của Phan nữa. Đã là thầy thuốc thì sự sống và chết đôi khi là sự tiếp cận của thường ngày, nhưng Phan cũng không tránh khỏi kinh ngạc khi nghe tin về cái chết đột ngột của anh, nhất là với cách thế mà anh chọn lựa để tự kết liễu đời mình.

Anh sống cô quạnh, một lần ly dị và không con. Sự thể cô vợ rất sớm phải bỏ anh vì không chịu được tính nết hung hãn bất thường của chồng cho dù họ vẫn còn thương nhau. Từng là *lính cổ da,* thuộc một trong những đơn vị Thủy Quân Lục Chiến đặc trách xây dựng *phòng tuyến McNamara* từ trước Tết Mậu Thân, cựu chiến binh Mỹ ở Việt nam, hai lần bị thương, với số tuổi nay đã gần 50. Anh đã bắt đầu nghiện rượu và hút cần sa từ lúc còn rất trẻ khi mới qua Việt Nam. Giải ngũ, thất nghiệp từ nhiều năm và không thấy có một tương lai. Anh sống qua ngày bằng số tiền trợ cấp tàn phế nhỏ nhoi. Tất cả đều liên hệ tới những mất mát từ chiến trường Việt Nam: chứng động kinh

do vết thương sọ não. Anh đã từng bị sốt rét ác tính, và cũng là người duy nhất sống sót của một *tiểu đội mất tích*; tuy bị thương nặng ở bụng và chân do những miểng mìn *claymore* sau khi rơi vào ổ phục kích đêm của Việt Cộng ở một nơi xa xôi nào đó trong vùng cao nguyên Trung phần Việt Nam cách đây 27 năm. Cũng phải kể tới *vết thương khác không chảy máu Bloodless Wounds* PTSD - hội chứng tâm thần sau chấn thương ở những năm sau khi anh đã trở lại nước Mỹ.

Chỉ vài tuần trước đây, cùng với khoảng 500 người tình nguyện khác, anh Gumber đã tham gia trong chiến dịch *Stand Down*, tổ chức mỗi năm ở thành phố này, để chăm sóc cho những người cựu chiến binh không cửa không nhà.

Stand Down - một thuật ngữ quân sự có nghĩa là *di chuyển từ vùng chiến trận về một nơi an toàn* - ở đây là một chiến dịch kéo dài ba ngày, tìm nhặt những người cựu chiến binh vô gia cư đang sống trên hè phố, đưa về một địa điểm tạm trú, cung cấp cho họ những dịch vụ cần thiết như những bữa ăn nóng, áo quần, thuốc men, cố vấn pháp luật mà đa số đều có *vấn đề*, rồi sau đó là giúp họ tìm việc làm.

Chỉ nguyên ở thành phố nhỏ này, theo ước lượng của Sở Xã Hội, đã có khoảng hơn 600 cựu chiến binh không cửa không nhà. Họ không biết hoặc cũng chẳng thiết tìm nơi để được giúp đỡ. Và con số *không đếm được* sẽ là bao nhiêu ở các thành phố lớn khắp trên nước Mỹ thì không ai biết chắc.

Đã không thiếu những cuộc duyệt binh với rừng cờ sao và sọc và cả rực rỡ những *dải băng vàng* để chào mừng những người lính như những anh hùng trở về sau cuộc chiến tranh chớp nhoáng mấy tuần ở *Vùng Vịnh Desert Storm* và rồi cả với những cuộc chiến tranh khác; nhưng hình như đã không có một đối xử như vậy đối với những người *cựu chiến binh trở về từ Việt Nam* với hàng năm dài chịu trận ròng rã. Hai mươi năm sau, một số không ít vẫn còn mang những vết thương, vẫn lang thang trên đường phố, họ vẫn mãi chưa được trở về nhà.

Họ vẫn sống ngoài lề xã hội, thường xuyên phải chịu đựng thiếu thốn và bị gán cho những thói hư tật xấu của bọn nghiện ngập và dân phạm pháp, đẩy họ tới đáy vực sâu của sự sa sút niềm tin và mất cả lòng tự trọng. Họ, đa số là *những cựu chiến binh Việt Nam* bị lãng quên; phải chăng chỉ vì họ bước ra từ một trận chiến đã không có được chiến thắng vinh quang hay nói trắng ra là trận chiến mà lần đầu tiên nước Mỹ đã bị thua.

Trở lại câu chuyện anh Gumber. Bấy giờ là khoảng 7 giờ 30 sáng thứ Sáu, hạ tuần của tháng Sáu, mà Phan còn nhớ rõ như mới ngày hôm qua. Khi Phan vừa tới sân vận động, dưới một bầu trời hừng nắng của một ngày rất đẹp miền Nam California, thì khung cảnh trông đã giống như một trại lính với những lều vải kaki có phủ lưới ngụy trang màu xanh rừng.

Đi lại trong sân là những người cựu chiến binh vô gia cư, họ đã được những chuyến xe bus đón về đây từ chiều hôm qua. Cho dù râu tóc vẫn còn rậm rịt nhưng được tắm rửa với áo quần đã được giặt dũ, cũng khó mà phân

biệt họ với đám thiện nguyện viên cũng là những người lính cũ năm nào. Nói chung họ đã là những người lính thuộc đủ mọi binh chủng, đủ hạng tuổi, màu da và đã từng tham dự vào những cuộc chiến tranh khác nhau, hy sinh một phần đời tuổi trẻ của họ, chịu đựng cả những mất mát - để phục vụ cho một xứ sở có tiếng là giàu có nhất thế giới, để rồi khi giải ngũ, một số không ít phải sống như những người vô gia cư trên các đường phố, chịu đói khát thiếu thốn trong tình cảnh cô đơn và tuyệt vọng. Câu chuyện nghe thật buồn và cả khó tin nhưng lại có thật. Trên nón, trên lưng hay ngực áo của họ là những dòng chữ thật cô đọng, mà đa số liên hệ tới cuộc chiến tranh Việt Nam. *The Forgotten War, The Forgotten Warriors, It's Time To Remember. Nam Vet, Graduate From University of Khe Sanh. Vietnam Vets, We Were Always Right, And Proud of it...*

Như một khúc phim hồi tưởng, một thoáng Phan đã sống lại những kỷ niệm chiến trận gian lao với những người lính đồng đội Việt Nam của anh ngày nào. Và rồi ngay sau đó, trở lại với thực tại, Phan phải chuẩn bị bước vào một ngày biết trước là sẽ rất bận rộn. Đây cũng là năm thứ tư Phan lại có dịp làm việc chung với khoảng 500 thiện nguyện viên khác, như một chu kỳ hàng năm nhằm đem lại ít ngày nghỉ ngơi cho các cựu chiến binh không nhà.

Và Phan ngạc nhiên khi thấy anh Gumber đã có mặt ở đó. Anh ta rõ ràng khác hẳn mọi ngày: rất ư là sạch sẽ và gọn gàng. Anh trẻ trung hẳn ra, với ánh mắt long lanh và khuôn mặt thì rạng rỡ. Hôm nay anh tới đây như một người thiện nguyện làm việc nơi bệnh xá, chứ không phải là người bệnh không cửa không nhà như mọi năm khác. Phan đọc được giòng chữ *You're Not Alone With your Pain* trên ngực chiếc áo T-shirt của anh. Trông anh tích cực khỏe mạnh và năng nổ làm người chạy dẫn - *runner*, mỗi khi anh được gọi tên. Rất nhanh nhẹn cho dù anh vẫn phải dùng gậy, chạy tới chạy lui qua các trạm hẹn khác nhau. Phan nhớ là anh ta đã phải dùng gậy chống từ nhiều năm vì vết thương cũ với những mảnh mìn nơi chân. Thật là khó mà tin rằng anh ta lại có thể hữu hiệu đến như vậy; trái ngược với hình ảnh vốn quen thuộc của anh Gumber lúc nào trông cũng buồn bã trầm cảm, cả xa cách nhưng cũng rất dễ nổi nóng và gây hấn và luôn luôn than vãn về những chuyện nhỏ nhặt không đâu. Như cơm bữa, anh thường hay lui tới các phòng ngoại chẩn, đi khám bệnh chỉ là cái cớ nhưng thực ra điều anh cần là *chút hơi ấm nhân sinh*. Cả với số điện thoại 911 và xe *ambulance*, anh cũng là khách quen. Lâu lâu anh lại được xe cứu thương chở tới phòng cấp cứu của những bệnh viện khác nhau, hoặc vì chứng động kinh tái phát do không chịu uống thuốc hoặc bị trúng độc thuốc vì uống quá liều, và phải kể cả đôi lần anh cắt mạch máu cổ tay để tự vẫn.

Chỉ mới năm ngoái thôi, anh Gumber tới đây như một cựu chiến binh không nhà. Nhưng năm nay thì khác hẳn, anh tới đây với một *vị trí để giúp người khác*. Hình như anh đã thực sự chán và mỏi mệt với cái hình ảnh bất ưng nơi chính mình: một anh Gumber vô gia cư và không có chút giá trị nào.

Hôm nay thì anh tới đây như một con người có trách nhiệm, mong có cơ hội làm điều tốt và anh ta tỏ ra rất kiêu hãnh. Anh đã tự mình đứng dậy để được đếm xỉa tới, và không thể chấp nhận sự đối xử lạnh lùng vô ơn của xã hội đối với những người như anh - điều mà chính anh biết rằng nó đã có khả năng xô ngã và nhận chìm cả đời anh.

Sự hiện diện của anh Gumber nơi đây như là một thách đố. Rằng phải làm một cái gì cho nỗi thất vọng và cả chua sót với những người cựu chiến binh không nhà. Lẽ ra thì họ phải được kính trọng và quan tâm nhiều hơn. Anh Gumber và cũng như mọi cựu chiến binh khác, họ là những người sống sót sau chiến trận nhưng lại mang những dấu ấn xấu xí chỉ vì họ bước ra từ một cuộc chiến đã không có kết thúc bằng sự thắng trận vinh quang. Nhưng dù muốn hay không thì họ vẫn là một phần gắn bó thiết thân với *thực- tại-nước-Mỹ* này.

Và rồi chiến dịch *Stand Down* cũng qua đi, người ta lại thấy anh Gumber đến khu cấp cứu của một bệnh viện khác vào tuần trăng tròn - *full moon*. Anh trở lại vẻ buồn bã và xa cách. Anh không ăn từ mấy hôm nay, than mất ngủ, lo lắng vô cớ và tinh thần thì sa sút nhưng anh không hề có ý định tự vẫn. Trông anh xuống sắc hẳn nhưng anh đã từ chối nhập viện theo lời khuyên của bác sĩ.

... Một khoảng thời gian khá lâu sau không ai còn nghe nhắc tới anh. Tình cờ trong câu chuyện của mấy cô y tá nhắc tới những bệnh nhân đặc biệt của khu cấp cứu. Tên anh Gumber và cả tin anh chết *"he hung himself"* được dửng dưng nhắc tới, lẫn vào những cái tên quen thuộc khác. Nhưng riêng bác sĩ Phan thì không thể không bàng hoàng khi lần đầu tiên nghe tin này. Và bây giờ thì chính Phan phải lớp lang dàn dựng lại những gì đã xảy ra xoay quanh cái chết của anh Gumber...

...Hôm đó khi rời phòng cấp cứu, anh Gumber trở lại nơi tạm trú - là căn phòng tồi tàn của một khách sạn cũ dưới Downtown. Anh vẫn không thiết ăn không ngủ và tinh thần thì thêm sa sút. Vậy mà hằng đêm, như một tra tấn anh vẫn cứ phải nghe tiếng cánh quạt vần vũ của mấy chiếc trực thăng cảnh sát bay lượn trên bầu trời thành phố lúc nào cũng đen nghịt.

Vẫn tiếng trực thăng ấy vang vọng từ hơn 30 năm, vẫn bám riết và theo đuổi anh trên khắp vùng chiến trận từ đồng lầy của những thửa ruộng lúa xanh đồng bằng sông Cửu Long tới lớp lớp rừng già rậm rịt và đẫm chất da cam của núi non Trường Sơn. Âm thanh ấy đã làm thức dậy ký ức và những kỷ niệm kinh hoàng từ Việt Nam - Vietnam flashback, đã làm bung mở tất cả những vết thương chưa bao giờ thực sự lành.

Trong cơn đau cùng cực với sợ hãi và cảm giác vô vọng, anh xuống giường và vội vã chống gậy bước ra khỏi cửa, để lao vào bóng đêm, khập khễnh lang thang trên những đường phố vắng, không mục đích không có nơi để tới và chẳng

thể nào mà trở về. Bấy lâu thiếu ăn thiếu ngủ, anh mau chóng kiệt sức, anh phải dừng lại nơi một trạm xe bus ban đêm không một bóng ai.

Anh thì đã quá quen thuộc với trạm bus này, là phương tiện giao thông duy nhất để anh đi từ Shelter Downtown tới các bệnh viện hay cả một nơi bất định nào khác. Trước đây anh đã từng có hàng giờ ngồi chờ ở trạm bus và có dịp quan sát từ chiếc cột tới thanh xà, và như một khám phá anh thấy rằng chỉ cần một dây lưng da cho tốt thì bất cứ tên vô lại chán đời nào - nhưng không phải là anh, cũng có thể tự treo cổ dễ dàng.

Bụng đói lép kẹp, không ăn không ngủ anh ốm đi tới hai chục "pounds" chứ không ít đâu. Quần anh rộng như không còn bám lấy bụng mà cứ tụt trễ xuống, khiến anh phải luôn tay nắm dây lưng kéo lên. Chiếc dây lưng da và trạm xe bus - bấy giờ như một kết hợp gợi ý định mệnh và đúng lúc.

Nhìn quanh chẳng có tên vô lại nào khác ngoài chính anh. Ý nghĩ tự vẫn đến bất chợt, và rồi cứ thế như trên một sa bàn, anh thực hiện từng bước kế hoạch đã được điều nghiên trước. Anh đã tự treo cổ với chiếc dây lưng da to bản kiểu cowboy Texas, món quà sinh nhật mà vợ anh đã tặng cho năm nào.

Anh đã tự tử nhiều lần nhưng chẳng may lần nào anh cũng được cứu sống. Nhưng lần này thì anh toại nguyện. No more Vietnam, Vietnam never again. Cuộc chiến Việt Nam và cả nỗi đau của những vết thương thực sự chấm dứt từ đây. Việt Nam, nay thì anh đã thực sự giã từ.

Đã không có một bài báo hay cả đôi dòng tin ngay trên tờ báo nhỏ địa phương đề cập tới cái chết của anh. Thực sự thì từ lâu anh đã chết như một người lính vô danh kể từ ngày bước ra khỏi trận địa ViệT Nam để mãi chẳng bao giờ về được tới nhà.

Sống trong thời bình, thật khó mà hiểu được là chiến tranh đã có hậu quả tác dụng lâu dài trên mỗi con người ra sao, như đối với anh Gumber. Người ta chữa trị cho anh bằng tất cả tiến bộ kỹ thuật y khoa, nhưng đồng thời cũng đã lạnh lùng phân đoạn con người và cuộc đời tình tự của anh. Điều mà lẽ ra không thể quên, từ một câu nói quen thuộc của Trousseau *"Không có bệnh mà chỉ có người bệnh"*, và mục đích tối hậu của y khoa phải là *"thêm sức sống cho tháng năm chứ đâu phải chỉ cộng thêm năm tháng để kéo dài đời người."*

Cho đến bây giờ trong ký ức Phan vẫn không thể nào xóa nhòa cái hình ảnh rạng rỡ và khuôn mặt hạnh phúc của anh Gumber khi bỗng chốc anh được thấy mình trở lại có ích, cho dù chỉ ngắn ngủi ở mấy ngày của chiến dịch *Stand Down* năm đó.

Lẽ ra anh đã không chết và cả sống hạnh phúc nữa nếu anh thực sự được trở về nhà với một tấm căn cước và có cơ hội *sống cho và sống với người khác*.

Và anh Gumber vẫn chưa phải là người lính Mỹ cuối cùng chết trong trận chiến tranh Việt nam.

NGÔ THẾ VINH
02/96

THẬN NHIÊN

trăm năm kỷ nguyên

(tặng anh T, sơ ngộ)

Tôi là một người Việt bình thường
ở Mỹ năm năm
từng lái xe đời mới
chưa thắt được cà vạt nhưng tôi đang tập
biết nói tiếng Anh
hiện làm nghề chào hàng cho hãng điện thoại
(job này good)
một vợ một con

Đêm nay mùng hai Tết
tôi không muốn kể chuyện tầm phào sợ rông
cả năm
nhưng ngồi trong phòng gắn máy điều hòa không khí
sao lộng gió âm u đất đồng Bắc Việt
không kể không xong
gió lồng lộng trong đầu
nghe xong xin anh xin chị hãy quên
vâng, hãy quên
căn cớ gì mà nhớ
mặc kệ gió âm u đất đồng Bắc Việt

Bà cụ bảy mươi sáu tôi vừa chào hàng qua điện thoại
di cư năm năm tư
di tản năm bảy lăm
tị nạn đến năm 2020 thì tròn trăm tuổi
độc thân
apartment một phòng
xem ti vi, pha trà Tàu, mứt gừng bỏm bẻm

"Mẹ già như chuối ba hương
như xôi nếp mật
như đường mía lau..."

Chuối ba hương phủi bụi bàn thờ gia tiên sắp đầy hoa trái
chỉ thiếu bát hương nghi ngút
và nếp mật đón lời chúc Tết con cháu ở xa
happy new year, mama
sống lâu trăm tuổi
đường mía lau
kể tôi nghe gió rét âm u đất đồng Bắc Việt

Tôi vẫn chưa tin vào những bài học luân lý
thầy dạy thuở xưa
thích làm quan và tập thắt cà vạt
lăm le lên chức suppervisor
dây mơ rễ má gì nhau
máy điều hòa không khí và đất đồng Bắc Việt
nhưng thú thật
tôi cũng có cha mẹ chưa già ở tiểu bang xa
vừa gọi phone chúc Tết đêm qua
hi, mom; hi, dad
happy new year
răng long tóc bạc

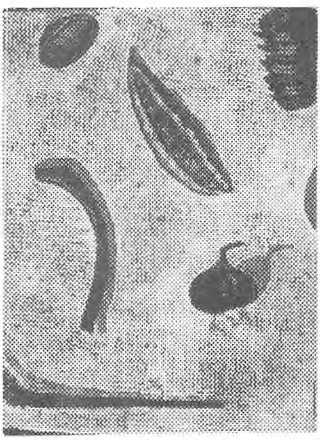
Nút cà vạt vừa thắt xong
cồm cộm cần cổ
weekend này xuống phố
mua thứ có móc treo vào cho tiện
happy kỷ nguyên
(chà chữ này phải tra tự điển)

THẬN NHIÊN
(Nguyên Đán 96)

TN

PHẠM SÔNG HỒNG

chùm chìa khóa



Không được vui, không được vui, không được vui lộ liễu. Tôi tự dặn mình trên đường về nhà sau buổi bảo vệ luận án phó tiến sĩ...

Trước khi lấy anh tôi là cô bé hay cười dù tôi nổi tiếng là người khó tính trong công việc. Trước khi cưới tôi anh bảo anh yêu tôi vì những phẩm chất ấy. Sau một thời gian anh bỗng bắt đầu khó chịu với tôi cũng chính vì những phẩm chất ấy.

Nhưng hôm nay tôi không muốn nghĩ đến chuyện đó.

Tôi không muốn ngày vui của mình phải buồn.

Ghé vào Hà tôi đưa hết cho Hà những đóa hoa mà bạn bè đã tặng tôi. Thôi, hãy cứ để niềm vui của tôi nở ở nhà người khác... Hà chẳng nói gì chỉ thở dài, vuốt tóc tôi.

Ăn cơm xong, lạy chúa mọi việc vẫn bình thường. Tôi mừng và tự thưởng cho mình một buổi tối xem tivi trọn vẹn.

Nhưng...

- Tôi tưởng cô bảo vệ luận án hôm nay? - Vừa tắt tivi anh vừa hỏi, giọng đầy tích điện.

Im lặng.

Như kinh nghiệm đã dạy tôi.

- Sao thế, cô không bảo vệ được?

Im lặng.

- À, cô đã là phó tiến sĩ, cô bắt đầu coi thường tôi, đúng không?

Im lặng.

Mẹ tôi vẫn dạy chữ nhẫn là vàng, nào ngờ càng nhẫn lại càng làm anh khó

chịu hơn. Cố chút nữa, chắc cũng sắp hết báo động rồi.

- Từ ngày mai cô sẽ không ở đây nữa. Tôi sẽ đền bù cho cô. - Anh kết thúc.

Tôi bị đuổi? Không, có lẽ đầu óc căng thẳng quá nên tôi nghe nhầm đấy thôi. Cho đến khi anh lục túi tôi, lấy chùm chìa, tách hai cái chìa khóa nhà ra tôi mới hiểu là tôi không nghe nhầm.

Móc hai cái chìa khóa nhà dành cho tôi vào hai cái chìa anh vẫn dùng, anh đem treo tất cả lên cái đinh tường.

Hai cặp chìa khóa gặp lại nhau, sau hơn mười năm. Để chia ly.

Ngày nào cũng cầm, ngày nào cũng dùng hai cái chìa khóa ấy nhưng có lẽ chưa bao giờ tôi nhìn chúng kỹ như hôm nay, một cái nhỉnh hơn, chỗ để cầm có đường lượn; cái thẳng góc, đơn giản, một cái cho ổ trên, một cái cho ổ dưới... Không hiểu mọi khi tôi đã dựa vào đặc điểm nào để phân biệt chúng nhỉ? Và chưa một lần nhầm. Lạ thật... Nhưng bây giờ thì khó mà biết được hai cái nào là của tôi, hai cái nào là của anh. Mà có biết cũng chẳng để làm gì?

...

Lần đầu tiên không ngủ được mà tôi lại mong đêm dài. Tôi cần thời gian. Vì tôi phải tìm chỗ để đi. Nhà này là của anh. Nơi trước nhất có thể nghĩ đến lại chính là nơi không thể đến được. Tôi không muốn bố mẹ mình phải lo nghĩ. Cũng chẳng thể đến nhà Hà dù biết chắc vợ chồng Hà sẽ để tôi ở tạm. Vì tạm sẽ là bao nhiêu giờ, bao nhiêu ngày? Rồi sau đó đi đâu?

Một cái gầm cầu thang bỗng trở thành mơ ước của tôi.

Anh đã khóa lại rồi, rõ ràng anh đã khóa lại trong tôi một cái gì đó. Chặt lắm.

Bỗng hình ảnh buổi bảo vệ sáng nay, hình ảnh của những kỷ niệm tự ngày nào cứ rủ nhau, rủ nhau về. Đẹp quá. Nước mắt tôi bỗng trào ra. Không muốn để anh hiểu nhầm những giọt nước mắt không phải dành cho anh, tôi im lặng đứng dậy định đi ra. Nhưng cửa khóa. Phải có chìa... Mà tôi thì không muốn tiếp xúc với chúng nữa mặc dù chúng vẫn ở kia: hai cặp, bốn chiếc.

Tỉnh dậy tôi giật mình khi nhìn đồng hồ: tám giờ sáng. Đi làm muộn mất rồi. Và cửa đã khóa chặt. Tôi bị nhốt? Không chìa mở? Cả chùm chìa khóa của tôi cũng biến đâu mất. Tìm khắp gian nhà cũng chẳng thấy.

Cho đến khi vừa mệt, vừa chán, đang uể oải gấp chăn màn tôi bỗng thấy chùm chìa khóa ngay bên gối tôi. Trong chùm có cả hai cái chìa khóa nhà dự phòng ướt đầm - hay đêm qua chúng khóc?

...

Hai cái chìa này đã lẳng lặng theo tôi suốt hơn mười năm trời.

Tôi cứ loay hoay mãi.

Hình như tôi bỗng quên rằng khóa để đóng lại nhưng cũng để mở ra.

P.S. HỒNG

BÙI CHÍ VINH

hội ngộ nguyễn bắc sơn

Ta làm thơ bài nào cũng hay
nghe gã Nguyễn Bắc Sơn nói thế
té ra gừng già ngươi chưa cay
ta chỉ hạt tiêu mà rơi lệ
làm thơ, ta làm từ bụng mẹ
đợi ngươi nổi tiếng là ta sinh
sinh sau đẻ muộn giống Hạng Thác
cho bầy Khổng Tử đỡ hợm mình
sinh sau đẻ muộn giống chim hạc
cho đàn cò đói đỡ ăn đêm

Nhà người bốc ta cứ như chưởng
rằng thơ ta ngông như Tạ Tốn
câu trước câu sau Đồ Long đao
vần dưới vần trên Ỷ Thiên kiếm
đao kiếm dành cho bọn cường hào
có đâu đưa vào thơ bố trận
tại đời lắm muối nên thơ mặn
chứ thiết gì ta nghiệp võ công
kìa coi đại đế Quang Trung đó
đến chết còn ghê chữ má hồng

Tiếc rằng ngươi không là phụ nữ
phụ nữ bốc, ta thành vua Trụ
nhà ngươi bốc, ta thành bia hơi
uống say bọt bay hết lên trời

BÙI CHÍ VINH

GEORGE EVANS

đi dạo trong vườn địa đàng*

A lette to Vietnam
For Hữu Thỉnh, Lê Minh Khuê
and Nguyễn Quang Thiều



●

Đoạn I

Họ đang nói chuyện khi chúng tôi bước vào khu vườn, cặp tình nhân trẻ đang thì thầm bằng đôi bàn tay của mình. Những dải sương mù treo lơ lửng từ trên đỉnh núi phủ xuống biển sỏi. Những ốc đảo trôi dật dờ ngoài cõi vô cùng. Một tâm hồn không có thể xác.

Người thanh niên nói: "Thoáng gặp lần đầu, em trông quyến rũ như ngôi đền cổ, nơi trưng bày một-nghìn-lẻ-một bức tượng các vị Bồ Tát".

Nàng thì không hiểu chàng muốn nói gì. Tại sao lại cứ trở lại mãi ngôi đền Sanjusangendo ở Kyoto có đến năm mươi lần, để ngắm nhìn hàng ngàn những bức tượng một-nghìn-lẻ-một các vị Bồ tát. Những bức tượng được chạm trổ, sơn phết, có dán cả những hình lá cây nạm vàng. Tất cả vẻ mặt các bức tượng đều yên tịnh nhưng lại có thêm sự kinh ngạc của sự giác ngộ. Năm trăm bức tượng đứng mỗi bên, một tượng lớn hơn ngồi ở giữa. Chạm trên đầu mỗi tượng Bồ Tát là vô số những hình thể tí hon khác, cũng hình đầu người, biểu tượng cho những sát-na khi mà đầu những vị Bồ Tát này nổ tung ra vì khiếp đảm, trước những tội lỗi có trên thế giới. Tương tự như đầu của con người khi bị tan thây trong chiến tranh. Có khác chăng là chúng ta chẳng phơi bày lịch sử của mình ra ánh sáng.

Mỗi bức tượng lại có hai mươi đôi cánh tay, biểu tượng cho một-nghìn cánh tay của mỗi vị. Những Bồ Tát này tuy đã giác ngộ vẫn chọn ở lại cõi trần, tiếp tục vòng sinh tử (ta thường cho rằng kẻ giác ngộ sẽ vượt thoát ra khỏi luân hồi). Họ dừng lại ở ngưỡng cửa Niết bàn, trở về với trần thế để

mong cứu rỗi tất cả chúng sinh cùng thoát cõi luân hồi. Nhiều người cho rằng họ ngu xuẩn hơn là thánh thiện, điều đó cũng dễ hiểu.

Nhưng mà với mỗi bàn tay, họ cứu rỗi được hai-mươi-lăm thế giới, và bởi vì mỗi tương lại có thể biến hóa thành ba-mươi-ba tượng khác nhau, hãy thử tưởng tượng như thế là ba-mươi-ba nghìn thế giới được giải thoát. Như thế, bể khổ trên cuộc đời này thật vô lường. Thế rồi lại nhân lên cho một-nghìn-lẻ-một, bấy giờ ta mới có cái cảm giác đang đứng tại một ngôi đền gỗ, cổ xưa, với những xúc động xao xuyến, ngay cả đối với những ai, vốn không có bất cứ niềm tin nào.

Người ta thường nói rằng (và đó cũng là sự thật) nếu bạn nhìn kỹ đủ một-nghìn-lẻ-một khuôn mặt bức tượng, bạn sẽ tìm thấy khuôn mặt ai đó mà mình đã đánh mất trong đời.

Nhưng người con gái trong vườn dường như đã thấy nhàm chán, trong một thoáng lay động, nàng liếc nhìn chỗ khác. Rồi người thanh niên cũng thế. Sức quyến rũ đã mất.

Chúng tôi thì tuổi đời hơn họ. Giữa chúng tôi đã có quá nhiều sinh mạng bị phí phạm, cho nên giờ chỉ còn cái đẹp là ý nghĩa. Tuy thế, chúng tôi cũng chỉ giống như đôi tình nhân này. Sự đổ vỡ của họ cũng giống như sự đổ vỡ giữa hai đất nước chúng tôi: Một người nói, người kia ngoảnh mặt, cả hai cùng nói, cả hai cùng ngoảnh mặt.

PHẠM THIÊN MẠC *dịch*
(Trích đoạn)

---

* Vườn Thiên Đàng ở đây là ám chỉ Tenshin-en, một "vườn đá" Nhật Bản (Japanese rock garden) ở viện bảo tàng mỹ thuật, Boston. Ba nhà văn Việt Nam kể trên đến thăm Mỹ quốc lần đầu vào mùa hè năm 1993 với tư cách là khác của Trung tâm "The William Joiner Center of Boston". Tác giả bài viết, Gheoge Evans đi viếng xem vườn, tháp tùng có Hữu Thỉnh và Lê Minh Khuê, cả hai đều là cựu chiến binh.

PAUL CELAN
DIỄM CHÂU *dịch*

thánh thi

Không ai sẽ nhào nặn chúng ta bằng đất và bùn non nữa,
không ai sẽ chúc lành cho bụi cát chúng ta.
Không ai

Ngợi khen người, Không ai.
Vì tình yêu người chúng tôi muốn
nở hoa.
Ngược lại
người.

Một chút không gì hết
Chúng tôi đã từng là, chúng tôi hiện là, chúng tôi
sẽ còn là, trong lúc đơm bông:
bông hồng của không gì hết, bông hồng của
không ai.

Với
trụ hoa trong trẻo tâm hồn,
nhị hoa hoang dại-trời cao,
vành hoa đỏ
của lời rực thắm mà chúng tôi ca hát
bên trên, ôi ở bên trên
chiếc gai.

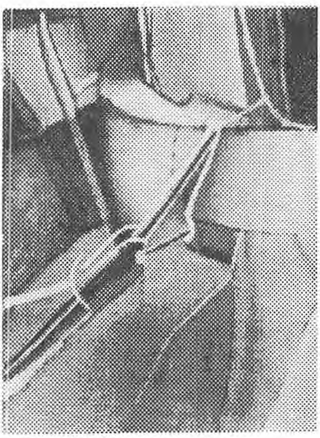
(Die Niemandsrose)
PAUL CELAN

TA

PHÙNG NGUYÊN

quán đêm

● *Quà muộn cho NMC*



Quán vắng. Rất vắng. Gã đàn ông chọn chiếc bàn nhỏ cạnh cửa sổ dọc bức tường đối diện quầy thu tiền, kéo ghế ngồi xuống. Chủ quán, một thiếu phụ trên ba mươi có khuôn mặt dễ coi, mang đến tấm thực đơn, mỉm cười chào hắn một cách nghề nghiệp. Hắn cười đáp lễ rồi nheo nheo cặp mắt cúi xuống nhìn vào tờ thực đơn.

"Anh uống gì gọi trước đi rồi chọn món ăn sau cũng được," chủ quán đề nghị.

"Chị cho tôi một chai *Michelob.*"

"Ở đây hổng có *mi-kà-lốp*, anh dùng đỡ *bớt* đi."

Gã đàn ông ngần ngừ một chút rồi trả lời:

"*Bớt* thì *bớt*. Chị cho tôi cái *bud* cũng được."

Gã đàn ông ngồi nhâm nhi chai *Budweiser*, ngó mông ra đường. Đường phố vắng vẻ một cách lạ lùng. Ngắm một hồi chán ngấy, hắn quay lại nhìn vào chỗ quầy tính tiền. Bắt gặp nét bẽn lẽn trên khuôn mặt người chủ quán, tự nãy giờ có lẽ đang tò mò quan sát ông khách lạ, hắn mỉm cười bắt chuyện:

"Cũng may mà quán chị còn mở cửa. Tưởng đâu hôm nay ai cũng đóng cửa để sửa soạn ăn Tết."

"Tết nhứt nhằm ngày thường chán lắm anh ơi. Tui cũng tính nghỉ sớm bữa nay để về nhà đón Giao Thừa, rồi lại tiếng tiếc."

Chị chép miệng nói tiếp:

"Biết vắng như vầy thì đã đóng cửa hồi chiều cho rồi."

Một người đàn ông bước ra từ phía nhà bếp, hai tay bưng khay đựng thức ăn hướng về phía bàn của hắn. Ông ta lặng lẽ đặt mấy đĩa thức ăn lên bàn rồi

lặng lẽ quay đi, không thèm trả lời câu cám ơn của gã thực khách. Người thiếu phụ chủ quán nhìn theo, lắc đầu chán nản.

"Ông xã chị coi bộ ít nói", gã đàn ông nhận xét.

"Ông xã nào đâu? Đó là anh Năm. Ảnh cứ vậy hoài từ hồi thằng con của ảnh bị tụi nó bắn chết."

Gã đàn ông nhìn chị, chờ đợi một lời giải thích.

"Thì cũng mấy cái vụ băng đảng đó. Vô quán cà phê dành gái rồi bắn nhau tùm lum. Vậy mà cũng được cả năm rồi đó. Tội nghiệp ảnh, có mỗi thằng con!"

"Vậy còn ông xã chị đâu? Chắc đang lo dọn dẹp nhà cửa ăn Tết hả?"

Chị chủ quán bỗng dưng lựng khựng. Rồi chị cũng trả lời, giọng cao và sắc cạnh hẳn lên:

"Thằng chả theo con đĩ ngựa đó qua tiểu bang khác cả năm nay rồi."

Nhất định là "thằng chả" và "con đĩ ngựa đó" đang làm chị tức giận ghê gớm lắm, hắn nghĩ.

"Anh nghĩ coi", chị chủ quán nói tiếp, giọng đã hòa hoãn hơn một chút, "thằng chả đành đoạn bỏ vợ bỏ con đi theo người ta như vậy đó! Trước sau gì cũng bị nó lột hết rồi đá ra cửa cho mà coi."

Gã đàn ông nâng ly bia lên ngắm nghía, quan sát khuôn mặt biến dạng của người thiếu phụ phía sau lớp thủy tinh ẩm ướt của chiếc ly, lên tiếng:

"Nếu quả thực như vậy thì chị tính sao?"

"Tính sao là tính sao?" Chị chủ quán cao giọng, vẻ khiêu khích.

Hắn cũng chỉ chờ có vậy, đang buồn quá, có dịp đôi co cũng vui.

"Nếu anh ấy về năn nỉ chị xin ở lại thì chị tính sao?"

"Còn lâu à! Tui vác chổi quét ra liền."

"Tôi ngờ lắm. Còn con cái, mấy đứa nhỏ thế nào lại không nhắc đến bố của chúng. Rồi những lúc chúng bệnh hoạn, không có ai bên cạnh để phụ giúp một tay. Rồi lễ lạc, Tết nhất lủi thủi một mình..."

Giọng gã đàn ông càng về cuối càng chùng thấp, gần như thầm thì. Hắn chấm dứt câu nói với tiếng thở dài. Khuôn mặt người chủ quán dịu xuống. Chị nhìn gã đàn ông, vẻ dọ dẫm. Cuối cùng, chị lên tiếng:

"Bộ anh với bà xã cũng ..."

Gã đàn ông lặng lẽ gật đầu, rồi cúi xuống ly bia sủi bọt của mình. Hắn lên tiếng, không nhìn chị chủ quán:

"Đã hơn năm năm. Sống một mình hoài rồi cũng quen đi."

Hắn không chắc lắm về câu nói của mình. Năm năm, ba thành phố, bốn công việc khác nhau, và vẫn còn lúng túng với nỗi cô đơn muộn màng.

"Vậy anh chưa có bà xã mới sao?"

Gã đàn ông cảm thấy buồn cười vì lối nói chuyện của chị chủ quán. Bà xã mới, xe mới, nhà mới, quần áo mới.

"Chưa có ai hết", hắn trả lời.

"Tui nghi lắm. Làm gì mà anh không có người khác. Năm năm chớ bộ ít

ỏi gì sao! Tui rành đàn ông mấy người lắm mà!"

Giọng chị chủ quán có vẻ thân mật, suồng sã hẳn lên. Có lẽ cái cảm giác "đồng hội đồng thuyền" làm chị cảm thấy tự tin hơn thì phải.

"Chưa có thực mà", hắn trả lời với giọng trêu chọc, "chị biết cô nào cũng ... lỡ làng như tôi giới thiệu giùm đi."

Chị chủ quán hơi lựng khựng, rồi trả lời một cách bẽn lẽn:

"Anh này quỉ lắm! Mà thiệt anh chưa có ai sao?"

"Kể ra thì cũng có, nhưng..."

Gã đàn ông chợt ngưng bặt, chộp lấy ly bia tu ừng ực làm như để chận ngang những lời nói sắp thoát ra từ cổ họng. Hắn nghe tiếng mình lùng bùng trong đầu, "Thôi nhé, chú mầy liệu mà giữ mồm giữ miệng!" Người đàn bà dường như mất hết kiên nhẫn, lên tiếng hỏi sau một lúc chờ đợi:

"Nhưng sao? Lại bỏ nhau rồi hả?"

"Chưa lấy nhau mà bỏ nhau nỗi gì!" gã đàn ông trả lời, giọng chua chát.

"Mà anh với người ấy quen nhau lâu chưa?"

Hắn đến thành phố này chưa đầy tám tiếng đồng hồ nhân một chuyến công tác vội vã, và sẽ rời đi ngày mai. Chắc hắn và chị chủ quán sẽ không còn dịp nào gặp nhau nữa. Có tâm sự vụn với chị ấy thì cũng chẳng hại gì, hắn tự bào chữa.

"Khoảng sáu bảy tháng nay. Tôi quen cô ấy trên *Net*."

"*Nét* ở đâu vậy. Cách đây có xa không?'"

Gã đàn ông cười nhăn nhó:

"Ờ... cũng không xa lắm, nhưng phải có *computer* thì mới vào được."

"*Còm-bí-tơ* hả? Ông xã tui... ờ .... thằng chả hồi đó cũng học *còm-bí-tơ* rồi đi làm *tếch* đó. Từ hồi theo... con nhỏ đó tới giờ hỏng biết làm gì..."

Chị chủ quán có vẻ bâng khuâng. Chắc chị ta đang tự hỏi "Hỏng biết thằng chả đang làm gì giờ này? " Gã đàn ông nghĩ thầm. Chị chủ quán lên tiếng:

"Mà anh với cô ấy có nói chuyện thường không?"

"Có chứ. Tụi này liên lạc với nhau bằng *email* thường xuyên, có khi mỗi tuần vài ba lần."

"*I-meo?*"

"À, thì cũng như gởi thư vậy nhưng nhanh lắm, chỉ năm mười phút sau là nhận được rồi."

"Vậy là *phắc* rồi. Tui mới *phắc* về cho chị dâu tui ở Việt Nam. Họ nói chỉ có mấy tiếng là tới bển rồi. "

Gã đàn ông định mở miệng cải chính, nghĩ sao lại thôi. Hắn nói xuôi lơ:

"Thì cũng đại khái như vậy. Hồi mới quen nhau, tụi này ...*phắc* qua *phắc* lại mấy tháng trời, nói đủ thứ chuyện nhưng chẳng ai biết mặt ai hết. Chỉ mới lúc sau này..."

Chị chủ quán ngắt lời, hỏi một cách nóng nảy:

"Ngộ hén? Tại sao hồi đó anh hỏng xin hình cổ?"

Ừ nhỉ, tại sao mình đã không xin ảnh nàng? Điều gì đã ngăn cản mình? Có phải vì mình lo sợ phải đối diện với nhan sắc xinh đẹp và trẻ trung của nàng? Phải đối diện với cái khoảng cách choáng ngợp giữa mộng và thực?

"Tôi cũng không biết nữa. Có lẽ tại tôi sợ cô ấy sẽ đòi ảnh của tôi."

Hắn có cảm giác chị chủ quán đang nhìn hắn với ánh mắt của một bà nội trợ giỏi đang quan sát con vịt quay treo lủng lẳng trên móc ở một cửa tiệm bán thực phẩm. Một lát sau, chị nói:

"Tui thấy anh đâu có sao đâu. Anh coi cũng ra vẻ ... đàn ông lắm chớ!"

Hắn đâm ra thích bà chủ quán có lối ăn nói ... độc đáo này. Hắn trả lời, vẻ đùa cợt:

"Cám ơn chị. Tôi đã lo rằng chị cho tôi có vẻ ... đàn bà."

Chị chủ quán cười dòn, tiếp tục cuộc phỏng vấn:

"Rồi anh và cô ấy cũng gặp nhau chớ?"

"Có một lần..."

Hắn ngưng lại, thở dài. Hắn sẽ không bao giờ quên lần đó. Hắn sẽ không bao giờ tha thứ mình vì đã đến đó. Điểm hẹn là một quán ăn nhỏ có cái tên rất gợi cảm, Bắc Hương. Hắn nhất định đòi gặp nàng ở đó vì một lý do đơn giản: nàng đã nhắc đến tên quán ăn này nhiều lần trong những bức điện thư gởi cho hắn. Chuyến đi khá vất vả. Chiếc máy bay nhỏ nhồi lắc, chao đảo như chiếc lá trong dông gió, trời mưa tầm tã lúc đáp xuống phi trường, và cảnh xe cộ ứ đọng của thành phố lớn vào giờ tan sở. Tuy vậy, hắn vẫn đến được Bắc Hương sớm hơn giờ hẹn khoảng hai mươi phút. Hắn gọi một ly cà phê nóng, bảo người phục vụ là hắn đang chờ một người bạn và sẽ gọi thức ăn sau. Quán nhỏ, sạch sẽ. Vách tường được trang trí bằng những bức tranh sơn mài, đúng như nàng đã tả trong thư. Hắn tò mò quan sát bà cụ đang ngồi ở quầy. Có lẽ đây là bà cụ người Bắc với giọng nói "trầm ấm, dễ mến" và đã niềm nở khen chiếc áo len trang nhã, "đan khéo quá" của nàng...

Chị chủ quán, lẳng lặng bỏ đi trong khi hắn chìm vào suy tưởng, vừa trở lại với một chai bia mới. Chị mở nắp, nghiêng người xuống rót đầy ly cho hắn, hỏi tiếp:

"Quen nhau sáu bảy tháng mà mới gặp có một lần thôi à?"

"Chỉ có một lần thôi. Sau đó chúng tôi không còn liên lạc với nhau nữa."

"Sao kỳ vậy? Bộ anh... chê cổ hả? "

"Ồ không, tôi có dám chê cô ấy hồi nào đâu! Cô ấy thông minh, trẻ đẹp. Rất đẹp là đằng khác."

Chị chủ quán gục gặc đầu ra vẻ hiểu biết:

"Vậy cổ... chê anh lớn tuổi chớ gì?"

"Tôi không nghĩ vậy đâu. Trước đó tôi đã cho cô ấy biết về khoảng cách tuổi tác giữa chúng tôi rồi mà!"

"Cái gì mà rắc rối quá vậy?" chị chủ quán kêu lên, "cổ hỏng chê anh, mà anh cũng thích cổ, vậy sao hai người không gặp nhau nữa?"

Điều này thì hắn nghĩ là mình có thể trả lời được. Hắn chọn lời giải thích ngắn gọn nhất để trả lời chị chủ quán:

"Bởi vì hôm ấy tôi đã đánh vỡ một vật rất quí giá của cô ấy."

"Cái gì mà quí dữ vậy? Lỡ làm bể thì mua cái khác cho cổ. Cô này vậy là khó lắm đó!"

"Vật này không thể mua được. Không phải tại cô ấy khó, chỉ tại tôi vụng về..."

Gã đàn ông đưa mắt nhìn chị chủ quán, cười buồn rầu. Hắn nâng ly bia lên uống một hớp, quay mặt nhìn ra ngoài cửa sổ, bắt gặp ở một góc mắt thấp thoáng bóng chị chủ quán đang nhẹ nhàng trở về chỗ quầy thu tiền. Đường phố lúc này càng vắng hơn. Một chút gió đêm làm lay động tàng lá của cây du ven đường.

Hôm đó hắn cũng ngồi ở chiếc bàn gần cửa sổ của quán Bắc Hương. Hắn nhận ra nàng ngay cả trước khi nàng bước vào quán. Tóc dài thướt tha và chiếc áo len xanh nhạt có điểm những bông hoa trắng nhỏ ở thân dưới. Đó là tất cả những gì hắn có thể hình dung về nàng. Hắn chưa bao giờ hình dung ra được khuôn mặt nàng một cách rõ nét. Trong tưởng tượng của hắn, có khi nàng giống một cô gái nào đó mà hắn quen biết, có khi nàng không giống bất cứ cô gái nào hết. Hắn ngạc nhiên về óc tưởng tượng nghèo nàn của mình, và trong cùng một lúc, cảm thấy bình yên với hình ảnh mà hắn có được về nàng, mái tóc dài, chiếc áo len xanh nhạt có điểm những bông hoa màu trắng, và khuôn mặt không rõ nét. Bây giờ thì nỗi bình yên rụng xuống từng mảng theo mỗi bước chân của nàng. Bởi vì trong giây lát nữa, khuôn mặt nàng sẽ trở nên đậm nét trong ký ức của hắn. Nàng bước vào quán ăn, và có vẻ đã nhận ra hắn ngay lập tức. Một phút sau đó, khi nhìn sâu vào mắt nàng lúc hai người ngồi đối diện nhau ở chiếc bàn ăn nhỏ, hắn biết rõ là hắn đã có lỗi với nàng rất nhiều. Lẽ ra hắn phải biết điều đó sớm hơn. Lẽ ra cuộc hội ngộ không bao giờ nên xảy ra.

Hắn có một vẻ ngoài tầm thường, một khuôn mặt của kẻ vô danh, rất dễ dàng chìm lấp vào cái đám đông vô danh người ta vẫn thường bắt gặp — và quên lãng một cách nhanh chóng — trên một góc phố nào đó. Hắn lại lớn tuổi hơn nàng khá nhiều. Nhưng cho dù hắn trẻ lại mười năm và rất bảnh trai đi nữa, hắn cũng không nên gặp nàng. Bởi vì không ai có thể thay thế được người nàng thực sự muốn gặp. Và người ấy thì không có thực! Hoặc giả nếu có một người như vậy, thì người đó nhất định không phải là hắn. Trong suốt thời gian "trò chuyện" với nhau qua phương tiện thư tín điện tử, hắn đã gởi cho nàng những dữ kiện đã được chọn lọc, mài dũa cẩn thận về hắn, nói cho đúng hơn, về một nhân vật mà hắn muốn trở thành. Một người đàn ông dày dạn phong trần, được trui rèn trong khói lửa chiến tranh với một quá khứ tình ái đầy giông bão, một kiến thức phong phú, và một trái tim sôi nổi.

Một mẫu người lý tưởng cho những tâm hồn lãng mạn. Không phải là hắn hoàn toàn bịa đặt ra mẫu người này. Hắn chỉ hoặc là không nói hết, hoặc là thêm thắt chỗ này một chút, bớt đi chỗ kia một chút về hắn mà thôi. Một thứ "*memoirs*" cường điệu. Và vô hại, hắn đã từng nghĩ như vậy. Nhưng nàng thì đủ thông minh để dựng nên một hình ảnh bằng khối dữ kiện do hắn cung cấp và thừa mơ mộng để tin vào sự hiện hữu của hình ảnh đó. Lẽ ra hắn phải hiểu điều đó từ lâu. Lẽ ra hắn không nên có mặt trên chiếc máy bay mỏng mảnh trong cơn dông bão ngày hôm đó.

Hai người chia tay ở trước quán Bắc Hương. Lòng hắn xót xa khi bắt gặp nét cười gượng gạo trên khuôn mặt thanh tú của nàng. Và cặp mắt rưng rưng. Và nụ hôn mềm ướt trên gò má hắn với lời vĩnh biệt nhẹ như hơi thở. *Adieu!* Tại sao lại phải nói lời từ tạ bằng tiếng Pháp nhỉ? Có phải như vậy thì sẽ quên nhau nhanh hơn không?

Có tiếng chân người bước vào quán. Gã đàn ông ngẩng lên nhìn người thực khách muộn màng một cách lơ đãng rồi lại quay đầu nhìn ra phía cửa sổ. Có tiếng người khách vọng lên từ phía quầy thu tiền:

"Em!"

Rồi tiếng chị chủ quán bật lên, thảng thốt:

"Anh... ông còn về đây làm gì. Sao không ở lại bển ăn Tết với nó?"

Gã đàn ông tò mò quay lại. Hắn chưa bao giờ được nghe những lời đối thoại kiểu này giữa chủ quán và thực khách. Người khách, vai mang chiếc túi xách nhỏ, quay lưng lại phía hắn, đầu hơi cúi xuống, trả lời chị chủ quán với giọng nhỏ nhẹ:

"Anh về đến nhà hồi chập tối, bấm chuông hoài không thấy ai. Gọi điện thoại bên nhà má thì má cho hay thằng Bổn đang ở bên đó còn em thì ở ngoài tiệm."

Đây nhất định phải là *thằng chả* rồi, gã đàn ông nghĩ thầm.

Thằng chả lắp bắp nói tiếp:

"Mấy hôm nay anh nhớ em và thằng Bổn quá, chịu không nổi. Anh biết mình có lỗi..."

Giọng chị chủ quán cất lên, ướt sũng nước mắt:

"Vậy chớ cái hồi anh bỏ mẹ con tui đi theo con đĩ ngựa đó...."

Gã đàn ông móc túi lấy mấy tờ giấy bạc đặt trên bàn. Đã đến lúc phải đi thôi. Hắn rón rén đứng dậy, khẽ khàng bước ra cửa. Có tiếng dép lẹp kẹp rồi tiếng chị chủ quán đuổi theo sau lưng:

"Anh ơi!"

Hắn quay lại, chỉ tay lên chiếc bàn ở gần cửa sổ, nói nhanh:

"Tôi gởi tiền ăn ở đàng kia. Tôi không muốn làm phiền hai người..."

Chị chủ quán đưa tay dụi cặp mắt nhòe nhoẹt nước mắt, cắt lời:

"Hỏng phải đâu anh ơi. Tui hỏng muốn lấy tiền của anh đâu. Tui đãi anh

bữa nay đó. Anh lấy tiền lại đi."

"Cám ơn chị. Thôi để lì xì cho cháu nhỏ vậy."

Hắn đổi giọng vui vẻ, nói tiếp:

"Cho tui chúc chị năm mới gia đình đoàn tụ, hỏng còn cô đơn ... giống như tui nữa nghe!"

Chị chủ quán cười thẹn thùng, trả lời:

"Cái anh này! Mà anh có làm ăn gì không vậy? Tui có cô bạn hiền lắm, bữa nào anh ghé đây tui giới thiệu cho. Mà nhớ đừng làm bể đồ của người ta nữa nghe!"

"Tôi hả? Tôi làm nghề cắt cỏ. Liệu cô bạn của chị có thích nghề cắt cỏ hay không?"

Chị chủ quán có vẻ lựng khựng rồi phát biểu, giọng làm ra vẻ sành sõi:

"Nghề đó có tiền lắm à nghe. Ông Hoành kế tui cũng làm nghề cắt cỏ mà mua được căn nhà bảnh lắm đó!"

Gã đàn ông chào chị chủ quán và *thằng chả* rồi bước ra khỏi quán.

Đêm trừ tịch ở thành phố lạ lạnh và ướt. Hắn bước đến chỗ đậu xe, lúi húi mở cửa. Hắn chợt mỉm cười nghĩ đến giọng điệu sành sõi của chị chủ quán về nghề "cắt cỏ". Trong cái tranh tối tranh sáng của bãi đậu xe, nụ cười của hắn trông thực ảm đạm. Chị chủ quán làm sao hiểu được chuyện "cắt cỏ" của hắn. Chẳng có ai hiểu được, ngoài nàng. Nàng đã nhiều lần trêu chọc hắn về cái nghề bịa đặt này. "Em ghét hết những người cắt cỏ. Em sẽ để cỏ nhà em mọc ngập lối, cao đến vai người, cho mấy người cắt cỏ... thất nghiệp luôn, phải bỏ nghề mà đi... làm thơ hết trơn!" Bây giờ thì chắc nàng còn nhớ những điều nàng đã viết cho hắn. Nhưng rồi nàng cũng sẽ quên đi. Mà hắn cũng thực lòng muốn nàng quên đi, cho dù điều này có làm hắn đau lòng. Rất đau lòng...

PHÙNG NGUYỄN

02.96

NGUYỄN QUỐC CHÁNH

những câu thơ dương tính

Có những năm tháng ở người này cố nhớ
Thì ở người kia lại chạy tuột ra ngoài

Có những giọt máu trong veo nước lã
Mỗi tế bào thừ ra một chiếc lá khoai

Có những cái bắt tay để lại đường vân trong sọ não
Có hàng triệu lời chào như tà áo búp bê

Có những buổi sáng mặt trời ngoi lên trễ
Có những câu thơ chưa hết vần người đọc bĩu môi chê

Có những chiếc ao cứ ngỡ là mặt bể
Lăn tăn bên bờ ảo tưởng sóng trùng khơi

Có những chức quyền cứ lõng nhõng rong chơi
Mà đến tháng vẫn lãnh lương đều đặn

Có những kiểu tư duy ngủ vùi trong chiến thắng
Để vầng trăng vỡ mộng cuối chân đồi

Có những nông nổi dễ thương như trẻ nhỏ
Có cuộc phiêu lưu trên mỏ ác con người

Có những làn hương từ cơ thể toát ra
Lập tức bị choáng váng bởi nước hoa hảo hạng

Có những thế kỷ khai sinh những thiên tài cách mạng
Có thập niên buồn như một chiếc áo quan

Có những thợ săn đơn phương thầm lặng
Có lắm ma cô theo đóm ăn tàn

Có những tập quán mang hành vi dối trá
Hiện nguyên hình tên đồ tể của loài ma

Có những kẻ vĩ cuồng đến nổi
Chưa mọc răng cứ nơm nớp sợ đời quên

•

Những triệu chứng này có thể có trong tôi
Có thể có trong mỗi người đang sống

Giá tất cả dám ngẩng mặt thì khoảng trời cao rộng
Ắt sẽ trả lại ta những kỳ vọng của con người

Còn mặt trời ăn cánh với loài dơi
Câu thơ tôi đành chìm vào đêm tối

người và mộ

Những ngôi mộ giống nhau
Xếp thành hàng thẳng tắp

Những giọt nước mắt giống nhau
Giọt nào cũng trào qua mi mắt

Thân thể càng giống nhau
Ở chỗ đều là vật chất
cả người còn lẫn người mất

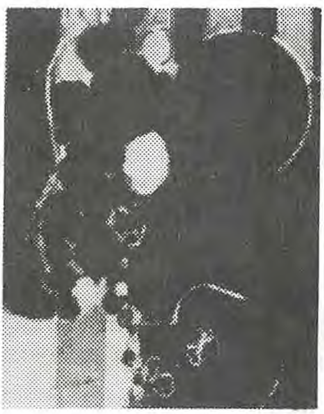
Nhưng cái chết thì không hoàn toàn giống nhau
Bởi người sống đâu hẳn là người thật
Đâu phải ai cũng đều đứng bằng chân trên mặt đất

Thế mà khi chết
Ai cũng đều được khóc
Ai cũng đều được xây mộ như nhau

NGUYỄN QUỐC CHÁNH

NGUYỄN QUANG THIỀU

người nhìn thấy trăng thật



- Đêm nay ra đê chơi chúng mày nhé. Đêm nay trăng đẹp lắm.

Tiếng các cô gái làng đi làm đồng về qua ngõ vọng vào. Sơn chợt tỉnh. "Đêm nay có trăng". Tiếng thì thào của ký ức vọng về từ đâu đó. Sơn dò dẫm bước ra ngoài sân. Anh từ từ ngửa mặt lên trời. Trước mắt anh mênh mông một màu tối đục. Đã ba năm nay, anh không nhìn thấy gì. Một trận ốm làm mắt anh lòa đi, rồi dần dần tối lại. Cũng gần ba năm trước, các bác sĩ chuyên khoa mắt thực hiện cuộc phẫu thuật mắt anh. Họ đã thất bại. Anh bỏ dở sự nghiệp học hành trở về quê. Nhiều lúc anh nghĩ đến cái chết. Anh quên mọi vui thú, mọi gặp gỡ, mọi trò chuyện.

"Đêm nay có giăng". Câu nói đó như một tiếng gọi. Nó thì thầm dẫn anh ra khỏi nhà. Anh lần ra đê và xuống bến sông. Gió hạ về đêm mát rượi thổi tung tóc anh. Anh ngước mắt lên lần nữa. Trời trong mắt anh tối thẫm. Anh bước đi chếnh choáng. Anh đã thấy mình ở rất gần sông bởi hơi nước mát rượi trong gió. Anh như nghe thấy tiếng sông chảy. Tiếng chảy dịu dàng như làm tan đi những mệt mỏi, u buồn. Anh cởi áo, bước từng bước xuống dòng sông. Nước sông đêm chầm chậm dâng lên trong cơ thể anh. Anh nhoài người bơi. Từ trên đê thoang thoảng vọng lại tiếng cười của các cô gái đi chơi trăng, hóng gió. Cứ thế, anh như tan vào nước sông và thênh thang trôi. Ý nghĩ và da thịt anh như mê man trong nước mát rười rượi và sự tĩnh lặng mênh mang của trời đất đầy trăng.

- Ai thế này?

Một tiếng con gái thảng thốt làm Sơn giật tỉnh. Anh dừng lại, ngơ ngác. Xung quanh anh trời đất mờ đen. Anh lặng lẽ khỏa nước đi về phía tiếng

người vừa cất lên.

- Ai thế này? Người ta đang tắm mà cứ sấn đến làm gì?

Sơn chợt hiểu. Có một cô gái đang tắm đêm. Anh vừa thấy xấu hổ vừa thấy cay đắng. Anh vội nói:

- Xin lỗi cô. Tôi... tôi không nhìn thấy. Tối quá.

- Trăng vằng vặc thế này mà bảo tối.

Giọng cô gái đầy vẻ tức giận.

- Tôi... tôi, tôi bị... hỏng mắt.

Dòng sông chợt lặng phắc như không còn một giọt nước sau câu nói của Sơn.

- Tôi xin lỗi anh - giọng cô gái rất khẽ . Tôi không biết.

Dòng sông lại lặng phắc sau câu nói của cô gái.

- Con gái mà lại tắm đêm thế này à, không sợ à?

- Tôi thích thế. Mà có gì phải sợ.

- Cô ở trên Xóm Sóc à?

- Vâng.

- Lâu lắm rồi tôi mới lại tắm sông, đã gần ba năm nay rồi, từ ngày mắt tôi bị hỏng.

Sau câu nói đó, cả hai cùng im lặng. Họ nghe thấy tiếng những giọt nước chảy từ tóc họ xuống mặt sông.

- Trăng đẹp lắm phải không cô?

- Vâng - cô gái đáp sau hồi lâu im lặng.

- Cô có thể kể cho tôi nghe trăng đêm nay đẹp thế nào. Ba năm nay tôi không được nhìn thấy ánh sáng, nhất là ánh trăng. Trước mắt tôi là màn đêm dằng dặc. Nhiều lúc tôi nghĩ lấy dao rạch mắt thì tôi có thể nhìn thấy ánh sáng...

- Anh đừng nói dại mồm - cô gái vội kêu lên.

- Cô kể cho tôi nghe đi.

Cô gái lại im lặng rất lâu. Cuối cùng cô nói khẽ:

- Vâng, tôi sẽ kể cho anh, nhưng kể như thế nào nhỉ? Hôm nay là 13, sắp rằm rồi, trăng đêm nay...

Sơn từ từ ngước lên. Gió đêm như từ lòng sông thức dậy và khẽ rướn mình. Bầu trời mênh mang! Trăng như đang trôi miên man. Và hình như có những âm thanh như tiếng những chiếc chuông bạc, chuông vàng mỏng tan đang trôi bất tận không bến bờ. Sông như không còn đôi bờ đất nữa. Nước sông như dâng ngập cả đất trời hay đó là ánh trăng chảy giàn giụa xóa đi mọi giới hạn. Những lá cỏ bên bờ sông kia kìa. Chúng đang hắt những tia sáng trong vắt. Và xa hơn một chút là những vòm cây như những vòm ánh sáng xanh mỡ màng và run rẩy. Và xa nữa là dãy núi. Dãy núi đang thiêm thiếp trong trăng. Cả dãy núi như bằng kim cương. Và xa nữa, xa nữa, những dải mây mỏng, ánh bạc, run rẩy và mơ hồ như đang trôi về xứ sở của thần thoại. Và gần lại, gần lại, dòng sông như một dòng ánh sáng chói lòa. Và trong dòng nước ấy

có những con cá làm bằng pha lê...

Sơn như trôi đến bến bờ của xứ sở trăng. Anh đưa bàn tay về phía trước. Những ngón tay anh run rẩy. Trước anh, một thế giới của ánh sáng lạ từ từ mở ra bất tận.

- Thôi anh lên bờ đi kẻo lạnh. Mình tắm lâu quá rồi. Em phải về.

- Đừng - Sơn vội kêu. Anh vừa chợt thoát ra khỏi cơn mê ánh sáng -. Cám ơn em, anh cám ơn em...

- Về đi anh, lạnh rồi đấy, ở dưới nước lâu ốm mất.

Cô gái nói và đi lên bờ.

- Nhà em ở ngay đây thôi. Anh trở lại bến nhà anh đi. Anh cứ đi dưới sông dễ hơn đi trên bờ.

- Anh muốn gặp lại em. Tối mai em có xuống sông không?

Im lặng.

- Anh muốn nghe em kể...

- Vâng. Em sẽ xuống bến.

Đêm hôm sau, Sơn lại ra sông và bơi về phía bến xóm cô gái.

- Anh đấy à?

Tiếng cô gái vang khẽ trên mặt sông.

- Anh đây.

- Mình lên bờ ngồi, kẻo ở lâu dưới nước lạnh đấy.

Sơn đi theo tiếng khỏa nước của cô gái lên bờ. Họ ngồi xuống bãi cát. Và sau một hồi lâu im lặng, cô gái lại kể cho Sơn nghe tất cả. Rồi cứ thế, theo lời kể của cô, Sơn lại trôi mê man vào thế giới của ánh sáng. Và anh lại giật mình thoát ra khỏi cơn mê khi thấy tiếng cô giục anh về.

- Tên em là gì?

- Đừng hỏi tên em. Chúng ta gặp nhau thế này là được rồi.

Và cứ thế, đêm đêm Sơn lại xuống sông và bơi về phía bên xóm cô gái. Họ lại ngồi bên nhau.

- Cuối tuần trăng rồi - giọng cô gái thoảng buồn . Đêm nay trăng ở xa lắm...

Trăng cuối tháng buồn hơn. Dòng sông như chảy chậm hơn. Những con cá sông bơi chậm hơn. Và cây đôi bờ như thẩn thức hơn. Mây như nặng hơn và gió như không muốn rướn mình nữa.

Đêm sau đó, Sơn lại gặp cô gái. Họ lại ngồi xuống bãi cát. Cô nói:

- Đêm nay em không kể cho anh nghe nữa. Mà anh hãy tự kể cho em nghe.

Nói xong, cô gái đặt bàn tay mình lên tay anh. Sơn quay về phía cô. Anh như chợt thấy gương mặt cô hiện lên mỗi lúc một rõ.

- Anh kể đi, kể đi anh...

Tiếng cô gái thì thầm như từ trăng vọng xuống. Sơn ngước mắt lên. Và như từ đáy của bóng tối, vầng trăng lặng lẽ hiện lên và lặng lẽ tỏa sáng dần dần.

Khi Sơn dứt lời, cô gái ôm lấy cánh tay anh nói như thở:

- Anh ơi, anh nhìn đúng trăng rồi đấy, thật mà... Anh ơi!

Sơn đưa tay vuốt mái tóc cô gái:

- Em tên là gì? Sao em lại không cho anh biết tên?

- Đừng hỏi tên em. Nếu anh cứ muốn biết tên em, em sẽ không bao giờ gặp anh nữa. Anh hứa với em là không được hỏi tên em, anh nhé!

- Anh hứa.

Và rồi những đêm tiếp theo, cô gái ngồi nghe Sơn kể. Giọng anh rành mạch, mơ hồ, reo vui và buồn bã. Một đêm khi anh vừa dứt lời kể, anh nghe tiếng cô gái khóc. Cô cố kìm tiếng khóc nhưng Sơn vẫn nghe được.

- Làm sao em khóc? - Sơn hỏi hốt hoảng.

- Không... không... Ngày mai chúng ta không gặp được nhau nữa. Đêm mai gần sáng trăng mới lên.

- Nhưng anh không thể không gặp em được.

- Anh hãy nghe em nói đây. Anh hãy trở lại bệnh viện. Bác sĩ sẽ mổ mắt anh một lần nữa.

- Không còn hy vọng gì đâu - giọng Sơn buồn bã.

- Nhất định lần này họ sẽ chữa khỏi mắt cho anh. Anh phải nghe em, đừng phụ lòng mong muốn của em. Anh hứa với em đi!

- Anh hứa.

Đêm ấy họ ở bên nhau rất lâu, im lặng. cả hai cùng hướng về phía vầng trăng cuối tháng xa xăm. Gió vẫn thì thào đi qua họ. - Anh về đi. Khuya rồi.

Cô gái nói và đứng dậy. Sơn đứng lên theo và bước lại gần cô gái. Anh thấy cô đang nhìn anh. Gương mặt cô đẹp như vầng trăng sau một lớp mây trắng mỏng. Anh thấy đôi mắt cô đẹp lạ lùng và thăm thẳm. Anh bước lại gần cô hơn nữa. Và khi anh thấy hơi thở cô nóng hổi phả vào một vùng đâu đó trên gương mặt anh thì cô nói:

- Về đi anh. Khuya lắm rồi. Em cầu chúc anh may mắn. Anh về đi...

Nói xong, cô vội quay người và bước đi như chạy về phía xóm cô dưới chân đê. Anh cảm thấy như cô đang vừa chạy vừa khóc.

Các bác sĩ vui mừng khi ca mổ mắt lần thứ hai cho anh thành công. Trước ngày anh ra viện, họ hỏi anh trong suốt thời gian từ lần phẫu thuật trước đến lần phẫu thuật này anh đã điều trị bằng những loại thuốc nào. Khi anh trả lời họ rằng anh không hề dùng bất kỳ một loại thuốc gì thì họ không tin. Bác sĩ trưởng khoa nói với anh: "Phải có một loại thuốc rất tốt mới làm cho một số cơ quan chức năng của mắt hồi phục. Bởi thế ca mổ của chúng tôi mới thành công. Anh nói cho chúng tôi biết để chúng tôi có thể áp dụng giúp những bệnh nhân có trường hợp bệnh án như anh". Anh im lặng hồi lâu và khẽ nói: "Chỉ có một người con gái. Người ấy đã mang đến cho tôi niềm khao khát nhìn thấy ánh sáng và đã cho tôi thấy vẻ đẹp thật của ánh sáng".

Anh trở về làng. Tin anh chữa khỏi mắt sau ba năm bị mù lan khắp vùng. Sau một ngày ở nhà tiếp bà con làng xóm đến chúc mừng, anh vội đi tìm cô gái. Anh không có một thông tin gì về cô ngoài một chi tiết là cô thường xuống

sông tắm vào những đêm trăng mùa hạ. Nhưng khi hỏi thăm những người xóm bãi của cô gái, anh không dám nói cho họ biết chi tiết ấy. Cuối cùng, vì khao khát gặp cô gái để được nhìn thấy cô, anh phải nói ra sự thật ấy về cô.

Nghe anh nói xong, mọi người à lên một tiếng. Nhưng sau đó họ nhìn nhau im lặng. Cuối cùng, một người già bước đến trước anh. Ông nhìn anh vừa ái ngại vừa thông cảm:

- Nó là con Nhung - ông nói khẽ.

- Bác làm ơn chỉ cho cháu nhà của Nhung - Sơn vội vã nói như sợ ông già biến mất.

- Nó bỏ nhà đi đâu mấy ngày nay rồi.

- Cô ấy đi đâu hở bác? Tại sao cô ấy lại bỏ đi.

- Không ai biết nó đi đâu - ông già thở dài . Và cũng không ai biết vì sao nó bỏ đi. Tội nghiệp con bé, nó bị mù từ thuở lọt lòng mẹ!

N.Q. THIỀU

QUỲNH THI

mùng một tết

với dòng kinh river humble city

Tặng Tú Kếu

Tiếng gió trong bước đi
Lời của dòng King-River vẻ kinh hãi
King-River King-River
Không phải dòng Đại Bình đâu Tú Kếu
Trơ cành khô linh hồn
Bao vơ vẩn ngục tù chờ đợi
Sông màu nâu lượn lờ dưới bóng mây khô
Chảy vào hồ cái túi phai màu xanh

Mắt buồn bã kiếm tìm
Nhấp nhô những căn biệt thự ẩn hiện
Trùng điệp bụi cây trí nhớ
Gọi hoang dại cả buổi chiều
Mùng một Tết Bính Tý
Dấu hình hài một cành đào vào hoang tưởng
Trong hai cái túi
Một Đà Lạt một Sàigòn
Còn đây là dòng King-River của Humble city

Chia giấc mơ
Một nửa phía trước
Một nửa đi sau
Những con cò và vịt trời
Dòng sông và hồi tưởng
Ở nơi chốn xa xôi
Với dòng King-River lạnh ngắt
Nhớ một vùng cây khô
Trơ cành buồn bã
Mùa xuân chắc sẽ về rất chậm

QUỲNH THI

TN

LỆ HẰNG

nói thầm với đá



Mi quay sang nhìn Long, chiếc răng khểnh bóng ngời, nháy nhó, Long vội vã cười ngay, nãy giờ cô hầm hầm, anh buộc phải làm thinh, một dúm không khí trong lòng máy bay càng ngột ngạt khó thở hơn. Cô bé bướng bỉnh, vụt nhớ "thằng cha khùng" mới đó ngang như cua làm cô bực. Chuyện chẳng có gì, nhưng hai đứa cứ hục hặc nhau hoài. Đàn ông con trai gì mà tẹp nhẹp, không biết nhường nhịn, không độ lượng, không cao cả, không thâm trầm tế nhị, không ngọt ngào... cả trăm cái không lợn cợn mọc gai trong một gã đàn ông. Cô lạnh nhạt thầm trách mình nhẹ dạ mau quên. Làm hòa ngay, Long lừng, mặt lại phất lên như diều phải gió. Ghét. Thấy mặt cô sa sầm, Long tiu nghỉu, nụ cười cầu hòa sượng sùng méo xẹo đi. Những gốc râu lún phún bỗng nổi chứng cộm lên đòi gãi. Long xoa cằm, rồi mân mê thương cảm cho mình, tội nợ chi cứ a vào con nhỏ răng cời, dơ đầu cho nó nện giống thầy chùa an nhiên gõ mõ rồi ngâm nghỉ tụng kinh. Mặt con bé lúc hiền lúc dữ, sao cứ thấy đẹp, thấy huyền hoặc dịu dàng. Làm như cả trời đất thu gọn vào đôi môi kiêu kỳ của nó. Con bé gai ngạnh quá, ước chi ngược thời gian lội vào kiếp trước, biến thành vua, nọc nó ra đét một trăm roi vào cái mông cong cớn khó chịu này.

Mi nghiêng mắt ngó, thấy Long rờ râu mặt buồn thiu nhìn ra ngoài khung cửa nhỏ xíu của máy bay. Mi cười. Long của Mi thơm đủ thứ mùi, shampoo, dầu thơm, bọt cạo râu. Cái mùi Mỹ của Long không ngửi cũng biết. Long lót tót chào đời ở Mỹ. Mẹ của Long dân da vàng, Việt Nam trăm phần trăm, cái mặt Long tạp chủng, ngó hoài chẳng giống ai, mắt nâu buồn sũng, pha thêm màu ngơ ngác, nửa hoang vu rừng rú, nửa địa ngục gian tà. Mũi cao giống

bố, chủng loại Viking pha thêm nòi American Indian của bà nội, tóc lại mun quăn tít như chòm râu hải tặc. Chắc giòng bên ngoại, dân vũng biển, Chàm, Miên, Chân Lạp, chuyên ngành cướp biển. Long nói tiếng Việt nghi ngô, nghe ngộ ngộ buồn cười. Hai đứa quen nhau vào một mùa nghỉ hè nào đó, cả hai đều loáng thoáng nhớ như vậy nhưng thỉnh thoảng cũng bày đặt lâm li với nhau chút xíu cho vui chuyện. Lâu lâu thèm về nguồn, Mi lục tủ sách của mẹ, tò mò đọc những truyện tình ngày cũ, thấy thiên hạ nhớ nhau từng li một, này nhé, chàng nhớ tóc mềm, nhớ da thơm, nhớ áo lụa Hà Đông, khăn voan tím, nhớ rồi yêu, yêu rồi nhớ, ôi thôi tràng giang trong tiểu thuyết, nhớ cả đường đi lẫn ngõ về... guốc gỗ, giày ny-lông khua lộp cộp trong trí nhớ hôi hổi của chàng. Nàng còn da diết hơn nữa, nhớ từng gốc râu nhỏ, từng vết bụi đường lấm lem trên áo, mồ hôi muối bạc phơ mảnh áo trận, bốc mùi, nàng ngây ngất, tóc pha sương trời, nàng cũng rên. Sướng chưa? Chàng với nàng thủa ấy nhàn rỗi thong thả dữ. Chẳng thấy họ lo lắng bill, nợ, việc làm, bankrupt, môi sinh, bệnh tật. Ngay cả lúc nhọc nhằn, đau khổ, họ vẫn cứ rình rang nhớ thương nhau suông đuột, đạo hạnh. Cả một trường thiên, nhiều khi chàng với nàng chỉ kịp thổi bụi cho nhau có một cái, vậy mà họ quằn quại nhớ nhau cho tới lúc sinh thì. Thời bây giờ vật vã, sáng sớm, mắt nhắm mắt mở, sợ trễ giờ, boss đuổi, chạy như ma rượt trên xa lộ, lo kẹt xe, lo người điên người tỉnh hừng chí bắn bừa, mình rủi ro oan mạng như chơi, nhớ nhau đắm đuối như vậy bảo đảm chủng loại người đông đúc này sẽ bể tung bộ nhớ, hô hoán nhau nhào vô viện thần kinh không kịp mặc quần.

Long dò dẫm nhìn Mi. Mèn ơi, không nhìn thì thôi, nhìn nó một cái, điên người. Đôi mắt nó lạ lùng, anh chưa thấy ai có đôi mắt vừa mướt nhung, vừa tóe lửa, dịu dàng nhưng thách thức cương nghị như đuôi mắt long lanh kỳ diệu này. Thôi đành, khổ sở trăm chiều, dơ cả mạng cùi cho nó nện chan chát vẫn sướng hơn một mình trên không gian lạnh lẽo. Biển đen ngòm bên dưới, cánh bay chao đảo, gió ù ù, động cơ cũng ù ù. Mẹ ơi, lỡ một tẻo teo trục trặc vớ vẩn nào đó xảy ra... Xong! Ma quỉ nào biết nổi, cớ sự chi dưới đáy biển đen ngòm kia? Ở mãi một chỗ, thở mãi một thành phố, buồn ra chán vào, mua súng lớn, rờ rịt cũng phiền. Đi chơi, đông rồi hè, không có con bé, ngứa ngáy, lạnh lùng, chịu không thấu. Long thản nhiên nịnh đầm:

"Meo Mi ơi, cười hay quá, không cho ké với?"

Cô gừ khẽ, mười ngón tay xinh xẻo khum che, ấn vào má, bộ dạng láu liên mềm mướt như con mèo. Cô cảm động thấy rõ, nhưng cố dấu, chừng nào mê say thắm thiết nổi lên, hứng tình dạt dào, Long vẫn có thói quen gọi ơi ới Meo Mi ở trường.

"Hẹn nhau trên máy bay, hành hương đất thánh, ngộ quá trời, không cười sao nổi."

"Anh nghĩ đường đến Jerusalem là đường ngắn nhất để ôm nhau chết sống cho xong đời mình. Tôi với nàng quen nhau lâu quá chừng chừng, cơm

không ra cơm, cháo không ra cháo."

"Cay cú hay than thở vậy ngài?"

"Cả hai..."

"Làm bộ hoài! Ngài khuỳnh tay dạng chân, tà tà sống mấy năm nay, có hao mòn nửa kí lô nào vì tôi đâu?"

"Mòn quá đi chứ, tại Mi không thèm săn sóc ngọ nguậy với anh, cái mặt Mi cứ câng lên như đá, dù đẹp, ngon, hấp dẫn, cũng cứ là đá như thường."

"Tại anh chứ bộ..." chữ bộ cô trề môi nói dài ra, nhõng nhẹo, ướt rượt. Anh xiết chặt tay cô, những ngón tay nhỏ xíu, quen lướt trên dương cầm, mong manh yếu nhỏ. Anh ngạc nhiên, sao tận hôm nay anh mới biết tay cô mềm và nhỏ? Vậy chứ bao tháng năm dằng dặc bên nhau, đi chơi, đi ăn, dạo phố, mua sắm, anh thấy giống gì ở cô nhỉ? Cô nép nhẹ vào anh, một chùm tóc mềm quệt vào cổ anh, nhột nhạt dễ chịu hết sức. Anh hôn lên trán Mi. Cô cười, chiếc răng khểnh ánh lên, như sa thạch lém lỉnh dưới sắc vàng ấm áp của ngọn đèn hắt xuống từ trần máy bay. Đèn đỏ chớp chớp trên màn hình: "Xin cột giây nịt an toàn... Xin cột giây nịt an toàn... Độ cao máy bay, ngàn dặm đường đã băng qua, sa mạc, biển đen, và vô số chiến trường năm xưa, bán đảo Sinai và trận chiến sáu ngày, kênh đảo Suez, giải Gaza, thành Jaffa cổ kính..." Giọng cô tiếp viên ran nóng như cát sa mạc, gióng giả, quyết liệt ngay cả trong âm giọng cố phơi bày vẻ lịch sự hiếu khách: "Quí vị đang bay trên vùng trời Israel. Máy bay sắp hạ cánh xuống phi trường Tel Aviv. Bên phải quí vị là sa mạc kéo tận về phía Nam, và bên trái một nền xanh bát ngát của đồng bằng Sharon trải dài tới miền Bắc. Cả hai, sa mạc và đồng xanh chỉ cách Jerusalem và Tel Aviv vài giờ chim bay. Toàn thể phi hành đoàn, chiêu đãi viên kính chúc quí vị một chuyến hành hương vui vẻ và hạnh phúc. Tạm biệt và hoan hỉ gặp lại quí vị một ngày tới."

*

Đôi tình nhân có trọn một buổi chiều, để nhận phòng, tắm rửa, dong chơi. Họ thênh thang hòa vào đám đông lang thang khắp ngã đường của Tel Aviv, người với người chen chúc, phố xá đông nghẹt, họ ôm nhau đi về phía biển, cát trắng phau lượn những đường mềm gợi cảm vươn dài tới chân trời xa tít óng lên màu sapphire xanh biếc. Tầng tầng khách sạn, dinh thự, phố xá cũng chập chờn bóng mây. Tower Record chất đống nhạc Rap, Rock mới tinh. MacDonald phất phới lá cờ sặc sỡ hai màu vàng đỏ. Đủ mọi sắc da, vàng nâu, đen trắng, râu ria xồm xoàm, tóc hoe vàng nhẫn nhụi. Long dẫn cô lên tầng thượng cao chót vót. Họ nhâm nhi ly cà phê Thổ, Mi đòi thêm ly kem béo ngậy, đặc quánh với loại cheese địa phương rất lạ. Xa xa thành phố cổ Jaffa hiện ra trước mắt cô với những đỉnh tháp cao vút trên sườn đồi uốn mềm những hình tượng bí ẩn đổi màu từng lúc dưới những quầng mây vô định. Long dễ thương hơn hôm qua, hôm kia, tuần trước, lúc họ giận nhau. Anh

với tay đưa ống nhòm cho cô, thấy cô trầm trồ, Long hứa sẽ đưa cô đến thăm cổ tháp đó, cô sẽ mặc sức dí mũi vào đủ loại cổ vật có từ mấy nghìn năm trước Tây lịch trong Art Galleries bằng đá đen. Những cổ thư chép trên da thú, những tượng thánh, tranh ảnh, đồ đá, đồng đen. Ở Tel Aviv, sao mọc sớm hơn mọi nơi khác, cô nghĩ như vậy. Đêm tới, thành phố mang tên Bình Minh bỗng chìm xuống trầm mình vào Địa Trung Hải ì ầm tiếng sóng đập mê man vào bờ đá.

Hai ngày sau, họ được nhập chung với đoàn hành hương vừa đến từ Úc Châu. Đôi mắt đẹp của Mi lại chớp chớp như đèn đường tắt mở. Long kê thêm vào danh sách bốn ngự lâm quân mới toanh, hăng hái kê đầu cho Mi sai bảo, cũng như Long, họ không bao giờ mỏi mệt và chán nản. Đoàn ghé Bethlehem, rồi đi thẳng đến Biển Chết. Một rừng cọ bạt ngàn bao quanh Ein Gedi, du khách khắp nơi đổ về đây, nghỉ mệt, rũ bỏ buồn phiền, kỳ cọ sạch bong những ham hố trần gian đày đọa. Giữa vũng lầy muối khoáng lọt trong vùng vịnh của Biển Chết, anh ngọt với cô như đường, những vụ lên cơn bất tử, cầu cạu hoặc tệ hại hơn lầm lì không dám lộ mặt nữa. Cô xinh quá, nổi nhất trong đoàn du khách, lũ đàn ông sáng giá khắp bốn phương, Đông Tây nhìn lén cô hoài, rình lúc anh sơ ý, họ sán tới, xum xoe ve vẩy trước mặt cô lì lợm như ruồi. Anh hoảng, vốn tính cao ngạo đành phải tảng lờ không thèm biết đến... Cô hứng tình cũng ngọt ngào mát mẻ, chớp mi dài, khoe miệng cười tươi, tay chân mềm nũng nịu với người tứ xứ như một ả mèo non của Trung Đông bí ẩn. Họ bì bõm lội trong bãi bùn đặc quánh. Cô vốc bùn trét kín người Long, còn một nắm bùn trên tay, cô vẽ thêm cho anh chòm râu thật bự vòng từ má xuống cằm. Long không muốn thiên hạ chiêm ngưỡng Meo Mi say đắm, anh lấy bùn, quết đặc quanh bụng, hông đùi và đôi vú ngực xinh xắn của cô. Mắt cô mở tròn, lông mày dính bùn, môi bùn, miệng bùn, tay chân bê bết. Họ nhìn nhau, cười ngặt nghẽo, hình tượng đen đủi và lem luốc. Cặp tình nhân ngó quanh, thiên hạ tuốt luốt đều ở truồng, bùn trét đầy người. Đức, Na Uy, Đan Mạch, Pháp, Mỹ, Anh, Úc, Phi Châu đen, Nhật vàng, Trung Hoa mắt hí, Mông, Tạng, Ba Tư ngăm ngăm... Không còn phân biệt màu da và nước tóc. Tất cả trở về với bùn. Bùn từ đầu xuống chân, bùn từ Cựu Ước xuống Tân Ước. Đúng là quê hương của Kinh Thánh: "Song có hơi nước từ dưới đất bay lên tưới khắp cùng mặt đất. Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn lấy bùn đất nắn nên hình người, hà sanh khí vào lỗ mũi; tức thì người trở nên một loài sinh linh." Cô bần thần ngó quanh. Người tứ phương, giòng dõi của Eve, trần truồng thơ dại nằm la liệt trong đầm bùn, yên ắng đằng xa. Rõ ràng nhé, sau trùng trùng bão tố đảo điên, sau vô số cuộc cách mạng, sau thánh chiến, sau lò hơi ngạt, sau cách mạng điện tử lạnh lùng. Con người tìm về Biển Chết, tự trát bùn vào người từ đầu xuống chân, nằm yên và thinh lặng như tổ tiên thời ăn lông ở lỗ.

Giữa bãi bùn mênh mông ngập ngụa hơi muối khoáng, giữa loài người

mặc lấy bùn trét quanh thân xác. Ai cũng là bùn tro muối mặt. Bằng ngang nhau, hạnh phúc và đau khổ. Cô nằm bên cạnh Long, bùn nóng phả hơi ấm, gió ngoài khơi lộng lộng. Cô nhắm mắt, mảnh dù che hai màu vàng xanh dịu đi dưới hàng mi dầy rung rinh như cỏ. Cô ngủ quên trên bùn, một giấc nhỏ, chưa kịp cho cơn mơ mon men bước đến. Giọng người nào đó, đầm ấm vang rất xa, rồi êm đềm rót hẳn vào tai cô nghe bình yên như ngày còn bé co ro trong đêm bão vểnh tai hóng chuyện cổ tích miên man bất tận của ngoại... Ngày xưa có hoàng tử yêu một nàng lọ lem nghèo khổ lắm, yêu kiếp này chưa đủ, thề quyết túm chặt nhau yêu tít tận kiếp sau.

"Đúng rồi, chính ở vùng hồ nước mặn này, năm 1947, Muhammad adh-Dhib, người đầu tiên tìm thấy động đá của Biển Chết, một cuốn trong bộ cổ thư xưa nhất của nhân loại. Sau đó, công cuộc đào xới kéo dài gần mười năm, người ta gọi đó là Dead Dea Scrolls, chép kinh Cựu Ước thời cổ đại, do các tu sĩ viết trên da thú ghi rõ những chuyện xảy ra hàng nghìn năm trước khi Chúa chết... Rất tiếc, cho đến bây giờ, Vatican và thế lực thần quyền của Israel vẫn chưa cho phép tài liệu này chường ra ánh sáng sau mấy nghìn năm ém chặt trong hũ đất nung."

Cô nhỏm người dậy, đôi mắt ngái ngủ chạm ngay vào cái mặt người trồi lên từ bùn. Ông ta đang cười, răng đều tắp, trắng ngời trên đầm bùn. Đúng phóc chàng của... một nàng não nùng nào đó trong tiểu thuyết. Chàng hiện rõ dần trong mắt cô đang chới với. Chàng cũng trét bùn từ đầu xuống chân như mọi người quanh đây, bùn che đi hết, lộ ra một viền môi đầy đặn, hai mắt thâm trầm dưới hàng mày nhíu lại, gần sát nhau. Gương mặt sao khốn khổ tội nghiệp. Chàng ngồi, chân duỗi dài trên bùn, không cồng kềnh to lớn như mấy ông bà Tây Đầm chung quanh. Chàng bình thường hết sức, trong bộ quần áo bằng bùn khô, chàng bỗng giống Adam của một ngày mốc meo trong Sáng Thế Ký. Cô nhìn lén "người bùn" có giọng nói trầm ấm ấy, nghe từng sớ thịt trên người mình tê đi điếng mỏi. Cô không hiểu tại sao mình bỗng đờ ra, câm khờ đui điếc như vầy. Bùn nóng, muối khoáng, hay giọng cười ông ta tỏa đầy năng lượng? Ông ta nói chuyện với Long. Họ quen biết nhau từ bao giờ vậy? Thiếu chi lúc, cô ham chơi rời xa Long trong cuộc hành hương này. Cô bận rộn hoài, ai cũng săn đón chiều chuộng cô như công chúa, cô phùng xòe tít tít lòng dạ nào nhòm ngó đến ai?

Vẻ hồn nhiên liến thoắng của cô biến mất, cô bối rồi thừ người. Chết cha rồi, tai hại hết chỗ nói, nhè lúc người ta ngủ mê, nằm há mỏ khò khò, ông người bùn lù lù xuất hiện, tha hồ ngó ngoáy, chiêm ngưỡng cô nằm thuỗn người trên bùn và... ngáy. Dám lắm, cái trò hòa tấu đờn cò đờn nhị trầm bổng ò o này nó có chừa ai? Mệt quá mà, du lịch nghĩa là nuốt đường bay, đường bộ, hối hả trừng trạo đi qua những địa danh nổi tiếng. Khổ chưa? Trò chơi nhiêu khê tốn kém này, mấy bà thánh ngày xưa cóc biết, cái đận cô ngủ mê

trên bãi bùn, mở choàng mắt, đần mặt ngó chàng lù lù như tổ phụ Abraham của người Do Thái. Mấy cô nường yểu điệu có đọc cổ tích toét mắt tìm cũng không ra cảnh ngộ lỡ khóc lỡ cười của Mi. Long và người bùn vẫn hăm hở hàng lô lốc chuyện trời ơi, đất hỡi, chuyện thiên văn, chuyện chiến tranh, chuyện chắp vá thánh thư mục tã từng mảnh trong những bình đất nung thời cổ. Những đề tài hóc búa này khiến Long mê mẩn quên béng Meo Mi đang ngồi bên cạnh. Ông ta cũng không thèm dòm Mi nửa phút. Lúc "người bùn" bỏ đi, với nhóm khác, bùn đã khô đóng thành áo giáp. Mi trông theo muốn ngợp thở. Cô hỏi Long liền:

"Ai đó?"

"Hướng dẫn du lịch, ngày mai ông ta sẽ dẫn đoàn của tụi mình đi Jerusalem."

"Ờ há! Tên gì vậy? Mi nhớ ông trước đâu có... như ông này."

Long tò mò nhìn soi vào mặt cô: "Như ông này là sao?"

Cô nhún vai: "Mi không biết... nhưng ông ta khác tất cả mọi người. Ờ, Mi muốn nói ông ta không giống những ông bà hướng dẫn du lịch khác. Mi thấy như vậy. Có phải ông ta tên Kando, Skehan... không?"

Long cười: "Tiên tri hay dữ, ông ta tên Milik Đông A. Người Do Thái gốc Việt đó."

Mi reo lên: "Thấy chưa, Mi đã nói trông ông ta không giống ai hết."

Long le lưỡi: "Ngộ há, ở đây ai cũng trét bùn, Mi vẫn thấy ông ta khác thường. Tài ba dữ?"

Cô hất mặt lên nhìn trời, ai thèm hơn thua với ông con nít. Mi nghĩ người bùn chắc mã thượng đàn ông hơn Long. Long cứ tối ngày vặn vẹo Mi từng câu từng chữ, miệng mồm Long giống hệt lưỡi câu, ở gần gã khùng này, Mi cứ thót người sợ bị anh ta móc họng. Bực quá.

*

Buổi sáng, Mi thức sớm, thay áo đẹp, đeo kính mát handmade của Ý vừa mua chiều hôm trước trong khu phố cổ của Hebron. "Người bùn". Mi nhất định dành riêng tên gọi này cho ông hướng dẫn du lịch mặt mày rất ư khó tả. Ông ta không đẹp trai, mặt hơi khắc khổ, lưng hơi cong, miệng hơi rộng, mũi hơi thô, tay hơi dài, mắt hơi nhỏ... Vậy mà tất cả những cái hơi hơi đó, làm thành ông ta, Milik Đông A. Bộ dạng ông ta cười, cách ông ta nói, một tay vung lên, một tay nắm lại... chẳng giống ai, chỉ giống một mình ông ta thôi, đau đầu ở chỗ đó. Mi không thoải mái ngang tàng nữa, Mi bực bội với người bùn, cô phải trả thù, cái tội ông ta dám ngồi nhìn cô ngủ gục vì mệt. Cũng có thể Mi ghen tức cái đầu uyên bác thông minh nhiễu sự của ông. Trên trời, dưới biển, cái gì ông cũng biết. Ông nói với mọi người, lời lẽ khiêm tốn, vậy mà Mi vẫn thấy ông ta kiêu căng ghê gớm lắm.

Nghe này, ông ta thao thao thuyết giảng: "Hebron là tên của một thành phố được nhắc nhở nhiều lần trong Cựu Ước. Các bạn đang đứng trên bờ thành bằng đá, những tảng đá này có tuổi thọ già hơn sáu ngàn năm, còn ghi dấu chân của những người Hebrew. Hebron nằm ở phía bờ Tây của giải sông Jordan, từ năm 1967, Hebron thuộc về Israel. Chính ở đây đã xảy ra những tranh chấp đẫm máu giữa người Israel và Ả Rập. Bởi vì ngay dưới chân thành của đền thờ Hồi giáo, là lăng mộ của Abraham, Isaac và Jacob."

Mi nhìn sửng vào môi người bùn, môi dầy, loại môi này ham hôn lắm, thứ môi biết cho tình rất rộng. Môi đa thần, đa thê, đa thiếp... Ông ta kết luận cái rụp: "Đất đá ở nơi đây, thưa quí vị cũng khốc liệt xâu xé như con người."

Cô thẹn trong lòng, không biết tới chừng nào cô mới nuốt nổi một góc nhỏ những hiểu biết rộng dài sâu sắc của ông ta. Miệng cười của ông ngọt ngào quá. Mi ấm ức ném mắt về phía đồi cọ. Ông ta đến đón khách. Mở máy nói cho một đoàn du khách tạp pí lù chủng tộc. Cô bước xuống thang, bước chân kênh kiệu, môi vén lên cười nhẹ:

"Chào ông... trời đẹp quá phải không?"

Người bùn cười thành tiếng, trước giọng nói cố tình làm bộ già dặn của cô:

"Với cô, trời luôn luôn phải đẹp thôi, trước hôm cô đến, Hebron gầm gừ muốn bão, vậy mà, cô coi, hôm cô đến, cả thành phố sáng rực lên. Chà cặp kính mát làm cô giống nữ thần quá."

"Cám ơn. Tôi mua nó hôm qua, Long nói nó tuyệt vời, có một không hai, Long nói vậy, nhưng đau bụng lắm đó. Nó đắt gấp đôi giá ở phi trường."

"Phải đánh đòn anh chàng Long khờ đó. Cô đã thích, giá nào cũng mua, nhưng ghé tai đây, tôi nói nhỏ cái này nghe..."

Cô nghiêng mắt, nghiêng tai kề bên chàng, một chút thôi, ta nghiêng đời ta, lăng tẩm điện đài, cho người bùn lấy một chút thừa hương, mùi tóc mùi da... Vầng trán ông nhăn quá. Đời của ông tha hồ tơi tả so với Long căng cứng và no đủ. Giọng người bùn nghe gần trầm xuống nửa gam, từ trường phả đầy, điện giật lên sẹt như chớp, khó chịu hết sức.

"Lần sau, muốn mua gì, đừng quên nói với tôi, một cái nháy mắt, cô có ngay. OK?"

Mi gật gật, Long đi tới, mặt nặng xuống vì ngái ngủ, ngó thấy người bùn, mặt Long lại tươi rói lên. Hai chàng bắt tay nhau, rồi một phen nữa, và phen nữa, hai ông gàn lao vào trận giặc kiến thức, cho tới lúc cả đoàn lục tục leo lên xe. Mi nhìn phố đường hai bên, nhà cửa, đất đá, khung cửa sổ kín bưng, không vòm cửa nào giống vòm cửa nào, chúng cũng bí mật lặng lẽ và trang nghiêm như đất đá ở đây. Đỉnh tháp nhọn, đền thờ, đời sống hôm nay và dĩ vãng nghìn năm thở chung một nhịp.

"Dọc bên đường, các bạn thấy những dấu tích buồn bã của chiến tranh, những cỗ xe tăng cháy, nằm trong bão cát. Bạn sẽ đến Yad Vashem một viện

bảo tàng khủng khiếp nhất của thời đại chúng ta, ở đó, những hình ảnh độc ác sẽ làm bạn nghẹn ngào bỏ ăn trước những sử liệu chứng thật cuộc tàn sát người Do Thái thời Đức Quốc Xã."

*

Chiều trên thành Jerusalem, gió dịu hẳn, quầng nắng gay gắt đỏ rực ban trưa đổi sang màu vàng chanh. Mi khóa tay, ôm lấy vòng bụng của Long, đu đưa ngả đầu về phía sau, mái tóc đầy nắng của cô chạm trên bờ thành bằng đá trắng nổi những đường vân màu kem sữa:

"Cám ơn Long đã đưa em tới đây."

Long dịu dàng hôn nhẹ lên môi cô, cô nhấm hờ mi mắt cho bớt chói, nhốt luôn tia nhìn sáng rực của Long. Cánh tay Long dưới chiều, óng ánh những hạt nắng li ti như cát trên lông mềm xoăn tít, giọng Long rù rì tan trong điệu hát lạ tai của người Hồi, ngân lên từ đồi xa, vẳng tới, lảnh lót gọi tín đồ tụ về cầu kinh... Hú ha hu ha ha ha... Tiếng hát vang bay trên cổ tháp, đá đất, cánh đồng thoắt nhuộm màu thần bí làm cô không nghe nổi lời thầm thì của Long ngoài tên gọi Meo Mi Meo Mi. Cô đoán biết lời tình của anh phả trên hơi thở dồn dập những mê say phấn khích. Đất trời, thần linh, nên một trong bời bời gió thổi. Lòng thành kính, ước mơ của cả nhân loại khắp mọi trời, năm châu bốn biển tụ về đây. Via Dolorasa, đường khổ nạn dẫn lên núi Sọ của Jesus còn đó, sau những thăng trầm hung bạo của chiến tranh. Long hôn nữa, gương mặt cô rực rỡ. Đá nóng hực sau lưng cô. Nụ hôn tham hơn mọi ngày vừa ngắt, mắt còn say, Mi chạm đúng vào Milik Đông A, phía bờ thành, nơi những người đàn bà đủ mọi sắc dân đang úp mặt vào vách đá, cầu nguyện. Họ thầm thì với đá, nơi Bức Tường Thương Khó, dấu tích linh thiêng còn lại của đền thờ Solomon. Chỉ một thoáng nhìn va vấp vào nhau, cô bàng hoàng. Đông A, đá đen và trống đồng. Đông A, nhà mồ, kín bưng, sầu thảm. Cười nói, sống và chết trong một con người... Đầu cô bị đau, cơn choáng váng mấy hôm nay xâm nhập hành hạ. Đó đây, những nữ tu áo trắng, lẫn vào một nhóm phụ nữ da đen, chói chang trong những chiếc áo choàng rực rỡ, với nữ trang lạ mắt, khăn quàng bằng lụa. Xa hơn chỗ Đông A đứng, một nhóm người Do Thái cổ kính trong mũ dạ, áo choàng đen, họ không già chút nào, nhưng vai họ chìm xuống cùng ánh mắt đăm chiêu như đấng tiên tri thọ ba bốn trăm năm, đứng đó, nhìn đăm đăm bức Tường Thương Khó lo lắng phóng mắt về một ngày tận diệt cánh chung. Cô nắm lấy tay Long, hôn đền một thoáng trên trán anh, hỏi nhỏ:

"Long à, Mi thấy Đông A lạ quá, rõ ràng ông ta gần gũi thân thiết với tất cả mọi người, vậy mà, ông ta tách lìa chúng ta, tách lìa tất cả... Long coi kìa, rõ ràng ông ta đâu có vui."

"Phải nói cười như máy với mọi người, những tên đểu giả, những tên nhà giàu hạng bét ngày này sang ngày khác, vui làm sao nổi nữa. Bất anh làm

nghề này, chắc điên quá."

"Anh quen Đông A lâu chưa?"

"Năm ngoái, lúc anh đi với bố mẹ. Mẹ anh quen ông ta thì đúng hơn. Đông A định cư ở Israel mười bốn năm. Vợ ông ta bị hiếp rồi vất xác xuống biển. Chuyến tàu đó, chỉ có hai người sống sót. Đông A và một người nữa, hiện làm cho bộ ngoại giao Israel..."

Cô nhìn mông lung, nơi đây cất dấu bao nhiêu ước mơ của con người. Đá cũng run lên vì những lời cầu xin thổn thức. Đông A còn gì để cầu nguyện? Mi thấy rợn, cảm giác chóng mặt lúc chạm nhằm đôi mắt tối thẳm lại dềnh lên, choáng đầy. Thấy Mi yên lặng, Long tò mò:

"Em băn khoăn vì ông ta hơi nhiều rồi đó."

Cô thẳng thắn gật đầu: "Em xin lỗi, nếu điều đó làm phiền Long. Quả thật ông ta làm em bận tâm quá. Ông ta vẫn nói vẫn cười, nhưng em vẫn thấy gương mặt đó đóng kín như một nấm mồ."

"Con người, lúc sinh ra, tự thân là một nấm mồ cho chính mình rồi cưng à."

*

Sau bữa cơm chiều, khách mệt rút về phòng. Mi choàng thêm áo, mang theo bì thơ và giấy có in logos trang nhã của khách sạn nhét vào túi áo choàng, một mình tha thẩn. Cô vươn người, ngáp. Thành thánh Jerusalem cũng vươn cao lên lừng lững trong đêm, khi trời và đất liền cùng nhau. Cô áp tay vào thành đá, hơi nóng đã mát, đá thở cùng trời. Mùi của đêm rất lạ, lắng xuống như trầm và ướt cỏ khuya. Đông A đứng một mình, dựa lưng vào cột từ lúc nào, cô không biết. Lạy trời. Không biết.

"Sao cô không nghỉ một chút cho khỏe, chuyến đi có làm cô mệt lắm không?"

Cô lại vươn người lên: "Mệt chứ. Tôi sợ nằm xuống ngủ vùi mất, đêm qua tôi mơ kỳ lắm."

"Thưa công nương, tôi, Milik Đông A hướng dẫn du lịch kiêm thêm nghề đoán mộng. Cô kể sơ, tôi đoán đúng như thần. Bảo đảm không đúng không lấy tiền."

Cô cười nhẹ: "Thì giờ của ông tính bằng dollar nặng, Ông có chặt thêm tiền đoán mộng cũng chẳng sao... tôi thấy mình đi trên một đoàn tàu, dài lắm. Có một toa tàu giống như nhà nguyện, cha cụ, tín đồ đọc kinh i ỉ nghe buồn nẫu người. Tôi đang lấp ló chưa chịu vào. Lửa bỗng từ trời cao đốt xuống bừng bừng. Mọi người xô nhau bỏ tàu chạy về phía thác. Tôi đứng sựng, ngây ra nhìn lên trời. Vần vũ trên mây, tôi thấy đủ mặt người vùn vụt hiện ra trên lưng trời, Chúa, Thượng Đế, Socrate, Platon... có một người viết rõ tên tôi trên tầng lửa chói lòa. Diễm Mi, tôi thấy rõ tên tôi và những ngón tay dài ngoẵng đó, tôi tỉnh dậy, không ngủ được nữa, những ngón tay đó, đúng là của

ông."

Đông A lặng người. Ông thua. Cho kẹo ông cũng không dám làm nghề đoán nữa. Máy nói của ông nó tịt ngòi. Cô đành phải ra tay cứu vãn trạng huống ngập ngọng của ngài hướng dẫn viên du lịch nổi tiếng thông minh và lịch lãm:

"Đêm nay tôi không muốn ngủ mơ như vậy nữa. Cả đời, tôi ao ước được đến đây, ngủ uổng lắm. Chưa có một thành phố nào chứa đựng qua nhiều giấc mơ như Jerusalem."

"Tôi muốn ngủ nhưng không ngủ được. Ở đây mười bốn năm tôi vẫn thấy ngợp vì những chất chồng oan khiên của lịch sử và tôn giáo..."

"Anh là người Việt hay Do Thái?"

"Cả hai. Tôi yêu dân tộc can đảm này. Chúng tôi phải chung lưng nhau đối phó với kẻ thù vây chặt bốn phía. Người Do Thái chúng tôi, cùng đất đá, thánh địa này phải chiến đấu từng ngày. Việt Nam làm tôi kinh hoàng. Vợ tôi chết, và Việt Nam đóng lại."

Cô rùng mình, giọng Đông A loãng vào chân không rồi quất xuống linh hồn cô tê dại: "Ít ra ở đây chúng tôi còn tôn giáo, và tinh thần dân tộc cực đoan."

"Cực đoan là một tai họa đấy."

"Đúng như vậy, nhưng nếu con người không còn tín ngưỡng và dân tộc của mình, họ có còn gì nữa đâu, ngoài cơm áo?"

Mi vuốt tóc, rồi lại cho tóc mình bay tung trong gió: "Ông quên một thứ tối cần. Con người không có tình yêu, hoặc không dám yêu người mình yêu, nó còn gì không ngoài ăn và ngủ?"

Người bùn nhìn đăm đăm vào mắt cô, giọng thật khẽ khàng: "Hãy yêu, nếu cô yêu, tính toán, tra hỏi không phải là tình yêu."

"Được rồi, hẹn ông mùa Giáng Sinh năm tới, ở cột đá này, tôi sẽ cho ông biết những tra hỏi tính toán của tôi nó đau đớn như thế nào."

Long đi tới, hắng giọng lên từ đằng xa. Ông con Mỹ này, rất Tây, không bao giờ Long muốn gây bối rối cho cô, dù anh yêu cô ngất ngư điên dại. Hai người đàn ông bắt tay nhau. Đông A tạm biệt. Cô ôm Long đi về phía Tường Thương Khó. Những thiếu nữ, quần áo đắt tiền, hí hoáy chuồi nhét những lá thư cầu xin, khẩn thiết vào khe đá của vỉ tường mầu nhiệm. Một người mẹ, áp tay con vào bờ thành lầm rầm những lời van xin thầm kín chỉ có Chúa Trời nghe thấy. Đèn điện và trăng sao hòa lẫn cùng nhau. Tường Thương Khó bừng lên hàng trăm nghìn nến đỏ.

Cô trì tay Long đứng lại, thò tay mượn cây bút vẫn cài trên túi áo của Long kê giấy vào thành đá loay hoay viết. Long nghiêng người, quay lưng cho cô tự do nói chuyện với Chúa. Cô ngừng viết, nhìn Long, rồi cắn môi quay vào vách đá, một mình với đá, một mình với ta. Nói dối, chân thật, phản bội A...M...M...Đ...A... Cô gạch đi, xóa, rồi xé, vò nhàu, nhét túi, tìm tờ thư khác.

Viết lại, loay hoay nắn nót. Sợ Chúa cận thị, lần này cô viết chữ to hơn, rõ ràng hơn. Tiếng Anh vậy, Chúa Almighty lắm chắc ngài học đủ thứ tiếng, nhưng thôi, viết tiếng Anh cho chắc, biết đâu Chúa lười, không học tiếng Việt. Viết xong, cô bỏ vào bì thơ đàng hoàng, nghĩ sao, cô bước tới gần Long, chìa cho anh đọc. Long lắc đầu, cái bệnh sùng bái privacy đã thấm vào máu. Anh làm bộ kể cả không đọc lá thư quan trọng nhất đời, cô sẽ gửi cho Chúa. Cô đành le lưỡi dán bao thư, run rẩy nhét vào khe đá. Trời bỗng dựng lên, chớp lửa ào ạt. Gió quấn vùn vụt, những ngọn nến cắm la liệt theo bờ đá của du khách vụt tắt ngấm. Long hốt hoảng ôm lấy cô, che chở, anh sợ gió lốc mang cô về trời. Gió quất rát mặt, Mi chúi người vào anh. Hình như cô khóc. Họ lúc thúc núp theo thành đá để trốn gió rồi lần mò đưa nhau xuống đường. Cơn bão Đông A đoán trước từ Hebron ào ào xô tới Jerusalem.

*

Lá thư rơi vào khe đá, gánh hết oan nợ tội tình của hàng tỉ người thành nặng nghìn cân: "Lạy Chúa, tôi bị xé vụn từng manh nhỏ. Làm sao tôi có thể làm người chân chính nếu tôi gian dối với chính tôi? Tôi đã từng yêu thương Long, ít nhất tôi đã tin đó là tình yêu. Bây giờ, tôi chỉ muốn lăn tới tận cùng, vực thẳm hay trời cao cùng với Đông A, và chỉ một mình Đông A thôi. Amor... Lạy Chúa, tôi viết rõ tiếng la-tinh cho Chúa hiểu gọn gàng lời khấn nguyện chân thành nhất của tôi. Tôi yêu Đông A và muốn chia sẻ mọi vui buồn với anh ấy. Làm sao tôi can đảm nói thật với Long. Đã có một thời tôi rất yêu Long..."

Trên tầng cao. Thần Eros hạ cánh cung, mũi tên cuối cùng của năm 1995 đã ghim trúng hai người. Đông A và Diễm Mi. Thánh nữ Cecile, thiên thần hộ mạng của Mi gục xuống phím dương cầm âu sầu không đàn nữa.

LỆ HẰNG

Mùa Giáng Sinh 95

THƯƠNG NGUYÊN

mộc mạc

Mừng xuân hoa lá
đã tới phố mù
vô nhà ca ca
là đỡ hao xu

giữa mùa nắng nụ
sao ê thịt Dê
tội nghiệp cho Bê
bú mãi chưa đủ

vài giọt thơ thô
ngôn ngữ khắc gỗ
như tranh Đông Hồ
mộc mạc coi ngộ

xỏ quần bò đen
theo trăng rước đèn
gặp đám cưới Chuột
chú rể vác cuốc

phe phẩy quạt mo
chốc đã ra cuội
xếp áo giấy đỏ
cô dâu ăn chuối

chợt nghe tiếng cười
một loại dã điểu
bỗng thương mắt người
vời vợi cô liêu

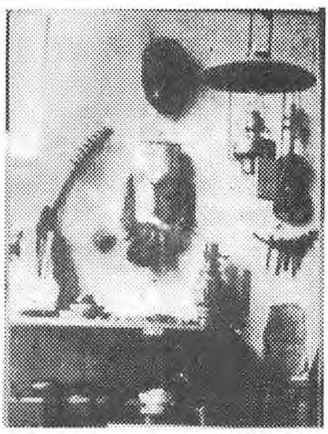
Trúc đã xa Đình
theo Thu gió cuốn
những chiều hè muộn
quả đất ơi xinh

THƯƠNG NGUYÊN

TN

ĐỖ QUANG NGHĨA

những mảnh đời khốn khổ



Ngày...

Sáng nay xưởng thêm người mới. Cũng con Rồng cháu Tiên như mình. Thằng da đen nhảy tưng tưng: "Ein schones Madchen."(1) Gò má đen; mắt lồi, môi dày; hàm răng trắng đến phát ngại cúi sát mình: "Con gái xứ mày đẹp quá!" Cái bụng bia của nó phập phồng ngay trước mũi mình. Rõ đồ của nợ!

Người đàn bà bé nhỏ, không đẹp, có lẽ đã chớm tuổi hồi xuân. Nhưng ở xứ này, ra đường nhìn mẹ nào trông cũng hệt cái Wurst (2) nhồi lỏng, đàn bà nhà mình nhìn quả có hay mắt thật. Giống những cô bé vào tuổi lớn.

Ngày...

Tận hôm nay mới có dịp trò chuyện với bà chị bằng tiếng Việt phong phú và giàu đẹp. Được có vài câu. Giờ nghỉ mình chỉ muốn nghỉ, không phải nói năng gì. Mệt rũ! Biết có khi nào được cái Pas 51 để thoát khỏi công việc nặng như khổ sai này không?

Người đàn bà cúi mặt; giọng dấp dính nước mắt: "Tôi mệt quá chú ạ. Có hôm cố ăn, xong rồi nôn bằng sạch. Ngày ở nhà tiếng vậy chứ có bao giờ tôi phải làm cật lực thế này đâu. Nói chú bỏ lỗi, đến đi ngoài cũng không dám đi, buồn đến sưng cả đít".

Lạ thế! Giọng vừa nhún nhường thế mà ngay lập tức táo tợn đến không ngờ. Chị già này cũng khiếp lắm đây. Ở cái xứ này thế lại tốt. Liều lĩnh là điều

kiện đầu tiên để hội nhập mà.

Ngày...

Hóa ra bà chị đã hội nhập được thật. Bằng cách cưới làm chồng một gã Đức cao nhòng và tốt bụng; tốt cả ria nữa. Hệt Đônkihôtê.

Chỉ có điều họ nói chuyện với nhau chủ yếu bằng tay. "Nói mỏi cả tay chú ạ!" Bà chị bảo: "Tôi có tý tiếng Đức nào trong bụng đâu. Khổ thế!".

"Chị hẳn có ai làm mối!" - "Vâng chú ạ. Với lại cũng là cái duyên cái số nó vồ lấy nhau thôi. Bước chân sang đây tôi nghĩ đâu đến sự này nữa. Tôi cũng hai lần đò rồi. Chẳng giấu gì chú cả! Cả hai lần tôi đều phải bước ra khỏi nhà người ta. Khổ quá! Chồng già đánh chồng trẻ đánh. May tôi gặp ông Ebờhạc. Thật tôi không ngờ mình vừa được ở lại Đức vừa được hạnh phúc. Cũng nhờ lấy ông ấy mà tôi được vào làm cùng chú ở đây đấy chứ. Chứ hồi còn ở trại, tôi chỉ biết ăn xẻn tiền xã hội, còn thì dành dụm gửi về nuôi cháu. Mấy lại để trả nợ. Khổ thế chú ạ!"

Lại khóc. Rõ đúng là giống đàn bà. Mình chỉ lẩn cẩn hỏi đưa bà độc một câu, lại thành tháo cống tâm tình cho bà chị. Đàn ông nghe, có khóc được cùng đâu. Giá kể vợ cũng ngồi đây! Khéo xưởng này lụt!

Ngày...

Nghĩ tội nghiệp bà chị. Tuổi tàn rồi; rồi lại không quen chuyện sách vở, chẳng làm sao nhồi được tiếng xứ người vào đầu. Thỉnh thoảng nhìn ra, thấy cái bóng bé nhỏ cúi gập trên cái xe đẩy chất đầy hàng, buồn đến thắt lòng. Sao người mình khổ thế. Nào có dám mong mỏi gì nhiều đâu. Hạnh phúc trong khao khát của dân mình tỉ lệ thuận với hình vóc dân mình thôi. Vậy mà người ta phải ra đi để tìm nó ở tận đâu đâu. Mình đàn ông, bạt xứ vì nợ vợ nợ con, cũng là xong một kiếp. Phận đàn bà, lơ ngơ ở đất người, tội quá!

Ngày...

Ở xưởng, gương mặt bà chị luôn căng thẳng. Có lẽ vì không hiểu người ta muốn gì mình. Tây nói gì cũng thấy "Ja, Ja". Chỉ lúc ngồi cạnh mình giở bánh mì ra nhai, mới thấy mặt bà chị hết căng thẳng. Nhưng chao ôi buồn! Cái nhìn của bà chị lúc đó vừa vô hồn vừa vô tuổi. Tự nhiên mình mường tượng thấy những đôi mắt trẻ con ở Xomalia; ở Ruanđa... Thật khác. Mà lại giống.

Ngày...

Bà chị bảo:

"Tôi muốn đến thăm cô nhà chú. Về ở gần cô chú từ bấy đến giờ mà chưa đến, tôi áy náy lắm. Có điều tôi chưa có tiền mua quà cho cô ấy. Tôi đến tay không liệu cô nhà chú có cười tôi không?"

Ngày...

Vợ bảo: "Trông mặt chị Thủy ở nhà không ai bắt nạt được đâu. Nhưng ở đây bà ấy lơ ngơ đến chết cười. Bà ấy kể đã học lớp một ba lần. Em cứ ngớ ra. Hóa ra là bà chị ba lần theo Kurt thứ nhất ở Volkhochschule. Nhưng còn đầu óc nào mà học. Cảnh chị ấy cực quá. Cực hơn cả nhà mình."

Ngày...

Vợ phán: "Tan ca rủ chị Thủy về nhà mình ăn cơm. Em nhồi mướp đắng. Bà ấy ăn đồ Tây mãi nóng ruột chết. Với lại hai vợ chồng bà ấy làm trái giờ nhau; ở nhà gặm bánh mì một mình thì buồn nẫu."

Nghe thôi. Nhưng hơi hãi. Thế này làm về hết được nằm. Nhà xã hội đất cửa cổ mà hẹp bằng cái lỗ mũi. Chả lẽ mời khách về lại nằm. Giá kể có cái Wohnung rộng, khách tới ăn thân mật xong có thể ngủ thân mật thì cả hai bên cùng sướng. Với lại đàn bà lắm chuyện lắm. Sang đây, các mẹ chỉ được nói mỗi dịp gặp nhau. Thế này chỉ thiếu có con vịt là hai mợ họp thành cái chợ...

Vợ kể lể: "Em sang đây là vì phải theo ông xã. Ông xã em lo hết. Chị sang bằng cách nào. Một thân một mình lo lót xoay xỏa đi được thế là giỏi lắm." - "Tôi đi được là nhờ các dì cháu. (Mặt bà chị linh hoạt hẳn) Nói không phải khoe chứ các dì nó nhà tôi giỏi lắm cô chú ạ. Các cụ bảo tứ nữ bất bần cấm có sai. Nhà tôi khá giả lắm. Các dì nó nhà tôi ai cũng giàu. Chỉ mỗi tôi lật đật thế này. (Giọng xìu đi) Tôi có bao giờ nghĩ đến chuyện đi đâu. Làm gì có tiền. Lấy đời chồng đầu, lúc ra đi tôi trắng tay. Ông bà tôi chửi quá. Chẳng còn biết cậy vào đâu. Tôi đành phải để cháu về với bố cháu. May số cháu gặp được bà dì ghẻ tốt quá. Tôi ơn chị ấy cô chú ạ. Chẳng bao giờ tôi nói được với chị ấy như thế. Nhưng tôi sống để dạ chết mang theo. (Giọng ngàn ngạt) Sau tôi gặp bố cháu Phúc. Cũng được mấy năm đầu. Rồi bố cháu lao vào đề đóm. Lúc bỏ được nhau thì cũng chẳng còn gì mà chia. Các dì ấy mới tính cho tôi nước này. Tôi đi bằng tiền của các dì ấy cả. Tôi vụng về thế mà cũng dẫn được bốn cháu con các dì ấy sang lọt Đức đấy."

Vợ hỏi: "Thế sao chị không đưa luôn cháu nhà chị đi?" Chị bật khóc. Khuôn ngực mỏng cứ rướn mãi lên vì những tiếng ấm ức:

"- Tôi làm gì có tiền. Tôi đi được là vì các dì ấy cần người đưa các cháu sang; mới gọi đến tôi. Cũng phải tính liều. Tôi bàn với cháu Hạnh, cháu con tôi với đời chồng đầu, lúc đó cháu cũng đã có gia đình riêng; nhờ cháu trông

em đỡ mẹ. Cháu bảo tôi tính thế cũng phải, may ra về có tý dấn vốn nuôi em nó. Cô chú tính lúc đó tôi bị giảm biên, biết lấy gì ra nuôi mình nuôi con. Cũng muốn đưa cháu theo, sang có mẹ có con nó yên tâm, rồi lo làm ăn trả dần cho các dì cháu. Nhưng các dì ấy không bằng lòng; chỉ cho vay có một suất đi, lại bắt đưa cháu Phúc về bên nội. Có hôm gọi về nhà con cháu Hạnh còn nói được mấy câu, thằng Phúc thì chỉ nấc; tôi cũng thế; vài phút là hết tiền. May giờ tôi lấy được Ebờhạc. Ông ấy bảo từ từ rồi sẽ đón con tôi sang cho tôi. Giờ làm mệt thế nào tôi cũng phải cố để có tiền. Tôi không dám xin ông ấy tiền gửi về nuôi cháu. Chú với cô bảo tôi phải làm thế nào để giữ lương riêng. Hay chú giúp tôi nói với ông ấy. Chú dầy tiếng mà. Tôi cần có tiền riêng. Ngần ấy ngày ở trại, don góp tiền xã hội vừa trả nợ, vừa nuôi con, tôi cố mãi chưa xong mấy ngàn đô nợ ấy. Có lần các dì ấy còn nhiếc tôi là cứ bám các dì ấy như là xã hội thứ hai. Nói ra thì xấu hổ với cô chú. Số tôi nó khổ thế!"

Ngày...

Vợ kể:

"Bà Thủy số lật đật thật mình ạ. Người ta đi từ Tiệp qua Đức như đi pich-nich. Bà ấy với bọn trẻ bị tắc ba lần. Đi, tha theo bốn đứa trẻ mà bố mẹ chúng chẳng đưa đồng nào dắt lưng. Đến lúc tắc, phải đi hầu thiên hạ để họ bao ăn mấy bác cháu. Sang tới Đức hôm trước, hôm sau cô em bảo: "Bà có đi hái anh đào không? Kiếm tiền trả nợ chứ." Thế là đi. Hết anh đào để hái, các bà em bảo: "Thôi, cho bà ấy đi nhập trại để hưởng tiêu chuẩn xã hội." Lại tay không đi. Tiền hái anh đào phần trả tiền ăn, phần để trừ nợ. Em có cảm giác nhà bà này y như *không có vua*. Khác cái là toàn con gái. Kinh khủng! Kinh khủng nhất là bà ấy coi điều đó hết sức bình thường, chẳng lẽ đó là chuyện không phải của một nhà. Tay chồng Đức này tốt. Song dù sao thì vẫn là Tây, có phải cái gì cũng nói được với nhau đâu; mà tiếng đâu để nói!

Ngày...

Mình sẽ không viết về bà chị nữa. Cứ tưởng tượng trông xuống chẳng ai bằng mình thì lòng sẽ nhẹ. Nhưng sao chỉ thấy nặng nề...

Đ.Q. NGHĨA

(Limburg)

---

(1) Ein Shones Madchen: một thiếu nữ đẹp

(2) Wurst: xúc xích.

NGUYỄN VĨNH LONG

vườn nhà em

Căn nhà mướn
Miếng vườn tạm
Vài mảnh quê hương chậu sành
Theo ngày nắng trở
Hoa nở bên cửa sổ
Kết nụ trước sân nhà
Trái chín vàng sau bếp
Vườn nhà em xanh mướt
Hạnh phúc loanh quanh phía cửa bên ngoài

Vườn nhà em
Cây không bám rễ sâu
Ngày tháng đâm chồi trong chậu
Hoa cúc vàng tháng sáu
Hoa lan trắng tháng ba
Khóm bạc hà xanh lá
Bụi rau húng thơm nồng
Hương xanh ngoài ngõ xa

Vườn em tự bao giờ
Nắng hững hờ cửa sổ
Mưa phơ phất sân ngoài
Em đi về đêm tối

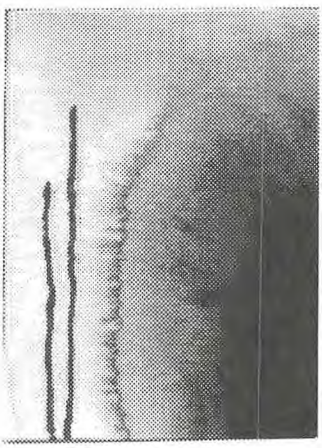
Vườn nhà em xanh tươi
Chỉ nước mắt em thôi...

NGUYỄN VĨNH LONG

TN

NGỌC BÁ

hội âm phủ



Trăng hạ huyền tháng Chạp khu Tân Sơn Nhứt quá nửa đêm sao lại u hoài như lòng người kĩ nữ. Cô ả lặng nhìn mông lung vào mấy căn lều trong công viên *Chiến Thắng*, cạnh khu vực *Nghĩa địa Gò Công - Lăng Cha Cả*. Từng làn sóng trăng nhạt nhòa như ẩn như hiện làm mờ đôi đồng tử nàng trong cảnh cô đơn lạnh lẽo này. Đâu đây văng vẳng từ nơi âm ti như toát ra một luồng gió lạnh căm căm da thịt làm ả giật mình.

A, phải rồi! Dư âm những lời thỏ thẻ của mấy chú khách trẻ đang độ trai tơ dậy mẩy của buổi hoàng hôn vất vưởng sót lại cạnh chiếc dù vải còn nặc nồng mùi bia rượu. Trong cái cô liêu choáng ngợp này, bên tai nàng vẫn cứ văng vẳng đâu đây tiếng thì thầm như giận hờn như oán trách... của các hồn ma đang hiện ra mồn một càng làm cho đôi ngươi nàng thêm choáng ngợp. Cái cảm giác hư hư ấy cứ mỗi lúc mỗi thực dần rồi đập mạnh vào tiềm thức, khiến ả như bình tĩnh lại. Ả nhớ như in các khuôn mặt: cái hốc hác thấp thỏm, cái trầm tư khắc khoải, cái cương nghị bình thản, cái hồn nhiên khả ái... cùng với cái thây người cháy nám không còn nhận rõ hình hài. Những thân xác, hình hài ấy đang quây quần nhau tại *Nghĩa địa Hội Tương tế Gò Công* thuộc địa phận làng Tân Sơn Nhứt, tỉnh Gia Định cũ như đang tỉ tê tâm sự, hoài niệm về quá khứ.

Trăng mỗi lúc càng thêm mờ ảo. Nàng tỉnh dần và tai nàng nghe mồn một giọng sang sảng của một cụ già với đôi mắt quắc thước:

- Làm chi các anh hội tụ về đây đông quá *nưa*, mà *răng* lại có chú lính trẻ

măng râu cá chốt đen thui nào đây nữa?

- Bộ anh quên tụi *tui* hả? Trần Quí, Huỳnh Thúc, Hồ Tá, Đình Khiêm, Đình Điển, Nguyễn Thế... bạn nối khố, đồng song từ *Trường Đốc Quảng Nam* đến *Dục Thanh học hiệu* Bình Thuận rồi Hoa Lê (1) thuở nào đây. Riêng tôi là thằng bạn mà có lúc anh đã từng khóc: "Tôi không được cùng người bạn bình sinh rất thân ái ấy, dắt tay nhau lên đoạn đầu đài, và cũng chẳng được một lạy trước mộ phần để tạ lỗi cùng nhau" (2) mà sau đó anh đã ghi lại trong danh sách của anh đó răng?

- *Đách chi* (3) đâu mà không nhớ lời vàng đá ấy. Quên là ai kìa, chớ tôi bao giờ quên được lời nói gan ruột nghĩa tình mà tôi nguyện khắc dạ ghi lòng. Lời anh như rót vào tai tôi gần cả trăm năm rồi, làm răng tôi quên đặng, lời ấy còn ràng ràng đây.

- *Rứa* anh nhớ ra răng?

- Anh chê tôi mau quên *hỉ*! Để coi nhớ hơn ai kìa; anh bảo tôi rằng:

"Nay tôi và anh không tự lượng sức mà đề xướng thuyết mình, may ra thành công thì toàn quốc đều vui hưởng, rủi thất bại thì sẽ bị dẫn đến chợ cúi đầu chịu chém, thì vui biết chừng nào" (4)! Lời nói đó làm *răng* có thể xóa nhòa theo năm tháng, dầu thiên niên vạn kỉ, ai mà không khắc cốt ghi lòng, huống hồ tôi. Như *rứa* anh còn dằn vặt tôi nỗi gì, anh Trần Quí kính mến thuở nào!

- Tôi nào có dằn vặt chi anh đâu, có điều này hẳn anh biết chán: ngày nay tên anh đầy dẫy phố phường, làng xã, học hiệu... chỗ *mô* cũng Phan mổ mổ! rồi nay anh lại độc chiếm nơi đây. Còn tiện khu chỉ có một con lộ, một trường học, mà anh nỡ nào để con cháu anh đập tan hoang tan hoác, khiến tôi phải xang bang xấc bấc chạy trối chết đây.

Ông Trần Quí chưa kịp dứt lời, một người đầu húi ngắn, má tóp, vai gầy chen lời:

- Anh Trần Quí, anh ham quá! chớ chi như anh Phan chắc anh vừa lòng toại ý. Ngay bản thân tôi, từ cái *năm một ngàn chín trăm... lâu lắm ấy*, ba chúng mình cùng nhau "Nam du" gặp trường thi, vô trường thi; gặp tàu Nga, thăm chơi tàu Nga; gặp nước mắm Phan Thiết, chơi nước mắm Phan Thiết, rồi cùng mang gông ra Côn Đảo... Cho đến ngày Tây chạy rồi Tây trở lại, tôi cũng vác bút đâm giặc ngoại xâm cho đến lúc sức mòn lực mõn tôi mới về chơi núi Thiên Ấn. Mãi đến hồi mồ ma con ông Khả(5) cầm quyền, dân *Thạch Bích tà dương*(6) có bài thơ điếu tôi mà nay họ cũng nói này nói nọ.

- Họ nói *ra răng?*

- Họ nói tôi hát "cải lương" cho Tây nghe!

- Sướng, cải lương với sáu câu vọng cổ mùi riệu sướng chết cha còn đòi chi nữa!

- Đòi cái chi đâu! Chỉ tội nghiệp cho học trò anh Nghĩa Bình(7) mà cũng liên lụy đến thân tôi vì bài thơ đề mộ ấy.

- Thơ *răng* đọc nghe coi!

- Thơ rằng:

"Ngũ Hành linh địa phụng tề phi,
Thúc Kháng tiên sinh chiếm nhứt chi.
Quốc tĩnh thành chung văn tứ cảnh,
Dân Thanh báo quán đạt tam kì
Cừu Tần tạm tá Hồ công thủ
Phá Lỗ trường lưu Lộ Bố thi.
Vị toái hương hoài mai ánh lãnh,
Thiên thu chánh khí nhựt tinh huy"

Cụ Phan nói như ra lệnh:
- Dịch nghe coi!
Ông Huỳnh phân vân, nhưng cũng nói:
- Khó dịch quá nhưng cũng diễn thoát ra nghĩa nôm như vầy:

Ngũ Hành Sơn là nơi linh địa sản sinh được nhiều tay văn chương xuất chúng,
(Mà) Tiên sinh Thúc Kháng riêng chiếm một cành.
Ông từng rung chuông thức tỉnh dân nước vang dậy khắp bốn cõi.
(Rồi sau về) làm báo Tiếng Dân dấy động cả Trung Nam Bắc (ba kì).
Vì thâm thù giặc Pháp (Tần) nên tạm mượn tay ông Hồ mà đi kháng chiến.
(Và) từng làm nhiều thơ đuổi giặc ngoại xâm như Lộ Bố (của Trung Quốc) thuở xưa.
Hương cây mai không nát, vẫn tỏa ngát trên ngọn núi lạnh.
Ngàn năm chánh khí của ông sáng mãi với mặt trời cùng trăng sao.

- Thơ rứa mà liên lụy gì anh và học trò Nghĩa Bình?
- Chẳng biết nữa, họ tán qua tán lại, tán lên tán xuống hai câu luận đó rồi "đề xuất" phá tấm bia và kết tội học trò anh Nghĩa Bình, nhân đó lên án tôi nữa, rồi ra "nghị quyết" sẽ "nhất trí" đập bỏ tấm bia có bài thơ của trỏ (trò ấy). Và hỡi ôi! Nay thì chúng nó san bằng cả rồi và khắc vào bia mấy câu bá láp của thằng cha trời đánh, đá cá lăn dưa nào đó!
Ông Huỳnh Thúc vừa nói tới đó, bỗng một người chững chạc trong bộ đồ lớn, cổ thắt "cà-ra-hoách" chen vào:
- Các cụ, người thì mới dẹp tên trường, xóa tên đường, đập bia kỉ niệm... mà đã than vãn. Cứ như tôi đã mấy mươi năm nay nằm cạnh đây hưởng hơi ấm cụ Phan mà nay họ còn đào tuốt tuồn tuột, vứt mất mấy cái xương mục của tôi mà chẳng cho con cháu tôi biết trước để đem cái xác rữa này về nằm cạnh ông bà, tiên tổ! Chẳng biết sau này hồn phách tôi tán lạc về đâu! *Giời hỡi giời!*
Mọi người quay lại mới biết là Nguyễn kĩ sư(8) năm nào. Nguyễn cũng bôn ba, lặn lội tận đất Hoa Lê tráng lệ, từng vật lộn với hội này báo nọ bên

ấy. Đến hồi mạt diệp cũng rán đem tấm thân tàn về cố quốc; cho đến khi tắt thở được anh em Tương tế Gò Công cho vào nằm đây.

Mấy mái đầu bạc, mấy tóc hoa râm, mấy mái đầu xanh cùng nhau trút bầu tâm sự; bỗng đâu một bóng hồng xế bóng với giọng thánh thót như rót vào tai chư vị một hơi dài:

- Quí ngài than vãn cái giống gì mà ray ray rứt vậy hà. Đời mà! Đến cái mặt hoa da phấn này mà họ cũng làm cho tôi đau điếng xác thân nữa là! Quí ngài thấy đó. Đất này là của mấy ông anh, chú em nhà tôi chung sức tạo dựng để làm nơi an nghỉ cho bà con Gò Công tui, mà cũng là chỗ "mời" quí huynh Trung Bắc đã một lòng lo cho dân, cho nước; đến lúc mòn hơi kiệt sức về nằm cạnh nhau cho có hơi hướm. Vậy mà họ đuổi sạch trơn bà con, dòng họ, đồng hương tụi tui chỉ để lại mình *ên* anh Phan án ngự đây chớ nói chi tới chú Nguyễn. Nhưng thưa quí huynh, ở đời đôi lúc cái rủi lại kéo theo cái may như trường hợp của tôi. Đúng là Tái Ông thất mã, họa phước khôn lường! Tôi nói ra điều này *khí* không phải, mà nói ra e bất nghĩa với mấy cháu gái bên báo *Phụ Nữ*. Tôi nghĩ chắc là chỗ đàn bà với nhau, thông cảm cho cảnh "tay yếu chân mềm" nên các cháu gái gióng lên tiếng chuông... nứt. Tuy chị em nói không đúng, nhưng cũng nhờ cái "không đúng" đó mà tôi còn được hưởng chút hương thừa của anh Phan.

Ông Huỳnh Thúc Kháng với giọng từ tốn của học giả:

- Thưa bà chị, vậy tiếng chuông... nứt nói *ra răng?*

- Xin lỗi anh Phan cùng con cháu anh và chư vị. Tôi như vầy mà quí chị em bên báo Phụ Nữ bảo tôi là "mẹ nuôi cụ Phan". Ai đời mẹ nuôi mà cùng trang lứa. Tuy tôi là chị chú Khiêm, chú Điển chứ thật ra tuổi tôi cũng sàn sàn chư vị. Thiệt cái điều nói tôi là "mẹ nuôi" anh Phan khí không phải, hơi vô phép với anh Phan, nhưng cũng may, nhờ mấy cháu gái bên Phụ Nữ gióng tiếng chuông ấy mà con cháu anh Phan mới dừng tay, chớ mấy ngày Xuân cái năm con Khỉ (1992) bao nhiêu búa tạ của bọn thợ hồ ngày ngày chúng xáng xuống đầu tôi chan chát, tưởng chừng óc tôi phụt ra từng đống. Cám ơn thay mấy cháu, mấy cô bên báo Phụ Nữ nên họ dừng tay và cho vá lại chưn tay, giò cẳng của gái già này. Nay tôi lại được mồ yên mả đẹp hơn xưa, ngày ngày hầu hạ anh Phan đây! Quý hóa thay mấy cháu Phụ Nữ, tuy nói sai mà hóa ra được cho thân tôi.

Ngay lúc đó, một dáng hiên ngang muôn thuở của chú nhà binh với cát-két, huy chương đầy ngực, chân nện gót "cái cộp", ngẩng đầu nghiêm trang chào mọi người. Cụ Phan lên giọng, nạt:

- Chú nhà binh, tướng tá nhà ai dám xuất hiện chốn linh thiêng ni?

- Trình diện quí cụ: "Huỳnh Hữu Bạc(9), cựu Trung tá không quân Việt Nam Cộng Hòa, được lệnh trên tới bảo vệ quí cụ".

Ông Huỳnh Thúc Kháng vẫn giọng soi mói cố hữu hỏi:

- Cho coi "sơ yếu lí lịch".
- Tuân lịnh.
Vừa "báo cáo" xong, Huỳnh Hữu đưa ngay tờ sơ yếu mới được công an phường xác nhận.

"Họ tên khai sanh: Huỳnh Có Tiền
Họ tên thường dùng: Huỳnh Hữu Bạc
Tục danh: Mười Chỉ
Bí danh: không có
Thành phần gia đình: Địa chủ
Thành phần bản thân: Tiểu tư sản thành thị
Sinh quán: Gò Quao, U Minh Thượng, Rạch Giá
Thường trú: Trại sĩ quan Không quân Tân Sơn Nhứt (cũ)
Cấp bực: Cựu Trung Tá Không Quân..."

Mười Chỉ tranh thủ, trong khi quí vị ấy trao cho nhau xem bản sơ yếu, anh ta tiếp:
- Nhân đây tôi xin thành thật bổ túc thêm thành phần còn thiếu trong sơ yếu, xin quí vị thông cảm "khoan hồng" cho.
"Hồi nhỏ tôi học trường làng, sau nhờ ông già có chút gia sản cho lên Sài Gòn học tại trường ông Ký. Hồi Tây tái chiếm Nam Bộ, tôi đang học ban tú tài thì bị bắt lính, tôi bèn tình nguyện ghi tên theo học nghành Không quân tại Ma Rốc. Sau khi tốt nghiệp về nước một thời gian, kịp lúc mồ ma ông Diệm tin dùng, cho dạy mấy chú phi công mới vào nghề. Một buổi tập cho mấy chú em ấy bay, tàu của tôi bị nạn, tôi cùng chung số phận với chiếc máy bay từng tung trời Điện Biên Phủ một dạo, thân xác tôi chỉ còn một đống xương thịt đen thui. Sau đó tụi Không quân cũ lấy tên tôi đặt cho một Hội quán để mấy thằng phi công trẻ vào ăn nhậu, nhảy nhót sau những phi vụ đặc biệt. Chúng gọi là *Hội quán Huỳnh Hữu Bạc*, tọa lạc cạnh nghĩa địa này đây. Nay được nhà nước chiếu cố cho đặt tên đường án ngự khu lưu niệm, rồi đặc cách bảo vệ cụ Phan và bà Huỳnh (10)
Báo cáo hết! chờ lệnh."
- Vậy Hội quán Huỳnh Hữu Bạc là nơi để cho mấy chú ăn nhậu, nhảy đầm, phá hoại đời con gái nhà người ta, chớ mắc mớ chi chú lại xuất hiện chốn ni - lời cụ Phan.
Huỳnh Hữu Bạc gãi tai, lí nhí thưa:
- Dạ, chắc bây giờ đất nước thống nhất, rồi "đi lên xã hội chủ nghĩa có định hướng"; nhà nước chủ trương "xóa bỏ hận thù". Vả lại hương hồn cháu cũng đã đi "cải tạo" cả chục năm, nay đã được phường khóm cho "phục hồi quyền công dân" nên được ơn trên đặc phái vào bảo vệ cụ Phan, bà Huỳnh an nghỉ ngàn đời nơi đây.

Mọi người giờ đây đã rõ ngọn ngành, ông Hồ Tá(11) là người bình sinh ít nói nhất cũng ngậm ngùi với giọng ưu tư:

- Té ra bọn mình từ cát bụi mà ra, rồi ai cũng về với cát bụi, cho đến chú Bạc này *oai phuông* lẫm liệt, hét ra lửa, địt ra khói một thời; vậy mà nay cũng phải hòa nhập với tụi mình. Thế cho nên ông Khiêm, ông Điển, ông Kĩ sư, cụ Huỳnh, cụ Trần... cùng bà còn cô bác Gò Công cũng đừng buồn làm chi cho mệt, có phải vậy không chư quân?!"

Ông Trần Quí(12) với giọng buồn buồn, bảo:

- Tôi xin "thành khẩn nhận khuyết điểm và mong có dịp rút kinh nghiệm khắc phục, sửa sai" vì đã lên tiếng trước.

Mọi người đều vui vẻ, riêng cụ Phan hình như vẫn còn điều gì áy náy không nói nên lời có lẽ vì con cháu đã làm điều thất nhân ác đức; mà thủ phạm là chị em đương chức phó vương.

Bên ngoài, tiếng động cơ xe hơi nổ dồn và như một dòng thác bất tận băng qua cổng sân bay Tân Sơn Nhứt kịp chuyến bay cuối cùng tiễn ông Khiêm, ông Điển sang Nice (Pháp) đoàn tụ với con cháu sau một chuyến cùng "Việt kiều yêu nước" hồi hương thăm tổ quốc.

Cô ả bừng tỉnh, mồ hôi đẫm trán, nàng bàng hoàng mới hay những việc vừa xảy ra chỉ là giấc mơ khủng khiếp.

Trên không, trăng hạ huyền từ từ nhạt nhòa trước ánh bình minh bắt đầu ló dạng từ chân trời xa.

NGỌC BÁ

---

(1) *Hoa Lê*: Paris

(2) Lời Phan Châu Trinh nói với bạn (Trần Quí) hồi mới phát động phong trào Duy Tân các năm 1902-1908

(3) *Đách chi:* từ địa phương Quảng Nam, có nghĩa là chẳng có chi, chẳng có gì đâu

(4) Lời Trần Quý Cáp nói với Phan Châu Trinh, viết trong sách *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam*

(5) Tức Ngô Đình Khả, phụ chánh đại thần đời vua Thành Thái, ông từng làm Quản Giáo (Hiệu Trưởng) Trường Quốc Học (Huế) thân phụ Ngô Đình Diệm

(6) *Thạch Bích tà dương:* một trong mười hai thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi, các thắng cảnh này được ông Nguyễn Cư Trinh (1716-1767) đặc vịnh mỗi cảnh một bài thơ luật

(7) *Nghĩa Bình*: hiệu của nhà duy tân yêu nước, tên thật là Trần Kì Phong (1872-1941), quê làng Châu Me, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, bị đày Côn Đảo từ năm 1908-1921, sau được trả tự do về quê dạy học, sau năm 1927 tham gia đảng Tân Việt, mất tại quê nhà

(8) *Nguyễn Kĩ Sư* tức kĩ sư Nguyễn Thế Truyền (1898-1969), nhà cách mạng, đồng chí của Phan Văn Trường (1875-1933)... Cùng hoạt động tại Pháp trước thế chiến, chủ nhiệm báo Việt Nam Hồn tại Paris, năm 1941 bị Pháp đày sang Madagascar, năm 1947 mới được trả tự do. Có lúc ra tranh cử chức phó tổng thống với Ngô Đình Diệm (1901-1963). Năm 1969 mất tại Sài Gòn an táng tại nghĩa địa Gò Công, đến năm 1991 mả ông bị Nguyễn Đông Hà (cháu ngoại Phan Châu Trinh, em ruột Nguyễn Thị Bình) đào bỏ.

(9) *Huỳnh Hữu Bạc:* Nguyên thiếu tá không quân Sài Gòn thời Ngô Đình Diệm (1954-1963), sau khi tử nạn tại Tân Sơn Nhứt được truy thăng trung tá, tên ông hồi đó được đặt cho một hội quán không quân tại phi trường Tân Sơn Nhứt cạnh nghĩa địa Gò Công. Nay khu này được gọi là Khu lưu niệm Phan Châu Trinh và nhà nước cho đặt tên đường này là đường Huỳnh Hữu Bạc thuộc quận Tân Bình, TP. HCM

(10) *Bà Huỳnh Thị Tài*: là chị hai ông Huỳnh Đình Khiêm, Huỳnh Đình Điển. Đây là hai nhà Duy Tân trong nhóm Liên Thành ở Phan Thiết và Minh Tân ở Sài Gòn. Ông Khiêm là phủ hàm chủ các cơ sở Minh Tân ở miền Nam. Ông Điển trước năm 1908 là kí lục tòa sứ Bình Thuận, sau từ chức về trông coi các cơ sở Minh Tân tại Sài Gòn. Bà Tài sau khi mất an táng tại nghĩa địa Gò Công. Phần mộ bà, năm 1992 bị đập, sau đó báo Phụ Nữ TP.HCM viết bà là "chị nuôi Phan Châu Trinh" nên được cho sửa sang lại đẹp hơn xưa!

(11) *Hồ Tá:* (1875-1943): tức Hồ Tá Bang nhà Duy Tân cải cách từng làm Tổng Lí công ty Liên Thành, quản đốc trường Dục Thanh ở Phan Thiết, thân phụ bác sĩ Hồ Tá Khanh cựu bộ trưởng kinh tế chính phủ Trần Trọng Kim.

(12) *Trần Quí*: tức Trần Quí Cáp (1870-1908) nhà cách mạng dân quyền bị Pháp và Nam triều thảm sát năm 1908 tại Khánh Hòa. Trước năm 1975 tại miền Nam có tên đường, tên trường học. Hiện nay tại Sài Gòn tên trường, tên đường mang tên ông đã bị xóa bỏ.

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*

phỏng vấn nhà văn ngô thế vinh



- Xin anh cho biết tiểu sử của mình?

- Tôi sinh năm 1941 tại Thanh Hóa, không phải quê nhưng cha tôi dạy học ở đó. Tốt nghiệp y khoa Sài gòn 1968. Trong ban biên tập, nguyên tổng thư ký rồi chủ bút báo sinh viên Tình Thương trường Y khoa Sài gòn từ 63 tới khi báo bị đình bản. Nguyên y sĩ trưởng Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Tu nghiệp ngành Y Khoa Phục Hồi tại Letterman, San Francisco. Trở về Việt nam, làm việc tại trường Quân Y. Sau 75, tù cải tạo 3 năm. Ra trại, về Sài gòn, một thời gian sau trở lại làm việc tại trường Vật lý Trị Liệu và Trung tâm Phục Hồi Sài gòn.

Tới Mỹ 8 năm sau, cải tạo thêm 5 năm, chỉ có khác ở lần này là tính cách tự nguyện để trở lại ngành Y : thời gian đầu làm volunteer đẩy cáng ở bệnh viện để có thêm credit, làm một số công việc ngoài giờ với minimum wages, trước khi trở lại làm bác sĩ nội trú rồi thường trú các bệnh viện Đại học SUNY Downstate, Brooklyn Nữu Ước. Tốt nghiệp ngành Nội khoa American Board of Internal Medicine và hiện làm việc tại một Bệnh viện miền nam California...

- Anh bước chân vào văn nghiệp như thế nào, có kỷ niệm nào đáng nhớ?

- Cha tôi dạy học, môn văn chương. Tôi sớm được dịp đọc những cuốn sách trong tủ sách của cha tôi. Cha tôi mất sớm sau di cư 54 một năm khi trở lại Huế lần thứ hai và dạy học ở trường Khải Định. Vẫn còn mẹ và anh, nhưng tôi ra đời sớm. Vào ở Đại học xá khi vừa xong trung học. Cả thế giới mới như mở ra với rất nhiều va chạm giữa mộng và thực, Mây Bão là tiểu thuyết đầu

tay, hoàn tất năm tôi 21 tuổi trong bối cảnh ấy, có mang nhiều dự phóng nhưng không ngờ cũng lại tiên tri cho một cuộc hành trình với rất nhiều gian truân nhưng không tới.

Kỷ niệm đáng nhớ về bản thảo cuốn Mây Bão lúc đó là với bộ Thông Tin, khi lần đầu tiên được ông giám đốc Hội đồng Kiểm duyệt lên lớp thế nào là trách nhiệm của người cầm bút, rằng phải phản ánh chính diện cái xã hội mà nhà văn đang sống thay vì phản diện. Dĩ nhiên quan niệm viết của tôi lúc đó rất khác ông và ngay cho đến bây giờ vẫn không thay đổi.

- Là một sinh viên có nhiều hoạt động chính trị, một bác sĩ và ở trong một binh chủng thiện chiến của QLVNCH, một nhà văn tới giờ này vẫn còn thao thức về dân tộc, những cái "là" ấy đã ảnh hưởng thế nào trong suy nghĩ và văn phong của anh?

- Khi còn là một sinh viên, như các bạn đồng trang lứa, chúng tôi quan tâm tới những vấn đề xã hội. Mơ ước và phấn đấu cho công bằng xã hội, tôi nghĩ đó là giấc mơ chung của lứa tuổi thanh niên. Dĩ nhiên không đơn giản để tìm một con đường đi tới giấc mơ ấy. Từ những quan niệm khác nhau, phương thức hành động khác nhau, nảy sinh ra những đấu tranh và thuyết phục. Hòa mình vào dòng sinh hoạt chung ấy, bảo rằng đó là hoạt động chính trị, theo một nghĩa rộng điều đó không sai. Nhưng nếu chính trị hiểu theo nghĩa phe nhóm đảng phái, thì tôi chưa hề tham gia và cũng không muốn dấn thân vào con đường chông gai ấy...

Chọn ngành học thì Y khoa thường được ví von là "làm sinh viên suốt đời", nhưng rồi sau 7 năm anh vẫn phải ra trường, đương nhiên chấm dứt thời sinh viên, để trở thành một bác sĩ quân y. Khi tôi ra trường, cuộc chiến Việt nam đang ở giai đoạn cao điểm và trước đó đã có những y sĩ tiền tuyến bị tử trận. Tuy chỉ là bác sĩ trưng tập nhưng tôi đã chọn về binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt, với địa bàn hoạt động là vùng cao nguyên, cũng do bởi mối nhân duyên sẵn có với những người Thượng ngay từ thời còn là sinh viên.

Đó như anh thấy, những cái "là" ấy chỉ là một và nhất quán, đánh dấu những giai đoạn khác nhau của đời người.

- Anh nghĩ thế nào về nhà văn-bác sĩ và bác sĩ-nhà văn? Hai danh xưng ấy cái nào thích hợp với anh nhất?

- Khi tôi mới chân ướt chân ráo vác Sac Marin về Tiểu đoàn, thì chỉ mấy ngày sau có 2 đại đội được điều động đi tăng viện cho một đơn vị bạn. Theo thông lệ, ở cấp hành quân ấy chỉ cần đám y tá dưới đại đội và thêm một sĩ quan trợ y, nhưng tại phi trường tôi đã được ông Thiếu tá biểu lộ ngay quyền uy với một khẩu lệnh ngắn ngủi: Trung úy chuẩn bị hành trang đi hành quân hôm nay - ông cố tình dằn giọng chỉ gọi tôi bằng cấp bậc. Tôi đã chuẩn bị cho cái giây phút này, nên rất bình thản và cũng thú vị với cuộc hành quân yên thắm ra ràng đầu tiên ấy. Binh nghiệp không phải là điều tôi lựa chọn

nhưng tôi hiểu rất sớm thế nào là đời sống quân đội, nhưng phần quan trọng hơn theo tôi là thứ kỷ luật nơi chính mình...

Một số đồng nghiệp bạn tôi phân biệt rõ ràng sự khác nhau giữa y sĩ trung úy và trung úy y sĩ, nhưng đó đã chẳng phải là một "issue" đối với tôi lúc ấy và cho cả đến sau này. Dù ông Thiếu tá ấy có gọi tôi bằng danh xưng nào thì tôi vẫn là người bác sĩ của đơn vị với những người lính mà tôi có bổn phận phải chăm sóc. Tôi nghĩ bằng câu chuyện ấy tôi đã trả lời câu hỏi nhà văn-bác sĩ hay bác sĩ-nhà văn rồi.... Kết hợp danh xưng theo cách nào thì cũng không có gì bảo đảm cho tính chất văn chương của tác phẩm ngay như đó là của một nhà văn được gọi là thành danh, phải không anh?

- Nghề và nghiệp đôi khi có gì hỗ tương nhau hoặc có gì đối chọi nhau, thí dụ như nghề bác sĩ và nghiệp viết văn?

- Cả hai công việc đều được tôi ưa thích nên có tính cách hỗ tương. Trong nghề thuốc, mỗi ngày tiếp xúc với bao nhiêu cái tôi không phải là tôi: không phải chỉ có bệnh mà là những người bệnh với từng hoàn cảnh, để đôi khi tôi được cùng theo họ leo lên cái dốc chênh vênh của cõi tử sinh ở những chặng đường khác nhau của mỗi đời người... Các nhà văn miền Bắc trước đây được nhà nước nuôi ăn cho đi thực tế các nhà máy, vùng mỏ hay nông thôn để có chất liệu viết. Theo một nghĩa nào đó nghề thuốc dù muốn hay không, đương nhiên là những chuyến đi thực tế mỗi ngày. Chất liệu, cảm xúc có đó và chồng chất nhưng lại có rất ít thì giờ để viết. Cái đối chọi của nghề thuốc và công việc viết văn là ở cái thời khóa biểu rất chặt và không cân bằng đó.

- Khi viết, có khi nào anh tự hỏi: viết để làm gì? Nhân vật của anh có nhiều người là người lính thật sự cấp bậc khiêm nhường. Theo anh có phải họ mới là những người đáng nhắc nhở nhất trong cuộc chiến Việt nam?

- Tôi không có nhu cầu phải viết nếu không khởi đi từ một hoàn cảnh xúc động nào đó. Như truyện Người Y Tá Cũ, được viết trong bối cảnh sau 75 khi gặp lại người y tá cũ, tuy đã giải ngũ nhưng anh đã bị mất một chân khi đạp phải mìn ngay trên mảnh ruộng nhà. Người Thượng sĩ can trường ấy đã dạn dầy qua bao chiến trận kể cả bao lần Nhảy Toán vẫn là người sống sót trở về; nhưng nay thì... Tôi nhớ ở lần gặp cuối ấy, thầy trò không nói với nhau được gì ngoài những câu dặn dò về sức khỏe, qua giọng nói ấy ánh mắt ấy hình như anh ta không bỏ cái thói quen thường là quên mình để chăm sóc người khác trong đó có cả tôi như khi tôi vẫn còn là y sĩ trưởng của anh năm nào.

Tôi mong được viết nhiều hơn về những con người bình thường nhưng cũng rất lớn lao trong cuộc chiến đã qua ấy... Bảo rằng viết là để giải tỏa được ký ức nhưng thực sự là sống lại nỗi xúc động ấy lần thứ hai. Hạnh phúc và cũng cực nhọc lắm chứ? Nhưng bao giờ thì cũng có niềm vui ở ngay những bước đang hình thành chứ không phải chỉ ở sự hoàn tất.

- Vậy mục đích của anh ra sao khi viết văn? Để nổi tiếng, để giãi bày tâm

sự mình, để mang suy nghĩ của mình chia xẻ với người khác, hay...?

- Tôi quan niệm tiểu thuyết như những hoàn cảnh được nhìn qua lăng kính của người cầm bút. Người viết nào thì cũng mong người đọc cùng tham dự vào đời sống của tác phẩm. Bởi những trang sách viết ra không có người đọc cũng không khác bức tranh không có người thưởng ngoạn. Đành rằng một cuốn sách hoàn tất và được in ra rồi, từ lúc đó có một số phận và hành trình riêng của nó; nhưng cái gọi là feedback từ phía độc gỉa, họ chia xẻ những cảm xúc ra sao đối với tác phẩm thì không thể không có tác động đối với người viết.

Bước vào lãnh vực văn chương, tôi không có được những bước khởi đầu giống như nhiều nhà văn khác, khởi đi từ một số truyện ngắn đầu tiên được đăng báo, từ đó được khích lệ tiếp tục sáng tác rồi thành danh một nhà văn. Tôi không có một truyện ngắn nào đăng báo trước đó khi hoàn tất Mây Bão là cuốn tiểu thuyết đầu tay, mà động lực viết lúc đó không phải với ảo tưởng đi tìm sự nổi tiếng. Sự nổi tiếng như một tấm huy chương đối với một người lính, nếu anh ta có can đảm xông pha trận mạc chắc động lực lúc đó không phải là để đi tìm tấm huy chương.

- Đời sống bây giờ với thời giờ rất bận rộn đã ảnh hưởng thế nào trong đời cầm bút của anh?

- Sau 75 ở Việt nam, người ta luôn luôn nhắc tới 8 giờ vàng ngọc, lao động tiên tiến với những chiến sĩ đua, nhưng xem ra vẫn có nhiều thì giờ để tùy nghi hơn ở nước Mỹ này. Họ không có anh hùng lao động, làm việc mà cứ trông đợi những ngày thứ sáu cuối tuần TGIF, các long weekends. Sống trong mainstream ấy, hình như chúng ta cảm thấy có ít thời giờ hơn cho những công việc ưa thích hoặc cần làm. Cái thú của những giọt cà phê phin nhẩn nha buổi sáng đã chuyển thành ly instant coffee ngồi uống trong xe trên đường tới sở làm, để rồi thực sự bắt đầu 8 giờ vàng ngọc.

- Trở lại thời trước khi còn làm báo Tình Thương *và hoạt động sinh viên, anh có ý nghĩ gì về vai trò của tờ báo cũng như về các phong trào thanh niên sinh viên trong những năm xáo trộn ấy?*

- Thời gian ở trường y khoa, đó thực sự là những năm xanh của một đời người. Không phải chỉ có học, tôi còn có những bận rộn ngoài chuyên môn y khoa: hoạt động ban đại diện sinh viên và cùng các bạn trông nom tờ báo Tình Thương. Tờ báo ấy ra đời trong một hoàn cảnh và thời điểm đặc biệt ngay sau biến động tháng 11 năm 63. Hầu như các phân khoa đại học khác cũng ra báo trong khoảng thời gian đó. Riêng với trường Y khoa, tờ báo lấy tên là Tình Thương do ý nghĩa phù hợp với chức năng của Những Người Áo trắng. Khởi đầu với một ban biên tập khá hùng hậu, có chủ nhiệm và chủ bút đầu tiên là Phạm Đình Vy và Nguyễn Vĩnh Đức. Phải nói là có rất nhiều khuynh hướng trong tòa soạn từ những ngày đầu cho tới khi báo bị đình bản.

Khuynh hướng academic phải kể tới Nghiêm Sĩ Tuấn (sau ngày ra trường đã tử trận ở Khe sanh), Hà Ngọc Thuần, Đặng Vũ Vương; thiên về chính trị Phạm Văn Lương, Phạm Đình Vy, Trương Thìn, về văn nghệ Trần Xuân Dũng, Trang Châu, sinh hoạt sinh viên Ngô Thế Vinh và rất nhiều những cây bút khác viết về nhiều đề tài như Đường Thiện Đồng, Trần Xuân Ninh, Trần Đoàn, Lê Sỹ Quang, Trần Đông A, Vũ Thiện Đạm, Đặng Đức Nghiêm, Nghiêm Đạo Đại, Đỗ Hữu Tước... và cũng không thể không kể tới những bài đóng góp do các cây viết từ những phân khoa khác.

Tuy gọi là báo sinh viên nhưng cũng có sự góp mặt khá thường xuyên của cả các giáo sư y khoa như Khoa trưởng Phạm Biểu Tâm, các giáo sư Trần Ngọc Ninh, Nguyễn Đình Cát, Ngô Gia Hy, Bằng Vân Trần Văn Bảng... Về trình bày và biếm họa cho tờ báo là hai họa sĩ cây nhà lá vườn nhưng rất tài hoa là Liza Lê Thành Ý, Kathy Bùi Thế Khải, không thể không nhắc tới họa sĩ Nghiêu Đề cũng đóng góp những mẫu bìa rất đẹp cho tờ báo. Ban đầu tờ báo sống hoàn toàn nhờ quảng cáo của các hãng thuốc và một số tiền báo bán được trong giới sinh viên y khoa. Nhưng sau đó do số độc gỉa ngày một tăng thêm, không phải chỉ trong giới sinh viên mà cả ngoài dân chúng nữa. Tiến tới giai đoạn tờ báo có thể hoàn toàn tự túc về phương diện tài chánh, có cả tòa soạn riêng ở trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, là nơi sinh hoạt hội họp của ban biên tập, chỗ thăm viếng của các phái đoàn sinh viên quốc tế và các nhà báo ngoại quốc - một người mà tôi còn nhớ tên Takashi Oka phóng viên của báo New York Times tại Việt nam thời bấy giờ. Tờ báo còn có khả năng - dĩ nhiên bằng phương thức nhà nghèo, gửi phóng viên như tôi ra miền Trung, lên Cao nguyên để làm những phóng sự đặc biệt tại chỗ. Vài kỷ niệm mà tôi còn nhớ từ những chuyến đi đó: một Quảng ngãi trắng khăn tang sau vụ lũ lụt lớn nhất miền Trung; chứng kiến đơn vị Thủy quân Lục chiến Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Lệ Mỹ - nước mắt người Mỹ ở Đà nẵng; sinh hoạt cố đô Huế khi sinh viên chiếm đài phát thanh và nhất là những lần lên Pleiku, Kontum, Ban Mê Thuột để theo dõi các vụ bạo loạn của người Thượng thuộc phong trào Fulro...

Đang là một sinh viên y khoa rất ư là bận rộn làm sao anh có thì giờ cho những công việc ngoài y khoa như vậy?

Quả thật lúc đó tôi không phải là một sinh viên y khoa gương mẫu theo cái nghĩa cổ điển của trường ốc, lẽ ra tôi ra trường sớm hơn, ở vào năm thứ tư mà tôi còn có ý định bỏ học để có toàn thời gian theo đuổi những sinh hoạt báo chí mà tôi đang rất say mê. Bây giờ nhớ lại, tôi không thể không cám ơn anh tôi đã khuyên tôi hoàn tất hai năm còn lại để ra trường và lúc đó không có ai cản trở tôi làm những công việc mà tôi thích. Và rồi tôi cũng học xong y khoa, làm đủ bổn phận người thầy thuốc đồng thời vẫn có cơ hội theo đuổi công việc viết lách.

- Hình như trong giai đoạn đó không có phân khoa đại học nào mà không

có ra báo: Báo Đất Sống của Dược khoa, các báo của Văn Khoa Luật khoa, rồi báo của Tổng hội Sinh viên... Anh còn điều gì nói thêm về tờ báo sinh viên Tình Thương?

- Theo tôi sự bền bỉ sống còn của tờ báo là điểm thành công đầu tiên, cho dù không thiếu sóng gió trong sinh hoạt nội bộ của tòa soạn và có cả áp lực từ bên ngoài muốn ảnh hưởng chi phối tờ báo.

Về nội dung tờ báo, nay có dịp nhìn lại, ngoài những mục thường xuyên có tính thời sự đáp ứng nhu cầu chính trị xã hội và văn hóa của giai đoạn ấy, cũng có một số công trình có gía trị dài hạn được đăng tải liên tục trong suốt những số báo, nhưng rồi cũng bị dở dang do tờ báo bị đình bản, vào khoảng tháng 8 năm 67. Tôi còn nhớ một tên một vài công trình ấy như: Lịch sử Y khoa của Hà Ngọc Thuần, Dưới Mắt Thượng Đế của Nghiêm Sĩ Tuấn, Nguyễn Vĩnh Đức dịch nguyên tác từ tiếng Đức, Nuôi Sẹo tiểu thuyết xã hội của nhà văn Triều Sơn mà bản di cảo duy nhất do giáo sư Trần Ngọc Ninh còn giữ được từ những năm 40, thì nay cũng thất lạc.

Thế mà đã hơn 30 năm kể từ ngày báo Tình Thương bị đình bản. Nếu tờ báo đã tạo được tiếng vang và một thành quả nào thì đó là cái thành công chung của cả một tập thể sinh viên y khoa chứ không do từ một vài cá nhân nào. Kinh nghiệm quý giá nhất mà chúng tôi học được trong thời gian ấy là sinh hoạt dân chủ và đoàn kết trong tinh thần tự trị đại học của tập thể sinh viên y khoa. Ngay trong nội bộ tòa soạn, mặc dầu có nhiều khuynh hướng rất khác nhau đôi khi cả đối nghịch nữa, đưa tới những cuộc tranh luận kể cả bút chiến công khai tưởng như có thể gây đổ vỡ nhưng do nơi ý thức trách nhiệm đối với sự sống còn của tờ báo, biểu tượng cho sinh hoạt dân chủ nên cuối cùng thì chúng tôi vẫn đi tới được sự dung hợp với một mẫu số chung rộng rãi: tờ báo luôn luôn như một open forum, diễn đàn tự do của những quan điểm khác nhau về mọi vấn đề chính trị giáo dục và xã hội.

Tôi còn nhớ sau 63 giữa những năm cực kỳ xáo trộn, với những cuộc biểu tình dắt dây ngoài đường phố. Ngay trong vòng thành trường y khoa cũng là cái nôi của thứ sinh hoạt quá độ ấy. Điển hình là cuộc bút chiến, mà tôi còn nhớ rõ giữa hai anh, đều trong ban biên tập báo Tình Thương. Bùi Thế Hoành chủ trương sự ổn định và Tôn Thất Chiểu nghiêng về các phong trào tranh đấu, cả hai đều có những luận cứ sắc bén và thuyết phục. Cuộc bút chiến ấy lan cả ra báo chí bên ngoài, không ai thắng ai, mỗi người kéo theo được một đám đông. Và theo tôi đó mới thực sự là sinh hoạt dân chủ. Bây giờ thì cả hai anh ấy hiện đang sống ở Mỹ, nhưng hình như họ xích gần lại với nhau hơn ở quan điểm nhận định về tình hình đất nước...

- Về các phong trào thanh niên sinh viên lúc ấy ra sao? Có thế lực nào chi phối đằng sau những phong trào ấy? Và anh rút ra được bài học gì trong những năm 60 ấy?

- Theo tôi, do những động lực trong sáng, ở đâu và bao giờ thì các phong

trào thanh niên sinh viên cũng rất dễ có quần chúng và vai trò của họ lúc nào cũng như một chất men làm thăng hoa xã hội. Họ thực sự chưa là một lực lượng chính trị đúng nghĩa nhưng họ là sức mạnh áp lực thúc đẩy tiến trình dân chủ. Có thể kể một vài trong rất nhiều những phong trào sinh viên thanh niên lúc đó: Tổng hội Sinh viên, Hội đồng Đại diện Liên khoa, Summer Program hay Chương trình Hè, Đoàn Thanh niên Thiện chí, Phong trào Thanh niên Sinh viên Hướng về Nông thôn, Phong trào Thanh niên Trừ gian, Đoàn Văn nghệ Gió khơi, Đoàn Văn nghệ Nguồn sống, Phong trào Du ca...Mọi công thức đều được đưa ra thử thách, tuy hiệu quả tác động trên xã hội lúc đó cũng hạn chế nhưng có khía cạnh tích cực là những người trẻ tuổi ấy đã được thử thách, và tôi không ngạc nhiên khi thấy những năm rất xa sau này họ vẫn dễ dàng xáp lại để cùng làm việc với nhau.

Tuy nhiên ở bất cứ thời điểm nào, trong hoàn cảnh nào, cũng không phải là không có lẫn vào một số "tuổi trẻ cơ hội", tuy rất ít (hoặc bị lợi dụng hoặc có ý thức chủ động) nhưng chính thiểu số này lại là yếu tố phân hóa mạnh mẽ và làm mất niềm tin của quần chúng trong giai đoạn ấy. Có lẽ cũng cần sớm rút ra những bài học từ các phong trào thanh niên sinh viên sau 63, là những năm xáo trộn với rất nhiều giận dữ ồn ào nhưng đã kết thúc như một cơn mộng lỡ.

- Đến bây giờ qua nhiều thay đổi, những ý nghĩ ấy có khác biệt gì với thời trước? Anh còn thích viết về cuộc chiến không? Và coi như một trang sách đã lật qua hay vẫn coi đó là vấn đề còn nhiều bức thiết cho chúng ta ngày nay?

- Cuộc chiến tranh đã đi vào quá khứ hơn 20 năm rồi, bảo rằng coi đó như một trang sách đã lật qua cũng không phải là sai, nhưng vấn đề đặt ra là chúng ta đã rút ra được bài học gì qua cái trang sách đẫm máu và nước mắt ấy. Dĩ nhiên chúng ta hướng về tương lai nhưng làm sao qua trang sử mới, đó không phải bước lặp lại của những lỗi lầm mà chính chúng ta cũng như các thế hệ sau đang phải gánh trả.

Mà làm sao có thể bảo rằng cuộc chiến tranh Việt nam đã hoàn toàn đi vào quá khứ. Ngay bản thân tôi không ngày nào mà không có hơn một người cựu chiến binh Việt nam trong số bệnh nhân của tôi: những vết thương với các mảnh đạn AK, B40 còn ghim trong hàm trong cổ họ và hơn 20 năm sau vẫn còn gây đau nhức...Họ vẫn còn nhớ và nhắc tới những địa danh Khe sanh, Lộc ninh, Cửa Việt mà họ đã trải qua và sống sót; có anh còn nhớ lõm bõm câu tiếng Việt như điên cái đầu, chắc là học được từ các cô gái Việt nam trong các quán bán Bar mọc lên như nấm quanh các doanh trại Mỹ hồi đó. Cũng có cả bệnh nhân từ chối để tôi khám bệnh chỉ vì không muốn có flashback về những kỷ niệm kinh hoàng của anh ở Việt nam. Rồi tôi không thể không liên tưởng tới những người lính Việt nam và thương binh cũ còn ở lại bên quê nhà, bị chế độ mới nếu không ngược đãi thì cũng hoàn toàn bỏ rơi họ. Nỗi khổ của họ chắc là ngàn lần thấm thía hơn ... Đấy như anh thấy, làm sao mà thực sự

bước ra khỏi cuộc chiến tưởng như đã thực sự đi vào quên lãng từ hơn hai chục năm rồi...

Còn về ý nghĩ, quan niệm của tôi hiện nay thì không có nhiều khác biệt so với thời trước, chỉ có cách nhìn trầm lắng hơn và muốn đi tìm sâu vào những nguyên nhân. Bảo rằng thích viết về cuộc chiến tranh ấy thì không đúng, nhưng có lẽ ký ức của cuộc chiến ấy sẽ đeo đẳng với tôi tới cuối cuộc đời còn lại. Đọc và viết đối với tôi có ý nghĩa như một tìm kiếm về Những Kinh nghiệm Việt nam. Khi đọc những bài báo viết về một thời đã qua, tôi có thói quen sưu tập nếu như tìm được ở đó một chi tiết soi sáng những câu hỏi vấn nạn về cuộc chiến Việt nam.

Như một chuyện bên lề. Chắc anh còn nhớ cuộc di cư 54. Khi ấy tôi mới 13 tuổi, tuổi anh chắc còn ít hơn. Hình ảnh người bác sĩ Mỹ trẻ Tom Dooley, mới ra trường tình nguyện sang Việt nam tận tụy phục vụ đồng bào di cư nơi các trại lều vải ở cảng Hải phòng, đẹp đẽ như một thần tượng. Cuốn sách Đến Bến Bờ Tự Do của anh trở thành best seller, làm xúc động cả nước Mỹ. Sau đó Tom Dooley lại tình nguyện qua bắc Lào, mở bệnh viện để chăm sóc người nghèo và các trẻ em thương tật. Lúc đó anh như một hình ảnh sáng rỡ của một Schweizer Á châu, thần tượng của các thế hệ trẻ sắp bước chân vào y khoa - trong đó có cả tôi. Để cho đến mãi về sau này, hơn 40 năm sau cũng chính những người cộng tác với anh xác nhận anh chỉ là một bác sĩ bị sa thải khỏi hải quân Mỹ trong trường hợp không danh dự vì bị phát hiện là đồng tính luyến ái, anh tự nguyện trở thành công cụ rất sớm của CIA trong cả một hệ thống chiến dịch quy mô thông tin tuyên truyền sai lạc, chuẩn bị cho nước Mỹ thực sự phiêu lưu vào một vùng đất Á châu rối bời sau này...

Một thí dụ khác, hơn 40 năm sau ngày Tom Dooley đặt chân tới Hải Phòng, chúng ta lại phải chứng kiến cái cảnh ông McNamara bước thấp bước cao trên vỉa hè Hà nội, tới hỏi ông Võ Nguyên Giáp là có vụ tấn công tàu Maddox hay không? Sau khi đã cả triệu người Việt và ngót 60 ngàn lính Mỹ chết, ông ấy thú nhận rằng chính ông và cả nước Mỹ đã lầm, rất sai lầm trong vụ can thiệp vào Việt Nam. Đâu là sự thật đằng sau cuộc chiến tranh Việt nam ấy? Giả dối và tuyên truyền sai lạc là bản chất của cộng sản nhưng còn về phía những người bạn đồng minh thì sao? Nếu chúng ta không Nhìn Lại - In Retrospect, (chữ của ông McNamara) không lẽ trong một tương lai không xa Việt Nam, sau tấm thảm kịch tiền đồn của thế giới tự do, nay mai lại sắp được vinh danh là tiền đồn lần thứ hai để ngăn chặn chủ nghĩa bành trướng của Trung Cộng?

Đấy như anh thấy, trong trang sách đã lật qua ấy có che đậy rất nhiều "cái chết của những ảo tưởng" mà ngay thế hệ chúng ta và thế hệ tương lai không thể không tìm hiểu. Hội chứng Việt nam không chỉ là của người Mỹ mà của chính người Việt chúng ta. No More Vietnam, Vietnam Never Again, phải là điều tâm niệm của giới trẻ lãnh đạo cả bên trong lẫn bên ngoài Việt nam trong tương lai.

- Trong các nhân vật Mây Bão, Bóng Đêm, Gió Mùa, Vòng Đai Xanh, có phảng phất con người thực với đời sống thực của Ngô Thế Vinh không? Trong tác phẩm của anh như Vòng Đai Xanh chẳng hạn, chất thời sự và thực tế đã hiện diện rất nhiều. Như vậy hư cấu chiếm một tỉ lệ thế nào trong những điều mà anh giãi bày trong tác phẩm?

- Anh nhận xét đúng là chất thời sự và thực tế đã hiện diện rất nhiều trong các tiểu thuyết của tôi, điển hình là cuốn Vòng Đai Xanh. Nhưng đó không phải là ký sự hiểu theo cái nghĩa báo chí. Thực tại trong Vòng Đai Xanh chứa đựng rất nhiều chất liệu của cuộc sống nhưng đã được chọn lọc qua cảm quan của người viết để thấy được mối tương quan toàn cảnh, tiến tới một sự thực của tiểu thuyết.

Nhìn lại lúc đó không thiếu những bài báo viết về các biến động cao nguyên, và báo Tình Thương cũng đăng tải những phóng sự tôi viết trong khoảng thời gian đó. Xúc động về tấn thảm kịch Kinh Thượng, nhưng đồng thời tôi cũng nghĩ rằng đây là một vấn đề lớn có tầm vóc dân tộc nên thay vì viết ký sự, tôi đã xử dụng những tư liệu ấy cho một cuốn tiểu thuyết mà tôi nghĩ sẽ có tác dụng lâu dài hơn nơi người đọc qua các hình tượng văn học.

Vòng Đai Xanh đã được bắt đầu viết ngay khi tôi còn là phóng viên của tờ báo Tình Thương có nhiều dịp lên cao nguyên khi có những biến cố đẫm máu phát khởi từ phong trào các sắc dân thiểu số có tên gọi tắt là FULRO (*Front Unifié de libération des Races Opprimés* - Mặt Trận Thống nhất Giải phóng các Dân tộc bị Áp bức). Đó là những diễn tiến rất khúc mắc phức tạp tưởng như rất nghịch lý giữa người Việt thuộc các sắc dân Kinh Thượng, người Mỹ, Cộng sản và cả người Pháp nữa. Báo *Tình Thương* đã dành riêng những số chủ đề để theo dõi và phân tích các biến cố đó với slogan *"Cao nguyên Miền thượng: một cỗ xe với ba tên xà ích"*, Vòng Đai Xanh thực sự là một cuộc chiến tranh không kém phần bi thảm bị lãng quên giữa một cuộc chiến tranh Việt nam được nhắc nhở tới nhiều nhất trong lịch sử báo chí Mỹ.

Có một chi tiết mà tôi còn nhớ liên quan tới chủ đề của cuốn sách lúc đó, là qua Tập San Sử Địa ở Sài gòn, tôi đã nhận được một bức thư dài của giáo sư Hoàng Xuân Hãn gửi từ Pháp, chia xẻ mối quan tâm về vấn đề chủng tộc ở Việt nam và cả bày tỏ thái độ khác biệt với quan điểm các nhà nghiên cứu Mỹ tới thăm ông... Theo tôi, vấn đề sắc tộc và địa phương ở Việt nam không phải đã đi vào quá khứ, nó vẫn còn là một vết thương gây đau nhức, cần tới một tầm nhìn xa và sự quan tâm thao thức đúng mức của các nhà lãnh đạo Việt nam trong tương lai...

Trở lại cuốn *Vòng Đai Xanh*, tôi đã có dịp hoàn tất cuốn sách này trong thời gian làm y sĩ trưởng của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Sách xuất bản năm 71 với nội dung bị nhiều cắt xén đáng kể, một phần do chính tác giả và một phần do phối hợp nghệ thuật của bộ Thông tin. Và rất tiếc sau 75 bản thảo gốc nguyên vẹn cũng đã bị thất lạc...

Nhân vật chính của *Vòng Đai Xanh*, ngôi thứ nhất. Và như anh thấy, cái

tôi của *Vòng Đai Xanh* không phải là cái tôi của tác gỉa, nhân vật là một họa sĩ tài hoa - rất giống họa sĩ Nghiêu Đề bạn tôi, nhưng khác là anh ta bỏ vẽ bước sang nghề báo để rồi bị lôi cuốn sâu vào suốt tấn thảm kịch của miền Đất Hứa Cao Nguyên...Thường thì độc gỉa hay có khuynh hướng đồng hóa cái tôi trong tiểu thuyết với tác gỉa. Mới đây tôi nhận được thư người học trò cũ bên Úc lần đầu tiên được đọc cuốn *Vòng Đai Xanh*, như một khám phá em không ngờ thầy còn là một họa sĩ. Như anh thấy, tôi rất thích hội họa, có bạn là họa sĩ nhưng chưa bao giờ biết vẽ tranh. Đến nhân vật nữ có tên là cô Như Nguyện, không hiện diện nhưng thấp thoáng trong suốt cuốn sách có thể coi là phần hư cấu của tiểu thuyết.

- Nếu có một tuyển tập viết về chiến tranh Việt nam với sự hiện diện từ nhiều phía, liệu anh có tham dự không nếu được lời mời? Sẽ từ chối hoặc chấp nhận? Xin cho biết lý do?

- Câu hỏi của anh khiến tôi liên tưởng tới những sự kiện xảy ra quanh cuốn sách The Other Side of Heaven mới ra mắt gần đây: đúng là một cuốn sách viết về chiến tranh Việt nam với sự hiện diện từ nhiều phía, có cả giọt nước mắt thứ ba nói theo chữ Nguyễn Mộng Giác, gồm một số nhà văn thuộc miền Nam trước đây... Vắng mặt có nghĩa là không có tiếng nói và bị lãng quên.

Đã có nhiều người viết về chiến tranh Việt nam: Mỹ có, Bắc Việt nam cộng sản có và dĩ nhiên có cả những người cầm bút Nam Việt nam. Có người cho rằng tiếng nói từ phía Nam Việt nam ít có tiếng vang trên văn đàn quốc tế, do số hiếm hoi những tác phẩm được dịch ra tiếng Anh hay nếu có những tác phẩm viết thẳng bằng tiếng Anh cũng ít gây được thành công đáng chú ý.

Theo tôi ngành xuất bản Mỹ bị chi phối bởi quy luật kinh tế thị trường. Các chủ nhà xuất bản Mỹ họ rất bén nhạy biết đâu là phần đầu tư mang lợi nhuận lại cho họ. Với bức màn tre bưng bít và tuyên truyền trong bao nhiêu năm, hình ảnh người lính Bắc Việt mang danh là quân đội nhân dân ấy được nhiều người Mỹ trước đây coi như huyền thoại. Độc giả Mỹ có nhu cầu muốn biết chân dung kẻ thù Bắc Việt ấy ra sao mà lại có khả năng đánh đánh bại cả nước Mỹ? Trong khi đó họ đâu cần tìm hiểu về người lính Việt nam cộng hòa đã từng được báo chí Mỹ mô tả với đầy những nét tiêu cực trong suốt cuộc chiến tranh Việt nam - và cũng như biện minh một phần cho sự thất trận của họ. Nói rộng ra, những sản phẩm văn học nghệ thuật đến từ Bắc Việt nam kể cả thơ, hội họa, điêu khắc không nhất thiết phải thực sự có giá trị nhưng chắc chắn vẫn còn sức hấp dẫn đáp ứng thị hiếu của quần chúng Mỹ trong một thời gian nữa.

Nói như vậy không có nghĩa quần chúng thưởng ngoạn Mỹ không biết đánh giá những tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị của phía Nam Việt nam, nhưng rõ ràng là có những bước khó khăn hơn về phương diện marketing để có những sản phẩm có thể đến tay họ. Tôi vững tin rằng khi mà Hội

chứng Việt nam qua đi đối với dân chúng Mỹ, thì một tác phẩm nghệ thuật có gía trị cho dù từ phía nào vẫn có chỗ đứng xứng đáng của nó.

- Sự xụp đổ của chính quyền năm 75 tại nam Việt nam đã có ảnh hưởng nào trong đời sống thực và đời sống văn chương của anh?

- Từ những cuối năm 60, tôi đã không có ảo tưởng nào về một dứt điểm bằng sự thắng trận của miền Nam. Không phải vì một đối phương quá mạnh mà là sự suy yếu do quá trình tự hủy của xã hội miền Nam. Ngay từ trang đầu tiên của cuốn Vòng Đai Xanh tôi đã có ngay một nhận định về cuộc chiến tranh Việt nam lúc đó, rằng "khi người Mỹ đã bước qua giai đoạn cố vấn thì ai cũng hiểu rằng đây là một cuộc chiến tranh của họ, một cuộc chiến được nuôi dưỡng và giải quyết theo quan điểm quyền lợi của nước Mỹ." Tuy nhiên tôi không thể không bàng hoàng về tấm thảm kịch xụp đổ mau chóng của cả miền Nam khi vẫn còn một triệu quân tại ngũ với vững tay súng.

Tôi đã chọn ở lại, để rồi chứng kiến những ngày cuối cùng của những người lính. Thảm kịch không phải trận chiến cuối cùng đã bị thua, nhưng chính là cái nhục và nỗi thất vọng ê chề của những người lính về sự hèn nhát của cấp chỉ huy và giới lãnh đạo của họ. Cũng may mà cuộc chiến ấy đã chấm dứt sớm hơn; bởi nếu kéo dài thêm, chết chóc và tàn phá thêm thì cái kết thúc cũng không thể khác hơn được với phẩm chất của giới lãnh đạo như vậy.

Chia xẻ nỗi khổ với người lính trong chiến trận, chứng kiến nỗi nhục của họ sau đó, giữa một đám người thắng trận nhếch nhác và chẳng hơn gì... Từ đó tôi nhìn tấm thảm kịch trên cả hai miền đất nước. Sống sót qua cơn địa chấn ấy, bảo làm sao mà không có dấu hằn trên cuộc sống thực và cả văn chương?

- Anh là một người lính viết văn. Có người nhận xét rằng anh không viết với đời sống quân ngũ đơn thuần mà chính ở đó là một cái cớ để anh có thể đề cập đến những vấn đề khác, phức tạp hơn có tính cách chiến lược hơn... Theo anh nhận xét ấy có chính xác không?

- Tôi chưa bao giờ nhân danh là một người lính viết văn. Đời sống quân ngũ đối với tôi có ý nghĩa như một hoàn cảnh. Nếu có viết về những hoàn cảnh đó tôi cũng không dừng lại ở đời sống quân đội đơn thuần của những mảnh đời người lính, không phải là không phong phú nhưng đúng như anh nhận xét đó chỉ là cái cớ giúp tôi có một cái nhìn toàn cảnh, của những vấn đề phức tạp khác, đôi khi tưởng như rất rời rạc và tự phát nhưng thực ra lại rất kết hợp trong mối tương quan nhân quả của vận động lịch có tính cách quy luật và chiến lược...

- Trong cuộc chiến tranh anh phải chịu nhiều gian lao và lang thang hết từ chiến trường này tới chiến trường khác. Thế mà chất phẫn nộ được ít thấy. Ngay cả khi anh viết một bài báo nói lên tâm sự của người lính trận lạc lõng trong thành phố giữa những cuộc xáo trộn chính trị của quốc gia. Anh cho biết

tại sao?

- Khi đã chọn lựa, tôi không coi đó là những gian lao khổ cực. Nếu có thì cũng không thấm gì với những nỗi khổ cực của những người lính trong chiến tranh và ngay cả sau chiến tranh, cùng với những hậu quả tang thương đã reo rắc trên gia đình họ. Phải sống trong dài đẵng những chịu đựng gian khổ, cả hy sinh chết chóc trong chiến tranh để phải chứng kiến một xã hội đầy rẫy bất công, ai mà chẳng phẫn nộ. Chỉ có khác nhau ở phong cách biểu lộ. Những ngày phép của người lính khi trở về thành phố, hình như được nhắc tới và diễn tả khá nhiều trong văn chương miền Nam trước đây: trong phòng trà rạp hát, thường xảy ra cái cảnh anh ca sĩ hay kép hát bị lôi ra khỏi sân khấu bị hành hung chỉ vì anh ấy dám mặc đồ rằn ri hát bài ca của lính mà trong khi anh ta lại trốn quân dịch, vân vân và vân vân... Tôi hiểu được và rất cảm thông với những người lính phẫn nộ ấy nhưng theo tôi thì anh kép hát kia cũng chỉ là nạn nhân. Cách phản ứng mang vẻ phẫn nộ của những người lính ấy mà tâm lý học gọi là displacement, phản ứng sai chỗ. Thay vì giận cá là cái xã hội bất công, anh kép hát trốn quân dịch kia bỗng trở thành cái thớt để phải chịu những nhát chém. Tôi không bênh vực nhưng cũng không phải là nhà đạo đức để lên án họ, nhưng là người cầm bút tôi muốn đi tìm những nguyên nhân ẩn tàng thay vì cảm tính. Anh bảo chất phẫn nộ ít thấy nơi tôi nhưng thực ra có chứ, chỉ có khác ở cách biểu tỏ, và cũng như bao giờ, tôi không ở cả hai phía của sự cực đoan. Ngay khi còn rất trẻ, mới bắt đầu cầm bút, làm phóng viên của một tờ báo sinh viên, tôi vẫn giữ sự chừng mực của những dòng chữ viết.

- Trước 75 anh đã bị ra tòa vì một bài báo. Việc ấy xảy ra thế nào? Anh có thể kể lại cho độc giả?

- Như anh biết, Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù là một đơn vị tổng trừ bị mà địa bàn hoạt động chính là núi rừng cao nguyên, nhưng họ cũng lại tỏ ra rất xuất sắc với các trận đánh trong thành phố như ở Cây Thị Cây Quéo hồi Tết Mậu Thân. Có lẽ vì lý do đó mà năm 71 Trung ương muốn đưa đơn vị thiện chiến này từ cao nguyên về Sài gòn để đương đầu với các cuộc biểu tình dắt dây kéo dài trong thành phố.

Tôi nhớ lại thì lúc đó cũng là thời gian các toán Biệt cách Thám sát phát hiện ra con đường mòn Hồ Chí Minh rộng như một xa lộ vận chuyển ngày đêm chạy suốt tới vùng Tam Biên. Nó đã như mũi dao nhọn đâm vào cổ vùng địa đầu chiến lược cao nguyên lúc bấy giờ. Từ phủ Tổng thống xuống đến bộ Tổng tham mưu, không thể không biết sự kiện này.

Cũng mở một dấu ngoặc: cho đến bây giờ tôi cũng không hiểu được tại sao, lúc ấy đã không có một nỗ lực nào, kể cả phía người Mỹ với thừa thãi B52 nhằm thanh toán mục tiêu chiến lược ấy.

Liên đoàn 81 được gọi về Sài gòn trong bối cảnh ấy. Thay vì là rừng xanh, những người lính dũng cảm bị cầm chân ở trong sân Tao đàn, phía sau phủ

Tổng thống, bên hông hội Kỵ mã. Họ bơ vơ lạc lõng, như những con thú hoang về thành. Họ được giao cho mặt nạ lưỡi lê cắt xé đàn áp những cuộc biểu tình. Nhưng trong đám biểu tình ấy họ là ai: có thể là những thanh niên sinh viên lý tưởng hăng say, đám cô nhi quả phụ đói khổ hay chính những thương phế binh - những người anh em què cụt đã từng cầm súng sát cánh với họ chiến đấu.

Trấn đóng giữa trái tim Sài gòn, chìm khuất giữa những buildings cao dập dìu đĩ điếm, nằm kế bên hội Kỵ mã lúc nào cũng nhởn nhơ những con ngựa giống với từng bờ mông láng nhẫy. Bỗng những người lính ý thức được rằng, trên đời này không phải chỉ có cuộc chiến tranh buồn thảm làm họ điêu đứng, mà hơn thế nữa ngay giữa quê hương này, chỉ ngay bên kia vòng rào vẫn còn một xã hội trên cao, lộng lẫy sáng choang và thản nhiên hạnh phúc. Cái thế giới khác xa họ, chỉ có ngào ngạt hương thơm và hưởng thụ thừa mứa. Của một đám người kêu gào chiến tranh nhưng lúc nào cũng ở trên và đứng ngoài cuộc chiến tranh ấy.

Mặt Trận ở Sài Gòn là tên một truyện ngắn viết trong bối cảnh ấy với phần kết là giây phút phản tỉnh của người lính với ý thức rằng ngoài cái chiến trường súng đạn quen thuộc, họ còn phải đương đầu với một trận tuyến mỏi mệt hơn - đó là cảnh thối nát bất công của xã hội. Rằng không phải ở chốn biên cương xa xôi mà chiến trường thách đố của họ là ngay ở Sài gòn.

Truyện ngắn ấy đăng trên tập san *Trình Bày* số 34 và dĩ nhiên báo bị tịch thu. Tác giả và chủ báo bị truy tố ra toà vì tội danh làm lũng đoạn tinh thần quân đội và làm lợi cho cộng sản. Lúc đó tôi đang cùng đơn vị trở lại hành quân trên cao nguyên. Tôi nhận được trát tòa về Sài gòn, đứng trước vành móng ngựa trong quân phục như một bị can. Dù với đủ nghi thức của chốn pháp đình nhưng tôi thấy mình đang ở trong một vở kịch mà các diễn viên từ ông chánh án tới công tố viên, không ai còn tin gì ở vai trò của mình. Báo chí theo dõi vụ án lúc đó với các bản tin và bài bình luận. Đưa tới cái tình cảnh đảo ngược, trước dư luận phía khởi tố là bộ Nội Vụ nay trở thành bị can. Rồi chính quyền lúc đó cũng thấy chẳng có lợi gì để kéo dài thêm cái trò chơi giả dân chủ đó nên vụ án kết thúc nhanh chóng bằng bản án treo cho người viết và một số tiền phạt lớn đối với tờ báo.

- Thời chính phủ Việt nam cộng hòa có kiểm duyệt và có biện pháp cứng rắn với báo chí ấn loát phẩm. Với chính quyền cộng sản còn chặt chẽ và tàn bạo hơn nữa. Vậy hỏi anh, bây giờ ở hải ngoại thì sao? Có sự kiểm duyệt nào không chính thức nhưng rất ảnh hưởng như nhiều nhà văn đề cập đến?

- Ban đầu tôi hơi ngạc nhiên về câu hỏi này, có một chế độ kiểm duyệt ở hải ngoại sao? Nhưng rồi tôi hiểu ý anh, rằng tuy sống ở một xứ sở tự do nhưng người cầm bút vẫn phải thường xuyên chịu áp lực của đám đông, của những người đồng hương tỵ nạn ở bên này. Cực đoan thì áp lực ấy là súng đạn dập tắt ngay tiếng nói của người cầm bút. ít bạo động hơn thì là những bài

báo, bài phát thanh phê bình nặng nề, gán ghép cho màu sắc chính trị và tệ hơn nữa là thái độ chụp mũ xô người viết về phía bên kia... Nhưng theo tôi, nếu tin tưởng ở điều mình viết, tin ở lẽ phải với một cái tâm lành, không ác ý hại ai, thì tại sao phải sợ và chịu ảnh hưởng. Và có để cho bị ảnh hưởng hay không là do nơi khí phách của nhà văn.

Nhìn vào sinh hoạt báo chí Việt ở hải ngoại, thực tế vẫn có những hình thái kiểm duyệt tinh vi. Một là qua ảnh hưởng liên hệ tới sự sống còn của tờ báo: cắt và không cho quảng cáo. Đe dọa ấy là có thật khi nó phát xuất từ những tập đoàn có thế lực về tài chánh kinh tế. Nhưng không phải chỉ có trong phạm vi cộng đồng non trẻ Việt nam mà ngay cả giới truyền thông Mỹ cũng không thoát được sự chi phối của các thế lực tư bản. Hai là độc quyền nắm lấy tờ báo chỉ để phổ biến những bài và quan điểm của riêng mình, nhân danh tự do dân chủ nhưng lại giành độc quyền chỉ trích và đồng thời ngăn chặn không chấp nhận đối thoại từ mộr tiếng nói khác trên cơ quan ngôn luận của mình.

Trong cuộc sống, ngay giữa xã hội Mỹ tưởng là tự do nhất, lựa chọn một thái độ nào cũng có cái giá phải trả của nó. Tôi suy nghĩ nhiều về trường hợp một Phan Nhật Nam, một Như Phong, một Doãn Quốc Sỹ...với một quá khứ rất dầy, tranh đấu trong tù đầy trung bình không ai dưới 10 năm, nếu chết trong tù họ có thể được vinh danh như anh hùng, nhưng chẳng may - chữ của nhà văn Thảo Trường, họ sống sót ra được tới ngoài, họ cũng dễ dàng bị vùi dập như bất cứ ai nếu như phát biểu của họ không rập khuôn như một số người ở bên ngoài mong muốn.

Không còn rõ ràng trắng và đen như khi ở trong tù, ra ngoài bước vào một vùng xám giữa những tiếng hoan hô và đả đảo, chặng đường đi tới của họ bỗng trở nên phức tạp và khó khăn hơn nhiều... Và như vậy không bao giờ và ở đâu có một chỗ trú ẩn an toàn cho người cầm bút. Một nhà văn khi lựa chọn một thái độ, ở hoàn cảnh nào cũng vẫn là một thử thách.

- Tới bây giờ lằn ranh quốc cộng vẫn còn hiện hữu ở một số người trong suy nghĩ và hành động. Riêng anh thì sao? Có khi nào anh có cảm tưởng mình là một loài chim báo bão, với linh cảm đi trước thời gian về một số biến cố bi thảm cho dân tộc chúng ta?

- Anh muốn nói tới lằn ranh nào: sông Bến Hải, vĩ tuyến 38 hay bức tường Bá Linh? Có thực sự còn một chế độ cộng sản giáo điều hay chỉ là một chế độ độc tài quan liêu tại Việt Nam hiện nay. Chủ nghĩa Cộng Sản đã cáo chung, mô thức tư bản cũng chẳng phải là mẫu mực cho một Việt Nam bước vào ngưỡng cửa thế kỷ 21. Nhìn về những con rồng Á châu, Đài Loan, Nam Hàn, Tân Gia Ba... mô thức nào gần gũi với Việt Nam nhất? Có một lằn ranh rất rõ giữa dân chủ và độc tài, phải kể cả thứ độc tài của những người tự nhận là quốc gia nhưng xem ra không kém tính bạo động so với người Cộng Sản trước đây. Người cầm bút không đứng về phía nào của lằn ranh gỉa tạo ấy,

họ hướng về tương lai, nếu không được là tiên tri thì họ cũng không phải là sức cản cắt xé những giấc mơ Việt nam.

- Viết văn anh có nghĩ mình đứng phía bên này chống đối phía bên kia không? Nhà văn còn phải là nhà chiến sĩ, có phải?

- Tôi thích câu nói bình dị gần như mộc mạc của Hoàng Khởi Phong phát biểu trong cuộc phỏng vấn của anh ở báo *Thế kỷ 21*: Nhà văn nhiêu đó đủ rồi. Không cần phải gắn thêm một nhãn hiệu hay bất cứ cụm từ nào khác cho người cầm bút. Các cuộc tranh cãi tốn nhiều giấy mực: vị nghệ thuật hay nhân sinh, dấn thân hay viễn mơ... đều có tính khiên cưỡng và cũng không giúp gì cho cả người viết lẫn người đọc. Từ những giòng chữ viết ra, dù muốn hay không cũng được hiểu như là thái độ lựa chọn của nhà văn, mà sự độc lập và tự do là yếu tính và đồng thời cũng là nhân cách của người cầm bút.

- Anh nghĩ gì về giao lưu văn hóa? Một chiều, hai chiều? ở bây giờ và trong tương lai?

- Một chiều hay hai chiều, chúng ta không cần tới những viên cảnh sát giao thông ấy ở cả hai phía. Yếu tính văn học nghệ thuật là sự tự do cho nên mọi hạn chế từ bất cứ phía nào cũng đáng bị lên án. Cho xuất bản ở hải ngoại những tác phẩm bị cấm đoán ở trong nước không phải chỉ để phục vụ lớp người đọc hạn chế ngoài Việt nam, mà bằng các phương tiện truyền thông hiện nay một phần có thể đưa tới tầng lớp độc gỉa trong nước. Ai cũng thấy tự do văn nghệ không phải là tặng vật chờ nhà nước ban cho, có một cái gía phải trả của người cầm bút ở bất cứ đâu khi họ có một thái độ lựa chọn.

- Anh có đọc những tác phẩm xuất bản ở trong nước? Và anh có thể cho một vài cảm nhận tổng quát?

- Trước 75, ngay thời sinh viên và cả về sau này, tôi vẫn có ý tìm đọc các sách báo ngoài Bắc, trong đó có sách văn học . Trong một chừng mực nào đó, công bằng mà nói họ thực hiện được một số những công trình nghiên cứu khoa học xã hội tốt do tính làm việc của tập thể và được sự hỗ trợ phương tiện trực tiếp của nhà nước. Gạt sang một bên cái quan điểm nghiên cứu được mệnh danh là Maxít-Lêninít, thì trong những bộ sách lớn ấy là những kho tư liệu quý giá cho những công trình nghiên cứu khách quan trong tương lai.

Nhưng về phương diện văn học mà căn bản là tính sáng tạo, chúng ta thấy rất rõ một thế hệ các văn nghệ sĩ tiền chiến và những người tiếp nối sau này, do bị tính khiên cưỡng hiện thực xã hội chủ nghĩa, đã giết chết tài năng của họ. Phải sáng tác trong sự trói buộc, phải có tính đảng, nên không ngạc nhiên khi chỉ thấy một thứ văn chương phải đạo, cả một vườn cúc vạn thọ như nhà văn Phan Khôi trong nhóm Nhân văn Giai phẩm đã phát biểu.

Gần đây, ở trong nước người ta nói tới Đổi Mới rồi Cởi Trói cho các văn nghệ sĩ. Tôi thích câu nói của nhà văn Mai Thảo khi phát biểu về hiện tượng

này: nghệ sĩ nhà văn đâu phải là thứ heo gà mà nói chuyện trói mở. Nhưng ở đâu thì cũng có những người cầm bút dũng cảm, hoặc lập thành phong trào như Nhân văn Giai Phẩm, hoặc những cá nhân riêng lẻ. Cho dù không thành công nhưng họ là một thứ ánh sáng nơi cuối đường hầm, nuôi dưỡng hy vọng và những mầm mống phản kháng sau này.

Trong cuốn sách *Thư Cho Mẹ Và Quốc Hội*, do nhà Văn Nghệ mới xuất bản, có đoạn nói tới cuộc họp mặt "Anh em câu lạc bộ - những người kháng chiến Nam bộ cũ , bốn mươi người làm lễ tưởng nhớ một người của *Nhơn Văn Giai Phẩm* - thi sĩ Phùng Quán mới mất 22-1-95, xin anh hãy ngậm hờn xem cuộc đấu tranh cho nhân quyền và tự do dân chủ đang được tiếp tục không lơi." (sđd, tr.18).

Một mai khi tiến tới được một nước Việt Nam tự do và dân chủ, mọi người không thể quên sự can đảm hy sinh của những người cầm bút. Tôi nghĩ tới một đài tưởng niệm nhóm *Nhân Văn Giai Phẩm* ngay giữa thủ đô văn vật Hà Nội, nơi đặt tượng Lênin trước kia, đó sẽ là một biểu tượng của Tự Do Văn Hóa Việt Nam. Nó cũng có ý nghĩa nhắc nhở và thách đố với các nhà độc tài mầm non trong tương lai.

- Theo anh, đã có những thay đổi văn học ở trong nước sau những thay đổi về kinh tế xã hội?

- Đổi Mới chỉ là cách nói của một tiến trình lột xác của các xã hội Cộng Sản, khi mà chính giới lãnh đạo chủ chốt trong thâm tâm họ không còn tin tưởng gì ở các tín điều. Nhằm mục đích sống còn, họ thay đổi vá víu và pha trộn chủ nghĩa xã hội với kinh tế thị trường, như nước với dầu, cho dù có quấy ngầu lên cũng không thể nào hòa tan. Nhưng cũng thật là ngây thơ - như một thứ *wishful thinking*, về phương diện chính trị nếu chúng ta đòi hỏi hay chờ đợi họ êm thấm trao lại chính quyền cho nhân dân. Nhân dân ấy là ai nếu không phải những tổ chức chính trị có thực lực ngay từ bên trong hay bên ngoài.

Kinh nghiệm Ba Lan ở Đông Âu là điều đáng cho chúng ta suy ngẫm: Walesa lãnh tụ lẫy lừng của Công đoàn Tự do thắng thế phe Cộng Sản lên cầm quyền, nhưng chỉ 5 năm sau chính người hùng Walesa ấy bị một người Cộng Sản trẻ không mấy thành tích hạ ngã bằng một cuộc bầu cử dân chủ. Nhưng ai cũng thấy rằng cho dù người Cộng Sản trở lại cầm quyền thì cũng không thể nào có sự phục hồi của chế độ Cộng Sản cũ, và chính người Cộng Sản cũng ý thức được cái xu thế hay tiến trình không thể nào đảo ngược...

Trở lại câu hỏi của anh, nói đến sự thay đổi về văn học trong nước "sau" những thay đổi về kinh tế xã hội. Theo tôi, tuy ít nhưng không phải là không có những nhà văn đi trước Đổi Mới. Từ một phong trào rầm rộ như *Nhân Văn Giai Phẩm* bùng lên giữa một thời điểm của thành trì xã hội chủ nghĩa đang vững chắc, tuy bị nghiền nát nhưng đã thực sự gây mầm mống mất niềm tin không phải chỉ trong quần chúng mà chính ngay hàng ngũ cán bộ đảng

viên cộng sản. Từ *Nhân Văn Giai Phẩm* cho tới những nhà văn, nghệ sĩ phản kháng tiếp theo, họ là những con chim báo bão, thực sự đi "trước"đổi mới và đẩy nhanh tiến trình cáo chung của chế độ cộng sản. Dĩ nhiên tôi không đề cập tới thứ nhà văn công bộc của nhà nước chỉ làm như đổi mới sau khi đã được chỉ thị của đồng chí Tổng bí thư.

- Anh có nhận xét gì về văn học Việt Nam ở hải ngoại? Bi quan, lạc quan? Và phóng chiếu tới một cái nhìn ở tương lai?

- Tại sao lại bi quan? Tôi có thói quen như một méo mó nghề nghiệp, nhìn phần nửa ly nước đầy thay vì nửa ly vơi. Khi ở trong nước, có bao giờ anh nghĩ có thể có một sinh hoạt về xuất bản và văn nghệ thuần túy tiếng Việt đa dạng đến như vậy ở hải ngoại nơi có quy tụ người Việt Nam sinh sống? Rồi báo chí, truyền hình, đài phát thanh tiếng Việt, hầu như tất cả có thể tự phát triển mà không cần nguồn trợ cấp từ chính quyền nào.

Có người bỉ thử về tính chất xô bồ, tính thương mại và trình độ thấp của những sinh hoạt như vậy... Nhưng công bằng mà nói, đó là những sinh hoạt đáng khích lệ cho việc duy trì và phát triển ngôn ngữ Việt ở hải ngoại. Dần dà mỗi ngày chúng ta có những tờ báo, những chương trình phát thanh tốt hơn; những cuốn sách đẹp hơn về hình thức lẫn nội dung thuộc nhiều thể loại, được sáng tác từ hải ngoại hay được đem ra từ trong nước. Rồi tới các buổi ra mắt sách khá đều đặn, đôi khi không phải là hàng tháng mà là hàng tuần, như một truyền thống tốt đẹp tạo mối tương quan giữa tác giả và người đọc. Ấy là chưa nói tới cái tác dụng đòn bẩy của sinh hoạt ấy đối với trong nước.

Với phương tiện truyền thông ngày nay, với computer, với fax modem rồi Internet - sách báo Việt Nam đã bắt đầu lên Internet, thì tôi nghĩ rằng mọi nỗ lực kiểm duyệt bất cứ từ phía nào cũng đều là vô hiệu... Nếu bảo phóng chiếu cái nhìn về tương lai, tôi rất lạc quan. Mạng lưới tiếng Việt trên Internet không thể không có Việt Nam. Tôi lại muốn ví von rằng nếu còn một ông Nguyễn Chí Thiện thứ hai, chắc ông ấy không cần phải cảm tử xông vào tòa Đại sứ Anh để chuyền tập bản thảo; thô sơ thì cũng chỉ cần một diskette nhỏ không phải chỉ chứa tập thơ *Hoa Địa Ngục*, mà còn dư dung lượng chứa hết văn thơ phản kháng của các văn nghệ sĩ trong nước nếu có và dễ dàng để đưa ra ngoài. Còn nếu lên lưới qua Internet... Là một chuyên viên điện tử, chắc anh cũng đã thấy rất rõ cái tương lai phóng chiếu ấy nó như thế nào?

Bây giờ với *Con Đường Trước Mặt* ấy (*Bill Gates*), cũng không phải là quá sớm để chúng ta bắt đầu tự hỏi sẽ xử dụng cái tự do thênh thang trên Siêu Xa Lộ Tin Học ấy ra sao? Có lẽ đây sẽ là đợt phỏng vấn thứ hai rất là thích thú của anh năm 2000?

- Anh có nghĩ đang có sự khựng lại trong công việc viết lách của những người cầm bút ở hải ngoại? Nếu có xin anh cho một vài lý do? Nếu không cũng xin anh cho biết lý do tại sao lại nhận xét phủ định như thế?

- Tôi không nghĩ là đang có sự khựng lại trong công việc viết lách của

những người cầm bút hải ngoại. Phải chăng người ta có quá nhiều kỳ vọng ở sự xuất hiện của những tác phẩm lớn?

Riêng đối với những người cầm bút, người tới Mỹ sớm nhất là cách đây 20 năm, rồi từng đợt người mới tới trễ tràng sau này, tất cả đều phải khởi sự từ đầu để thích nghi với cuộc sống mới mà thời gian để ổn định ấy phải tính bằng đơn vị năm. Bị bứt rễ ra khỏi quê nhà, tới một nơi hoàn toàn mới và xa lạ, với khoảng thời gian chưa dài và thì giờ mỗi ngày lại eo hẹp: muốn có ngay những tác phẩm vừa vụ hay và lớn, tôi nghĩ là một đòi hỏi quá đáng đối với nhà văn hay người nghệ sĩ nói chung. Theo chỗ tôi biết thì hiện nay không phải không có những nhà văn tài năng tuy không tuyên bố những câu xẻ núi lấp sông nhưng họ đang ẩn nhẫn làm việc dài hạn cho một cuốn sách lớn mà họ hằng ấp ủ. Vả lại kinh nghiệm sau những cuộc chiến tranh, cũng cần một khoảng thời gian lùi lại đủ dài cho những biến cố lắng xuống, trước khi có xuất hiện những tác phẩm lớn, như người họa sĩ phải có bước lùi - recul để có cái nhìn toàn cảnh bức tranh lớn mà mình đang định vẽ.

Nhiều người lo ngại cho tương lai nền văn học Việt nam ở hải ngoại khi mà thế hệ thứ hai chẳng còn bao lâu nữa đã hoàn toàn hội nhập, phần đông quên tiếng Việt, không có nhu cầu đọc sách Việt và cái tình cảnh viết cho ai sẽ là một thứ feedback âm đối với giới sáng tác. Nhưng tôi có ý nghĩ khác, tiếng Việt sẽ vẫn còn trong đời sống cộng đồng Việt hải ngoại và sẽ phát triển hơn khi nó có đối tượng phục vụ cho cả hơn 70 triệu người dân trong nước.

Tôi cũng muốn dùng cái hình ảnh của tờ báo *LA Times* đưa ra khi ngoại trưởng Mỹ tới Hà Nội sau bình thường hóa bang giao, ông đã biết tìm tới nói chuyện với một Việt Nam tương lai là giới trẻ thanh niên sinh viên. Chứng kiến diễn tiến ấy ngay giữa thủ đô Hà Nội sau 20 năm người Mỹ thất trận, một nhà báo Mỹ phát biểu cảm tưởng rằng bây giờ thì người Mỹ mới thực sự thắng trận chiến tranh ở Việt Nam không bằng súng đạn mà với đội ngũ những doanh nhân với laptop, tự do ra vào Việt Nam để xây dựng một mạng lưới kinh tế thị trường.

Rồi tôi nghĩ tới vai trò của hai triệu người Việt ở hải ngoại. Đã qua rồi thời kỳ tổ chức đội quân kháng chiến, hô hào lập chính phủ lưu vong, mà ai cũng biết là hữu danh vô thực. Sức mạnh đó là tiềm năng khoa học kỹ thuật của một thế hệ trẻ đông đảo các chuyên gia cộng với tiềm năng kinh tế của các nhà doanh thương, chính họ sẽ là đội quân hùng mạnh không phải chỉ để giải phóng mà còn góp phần xây dựng bền vững cho một tương lai Việt nam của hơn 70 triệu dân chứ không phải một thể chế chính trị nhất thời nào.

Tôi nghĩ chẳng phải là quá mộng tưởng trong một tương lai rất gần, chúng ta sẽ có những cuốn sách, những tờ báo in ra cùng một lúc với ấn bản ở trong nước. Sẽ chẳng còn bức màn sắt bức màn tre nào và nỗ lực duy trì kiểm duyệt bưng bít sẽ trở thành không tưởng. Thư của độc gỉa đến từ Lạng Sơn hay Cà Mau, gửi ra từ trong nước, sẽ là một khích lệ đối với người viết

hay làm báo ở hải ngoại, phải không anh?

- Anh kỳ vọng gì ở văn chương trong đời sống bây giờ không? Và có thấy một cách rất là vô thức cái sứ mệnh cầm bút mà nhiều người luôn trăn trở?

- Đất nước bị phân chia và cuộc chiến kéo dài hơn 30 năm, ngôn ngữ đã bị tận dụng cho những mục tiêu chính trị phân hóa và dối trá nên đã làm cho nó bị kiệt quệ. Chữ không còn mang nghĩa thật của nó nữa. Người ta nói tới tổn thất của chiến tranh về nhân mạng và sự tàn phá vật chất, nhưng theo tôi là sự hủy hoại ngay nơi chính những con người còn sống, đáng buồn là trên cả những đứa trẻ, mà khi sinh ra chúng đâu có thiếu vắng lòng từ, mà sự sa đọa của ngôn từ không thể không là một trong những nguyên nhân. Rồi tôi tự hỏi phải cần bao nhiêu năm nữa mới phục hồi sự trong sáng của chữ Việt? Đây chính là phần tôi kỳ vọng ở văn chương. Tôi nghĩ tới chức năng của nhà văn, bằng những tác phẩm nghệ thuật chân chính đủ sức làm xúc động sâu xa lòng người: chữ và nghĩa trở lại như một thực thể nhất quán, trở lại với chức năng như một nhịp cầu của giao lưu và đối thoại giữa và trong xã hội.

- Một ngày của nhà văn Ngô Thế Vinh?

- Thường thì tôi không có được một ngày như mọi ngày. Nhưng vẫn có thói quen buổi sáng dậy sớm, đọc lướt qua tờ báo xem bản tin tức TV đầu ngày, rồi tới bệnh viện cũng rất sớm, nếu không phải lên thăm trại bệnh, thì tôi có gần một tiếng đồng hồ trong văn phòng thanh lặng để tùy nghi. Tôi có một thời khóa biểu thay đổi, nhưng nói chung thì mỗi ngày có tám giờ bận rộn cho nghề nghiệp. Hạnh phúc, như một cách nói đối với tôi là những giờ buổi tối, trong không khí gia đình, nếu không đọc sách, thì cũng được ngồi trước chiếc computer viết hay sửa lại những trang sách viết dở dang.

- Anh có dự trù nào bây giờ về công việc cầm bút? Hình như anh đang sắp cho in một tác phẩm? Nếu có thể xin cho biết sơ lược về nội dung của tác phẩm ấy?

- Cũng tình cờ được một anh bạn từ Luân đôn gửi cho một truyện ngắn đã đăng trên tạp chí *Trình Bày* số 34 *Mặt Trận Ở Sài Gòn* viết năm 71, số báo bị tịch thu vì bài báo này và những rắc rối phải ra tòa sau đó như anh đã biết. Nhân có dịp đọc lại bài báo ấy, kể cả những truyện mới viết gần đây với một thời gian cách khoảng khá xa từ những năm 70 tới 90 nhưng vẫn với một nội dung nhất quán. Do đó tôi có dự định đưa nhà *Văn Nghệ* xuất bản tập truyện này, gồm 12 truyện ngắn: *Mặt Trận Sài Gòn* sẽ là truyện đầu tiên và *Giấc Mộng Con Năm 2000* sẽ là truyện cuối. Tên của truyện ngắn đầu tiên được chọn sẽ là tiêu đề cho cuốn sách, dự trù ra mắt đầu năm 96.

- Anh có hay ước mơ không? Và ước mơ ấy có vượt thời gian và không gian không?

- Qua những kinh nghiệm và đổ vỡ, qua những hoàn cảnh tưởng chừng như mất hết cả hy vọng, ở cái tuổi năm mươi ngoảnh nhìn lại rồi hướng về tương lai, xem ra tôi vẫn còn nhiều mơ mộng: với giấc mộng lớn, giấc mộng con - theo cách nói của thi sĩ Tản Đà. Sau 75, hồi còn ở Việt nam còn trong tù, tôi và các bạn mình từng hy vọng từng mơ ước, khi ra ngoài này sẽ làm những gì... Lúc đó tôi không nghĩ trở lại nghề thuốc, mà chỉ ước mơ tới một cuốn sách mình sẽ phải viết. Nhưng rồi tám năm sau, lần thứ hai trở lại Mỹ như một người tỵ nạn, tôi tạm xếp lại mộng văn chương, để phải qua một khúc sông nếu không bơi thì chìm. Cũng có lúc cũng tưởng như đã chìm đắm trên chính cái dòng sông mà mình đã chọn bước vào. Tôi trở lại ngành y năm 50 tuổi. Theo một nghĩa nào đó, tôi vẫn thích nghề thuốc, nên cũng không quá đáng mà nghĩ rằng đó là trả món nợ áo cơm. Bây giờ tôi đã có thì giờ hơn để nghĩ và làm việc cho cuốn sách ấy...

Câu hỏi ước mơ ấy có vượt thời gian không gian không, làm tôi nhớ tới quan niệm viết tiểu thuyết của nhà văn Nhất Linh, rằng một cuốn tiểu thuyết hay thì đọc bất cứ lúc nào và ở đâu thì nó vẫn hay. Viết cho được một cuốn sách hay và giá trị bao giờ mà chẳng là ước mơ của người cầm bút. Tôi lại muốn dùng hình ảnh một câu thơ của Tản Đà hai vai gánh nặng con đường thời xa. Còn đi được bao nhiêu xa thì đó là do tâm và thức cùng bản lãnh của mỗi nhà văn, có phải không anh?

Tôi còn một ước mơ, không hẳn là văn chương nhưng chắc phải là giấc mơ chung với toàn thể những người Việt tỵ nạn ở hải ngoại: đó là sự hình thành một Công Viên Văn Hóa năm 2000. Nếu không sớm hơn thì cũng đồng thời với sự hình thành của Valor Park- Công viên Hào Hùng, do người Mỹ thiết lập ở Maryland, một viện bảo tàng của sáu cuộc chiến tranh mà người Mỹ đã tham dự kể từ ngày lập quốc, dĩ nhiên có cuộc chiến Việt Nam. Từ khả năng tới hiện thực, còn một khoảng cách, đó là làm sao đạt tới được mẫu số chung quy tụ lòng người.

Một bác sĩ Mỹ gốc Do Thái bạn tôi khá ngạc nhiên về tỉ lệ cao các nội trú thường trú người Việt tới thực tập nơi bệnh viện chúng tôi đang làm việc. Anh đưa ra nhận định rằng cộng đồng Việt Nam các anh chỉ mới 20 năm mà đã tiến bằng hoặc hơn các sắc tộc Á châu khác tới đây trước cả trăm năm. Rồi khi anh cầm trên tay đĩa nhạc CD-ROM *Con Đường Cái Quan* của Phạm Duy, đĩa nhạc Chopin của Đặng Thái Sơn...Anh tiếp tôi thì không nghĩ rằng các anh có thể đi vào lãnh vực High Tech sớm như vậy. Và chắc anh cũng đồng ý với tôi rằng đó không phải một lời khen xã giao...

- Câu chót, xin để nhà văn Ngô Thế Vinh tùy nghi tâm sự với độc giả những điều cần nói thêm?

- Lúc nào thì tôi cũng mong được chia xẻ với bạn đọc qua những trang sách đã và đang viết. Tôi nghĩ tới cả những người đọc ở trong nước.

N.M. TRINH

TRỊNH THANH SƠN

nhớ lại

Cái ngày em cắp nón theo tôi
Lên Ủy ban làm lễ kết hôn
Bố giận bỏ nhà đi
Mẹ đứng trước thềm nước mắt vòng quanh

Cái ngày em cắp nón theo tôi
Bom đạn ùng oàng khắp nơi
Trên Ủy ban đầy giấy báo tử
Tìm mãi mới ra một tờ hôn thú

Cái ngày em cắp nón theo tôi
Gạo đong bằng tem phiếu
Kỳ nghỉ phép tôi mang về cái Tem năm cân
Mắt em sáng lên như hai ngọn đèn

Cái ngày em cắp nón theo tôi
Con chúng mình còn đâu đó
trong bụi hoa nhài, trên giàn thiên lý
Đêm đêm em ngước lên bầu trời
Chọn ngôi sao sáng nhất
Dấu vào trong bụng.

Cái ngày em cắp nón theo tôi
Chốc đã hai mươi năm rồi
Ngôi sao năm xưa nay mười tám tuổi
Mà chẳng mấy khi tôi thấy em cười...

Em ơi nhớ không?
Cái ngày em cắp nón theo tôi...

TRỊNH THANH SƠN

VÕ ĐÌNH

trường hợp đỗ quang em



Đỗ Quang Em, tự họa

Con hẻm đi sâu vào từ đường Điện Biên Phủ tráng xi măng, sạch sẽ, yên tĩnh. Đến gần cuối hẻm, nơi có hai chậu cây xanh dưới mái hiên, họa sĩ Đỗ Quang Em (ĐQE) dừng xe gắn máy lại. Tôi đứng trước nhà ông ở Sàigòn.

Nghe danh ĐQE từ lâu, nay tôi mới được gặp. Người tầm thước, trán cao, tóc loăn quăn bồng bềnh hai bên tai và sau ót, ria mép và râu cằm tiêu muối, xồm xoàm. Áo vải thô, cổ tròn, tay rộng. Rất "flower child" của những năm sáu mươi. Dáng dấp nhanh nhẹn, vui vẻ, nói cười tự nhiên. Bây giờ thì tôi biết rằng đằng sau phong thái ấy có một tâm hồn phong phú, sâu và kín.

Về nước lần đầu, 1974, sau nhiều năm lưu lạc, tôi chưa có dịp làm quen ĐQE. Chỉ biết đến ông qua "Tăng", bức tranh in lại, trắng đen, trong tập san "Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam" họa sĩ Nghiêu Đề đem biếu. Tranh vẽ một nhà sư trẻ, đầu trọc, vai trần, ngồi trầm tư. Tôi nhìn phớt qua thôi vì bức tranh được in lại với kỹ thuật quá thô thiển. Nhìn kỹ chỉ thành bất công đối với tác giả. Chỉ biết rằng nét vẽ và lối bố trí vững vàng, rất Tây phương cổ điển: ánh sáng và bóng tối, *chiaroscuro* rất thế kỷ 17, de la Tour, Pháp, Zurbaban, Tây Ban Nha. Phảng phất Rembrandt, Hòa Lan.

Mười mấy năm sau, 1989, tôi mới gặp lại ĐQE qua một bức tranh in trong *brochure* cuộc trưng bày chung với Đinh Cường và Trịnh Công Sơn. Bức tranh in lại với kỹ thuật cao hơn hồi 1974. Tôi tò mò hơn về cái vẽ của ông họa sĩ họ Đỗ này: Bố trí dị thường, kỹ thuật điêu luyện, bút pháp tinh tế. Điều làm cho tôi tò mò hơn cả là làm sao, một họa sĩ Á đông, Việt Nam, cư trú bao nhiêu năm một nơi đô hội xô bồ như Sàigòn trước 75, một nơi phố thị đông đúc, náo nhiệt, bao phủ bởi khói và bụi như Sàigòn bây giờ, lại vẽ ra được

như vậy.

Về thăm quê lần thứ ba này, cuối 1995, tôi mới được gặp chính ĐQE trong một bữa cơm thân mật ở nhà họa sĩ Lâm Triết, ông bạn mới quen nhưng xem như cố tri vì đã biết đến nhau từ lâu qua nhiều bằng hữu chung ở Hoa Kỳ.

Hôm sau, trời mới sáng. ĐQE đến đón LH và tôi về nhà ông. Lần đầu tiên, tôi được xem tranh ĐQE tận mắt.

*

Trước khi nói thêm về ĐQE, chúng ta hãy xem qua khung cảnh hội họa hiện nay ở Sàigòn. Để qua một bên những tác phẩm quá nặng mùi vị địa phương nhưng lại quá nhẹ về nghệ thuật, những tranh nhắm tới khách phương xa dễ tính có lòng yêu thích các màu mè vùng nhiệt đới thân yêu này, chúng ta có thể thấy được một lằn ranh khá rõ ràng giữa hai xu hướng: *Hội họa hữu thể* và *hội họa vô thể* thường được gọi là trừu tượng. Trước khi câu chuyện dẫn chúng ta đi xa hơn, hãy cùng nhau "nhất trí" về đôi điều. Ở đây, chúng ta hãy tự giới hạn ở lãnh vực từ ngữ. Vấn đề không bí hiểm như nhiều người "ngoại đạo" có thể e ngại.

*

Những năm đầu thập niên năm mươi, ở Âu Mỹ, đặc biệt Pháp Quốc, bùng nổ những trận cãi vã kịch liệt giữa những người đi theo xu hướng *hội họa hữu thể* (thường được gọi một cách lộn xộn là *thực tại*, hay *tả chân*, hay *hiện thực*) và những người đi theo xu hướng *hội họa vô thể* (thường cũng được biết đến như là hội họa *trừu tượng*). Ở Hoa Kỳ, xu hướng trừu tượng xem như chiếm ngay được ưu thế một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn: Những tên tuổi lẫy lừng của trường phái New York vẫn còn sáng chói cho tới ngày nay.

Ở đây, chúng ta không đả động đến đến chuyện hay, dở, đúng, sai của trường phái này nọ. Chúng ta chỉ lưu tâm đến những từ ngữ và ý nghĩa của chúng mà thôi, vì sự lưu tâm nầy sẽ giúp ta nhận diện rõ ràng hơn một nghệ sĩ Việt Nam hết sức đáng để ý: Đỗ Quang Em.

*

Hãy lấy một thí dụ: Ta vẽ một cái hoa. Cái hoa là một thực tại bên ngoài, cụ thể, khách quan. Ta có thể vẽ cái hoa đó như "thật", với đường nét, mầu sắc cực kỳ tỉ mỉ. Chúng ta biết về giai thoại thế kỷ 17 ở Pháp, có họa sĩ nọ vẽ hạt thóc "thật" đến nỗi có con chim bỗng từ đâu bay sà vào mổ lia mổ lịa! Nói cho ngay, giai thoại ngụ ý mỉa mai đấy, chứ không phải ca ngợi đâu. Bởi chăng cốt tủy của vấn đề từ ba trăm năm trước là cái vẽ cần đẹp chứ không cần "thật" như thật.

Ta cũng có thể vẽ cái hoa đó thế nào mà người xem tranh nhận ra nó là hoa gì. Tuy nhiên, nếu đem cái hoa thật ngoài đời để cạnh cái hoa vẽ thì hai cái không giống nhau hoàn toàn, không giống nhau "như đúc". Nghĩa là trong cái vẽ hình thể đã có tâm thức người vẽ dự phần và cải biến. Hoa hướng dương Van Gogh là một điển hình rõ rệt. Hoa hướng dương Van Gogh được vẽ với một sự say mê cuồng bạo, với một bút pháp cá biệt dữ dội, đến nỗi nó chiếm lĩnh tâm hồn người xem tranh, nó trở thành "thật" hơn cả những hoa hướng dương ngoài đời. Bản thân người viết đã từng đi qua những cánh đồng hoa hướng dương và buột miệng thốt lên: "Trời! Van Gogh!".

Như vậy, ta có thể coi hoa hướng dương Van Gogh là, trước hết, một hình ảnh "đại diện", "thế mặt" cho cái hoa ngoài đời. Nó là một *figure* (Pháp), và nó *represents* (Anh/Mỹ) cái hoa ngoài đời. Vì thế mà người Pháp gọi hội họa hữu thể là *peinture figurative* trong khi người Anh/Mỹ lại gọi hội họa hữu thể là *representational painting*. Và sau nữa, vì vẽ với nghệ thuật cao, nó nghiễm nhiên trở thành một thực tại, và chúng ta ngắm nó, yêu nó, vì chính bản thân nó, chứ không phải vì nó là vật "thế mặt" cho một cái gì khác. Trong từ *figurative* (Pháp) có ý niệm sự vật *(figure)*. Trong từ *representational* (Anh/Mỹ) có ý niệm về tác động *(to represent)*. Tuy rằng hai từ Pháp và Anh/Mỹ có khác nhau và tiềm tàng hai giai đoạn khác nhau trong quá trình sáng tạo, chúng đều khẳng định rằng: biểu hiện thực tại là trình bày thực tại khách quan qua cái nhìn chủ quan của người nghệ sĩ sáng tạo.

Nói cho ngay, hoa hướng dương Van Gogh còn giống hoa hướng dương ngoài đời lắm lắm. Chứ đến như những cái hoa được vẽ bởi thế hệ đến sau Ấn tượng họa và Hậu Ấn tượng, như Matisse, Picasso, Chagall, Redon v.v... thì không ai biết chắc đó là những hoa gì. Chỉ còn thấy đó là "hoa", không biết là loại hoa gì, thứ hoa gì...

*

Như thế, tất cả các trường phái, các xu hướng, các dòng trước thế kỷ XX đều là trường phái hội họa hữu thể. Đây không phải là nơi bàn về các dòng, các phái phát xuất từ con sông lớn hữu thể. Chúng ta chỉ cần nói rõ ràng mô tả thực tại không có nghĩa là bắt chước thực tại, sao chép thực tại, làm nô lệ cho thực tại, trở thành một cái *photocopier* của thực tại. Mà cũng chính vì sự tự do bung phá khỏi thực tại này mà chúng ta có hoàn cảnh thuận lợi cho sự xuất hiện của ý niệm nghệ thuật trừu tượng: Hội họa vô (hình) thể, mà người Pháp gọi là *peinture non-figurative*, hay *peinture abstraite*, và người Anh/Mỹ gọi là *non-representational painting* hay *abstract painting*. Người nghệ sĩ không lệ thuộc vào thực tại khách quan ngoài đời. Người nghệ sĩ tạo tác nên những "sự vật" của riêng mình. Cảm quan xuất phát từ những hình tượng mới mẻ, cá biệt, độc đáo. Hình tượng trừu tượng là những thực thể gợi cảm

tự thân. Đó là công việc và sự cố gắng của những họa sĩ (vẽ) trừu tượng hiện nay ở Sàigòn.

Xu hướng vô thể nở rộ ở Sàigòn với Lâm Triết, Nguyễn Trung, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Lâm, Ca Lê Thắng... Và lứa nghệ sĩ trưởng thành sau 1975 như Đỗ Hoàng Tường, Trần Văn Thảo, Đỗ Minh Trí... Tuy rằng chúng ta có thể nhận ra khá rõ ràng cách thế của các xu hướng hữu thể và vô thể, cùng thế đứng chênh vênh của xu hướng bán trừu tượng, dung hòa giữa hữu thể và vô thể *(semi-abstraction)* chúng ta cũng nên thận trọng lưu tâm đến những sắc thái cá biệt của mỗi nghệ sĩ, thay vì "vơ đũa cả nắm", xếp hạng một cách máy móc. Thí dụ: Hữu thể Đỗ Quang Em rất khác với hữu thể Nguyễn Phước, vô thể Lâm Triết khác nhiều với vô thể Nguyễn Trung, bán trừu tượng Trịnh Cung rất xa cách với bán trừu tượng Lê Thánh Thư... Cũng là những hình thể có thể nhận diện ra được bởi bất cứ một người xem tranh nào, bất luận trình độ và tâm thức, nhưng giữa tranh Đỗ Quang Em và tranh của các vị "tả chân" khác có một khoảng cách xa vời tưởng không có gì khỏa lấp được.

Nhìn qua khung cảnh hội họa Sàigòn như vậy (tôi nói Sàigòn vì tôi chỉ được thấy tận mắt những tác phẩm của các họa sĩ nhắc đến tại Sàigòn) chúng ta mới thấy nổi bật trường hợp ĐQE như một sự kiện dị biệt, một trường hợp không ngờ. Thường tình, chúng ta có thói quen, có thể vì dễ dãi, có thể vì lười biếng, dán nhãn hiệu lên con người. Dán nhãn hiệu lên con người nói chung đã là điều không nên làm. Dán nhãn hiệu lên con người nghệ sĩ lại càng dễ gây nên ngộ nhận, lại càng tai hại hơn nữa. Ở ĐQE, tôi đã cố gắng nhìn kỹ, nhìn xa hơn cái nhãn hiệu. Và tôi đã thấy những gì sau đấy. Những gì tạo nên Trường hợp Đỗ Quang Em, như tôi đã từng viết về *Trường hợp Kuniyoshi*(1), *Trường hợp Ông Kim*2). Những nhãn hiệu hữu thể, vô thể, tả chân, trừu tượng, v.v... ở trường hợp ĐQE đã rơi rụng đi cả. đã không còn những ý nghĩa thông thường của chúng.

*

ĐỖ QUANG EM theo học mỹ thuật từ 1960 đến 1965. Năm 1960, chúng ta hãy nhớ lại, là năm Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập. Ba năm sau, 1963, chính biến chế độ Ngô Đình Diệm. Năm 1964, vụ Vịnh Bắc Việt. Năm 1965, ĐQE mới tròn 23. Từ 1965 đến 1995 là ba mươi năm, ông đã sống mười năm dưới chế độ cũ, hai mươi năm dưới chế độ mới. Trong thời gian ba mươi năm đó, hội họa ở Sàigòn trải qua nhiều truân chuyên. Trước 75, ảnh hưởng Âu Mỹ, đặc biệt trường phái Paris. Giai đoạn khó khăn từ 75 đến 85: "hiện thực tả chân", "sâu sát thực tế", v.v... Giai đoạn "đổi mới" từ 85, 86: Đuổi bắt các trào lưu thế giới, đặc biệt hội họa trừu tượng.

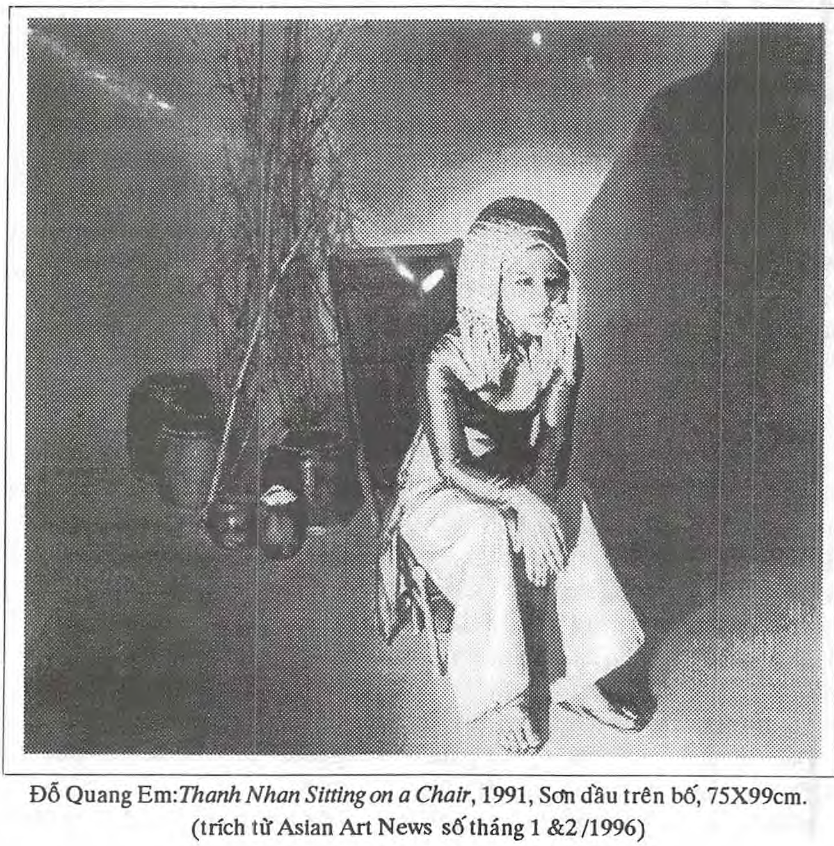
Điều làm cho tôi tò mò và suy gẫm là trong suốt thời gian ba mươi năm đó, ĐQE đã một mực trung thành với cái nhìn và cái vẽ của mình. Vì sao?

Những ai đã từng thấy, hoặc tranh thật, hoặc tranh chụp và/hay in lại,

đều nhận ra ngay rằng ông vẽ tranh rất "thật". Tưởng chừng thấy được cái ướt ở khóe mắt. Cảm được cái mịn và mát của gấm của lụa. Cái cứng cái khô của khúc tre già. Cái ù lì của viên gạch. Vẽ mà diễn tả được như vậy đòi hỏi đôi mắt thật tinh và một kỹ thuật cao độ. Chúng ta dễ dàng xếp ĐQE vào hàng ngũ "hiện thực", "tả chân". Ở ông, chúng ta tìm thấy âm hưởng, dấu vết của một đôi vị họa thánh Tây phương: Van der Weyden (Fla-măng — Flanders; Flemish, thế kỷ XV), Vermeer (Hòa Lan,thế kỷ XVII) ngoài hai ông de la Tour và Zurbaran đã nhắc đến ở trên.

ĐQE nói với tôi rằng thân phụ ông là một nhiếp ảnh gia tài danh của miền Nam (vĩ tuyến 17) những thập niên năm mươi, sáu mươi. Ông cụ nghệ sĩ đã truyền lại nhiều điều quí giá cho con trai. Đến đây, chắc hẳn có bạn đọc vỗ đùi đánh đét một cái: "Ha! Thảo nào! Tranh ĐQE trông thật như chụp ảnh!!!" Người viết bài này không nghĩ thế. Tôi muốn bắt chước nói như người quê Nam: "Coi dzậy chứ không phải dzậy!"

Ở nhà ĐQE, chúng tôi không ngồi trên những ghế "xa-lông" đánh vẹc-ni láng coóng, hay trên những "sô-fa" lót nệm bọc ni-lông. Chúng tôi được ngồi trên những chiếc ghế vuông vắn, chắc chắn. Bằng tre. Đơn giản. Thô sơ.



Đỗ Quang Em:*Thanh Nhan Sitting on a Chair*, 1991, Sơn dầu trên bố, 75X99cm.
(trích từ Asian Art News số tháng 1 &2 /1996)

Những chiếc ghế tre già đã giúp tôi "hiểu" tranh ông: Những chiếc ghế tre, chõng tre hiện diện khá thường xuyên trong tác phẩm ĐQE.

Vẽ sơn dầu trên bố với kỹ thuật cổ điển Tây phương, và tuy là đứa con của một miền đất nhiệt đới, ĐQE lại sử dụng ánh sáng một cách trân quí, gần như *tần tiện*, như thể ông sống và vẽ ở vùng *Đất Thấp* (les Pays-Bas, The Netherlands), quê hương của Vermeer, của Rembrandt. Có một vị họa thánh khác của *Đất Thấp* (tên chính của xứ Hòa Lan, mặt đất thấp hơn mặt biển), là Van Gogh, nhưng Van Gogh đã chối bỏ cái thứ ánh sáng quí giá và hiếm hoi đó để tìm về miền Nam Pháp Quốc chan hòa nắng ấm.

Ánh sáng trong tranh ĐQE chỉ vừa đủ để thấy được, có khi chỉ là *mường tượng* được hình thể. Mới nhìn, tưởng rằng ĐQE rất gần với Vermeer. Ở chỗ ông nâng niu những đồ vật tầm thường hàng ngày. Ông nhìn chúng với con mắt trân trọng. Nếu có bóng dáng con người thì cũng là con người bình thường, ngồi hay đứng một mình, im lìm trong một không gian vắng vẻ. Như ở Vermeer. Cũng như Vermeer, ông thấy được - vì ông là người Việt Nam - cái sang cả của một cây chổi, cái uy nghi của một cây đèn dầu, cái vững chải, ngay cả cái quí, cái đẹp, của một viên gạch. Ấy thế mà ĐQE cũng rất khác với Vermeer. Cố nhiên, Hòa Lan cuối thế kỷ XVII khác xa với Việt Nam cuối thế kỷ XX. Không gian Vermeer đầy đặn, trong trẻo. Không gian ĐQE hiu quạnh, mịt mờ. Không khí Vermeer ấm áp. yên ổn, bàng bạc một niềm hạnh phúc bình dị. Không khí ĐQE tĩnh lặng và trang trọng. Nhưng lại có một cái gì như là cô đơn và bất an. Một nỗi bí ẩn có vẻ như rình rập, như đe dọa...

Đại họa sĩ Nhật bản Hokusai, thế kỷ XIX, có nói một câu để đời khi được hỏi tại sao bức tranh vẽ chim của ông lại trống không, và con chim thì ông cho nó bay tuốt trên một góc tranh. Hokusai nói: "Tôi đâu có vẽ con chim. Tôi vẽ cái không gian mà nó mới bay qua mà!" Dĩ nhiên, Vermeer không thể biết đến câu nói đó vì ông sinh trước Hokusai cả hai trăm năm. Vermeer không biết, nhưng có lẽ ĐQE biết. Vì thế mà trong tranh "thật như thật" của ông có những vùng trống trải kỳ diệu. Tôi đặc biệt nhớ một bức tranh: Một cái thang tre đặt nằm một bên theo chiều dài, kê trên hai viên gạch bốn lỗ (cũng được gọi là gạch ống). Trên thang có móc một cây đèn dầu nhỏ xíu. Chỉ có thế mà họa phẩm toát ra một sự sang trọng quí phái, một niềm cô đơn vời vợi. Chiếc thang tre, cây đèn dầu, hai viên gạch, chúng hiện diện như thế chẳng đặng đừng. Không nên, không cần gán cho chúng một ý nghĩa nào. Chúng có mặt trong tranh ĐQE, và chúng ta nhìn chúng *như thể chúng ta đang nhìn lóm*, cái nhìn rất lịch sự. Không gian Vermeer ân cần mời ta hãy bước vào. Không gian ĐQE miễn cưỡng tiếp lấy cái nhìn tọc mạch của ta với không nhiều thiện cảm. Bản thân người viết lại trân trọng sự miễn cưỡng ấy.

Tôi trân trọng bởi lẽ cái thang tre, cây đèn dầu, những viên gạch được

ĐQE vẽ ra thật tỉ mỉ, thật "thật", nhưng sự "thật" nầy không đánh lừa ta, không quyến rũ ta vì cái đặc dị của đề tài, cái tài tình của kỹ thuật, cái tinh vi của bút pháp. Họa phẩm thu hút ta vì một sự có mặt tự tại. Một sự có mặt mầu nhiệm. Đúng thế, có thể nói, nói mà không ngại là đại ngôn: hình thể trong tranh ĐQE, người cũng như vật, *biểu hiện sự mầu nhiệm của hiện hữu.*

Biểu hiện đó có mang đặc thù ĐQE chăng cũng chỉ vì người nghệ sĩ không thể không để lại dấu vết đường chỉ tay của mình. Cái không gian hiu quạnh mịt mờ, cái không khí tĩnh lặng mà bất an, uy nghi mà cô quạnh chúng ta đã thấy và nói đến ở trên là cái giá phải trả của người nghệ sĩ khi cầm đến cây cọ. Kiểu như muốn quá quan thì phải nộp tiền mãi lộ. Thế thôi.

*

Thế kỷ XI, đời Lý, thiền sư Thường Chiếu có để lại bài kê bằng Hán văn. Học giả Nguyễn Lang đã dịch hai câu đầu ra tiếng Việt như sau:

Đạo vốn không nhan sắc
Mà ngày càng gấm hoa

Tôi đặc biệt thích thú lời dạy đó. Với kỹ thuật cổ điển Tây phương của ba trăm năm trước, ĐQE đã vẽ ra được cái "gấm hoa" của một khúc tre già, cái chén cũ, cục gạch sứt. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta lại vội vã gọi ĐQE là "hiện thực", là "tả chân". Sở dĩ vậy vì ĐQE có một phương cách bố cục đặc dị. Thường thường, không gian (espace, space) trong tranh là để chứa đựng sự vật, chứa đựng hình thể. Ở ĐQE, cái không gian mênh mông và tĩnh lặng, mờ mờ, u huyền ấy *là* sự vật, *là* hình thể. *Espace* và *figure* là một. Không gian đâu phải là nơi *không có*. Không gian ĐQE *có*. Tự tại.

Không gian ấy, hình thể ấy... Tĩnh lặng, có, tĩnh lặng đến điu hiu. Trống trải, có, trống trải đến cô quạnh. Điu hiu, cô quạnh, vâng, nhưng cũng trang trọng, cũng "gấm hoa". Chúng ta đã đọc nhiều, nghe nhiều, viết nhiều về sự giao thoa cần có và đã có giữa Đông và Tây. Chưa bao giờ sự giao thoa ấy hiển lộ, tinh tế và dị thường, như trong tranh ĐQE. Thật giản dị: ông đã biết dùng phương tiện Tây phương để diễn đạt Đông phương.

Quan trọng hơn cả, Đỗ Quang Em đã vượt lên trên sự chia cách giữa "tả chân" và "trừu tượng", nghĩa là đi quá cái phân biệt giữa hình thể và vô hình thể. Giữa "có" và "không". Đúng là "Đạo bản vô nhan sắc", như lời dạy của vị thiền sư đời Lý.

VÕ ĐÌNH
Sàigòn, I-1996

Bị chú:
(1) *Văn Học Nghệ Thuật*, số 12, tháng 3, 1979
(2) *Sao Có Tiếng Sóng..., Văn Nghệ, California, 1991*

NHƯỢC TRẦN

liên hoan điện ảnh quốc tế rotterdam thành tựu và triển vọng



Trong những ngày lập đông, nhiệt độ ở Hòa Lan xuống tới khoảng từ 5 đến 10 độ âm. Nhiều lúc, gió Đông Bắc thổi đến mang theo những cơn lạnh cắt da 20 độ C. Nước trên những mặt hồ đông cứng thành những tảng băng lớn. Thế mà, thành phố Rotterdam lại nhộn nhịp như một ngày Hội lớn. Liên Hoan Điện Ảnh Quốc Tế Rotterdam được tổ chức từ ngày 24 tháng Một đến hết ngày 04 tháng Hai năm 1996 vừa tròn 25 tuổi. Trải bao thăng trầm giữa các thời đại, môn nghệ thuật thứ bảy vẫn có một sức sống mãnh liệt và đã đi được những bước thật dài.

Năm nay, trong Liên Hoan Điện Ảnh này có tất cả 461 phim từ 60 quốc gia trên toàn thế giới đến tham dự. Là một cộng tác viên, tôi có dịp theo dõi từ đầu đến cuối những diễn tiến của ngày Đại Hội. Những nhà làm phim, nhà phê bình, diễn viên và các ký giả từ khắp mọi nơi trên địa cầu hội tụ về đây tạo nên một bầu không khí thật tưng bừng và độc đáo. Ngành điện ảnh muôn đời vẫn là một trong những môn nghệ thuật kỳ diệu tạo nên bao sự lạ lùng và quyến rũ. Vui sướng thay cho những nhà làm phim đích thực khi nhìn thấy từ tờ mờ sáng trong những ngày giữa tuần, từng đoàn người chen nhau xếp hàng trước các rạp chiếu bóng để mua cho được một cái vé xem phim.

Trong Liên Hoan Điện Ảnh Quốc Tế Rotterdam năm nay có tất cả 7 phim Việt Nam tham dự dưới chủ đề Điện Ảnh Khu Vực Sông Mê-Kông: Phim truyện "Thương Nhớ Đồng Quê" và phim "Trở Về" của đạo diễn Đặng Nhật Minh, phim truyện "Xích Lô" và hai tiểu đoạn phim của đạo diễn Trần Anh Hùng, phim truyện "Lưỡi Dao" của đạo diễn Lê Hoàng và một phim tài liệu "Thăng Trầm Trên Sông Hương" của nhà làm phim Lê Mạnh Thích. Trong số phim này, hai phim "Thương Nhớ Đồng Quê" và phim "Xích Lô" được chú ý nhiều nhất. Giải Con Cọp Vàng của Liên Hoan năm nay đặc biệt chỉ trao cho những nhà làm phim trẻ làm phim đầu tay hoặc phim thứ hai. Phim "Thương Nhớ Đồng Quê" không dự giải vì Đặng Nhật Minh là một đạo diễn kỳ cựu. Phim "Xích Lô" đã nhận giải Sư Tử Vàng Venise và Trần Anh Hùng là một trong những đạo diễn được mời tham dự trong ban giám khảo. Giải Con Cọp Vàng được trao cho ba phim: "Like Grains of Sand" của Hashiguchi Ryosuke (Nhật), "Sons" của Zhang Yuan (Trung Quốc) và "Small Face" của Gillies Mackinnon (Anh Quốc). Giải NETPAC (Giải nhất phim Á châu) được trao cho phim "Thương Nhớ Đồng Quê" của Đặng Nhật Minh và phim "Heartbreak Island" của Hsu Hsiao Minh (Đài Loan). Giải Citroen (giải thẩm định của khán giả) về tay của đạo diễn Michael Rymer với phim "Angel Baby" (Úc). Trong số 461 phim dự Liên Hoan, quần chúng xem phim đánh giá phim "Thương Nhớ Đồng Quê" của Đặng Nhật Minh vào hàng thứ 11 và phim "Xích Lô" của Trần Anh Hùng vào hàng thứ 37. Một khích lệ rất lớn cho điện ảnh Việt Nam.

Trong vài năm trước đây, một số phim truyện Việt Nam như: "Bao Giờ Cho Đến Tháng Mười" (1984) và "Cô Gái Trên Sông" (1987) của Đặng Nhật Minh, "Cánh Đồng Hoang" (1979) của Nguyễn Hồng Sến, "Thị Trấn Yên Tĩnh" (1986) của Lê Đức Tiến, "Gánh Xiếc Rong" (1989) và "Dấu Ấn Của Quỷ" của Việt Linh, "Mùi Đu Đủ Xanh" (đoạt giải Camera vàng ở Cannes 1993, rồi giải Cesar 1994 cho tác phẩm đầy tay và được vào chung tuyển giải Oscar 1994 cho phim ngoại quốc) của Trần Anh Hùng và "Hãy Tha Thứ Cho Em" (1994) của Lưu Trọng Ninh (Một tài năng trẻ đầy triển vọng) đã gây sự chú ý và chiếm được cảm tình của giới điện ảnh và khán giả tại một vài Liên Hoan Phim Quốc Tế. Năm nay, hai phim "Thương Nhớ Đồng Quê" và "Xích Lô" đã hoàn toàn chinh phục và đón nhận một cách thật nồng nhiệt của giới mộ điệu. Đặng Nhật Minh (người gốc Huế, lớn lên tại Hà Nội) là một đạo diễn xuất sắc nhất ở Việt Nam hiện nay và được thế giới biết đến rất nhiều. Trần Anh Hùng (34 tuổi, rời Việt Nam từ năm 1975, người Mỹ Tho và hiện định cư tại Pháp) là một đạo diễn trẻ, làm hai phim truyện, cả hai đều đoạt giải quốc tế. Hai tài năng lớn hiếm quý trong lịch sử điện ảnh nước nhà.

Cách đây 4 năm, lần đầu tiên Trần Anh Hùng về thăm quê hương sau 16 năm xa cách. Việt Nam với những hình ảnh sống thực của những con người

mệt mỏi, lầm than và cơ cực đang vật lộn ngày đêm để được tồn tại trong một xã hội với nhiều biến động, đã gây một ấn tượng khá mạnh đến tâm thức của nhà làm phim. Và đó là chất liệu và động lực để cuốn phim "Xích Lô" ra đời. Theo Trần Anh Hùng: "Xích Lô không phải là một phim tài liệu về xã hội Việt Nam. Nó chỉ là sự cảm nhận của riêng tôi về những gì mà tôi bắt gặp trong lúc va chạm. Trong tâm tư của tôi, tôi vẫn là một người Việt Nam và phim "Xích Lô" là một phim Việt Nam. Nhưng, như thế tuyệt đối không có nghĩa là cuốn phim đã trình bày đúng và đầy đủ đời sống tinh thần của nền văn hóa Việt. "Xích Lô" chỉ phản ảnh vài nỗi suy tư phát sinh từ hoàn cảnh khá đặc biệt của tôi, một người Việt Nam có quốc tịch Pháp". Nhân vật Xích Lô do Lê Văn Lộc (ngoài đời cũng đạp xích lô và chưa đóng phim bao giờ) thủ diễn, khá đạt. Một con người bần hàn trong xã hội, dùng bắp thịt, mồ hôi của mình để giữ lấy sự sống. Một con người lương thiện do hoàn cảnh bị cuốn hút vào thế giới của tội ác. Trong đó, bao hình ảnh ngập ngụa của rác rưởi và bùn lầy, của thuốc phiện và gái điếm, của máu và những xác chết, của luật giang hồ mạnh được yếu thua cứ chồng chéo lên nhau.

Một con người đánh mất chính mình rồi cuối cùng cũng vươn lên được từ địa ngục chỉ vì trong người còn mang nặng bản chất lương thiện. Qua hình ảnh một tên sát nhân trước khi trừng phạt nạn nhân của mình cất lên những lời ru con êm đềm; Qua thể hiện tình mẹ nồng nàn dành cho đứa con tật nguyền của mình nhưng lại tàn nhẫn đối với kẻ khác của "Bà Chủ"; Qua cái lạnh lùng và tàn bạo cua "Nhà Thơ" mang chứng chảy máu cam mỗi khi bị xúc động mạnh. Nhân vật "Nhà Thơ" không hiện thực trong xã hội Việt Nam, nhưng điều đó không quan trọng, bởi, Trần Anh Hùng đã khéo léo và sâu sắc tạo nên nhân vật này để nói lên một điều khác. Và anh đã thành công. Cuốn phim gợi lên những dữ kiện mà có thể một số người cảm nhận như cách thể hiện qua những ký hiệu. Nhưng điều thiết thực nhất là cuốn phim đã nói lên được sự mâu thuẫn, sự nhập nhằng giữa cái êm đềm và tàn bạo, giữa lòng nhân và thú tính, giữa thánh thiện và ác quỷ luôn tồn tại trong mỗi con người và hiện hữu trong mọi hình thái xã hội. Cuốn phim mang một triết lý cao về tính hiện sinh, do đó, một người hời hợt khi xem qua một lần khó có thể lãnh hội một cách đầy đủ và trọn vẹn được.

So với "Mùi Đu Đủ Xanh", trong phim "Xích Lô", Trần Nữ Yên Khê đã chững chạc hơn nhiều qua vai "Người Chị". Thế nhưng, cuốn phim cũng không tránh khỏi một vài khuyết điểm. Đó là sự lạm dụng quá nhiều máu và tính bạo động. Người xem có cảm giác nặng nề, ngộp thở. Chính Trần Anh Hùng cũng biết rõ điều đó nên anh có đưa vào những scène như nhóm hợp ca thiếu nhi để làm dịu bớt sự căng thẳng sau một màn giết người ghê rợn. Màn bạo động cuối phim (giết một thanh niên trên sân thượng của một phố lầu) là một màn, theo tôi, hơi thừa. Có lẽ, nhà làm phim muốn chúng ta chiêm

nghiệm lại đời mình trước hình ảnh một con người đang đi dần vào sự chết.

Trái ngược với tính cách bạo động và đời sống ngột ngạt của Sài Gòn hiện đại qua phim "Xích Lô", phim "Thương Nhớ Đồng Quê" của Đặng Nhật Minh đã thể hiện rất rõ nét một nếp sống hiền hòa, êm đềm "rất thôn quê" trên mảnh đất Việt Nam nhiều biến động. Sau bao nhiêu năm chờ đợi, lần đầu tiên, tôi thật sự được xem một cuốn phim Việt Nam khá hoàn hảo. Dựa theo truyện của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, đạo diễn Đặng Nhật Minh đã bày tỏ sự cảm thông, lòng trân trọng một cách sâu sắc khi dựng lên một hình ảnh thật sống động của miền quê Bắc Việt, trong đó, những con người chân chất, những số phận thiệt thòi đủ mọi thành phần sống quần tụ bên nhau đậm đà tình nghĩa như một đại gia đình. Họ sống giản dị dưới những mái nhà tranh đơn sơ và quanh quẩn sốt đời giữa những cánh đồng, bên những nương rẫy và dưới những lũy tre làng xanh mát. Kỹ thuật, âm thanh, hình ảnh, màu sắc và nghệ thuật dựng truyện của cuốn phim đã đạt tới một tiêu chuẩn quốc tế. Và nó phản ảnh đậm nét tính cách và bản sắc của dân tộc.

Câu chuyện kể về một thiếu niên thôn quê 17 tuổi, tên Nhâm (do Tạ Quốc Bảo đóng lần đầu tiên), thích mơ mộng và hay làm thơ, sống với mẹ, cô em gái và người chị dâu tên Ngữ (do cô ca sĩ hát Quan họ Bắc Ninh Thúy Hường thủ diễn, cũng lần đầu tiên). Nhâm sống an phận và lặng lẽ với ruộng đồng cho đến một hôm, Quyên (do Lê Vân đóng), một cô gái cùng làng, đẹp, trưởng thành từ Mỹ về thăm lại quê hương. Quyên đã sinh ra và lớn lên tại ngôi làng này, và do một dịp tình cờ theo bố ra Hà Nội sinh sống. Sau đó, do hoàn cảnh đưa đẩy, Quyên theo gia đình vượt biên và định cư tại Mỹ. Sự trở về của Quyên đã tạo nên bao ngỡ ngang và nhất là gây nên một tác động rất lớn đến tâm hồn "mới lớn" của Nhâm. Nhâm đưa Quyên đi thăm làng, thăm những người thân quen - mà mỗi nhân vật là một điển hình của những số phận - thăm đồng ruộng, thăm dòng sông chảy quanh làng.

Trước sự chững chạc, tự nhiên và vẻ đẹp quyến rũ của Quyên, lòng Nhâm bỗng giao động. Rồi biến cố xảy ra, cô em gái và cô em họ của Nhâm bị chết trong một tai nạn xe cộ, mọi người đau thương và Quyên phải trở về bên Mỹ. Làng quê nghèo nàn tiếp tục đi tới bằng những bước đi thăng trầm.

Phim "Thương Nhớ Đồng Quê" là một cuốn phim thật đẹp, đầy xúc cảm và vô cùng đặc sắc. Có lần, đạo diễn Đặng Nhật Minh tâm sự: "Tôi là người chỉ thuần túy làm văn nghệ. Tác phẩm của tôi làm ra trước tiên là cho mình, cho bạn bè và những người thân quen, sau đó là cho những số phận hẩm hiu trong xã hội. Mặc dù chưa thật sự sống ở thôn quê bao giờ, nhưng có lẽ những mảnh đời, những hình ảnh đồng quê đã ghi sâu vào tiềm thức của tôi sau những lần tôi thăm viếng. Tôi rất yêu quý những người dân quê luôn bị thiệt

thòi trong cuộc sống. Từ thời chiến tranh cho đến thời thanh bình, trong lúc còn chế độ bao cấp hay đến khi đất nước phát triển theo cơ chế thị trường tự do, người dân quê bao giờ cũng vẫn là nạn nhân của thời cuộc. Khi làm phim, ký ức của tôi trỗi dậy là sự kết tinh giữa vốn sống và tâm tình của tôi đối với quê hương, đối với những con người mà tôi trân quý. Qua cuốn phim này, tôi chỉ gợi lên một điều là chúng ta, dù đang thành công tong bất cứ lãnh vực nào, xin đừng quên những dân quê, những người đã tạo ra hột cơm cho ta ăn và sống hàng ngày".

Tâm hồn của Đặng Nhật Minh là một tâm hồn đẹp và rất lương thiện. Tôi chia sẻ với anh nỗi lo ngại về sự "xâm lấn" của nền "văn minh thành thị" làm biến chất dần nếp sống có truyền thống của thôn quê. Qua cuốn phim, ta thấy được sự tinh tế của đạo diễn. Anh đã khai thác tâm lý của nhân vật khá sâu sắc và mọi người đều diễn một cách rất thật, rất tự nhiên. Một ông chú xuề xòa, háo sắc nhưng bộc trực, phẫn uất điều gì là lăm le trên tay con dao nhưng chẳng bao giờ muốn giết ai, và khoái trá khi lần đầu tiên xem màn biểu diễn Thi Hoa Hậu trên màn ảnh truyền hình. Một ông Giáo thâm trầm "9 bỏ làm 10". Một cô gái giang hồ làm vợ lẻ nhưng vẫn biết quý trọng tình nghĩa hơn tiền bạc. Một thầy giáo làng yêu nghề băn khoăn về nỗi khó nhọc của người dân quê trước cuộc sống phồn hoa của đô thị. Một chị Loan góa bụa khi tuổi đời còn quá trẻ (chồng chết trong chiến tranh) rất chịu đựng và cứ mỗi sáng khi gà vừa gáy, quẩy gánh hàng đón đò qua sông cho kịp buổi chợ phiên. Một thiếu phụ đứng giữa làng chưởi đổng khi biết chồng mình bị cô gái điếm quyến rũ. Một cô bé "em biết, nhưng không nói" chết đi như sự sống mong manh của một đời người, của những con cá giấy chết trên đồng ruộng khô.

Đặc biệt là nhân vật Nhâm qua những xúc động tâm lý đầu đời. Một nụ cười hồn nhiên; Một sự ngỡ ngàng sung sướng khi lần đầu nhìn thấy một cô gái đẹp cởi trần tắm sông; Một cảm giác đê mê khi áp chiếc áo của người con gái đó vào mặt để ngửi; Một cơn thẹn thò, hốt hoảng bỏ chạy khi bị cô gái bắt được quả tang; Một lần xuất tinh "đã làm người lớn" trong vòng tay hôn mê của chị Ngữ dưới ánh trăng vàng vọt trong đêm đập lúa; Một cánh thư thả vào không gian. Nụ cười vuốt ve và ngạo nghễ rất kín đáo của Quyên khi phát hiện Nhâm yêu thầm mình; Một nỗi thương tâm hằn trên nét mặt qua làn khói thuốc của một kẻ có đủ đầy vật chất mãi đi tìm hạnh phúc nhưng không bao giờ tìm gặp. Và Ngữ, một cô thôn nữ nghèo, cô độc và nhẫn nhục, muốn vươn lên nhưng vẫn không thoát khỏi số phận; Một số phận hẩm hiu trong nỗi khắc khoải của những nàng "Tô Thị" suốt đời chờ chồng; Một sự khao khát của những đòi hỏi sinh lý và nhu cầu làm mẹ qua hình ảnh em chồng, qua sự mớm miếng cho đàn chim con. Thật tuyệt vời, thật "erotic" nhưng rất nghệ thuật. Hai người đàn bà điển hình, hai số phận trái ngược,

nhưng có cùng một tâm trạng: cả hai đều không được hạnh phúc. Tất cả những nhân vật trong phim được đạo diễn Đặng Nhật Minh dựng lên và thể hiện một cách rất "người". Và, hình ảnh một buổi cúng Đình, một đêm xem Múa Rối Nước, một đám tang trên đường làng, tất cả đều rất "đồng quê".

Điện ảnh Việt Nam đã trải qua bao thăng trầm. Trước năm 1975, các loại phim được phát hành tại miền Nam còn rất non kém, phần lớn đều bị ảnh hưởng bởi điện ảnh của Mỹ. Miền Bắc chỉ sản xuất những bộ phim mang tính cách tuyên truyền. Khoảng một thập niên gần đây, một số phim truyện có giá trị nghệ thuật đã ra đời. Trong thời bao cấp, nhà nước tài trợ hoàn toàn cho ngành điện ảnh để thực hiện những loại phim đúng theo "khẩu vị" của các ông quan cách mạng. Từ khi có chính sách "đổi mới", một số hãng phim và một số nhà làm phim đã tách ra làm riêng. Vì tài chánh eo hẹp, kỹ thuật còn quá lạc hậu, những nhà làm phim này đã gặp rất nhiều khó khăn, một số nhỏ đã bung ra làm phim thương mại để "kiếm sống". Nhà nước chỉ tài trợ nhỏ giọt và tiêu chuẩn mỗi năm chỉ cho ra 10 bộ phim truyện.

Cạnh đó, do sự kiểm duyệt khắt khe, một số nhà làm phim có thực tài đã bất lực chịu bó tay khi kịch bản của họ bị phê là có "vấn đề". Từ khoảng năm 1990 đến cuối năm 1994, giữa một nền kinh tế thị trường khập khễnh, nhiều giá trị xã hội đã bị suy sụp. Ngành điện ảnh cũng mang cùng số phận. Những loại phim giải trí đấm đá của Mỹ, của Hồng Kông xâm nhập vào nội địa. Những loại phim thương mại rẻ tiền tràn ngập trên thị trường. Xã hội bị lôi cuốn bởi đồng tiền. Con người bận lo làm ăn kiếm tiền nên ít có thời giờ để thưởng thức những loại phim có giá trị nghệ thuật đích thực. Sự phổ biến của phim Video cũng góp phần đẩy khán giả xa dần với các rạp chiếu bóng.

Nhiều khi, vào buổi trưa, thiên hạ mua vé xem phim chỉ để được vào rạp đánh một giấc ngon lành sau những giờ phút làm việc mệt nhọc. Nhiều cặp tình nhân dẫn nhau xem phim chỉ là tìm nơi kín đáo để làm tình... nhẹ trong bóng tối. Cô Ngô Phương Lan, một nhà phê bình điện ảnh có nhiều uy tín, cho biết: "Hiện nay, cả nước có khoảng 500 rạp chiếu bóng, nhưng khoảng 80% các rạp chiếu bóng này đã ngưng hoạt động hẳn, hoặc đã phải chuyển sang các kiểu kinh doanh hay dịch vụ làm ăn cò con khác. Người xem bỏ rạp làm cho rạp kiệt quệ, hoang tàn. Nhưng chính bản thân họ cũng "đói" phim hay, rạp tốt. Năm 1995 là năm điện ảnh Việt Nam đã có những sự chuyển mình. Điển hình nhất là sự "hết mùa" của phim thương mại mà người ta còn gọi là phim "mì ăn liền". Sau mấy năm tìm đủ cách "câu" khách, đến nay dường như các chủ phim này đang bị chết dở. khán giả đã "ngấy" cái món ăn nhiều khi rất hổ lốn này nên tự động rút lui. Thế là các xu hướng mà bao người từng lo ngại và đánh động như thương mại hóa điện ảnh (chạy theo đồng tiền) và nghiệp dư hóa điện ảnh (bỏ qua yếu tố nghề nghiệp) cũng theo

đó mà tan biến đi".

Một sự kiện đáng mừng cho những nhà làm phim chân chính. Nhà nước cần chú tâm nhiều hơn trên phương diện tinh thần và tài chánh. Giảm bớt sự can thiệp nhiều khi bất công vào sinh hoạt nội bộ của những người làm văn nghệ. Đặt những người có tâm huyết, có khả năng chuyên môn vào đúng vị trí để họ có cơ hội phát huy tài năng của mình. Điều rất phi lý là những năm gần đây, phim Việt Nam được thế giới đánh giá cao và đón nhận một cách nồng nhiệt, thế mà, tại trong nước, chính quyền và người dân lại quá lạnh nhạt và thờ ơ.

Cô Ngô Phương Lan nói thêm: "Đã đến lúc cần phải quy hoạch, nâng cấp mạng lưới rạp chiếu và cải tổ lại hệ thống quản lý chiếu bóng. Bởi khán giả đến rạp là để hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần, thưởng thức các tác phẩm điện ảnh đạt yêu cầu về chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật chứ không phải mất tiền để nuốt những thứ hổ lốn, được xào nấu lại một cách sống sượng như hàng loạt "phim giải trí" trong mấy năm qua. Và, tiền thu được từ việc chiếu phim phải được quay lại để "nuôi" điện ảnh như một quy luật tự nhiên của nhiều nước. Điện ảnh đang phải đương đầu với đầy rẫy khó khăn nhưng không thể bị diệt vong. Triển vọng của điện ảnh còn dồi dào bởi nó sẽ tiếp tục đi trên những con đường đã được hình thành trong 100 năm qua để tìm kiếm và khai phá những vùng đất mới trong thế giới ngôn ngữ điện ảnh giàu có và đầy bí ẩn".

NHƯỢC TRẦN
Hòa Lan, Đông 1996



PHAN TẤN HẢI

sinh hoạt văn học nghệ thuật



NEW YORK: THÀNH PHỐ CỦA NHÀ VĂN MỌI LỨA TUỔI

Thành phố New York, nơi hơn một thế kỷ nổi tiếng với các nhà văn như Wharton, Mailer, Janowitz, nơi những đam mê văn học bùng nổ và tan biến, vẫn có những nhóm nhà văn đang chiến đấu vất vã với những ước mơ không bao giờ mất, và cuộc chiến bền bỉ đi theo vào tuổi già của họ.

Những nhà văn vừa nói kiên trì chống lại kiểu thời thượng: ngồi lê lết nơi các quán cà phê, về nhà thì bật máy điện toán xáng vào gõ như mưa. Mảnh đất của các nhà văn này là các trung tâm người cao niên; Sở An Sinh Xã Hội nuôi dưỡng họ. Nhưng nỗi đam mê của họ hệt như nhau.

Bessie R. Doenges, 94 tuổi, tới thành phố New York vào năm 19 tuổi với ước mơ viết văn. Mãi bảy mươi lăm năm sau với ba cuốn tiểu thuyết chưa được xuất bản, bà Doenges mới chỉ tìm được người đại diện: Timothy Seldes, giám đốc Russel & Volkening, trung tâm đại diện văn chương với những khách hàng như các nhà văn Eudora Welty, Nadine Gordimer, Anne Tyler và Annie Dillard.

Người giới thiệu khách hàng mới này cho Seldes là tiểu thuyết gia Mary Morris, người ngưỡng phục *"Bessie Writes,"* mục báo 250 chữ do bà Doenges viết, với nhuận bút 30$/bài, cho hai tờ tuần báo nhỏ do chồng bà Morris biên tập.

Seldes hiện đang gửi *Bessie Writes* cho các nhà xuất bản. Cảm xúc bởi "sức

mạnh tuyệt diệu và độc đáo của giọng văn," ông nói rằng ông tin có cơ hội tốt cho tuyển tập này được xuất bản. "Bà là một trường hợp điển hình cổ điển về một văn tài được khám phá," theo lời của Larry O'Connor, biên tập tờ *The Chelsea Clinton News* và tờ *The Westsider*, chồng của bà Morris. "Và một tài năng được khám phá ở tuổi 94 thì còn nhiều kịch tính hơn cho đời." Dĩ nhiên là nhiều kịch tính cho đời, nhưng sẽ là bi kịch cho người không sống thọ tới tuổi này.

Tại khắp nơi trong thành phố New York, quý ông và quý bà trong các lứa tuổi 70, 80 và 90 đang theo học các lớp viết văn, tìm cách để được in sách ở lứa tuổi đáng ra phải nghỉ ngơi vui chơi.

Khoảng 5% sinh viên tại các lớp viết văn của Đại Học Nghiên Cứu Xã Hội *(New School for Social Research)* đang ở trong lứa tuổi 60, 70 hoặc già hơn. Tại Tiếng Nói Nhà Văn (*Writer's Voice*), một chương trình tại *Westside YMCA*, thì 118 trong số 2,000 học viên năm nay đang được giảm học phí theo diện cao niên.

Cũng có những nhóm viết văn khác họp thường xuyên tại các trung tâm người già khắp nơi trong thành phố, trong đó có một trung tâm liên tục 15 năm nay họp hàng tuần nơi tầng trệt chung cư cao niên bên bờ Upper West Side, chỗ bà Doenges cư ngụ.

Vào một buổi chiều mới đây, bà và sáu nhà văn lớn tuổi hơn đã ngồi quanh một chiếc bàn chữ nhật với vị giáo sư của họ, lật qua các trang bản thảo và điều chỉnh các máy trợ thính cụ đeo bên tai, rồi suốt hai giờ đọc các tác phẩm của chính mình và nghe các lời phê bình.

Một chương từ tiểu thuyết loại *Elizabethan* (kịch tính kiểu thế kỷ 16-17 thời Nữ Hoàng Elizabeth I) của Eloise Liederkirchner. Bernice Silver, 81 tuổi, và Nicole Andonov, 66 tuổi, đọc mỗi người hai bài thơ. Arthur Vanderborg, 71 tuổi, đọc một truyện ngắn (trong truyện này, một nhân vật hơi lớn tuổi hơn ông, hơi khô khan hơn ông, được theo đuổi bởi một phụ nữ trẻ, người mà ông lần đầu gặp trong một giấc mơ).

Allen Davis , một kịch tác gia và là quản trị hí viện, người điều hành các lớp và đã dạy trên 100 nhà văn lớn tuổi hơn, nói ông đoán rằng họ chỉ muốn viết cho vui thôi. "Nhưng lại hóa ra là nhiều người thực sự muốn được xuất bản. Ngay cả khi họ không muốn thú nhận điều đó."

Ông thấy rằng họ ít vờ vĩnh hơn các nhà văn trẻ, tham vọng dĩ nhiên kém hơn. Họ muốn tiếp tục viết và đưa tác phẩm xuất bản. Davis nói, hành động viết đã cho họ một sức tươi trẻ nhất định nào đó. Davis thêm, "Tôi tin trọn vẹn rằng chính việc viết văn đã làm cho nhiều người trong họ còn sống sót tới giờ này."

Một bà cụ tóc trắng, nhỏ con, người vẫn đôi khi đi bộ hai dặm xuyên rừng Long Island nhờ dựa vào cánh tay cậu cháu trai. Bà Doenges sống một mình trong căn chung cư một phòng, viết các mục báo của bà trên máy đánh chữ vặn tay cũ mèm, và gửi bài tới ông chủ bút cách 40 đoạn phố bằng bưu điện.

Người hàng xóm ở tầng trên của bà Doenges là ông Vanderborg, một nhân viên bưu điện hồi hưu, người đội mũ bê-rê đen và vẫn cứ để cây giáng sinh trong phòng quanh năm. Sau 30 năm phát thư, ông vừa về hưu sáu năm trước— "không phải để về hưu mà là để viết."

Không phải trước đó ông không viết. Ông đã xuất bản một tập thơ năm 1977, và cho biết ông đã học với nhà thơ Jose Garcia Villa suốt 14 năm. "Tôi không khoe khoang đâu, nhưng tôi thật sự là một nhà thơ lớn," ông nói như sự thật hiển nhiên. "Bạn không bao giờ đọc nơi đâu những bài thơ như thế này, có lẽ trừ ở Dylan Thomas."

Những bài thơ của ông Vanderbor mỗi đoạn như một hình ảnh phản chiếu trong gương của đoạn trên. "Thật kỳ dị," ông giải thích. "Đây là thi ca của hình ảnh. Đừng tìm hiểu ý nghĩa. Tôi viết trừu tượng mà."

Bây giờ thì ông Vanderborg đang viết truyện ngắn. Gửi những truyện này cho các nhà xuất bản, ông nói ông đã xài tiền trợ cấp hưu bổng vào bưu phí nhiều hơn là để đi chợ. Ông viết khoảng 5 giờ mỗi ngày, trên máy đánh chữ hiệu Royal sản xuất từ năm 1909.

Và cũng kỳ lạ, bà Doenges tự thấy có một chút lưỡng lự về viễn tượng in sách sau tất cả những năm theo đuổi. Có thể là đã khác đi nếu cơ may này xảy ra 10 năm trước (lúc đó bà mới 84 tuổi), bà nói, "Khi bạn 94 tuổi, bạn tự rút mình ra khỏi thế giới." Bà lo rằng việc xuất bản sách sẽ làm bà thêm mệt mỏi. Sau khi Studs Terkel viết về bà trong cuốn *"Coming of Age"*—Tới Tuổi Già (NXB New Press, 1995), thì một đoàn quay phim truyền hình tìm tới, tự động sắp xếp căn chung cư của bà cho các góc cạnh vào ống kính, và cả đưa bà ra công viên cho thêm hình ảnh thiên nhiên. Mới đây bà kể lại, "Chỉ làm tôi mệt ra. Tôi nghĩ, nếu dính vào những trò này nữa thì chỉ có chết. Vâng, có thể chết lắm! Tất cả các bạn tôi đều đang chết, hoặc bị ngất tim hoặc bị kích xúc. Tôi không muốn như vậy."

162 NHẬT BÁO VÀO INTERNET

Các tờ báo có thể vẫn đang tìm cách giảm chi, bớt nhân viên, nhưng viễn ảnh bán tin và quảng cáo trên *Internet* lại liên tục buộc họ đốt tiền, mặc dù chưa ai biết cách nào các tờ báo phóng lên Internet có thể thu tiền về được không.

Trong hội nghị cuối tháng hai về kỹ nghệ báo chí điện tử, mệnh danh là *Newspapers '96*, một câu hỏi ám ảnh 700 người tham dự dường như là, "Rồi kế tiếp sẽ là gì?"

Khi nghe các diễn giả thuyết trình trong suốt ba ngày thì câu trả lời lại dường như là, "Chúng tôi không biết, nhưng nó đang đến."

Báo trên mạng lưới điện tử. Đó chính là một phong trào mà ai cũng phải nhảy vào, hàng trăm các chủ báo và doanh gia được khuyên như vậy trong

hội nghị. Đây là hội nghị thường niên kỳ thứ VII, họp tại ngoại ô Thung Lũng Điện Tử Silicon Valley.

Hội Nhật Báo Quốc Gia (*National Newspaper Association*) liệt kê danh sách 162 tờ đang có các trang điện tử trên *World Wide Web*, tức gấp ba con số năm 1994.

Vẫn còn hai trở ngại chính đang ngăn kỹ nghệ báo *Internet* thu lời. Thứ nhất là lượng độc giả *online* vẫn tương đối thấp so với lượng độc giả báo giấy.

Trở ngại thứ hai lại do tự thân luật thứ nhất của *Internet*, nghĩa là mọi thứ trên nguyên tắc là miễn phí. Người ta chỉ trả cho hãng điện thoại tiền dùng đường dây nối vào *Internet*, và trả tiền cho hãng cung cấp lối vào, thí dụ như *Compuserve, AOL*, hay các hãng địa phương nhỏ, để nối vào lưới tin, nhưng các nỗ lực xin mọi người chi tiền khi vào một trang *Web* nào đều thường thì thất bại.

Chỉ có nguồn lợi tốt nhất là quảng cáo, mặc dù còn giới hạn. *Jupiter Communications Company*, một hãng tham vấn, ước lượng rằng các hãng quảng cáo đã chi 55 triệu tiền quảng cáo *online* năm ngoái, và con số này có thể lên 5 tỉ trong năm 2000.

Bao giờ thì *Hợp Lưu* mở được báo trên *Internet?* Có lẽ phải chờ tới khi nào các công ty Hoa Kỳ tung tiền quảng cáo trên các báo văn chương Việt Nam vậy.

SÂN CHƠI CỦA CÁC NHÀ ĐẠO DIỄN TÀI TỬ

Đầu tư 7,000 đô la với hy vọng thu vào 2 triệu đô la sau một năm? Đó là huyền thoại nhưng cũng là ước mơ của các nhà làm phim độc lập Hoa Kỳ, những người còn xa lạ và vô danh trước những hãng phim khổng lồ.

Sau một năm rưỡi làm việc cực nhọc với đam mê nghệ thuật, với ước mơ tên tuổi cũng như tiền bạc, ba chị em — Julia, 33 tuổi, cô em Gretchen, 30 tuổi, và cậu em Stephen Dyer — đầu tháng hai vừa được Đại Hội Điện Ảnh Sundance, một đại hội phim cho các nhà làm phim độc lập, chọn phim *Late Bloomers* của họ vào cuộc thi.

Các hãng phân phối phim tới gõ cửa phòng ba chị em, và trong chốc lát, thì cuộc đánh bạc của họ — và cũng là cuộc đánh bạc của các nhà đầu tư góp tiền cho họ — dường như có thể trúng lớn. Nhưng thực sự, và cả ba chị em cũng biết rõ, phần khó khăn chỉ mới bắt đầu.

Trên khắp nước Mỹ, việc làm phim của những người độc lập — không được tài trợ của các hãng phim khổng lồ — tổng cộng hiện nay tốn khoảng 300 triệu đô, và tăng vùn vụt trong các năm gần đây. Các tạp chí, thị trường phim *online* (trên lưới tin *Internet*) và hai băng tần truyền hình cable đã mọc lên để đáp ứng nhu cầu các nhà làm phim này và khán giả của họ.

Đại Hội Điện Ảnh Sundance năm 1996 có khoảng 700 nhà làm phim nộp

đơn dự thi, tức tăng 35% so với 1995. Vì số lượng vào quá đông, Sundance đã mở thêm chương trình mới, *American Spectrum*, để chiếu thêm 20 phim độc lập.

Chưa hết, một đại hội cho các loại phim rẻ tiền quay từ dưới hầm nhà hoặc sân sau, dưới tên *Slamdance Film Festival*, cũng mở đồng thời với *Sundance Film Festival* cho các nhà làm phim không vào nổi *Sundance*. Năm ngoái có 50 nhà làm phim vào *Slamdance*, nhưng năm nay lên tới 450.

Đam mê nghệ thuật này tăng vọt nhờ huyền thoại một phim tốn 7,000$ có thể hốt về 2 triệu. Nhưng con số ấy không đúng tí nào. John Pierson, tác giả cuốn sách về kỹ nghệ làm phim độc lập, *Spike, Mike, Slackers and Dykes*, cho rằng muốn một phim được chiếu ở một rạp địa phương cũng tốn ít nhất 150,000$.

Chi phí quay phim chỉ thực sự tốn 7,000$, nhưng để phát hành, lại là chuyện khác: nhiều phim độc lập được quay ở dạng 16-ly, nhưng phải chuyển sang phim 35-ly mới chiếu được ở rạp; âm thanh cũng phải tái hòa âm; Cộng thêm tiền bảo hiểm, rồi tác quyền nhạc, lương chuyên viên và tài tử, và tiền phòng labm, giá thành sẽ xấp xỉ 100,000$. Nếu chọn chuyên viên giỏi, tổng cộng sẽ lên đến 150,000$. Đó là chưa tính tiền quảng cáo. Pierson nói, "Hầu hết các phim không kiếm ra một xu. Nếu có nhà làm phim nào móc thẻ tín dụng ra chi 30,000$ để thực hiện phim, thì nỗi đam mê này sẽ theo ám anh ta nhiều năm sau, vì phải trả nợ dài dài."

Có lẽ, người may mắn nhất và được kể làm điển hình trong các nhà làm phim độc lập là Ed Burns, người thực hiện phim *Brothers McMullen* trong Đại Hội *Sundance* năm ngoái — phim này sau đó được các hãng phát hành tung ra nhiều rạp và hốt bạc lớn.

Phim của ba chị em Dyers cũng may mắn được chiếu ở một số rạp địa phương tại Dallas, nơi sinh trưởng của họ. Nhưng không có con số thu nào được ba chị em tiết lộ, dĩ nhiên, trừ hạnh phúc sáng tạo.

LÒ LUYỆN VĂN QUẬN CAM

Quận Cam, thủ đô của người Việt hải ngoại. Nhưng nơi này còn được giới cầm bút Hoa Kỳ biết tới như là nơi nổi tiếng thứ nhì nước Mỹ trong việc góp tay hình thành các nhà văn.

Khóa học chiều thứ hai mỗi tuần — các khóa dài 3-giờ, nơi các truyện ngắn và các truyện-dài-đang-viết của các sinh viên được đem ra phân tích — là trung tâm của chương trình viết văn bậc hậu cử nhân của Đại Học UCI (*University of California, Irvine*).

Nay đã vào năm thứ 31, chương trình này đã giúp một nền tảng vững chải cho nhiều sự nghiệp văn chương.

Các khóa viết văn bậc hậu cử nhân ở UCI được đánh giá là một trong

những chương trình xuất sắc nhất trên nước Mỹ. Nhiều người tin rằng chương trình hai năm MFA (Cao Học Văn Chương) — cấp các văn bằng cho cả văn xuôi và thơ — nơi đây chỉ đứng thứ nhì sau chương trình viết văn của Đại Học Iowa, nơi có các khóa viết văn bậc hậu cử nhân xưa cổ nhất và uy tín nhất Hoa Kỳ.

Và ngay cả khi uy tín các lớp UCI đang ngày càng lên, thì chương trình cũng đang trong bước chuyển tiếp.

Geoffrey Wolff, nhà văn *nonfiction* (ngoài thể loại tiểu thuyết hư cấu) và là tiểu thuyết gia nổi tiếng, là vị giám đốc tân nhiệm. Ông vừa đến từ Đại Học Brandeis, gần Boston, nơi ông đã dạy một chương trình viết văn và các lớp văn chương bậc cử nhân.

Ông thế chỗ Thomas Keneally, nhà văn Úc, người viết cuốn *"Schindler's List"* và phải trở về Úc sau bốn năm ở UCI.

Thử nói đến một số sinh viên điển hình. Richard Ford, người tốt nghiệp MFA nơi đây năm 1970, là một cây viết truyện ngắn và tiểu thuyết được giải thưởng — hiện là một trong số những tác giả thành tựu, từng học qua chương trình này.

Trong số khoảng hơn chục sinh viên được nhìn thấy luận án MFA của mình in thành sách bày bán trên các kệ trong các những 1990 là Louis B. Jones (cuốn *"Ordinary Money"*), Varley O'Connor (*"Like China"*), Lane Von Herzen (*"Copper Crown"*), Marti Leimbach (*"Dying Young"*) và Whitney Otto (*"How to Make an American Quit,"* cuốn này có tới 8 tuần lễ trong bảng sách bán chạy nhất của New York Times năm 1991 và hiện giờ đang lên phim).

Mới đây nhất vào bản phong thần trên là Leonard Chang, một sinh viên tốt nghiệp năm 1993 với cuốn luận án ra trường *"The Fruit 'n' Food,"* viết về một tiệm tạp hóa với ông chủ Đại Hàn tại thành phố New York, sắp được xuất bản.

Các tiểu thuyết gia Oakley Hall và Donald Heiney được ghi công trong việc gầy dựng các khóa viết văn này tới vị trí hiện nay, như là một nơi các sinh viên sản xuất tiểu thuyết "văn chương." Họ là ánh sáng hướng dẫn cho chương trình viết văn này trong hơn hai thập niên trước khi về hưu đầu các năm 90.

Và rồi một cuốn sách, như lời Heiney mô tả, "đã đổi toàn bộ mọi thứ."

Cuốn *"The Mysteries of Pittsburgh"* của cậu sinh viên Michael Chabon, lúc đó mới 23 tuổi, đã bán cho nhà William Morrow trước khi cuốn này được chấp nhận làm luận án năm 1987, đã làm cả nước Mỹ tập trung mắt nhìn vào chương trình dạy viết văn này, gần như chỉ qua có một đêm.

Tiếng đồn khen ngợi về cuốn tiểu thuyết sắp-viết-xong đó cũng như văn tài Chabon đã đưa tới khoản tiền ứng trước 150,000$ cho anh — một khoản tiền hậu hỉ cho tiểu thuyết đầu tay, đặc biệt là đối với một cuốn được xét như công trình văn chương nghiêm túc (chứ không phải loại văn chương giải trí

dễ bán).

Sau thành công lớn lao của Chabon, đơn xin vào học đã tăng lên gấp đôi. Từ đó mỗi năm, hơn 200 nhà văn từ khắp nước Mỹ đã nộp đơn xin vào sáu khóa khai giảng của năm đầu chương trình.

Trong suốt hai năm của chương trình, các sinh viên hậu cử nhân này sẽ trải qua sáu khóa viết văn.

Thêm vào việc dự các lớp mỗi tuần, các sinh viên cũng bị buộc mỗi khóa phải dự các lớp của phân khoa Anh văn.

Trong suốt năm đầu, các sinh viên hậu cử nhân này sẽ dạy các lớp tập viết cho các sinh viên năm thứ nhất cử nhân, và vào năm thứ hai thì dạy các lớp khai tâm về sáng tác — bù lại sẽ được tài trợ tiền học phí và trợ giúp tài chánh.

Tiền giúp hàng tháng đó sẽ cho họ cơ hội tốt nhất: thì giờ để viết.

Điều làm cho các khóa viết văn của UCI lên hàng số một, theo Wolf, là mỗi lớp chỉ nhận ít sinh viên — chỉ 12 sinh viên khóa tiểu thuyết, tức chỉ 1/4 lượng sinh viên của các lớp viết văn ở Iowa — và sự góp tay của một "chương trình văn học đối chiếu và một phân khoa Anh văn hàng số một" đã cho các sinh viên một nền tảng lý thuyết vững chải.

Nhưng luôn luôn, Wolf nói, vẫn là do cá nhân mỗi sinh viên, và những gì họ có thể học lẫn nhau.

"Những chương trình này sống và chết là do sinh viên. Nói tới tận cùng nghĩa là: phải dạy lẫn nhau."

Hầu hết các nhà văn nộp đơn xin học đều có chung mục đích: được thấy tiểu thuyết hay tập truyện ngắn viết trong hai năm ở UCI của mình được xuất bản.

Cánh cửa tới xuất bản đôi khi được mở tại *Squaw Oakley Community of Writers*, một hội nghị thường niên các nhà văn tại Oakley Hall, nơi các người cầm bút có cơ hội gặp các ông chủ bút và đại diện văn chương.

Squaw Valley cũng là nơi Tervalon gặp người đại diện, người bán cho anh cuốn *"Understand This,"* và giúp đưa tên anh vào danh sách những sinh viên tốt nghiệp UCI thành công.

Nhưng Whitney Otto, người đã viết cuốn *"Now You See Her"* xuất bản năm 1994 liền sau cuốn *"How to Make an American Quilt"* và đang bắt đầu viết một tiểu thuyết mới, nói rằng những thành công như vậy đã đưa tới khái niệm sai lầm về các khóa viết văn, một cách tổng quát và về UCI một cách đặc biệt, là nếu vào đó, bạn có thể trở thành cho một nhà văn.

Otto, 40 tuổi, bây giờ đang sống ở Portland, nói, "Sai lầm là nếu bạn được nhận vào khóa học UCI thì sẽ được in sách khi tốt nghiệp. Điều đó xảy ra cho một số, nhưng không đúng cho đa số."

Michael Chabon, bây giờ 32 tuổi và đang viết cuốn tiểu thuyết thứ ba tại nhà anh ở Hancock Park, nói, nhận thức rằng hiếm có những luận án MFA được xuất bản "có thể là một kinh nghiệm rất nghiêm chỉnh."

Anh kể lại việc vào thăm thư viện trường sau khi được nhận vào học UCI,

và thấy một kệ đầy những luận án MFA — "cứ mỗi năm lại thêm những tiểu thuyết và tập truyện mà sinh viên viết cực nhọc: Nơi đó chúng đang bị quên lãng đi."

Và ngay cả những sinh viên may mắn được thấy sách mình xuất bản cũng không nhất thiết có thể tự nuôi sống bằng tiền bán tiểu thuyết.

"Dĩ nhiên, xuất bản là tốt, nhưng tôi không kiếm được bao nhiêu tiền nhờ đó," theo lời Jay Gummerman, 38 tuổi, ngụ ở San Clemente, người có luận án MFA năm 1988 — một tập truyện ngắn nhan đề *"We Find Ourselves in Moontown,"* được xuất bản một năm sau.

Gummerman kể, anh kiếm 25,000$ nhờ bán các cuốn bìa cứng và bìa mềm từ tuyển tập từng được các phê bình gia khen ngợi trên. Và anh nhận 25,000$ tiền ứng trước cho ấn bản bìa cứng của cuốn thứ nhì *"Chez Chance,"* cuốn tiểu thuyết đầu tiên vừa xuất bản của anh về người thợ cắt cây cho một hãng điện thoại bị tai nạn liệt chân, cố gắng tự hồi phục tinh thần trong một khu buồn nản gần Disneyland.

Gummerman, đang dạy bán thời gian các lớp tập viết tại UCI, nói rằng tiền đó chẳng đáng kể là bao nếu chia đều ra cho sáu năm ngồi viết. Nếu không nhờ lương vợ thì, anh nói, "Tôi chắc chắn không thể kiếm ra thì giờ để viết."

"Thực sự, ngoài trừ các ngoại lệ như Chabon và Otto, hầu hết cựu sinh viên UCI tôi biết đang phải đi dạy hoặc làm việc khác để nuôi sống nghề viết văn của họ." Gummerman nói tiếp, "Hầu hết những người quyết định viết đều nhận thức rằng cầm bút không đem tới nhiều tiền, nhưng vì có gì khác đang thúc đẩy họ, một mãnh lực nghệ thuật, một điều gì cần bày tỏ."

Và với những người như cô sinh viên năm đầu MFA – Aimee Bender, Bender, người đã dạy tiểu học ở San Francisco trong ba năm sau khi tốt nghiệp cử nhân Anh văn từ UC San Diego –thì chương trình UCI đã cho một cơ hội toàn hảo. "Tôi đang viết mỗi ngày, điều trước đó tôi không làm được."

Bender hy vọng rằng khi hoàn tất chương trình hai năm tại UCI, cô sẽ viết đủ truyện cho một tuyển tập.

TRIỂN LÃM HỘI HỌA
CUỐI NĂM BÍNH TÝ TẠI SEATTLE

Một cuộc triển lãm hội họa Việt Nam được khai mạc tại Seatlle, Washington vào ngày 16 tháng 2 năm 1996, và sẽ bế mạc vào ngày 23 tháng 3 năm 1996.

Cuộc triển lãm quy tụ hầu hết những họa sĩ Việt Nam nổi tiếng hiện đang sinh sống tại nhiều nơi trên lãnh thổ Hoa Kỳ: Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Khánh Trường, Rừng, Lê Văn Hưởng, Nguyễn Đại Giang...

So với những cuộc triển lãm tập thể khác, phòng tranh vừa khai mạc ở

Seattle tuy số họa sĩ góp mặt không nhiều, nhưng hầu hết đều chọn lọc. Theo nhận xét của giới thưởng ngoạn am tường hội họa, thì cuộc triển lãm đã tạo được ấn tượng tốt. Một sinh viên đang theo học kiến trúc tại một đại học trong vùng phát biểu: Anh sang Mỹ vào lúc còn niên thiếu, lại không sống gần môi trường sinh hoạt của người Việt, nên không có điều kiện tiếp xúc với không khí sinh hoạt nghệ thuật Việt Nam, vì thế anh thật sự ngạc nhiên khi bước chân vào phòng tranh. Theo anh, qua những tác phẩm được trưng bày, hội họa Việt Nam cũng đa dạng và phong phú không thua bất cứ một nền nghệ thuật tạo hình nào khác của thế giới.

Ngoài các họa sĩ mà tên tuổi và phong cách đã định hình từ lâu, như Hồ Thành Đức, Bé Ký, Đinh Cường, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp... Khách thưởng ngoạn rất thú vị với những khai phá mới của Nguyên Khai qua loạt tranh "hỗn hợp: những con "chíp" trong máy vi tính và sơn dầu. Nguyên Khai muốn dùng những vật liệu rất "cứng" và "vô hồn" như các vật liệu vừa dẫn để tạo dựng một không gian rất "mềm" và "mênh mông" là thế giới nội tâm, và ông đã thành công. Dưới bàn tay nghệ sĩ, mọi vât thể quanh ta đều có khả năng trở thành những phương tiện tốt cho công việc sáng tác nghệ thuật. Vấn đề là biết nhìn và biết tận dụng. Rừng với loạt tranh sơn mài nghiêng hẳn sang trường phái siêu thực. Bằng những mảng màu rực nóng, táo bạo, mỗi bức tranh của ông là một cơn chấn động nội tâm mãnh liệt, tuy vậy, vẫn không thiếu chất mộng ảo, chứng tỏ trong ông có hai khuôn mặt trái ngược: một, táo bạo, và một, thi nhân. Điều kỳ diệu là ông đã hài hòa được hai khôn mặt ấy trên diện tích khung tranh, làm cho tác phẩmgây được cảm xúc mạnh ở người thưởng ngoạn. Khánh Trường từ bỏ hẳn hình thể, kiến tạo một không gian mới, giản lược tối đa màu sắc, đường nét và ngay cả nhan đề của tranh: bảy tác phẩm gửi đến phòng triển lãm không có nhan đề, chỉ ghi ngày tháng sáng tác. Khánh Trường đi từ cái "động" của những loạt tranh trước đây đến cái "tĩnh" của những tác phẩm mới một cách quyết liệt. Người ta thật khó khăn nếu muốn tìm kiếm ở những tác phẩm mới này "bóng dáng" của một Khánh Trường cũ. Điểm đặc biệt là trong tranh của Khánh Trường có rất nhiều khoảng trống, và chính những khoảng trống này lại "nói" được rất nhiều với người xem. Nguyễn Đại Giang với khuynh hướng dùng màu nguyên không pha trộn, và một đường hướng sáng tạo độc đáo, của riêng ông: "upsidedown".

Cuộc triển lãm thành công tốt đẹp về phương diện nghệ thuật.

GIÁO SƯ HOÀNG XUÂN HÃN
QUA ĐỜI TẠI PARIS

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn vừa qua đời sáng chủ nhật ngày 10 tháng Ba năm 1996 tại Paris, lúc 7 giờ 45 phút, hưởng thọ 88 tuổi.

Là một học giả mà giới ngiên cứu Việt học kính trọng như bậc thầy chung, một bộ óc Bách Khoa Việt Nam của thế kỷ này, giáo sư Hoàng Xuân Hãn sinh ngày 8 tháng 3 năm 1908, người làng Nguyên Hồ, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Thuở nhỏ học chữ Hán với thân sinh là cụ Hoàng Xuân Úc, rồi vào học tiếng Pháp ở Quốc Học, Vinh. Tự học những năm đầu Trung học Pháp trước khi vào lớp Toán ở Lycée Albert Sarraut, Hà Nội, rồi sang Pháp du học. Năm 1934 ông về nước, dự định làm việc, nhưng chính phủ bảo hộ gây khó khăn, và chính các bạn người Pháp khuyên ông nên trở lại Pháp học thêm về toán. Bốn tháng sau ông trở lại Pháp và đỗ Thạc sĩ Toán. Trở về nước năm 1936, dạy tại trường Bưởi và một số Đại học ở Hà Nội. Năm 1945 tham gia Chính phủ Trần Trọng Kim, giữ chức Bộ Trưởng Giáo Dục và Kỹ Thuật trong vòng 4 tháng. Năm 1946 ông ở trong phái đoàn Việt Nam tham dự Hội Nghị Đà Lạt, cùng với các ông Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Mạnh Tường v.v...

Ngay từ khi vào trường Bách Khoa Polytechnique, ông đã nhận thấy người VN thiếu óc khoa học, thiếu sự phân tích khoa học, và không có danh từ về khoa học. Ông bắt đầu soạn cuốn từ điển *Danh Từ Khoa Học* từ ngày còn ở trường Polytechnique, và hoàn tất khi về dạy học tại VN. Cuốn *Danh Từ Khoa Học* in năm 1942 và là nền tảng cho việc học và dạy Toán Lý Hóa, khai sinh những thuật ngữ khoa học cho các chương trình giáo khoa Việt ngữ sau này.

Năm 1949 cuốn *Lý Thường Kiệt* ra đời trở thành mẫu mực nghiên cứu về sử học mà cho tới nay chưa có cuốn Sử nào đạt được.

Năm 1952 cuốn *La Sơn Phu Tử* với thủ bút của vua Quang Trung, cùng tài liệu về tập *Hạnh Am Di Cảo* của Nguyễn Thiếp, là cuốn sách nghiên cứu về giai đoạn lịch sử đầy biến động thời kỳ Tây Sơn - Lê - Trịnh. Cùng trong năm này, *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* ra đời, giáo sư Hoàng Xuân Hãn chứng minh rằng Phan Huy Ích, chứ không phải Đoàn Thị Điểm, là người dịch bản *Chinh Phụ Ngâm* hiện hành.

Ngoài ra, việc nghiên cứu Hồ Xuân Hương, tác giả *Lưu Hương Ký*, cũng đã đặt lại vấn đề về những văn bản được coi là của Hồ Xuân Hương từ trước đến giờ.

Công trình đồ sộ nhất của ông là công trình nghiên cứu về *Kiều*, chưa xuất bản. Đây là việc thiết lập lại văn bản *Kiều* gần như Nguyễn Du đã viết, mà Giáo sư Hãn đã cho biết về những nét chình vào cuối Thu năm 1995.

Giáo sư Hoàng X. Hãn ra đi, là một tổn thất to lớn cho văn hóa Việt Nam.

TÁC GIẢ "NGƯỜI TÌNH" (L'AMANT)
MARGUERITE DURAS TỪ TRẦN TẠI PHÁP

Nữ văn sĩ Marguerite Duras, "một em bé ác liệt" của nền văn chương

Pháp và là người đã khai thác cuộc đời độc đáo của mình làm nguồn cảm tác cho một loạt các tác phẩm và bộ phim thành công, đã tạ thế tại nhà riêng của bà ở Paris hôm Chủ Nhật, ngà 3 tháng Ba 1996. Hưởng thọ 81 tuổi.

Bà Duras chỉ được giới phê bình văn học công nhận một cách muộn màng sua khi bà đoạt giảu Prix Goncourt, một giải thưởng văn chương uy tín nhất của nước Pháp, với tác phẩm Người Tình (*L'Amant - The Lover*) vào năm 1984, tức là 41 năm sau tác phẩm đầu tay "Những Kẻ Thô Lỗ" *(Les Impudents*) của bà, mà hồi đó đã tức thời được dư luận hoan nghênh.

Chuyện phim "Hiroshima, Người Tình Của Tôi" *(Hiroshime, mon amour*) hồi năm 1959 là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của bà.

"Người Tình" là một câu chuyện mùi mẫn về cuộc tình của một cô gái Pháp nghèo nàn với cậu con trai của một điền chủ Việt Nam (gốc Hoa) đã được dựa vào bối cảnh thời thiếu nữ của bà ở Việt Nam, lúc còn thuộc địa Pháp (tác phẩm này đã được nhà thơ Phạm Việt Cường dịch sang tiếng Việt và do Hồng Lĩnh xuất bản năm 1993).

L'Amant đã được bán ra 2 triệu cuốn tại Paris, và trở thành một cuốn phim thành công trên màn bạc. Thậm chí trước khi được chấm để đoạt giải thưởng Goncourt, tác phẩm đã được chuyển ngữ ra 13 thứ tiếng.

Bà Duras tên thật là Marguerite Donnadieu, chào đời ngày 4 tháng Tư năm 1914 tại Gia Định, miền Nam Việt Nam, thân phụ là một giáo viên dạy toán, đã mất lúc bà mới 4 tuổi.

Sau 20 năm dành dụm, cuối cùng gia đình bà tậu được một mảnh đất nhỏ ở Kampuchia, nhưng sự nghiệp đã tiêu tan sạch sau một trận lụt, và chính thiên tai này đã làm thân mẫu bà thiệt mạng.

Những nỗi đau đớn trong thời gian ấy đã được bà ghi lại trong một trong những trước tác mãnh mẽ nhất của bà: "Con Đập Ngăn Thái Bình Dương" (*Un Barrage contre le Pacific*) hồi năm 1950 và được René Clement dựng thành phim.

Lúc 18 tuổi, bà đến Paris rồi học luật, học toán và chính trị học. Từ 1935 đến 1941 là công chức của Bộ Thuộc Địa.

Chào đời trong cảnh nghèo nàn của miền quê Đông Dương, Duras trở thành một trong những nhà trí thức lỗi lạc lâu bền của Paris. Một phụ nữ nhỏ bé hay gây gổ đã tìm cách thoát khỏi chứng nghiện rượu và bệnh hoạn trầm trọng, và đã nổi danh trong giới văn học nghệ thuật thuộc khu Latin Quarter.

Bà thường tự mô tả mình là một người Pháp da trắng sinh đẻ ở ngoại quốc. Bà nói: "các tác phẩm của tôi đều đến từ nguồn gốc ấy. Tôi rất lấy làm sung sướng được sinh trưởng ngoài nước Pháp.

Hơn một nửa tác phẩm của bà được các nhóm thân hữu, các tác giả đồng nghiệp, các đạo diễn, tài tử và các nhà phê bình văn học đem thực hiện thành phim. Alain Resnais, đại diễn cuốn "Hiroshima, Người Tình Của Tôi" đã được hoan nghênh nhiệt liệt tại Đại Hội Điện Ảnh Cannes năm 1960.

Các ông Tony Richardson, Peter Brook và Henry Colpi đã chọn các tác

phẩm kế tiếp, cho đến khi chính bà Duras đứng sau máy quay phim để tự đạo diễn cuốn "*La Musica*" năm 1966. Và bà tiếp tục thực hiện hơn một chục bộ phim nữa,

Là một người thiên tả và một thời gian ngắn là đảng viên đảng CS, bà Duras nói rằng bà đã cứu sống ông Francois Mitterand, trong thời đệ nhị thế chiến, khi ông này là kháng chiến quân trốn tránh ở Paris, mang bí danh đại úy Morland.

Bà vẫn giữ tình bạn và là người cổ động vô điều kiện cho Mitterand, sau này trở thành vị tổng thống có khuynh hướng xã hội của Pháp vào năm 1991.

Người chồng đầu tiên của bà là Robert Antelme, ly hôn với bà năm 1946, đã thoát chết trong các trại tù Đức Quốc Xã, là một kinh nghiệm được bà thuật lại trong cuốn "Nỗi Đau" (*La Doulert*). Sau đó bà lấy ông Dionys Mascolo và có một đứa con trai tên Jean.

Toán thể nước Pháp, hôm thứ Hai ngày 4 tháng Ba bày tỏ sự tiếc thương nhà văn nữ Marguerite Duras với những lời tưởng nhớ của các nghệ sĩ, các chính trị gia và của cả một cầu thủ bóng tròn.

Tang lễ của Duras sẽ tổ chức vào thứ 5 ngày 7/3/1996 tại Paris.

PHAN TẤT HẢI

CHIA BUỒN

Rất đau buồn biết tin

Học giả **HOÀNG XUÂN HÃN**

Vừa từ trần vào lúc 7 giờ 45
ngày Chủ Nhật, 10 tháng 3, 1996 tại Paris

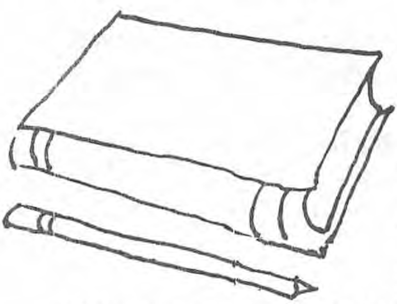
Hưởng thọ 88 tuổi

•

Toàn thể ban chủ trương Hợp Lưu
thành kính phân ưu cùng gia đình cố học gia.

KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 10 tháng 2 năm 1996

Hợp Lưu số 27 vừa phát hành vài ngày, một văn hữu mắng: "Hai câu thơ *Đêm nghe tiếng ếch bên tai / Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò*, phàm, những ai từng cắp sách đến trường thời trung học đệ nhất cấp, đều thuộc và đều biết rõ tác giả là ai. Sao cậu "bứt râu ông nọ cắm cằm bà kia" một cách cẩu thả đến thế?" Giật mình, tìm số HL mới lật ra xem lại. Chết thật! Cẩu thả thật!

Kim Thi cảm ơn bạn văn. Không bị mắng, có lẽ Kim Thi sẽ không có dịp phát hiện ra chỗ sai, và sẽ không biết lỗi để xin lỗi độc giả, rằng hai câu thơ ấy là của Trần Tế Xương, trong bài "Sông Lấp", chứ không phải của Tản Đà, như Kim Thi đã u mê lú lẫn.

Nhân trường hợp mình, Kim Thi soát lại, thấy trong thế giới chữ nghĩa của ta không ít những trường hợp tương tự. Cầm cây bút trong tay, hay ngồi trước màn hình computer, mãi đuổi theo dòng suy nghĩ, các nhà văn thường ghi vội những gì hiện đến trong óc, thành chữ, và thường không lưu ý đến những tiểu tiết. Khi bản văn hoàn tất, đọc lại, mới là lúc kiểm tra toàn bộ, từ câu cú đến bố cục, và sự chính xác của mọi dữ kiện trích dẫn (nếu có). Tuy nhiên bên cạnh phần lớn những nhà văn làm việc cẩn trọng và có trách nhiệm (với chinh mình cũng như với độc giả), không ít các nhà văn khác do tính cẩu thả - Kim Thi là một trong những điển hình tệ hại này - rất ít khi chịu khó đọc lại những gì mình viết, vì thế mới xảy ra tình trạng sai trật, nhiều khi sơ đẳng đến một em học sinh tiểu học, đọc, cũng phải phì cười.

Cẩu thả là một trọng tội không thể tha thứ đối với người cầm bút. Một nhà văn lớn bao giờ cũng hội đủ những yếu tố như tài năng, rèn luyện và cẩn trọng. Thiếu các đức tính ấy (trong khi tài năng lại rất khiêm nhường!) thì mãn đời chỉ đóng nổi vai trò của một người cầm bút hạng bét... cỡ Kim Thi, là cùng! Có một nhà văn rất trẻ (vào hai thập niên 60, 70) được hầu hết thanh

niên, sinh viên, học sinh xem như thần tượng. Sách của ông có cuốn được tái bản đến lần thứ 7, 8. Trong sân trường trung học, đại học, ngoài hành lang các giảng đường, trong các quán cà phê, thư viện... Đâu đâu cũng nghe giới trẻ nhắc đến tên tuổi ông ta mỗi khi chuyện vãn chuyện văn chương. Thuở đó Kim Thi cũng là một trong hàng triệu thanh niên ấy. Sau này, được quen biết và trở thành bạn vong niên của ông ta, Kim Thi phát hiện ra lắm điều thú vị: ngoài trí thông minh ngoại hạng và một tài năng đáng kể, bình thường, ôngta là một tay giang hồ thứ thiệt. Uống rượu như hủ chìm; Phá phách, ăn tục nói phét như một tên du đãng; Tình ái lăng nhăng, con rơi con rớt như một chàng Tây Môn Khánh tân thời. Thế nhưng lạ một điều là sau những trận rượu rách trời, những cuộc vui sụp đất, khi ngồi vào bàn viết, ông hoát nhiên biến thành một con người khác, hoàn toàn khác. Ngoài những suy tư sâu rộng của ông về các vấn đề văn học, triết học, ông không quên lưu ý từng dấu chấm, cẩn thận từng nét phẩy, hoài nghi từng lỗi hỏi ngã, cân nhắt từng câu văn. Riêng những điều cần trích dẫn, ông tôn trọng sự chính xác gần như tuyệt đối. Một lần, trong một bài viết của ông có chua đôi câu tiếng Đức. Ông bảo các câu văn ấy nội dung không sai, nhưng lâu ngày trí nhớ ông không còn tốt, e rằng có một hai từ chưa đúng với nguyên tác. Tôi nói thây kệ, chả ai rỗi công vạch lá tìm sâu, miễn vẫn đúng ý tác giả là tốt lắm rồi. Ông lắc đầu, "không được, cậu phải đưa tôi đi thư viện (dù ở ngoại quốc trên dưới ba thập niên, nhà văn này vẫn chưa biết lái xe!), chuyện văn chương không nên cẩu thả". Tôi đành chiều lòng ông ta. Những tưởng chỉ mất một hai tiếng đồng hồ, nào ngờ từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều, vào ra hàng chục thư viện, lật dở hàng núi sách, mới truy được tung tích các câu văn trích dẫn. Của đáng tội, các câu ấy so với nguyên tác chỉ sai có... hai từ, dẫu là tác giả cũng chưa chắc đã nhớ!

Ôi chao, nếu Kim Thi có được một phần trăm đức cẩn trọng ấy, có lẽ con đường văn chương đã thênh thang rộng mở, chứ không đến nỗi gập ghềnh cụt ngủn như hiện tại!

Thế mới biết phong cách của một nhà văn lớn bao giờ cũng khác thường.

Nhân chuyện cẩu thả trong văn chương, Kim Thi nghĩ đến một hiện tượng còn nặng tội gấp bội. Đó là hiện tượng đạo văn.

Cách đây nhiều năm, tại Việt Nam có xuất bản một cuốn sách nói về hiện tượng này của một số các nhà văn, nhà biên khảo tại miền Nam Việt Nam trước 1975. Không hiểu vì lý do gì tác phẩm in xong chưa kịp phát hành thì bị thu hồi (Có người bảo trong thời điểm ấy chính phủ Hà Nội đang phát động chiến dịch hòa giải, họ không muốn gây chia rẽ Nam Bắc (?)). Tuy nhiên do... bất cẩn của nhân viên ấn loát, dù sách có lệnh thu hồi vẫn lọt ra ngoài năm bảy cuốn, Kim Thi may mắn (hay xui xẻo?) được đọc cọp thứ hàng quốc cấm này. Thoạt, do định kiến Quốc/Cộng, Bắc/Nam còn hằn sâu trong đầu, Kim Thi nghĩ rằng cuốn sách nằm trong kế hoạch bôi nhọ của "nhà

nước ta" nhắm vào các văn nghệ sĩ miền Nam. Nhưng đọc đi đọc lại đôi ba lần, nhìn tận mắt những dẫn chứng quá rõ ràng (in song song hai bản văn: bản "nguyên tác", và bản "đạo"). Dù thiên vị cách mấy, Kim Thi vẫn không thể phủ nhận sự thật trắng trợn và... đầy tính thuyết phục kia được. Từ đó, bao nhiêu thần tượng một thời bỗng chốc sụp đổ tan tành, khiến Kim Thi buồn dai dẳng mãi tận bây giờ.

Qua cuốn sách này, Kim Thi phát hiện ra rằng phàm "đạo văn" cũng có nhiều cách: Nhẹ, cóp một hai câu, đôi ba dòng. Nặng, chép nguyên con cả cuốn (có sửa chữa chút đỉnh đây đó) . Nhiều vị lấy một tác phẩm của Tây Tàu, rồi "Việt Nam hóa" bằng cách hoán đổi không gian, xáo trộn thời gian, thay tên đổi họ cho phù hợp với bối cảnh chung. Một vị khác, giáo sư Hán Nôm hẳn hoài, nhưng chưa thỏa mãn với chức phận ấy, muốn trở thành nhà dịch thuật, bèn cho ra đời một dịch phẩm Hán văn. Nhưng tiếc thay vốn liếng chữ Hán quá nghèo, làm không nổi, bèn thuê một ông thầy đồ dịch hộ, rồi đem về nhà "nhuận sắc" đại khái, xong, xuất bản. Chuyện sẽ êm thấm nếu vị giáo sư đừng tham lam quá. Trước đó ông thầy đồ có ra điều kiện: ngoài chuyện tiền nong trả cho công tác chuyển ngữ, khi sách xuất bản, phải để tên ông ta đồng tác giả. Vị giáo sư vui vẻ bằng lòng. Nhưng khi sách phát hành, tên ông thầy đồ bị loại. Giận quá, ông làm to chuyện. Thế là bể!

Còn nhiều, rất nhiều những cách đạo văn được cuốn sách kê khai. Có cách trắng trợn đến vô liêm sĩ. Có cái tinh vi, khôn khéo đến dùng kính hiển vi cực đại cũng chẳng dễ gì phát hiện.

Hiện tượng đạo văn không chỉ xảy ra ở miền Nam Việt Nam trước tháng Tư 1975, mà có lẽ thời nào, nơi nào cũng có. Trong nước, vài năm trước, một "thi sĩ" chép nguyên si một bài thơ của Du Tử Lê, rồi ký tên mình, đăng báo. Tại hải ngoại, tình trạng đạo văn cũng trắng trợn không kém. Một nhà thơ có tiếng tăm, là một trong rất ít các thi sĩ tài hoa Kim Thi nể phục. Nhưng hình như vì kẹt tiền và thấy tên tuổi của mình mỗi ngày mỗi mờ nhạt, bèn... cổm ngay bản thảo của một bạn văn trong nước (bản thảo này hoàn tất trước 1975), gửi cho một cơ quan văn hóa Hoa Kỳ, xin tài trợ để dịch tác phẩm ra Anh ngữ, hầu giới thiệu với thế giới công trình nghiên cứu văn học "của mình". Một ông nhà văn khác rất sính chơi trò phóng tác chuyện ngoại quốc làm thành truyện mình, nhờ vậy, cũng có đôi tí tiếng tăm (Trò ma mảnh này được một số "nhà văn" tận tình sử dụng, nếu vốn liếng ngoại ngữ của ông (bà) ấy kha khá. Dễ quá mà, cứ vào bất cứ một hiệu sách cũ (càng cũ càng tốt, vì càng khó phát hiện), tìm mua vài cuốn tiểu thuyết nào đó của các cây viết vô danh tiểu tốt nào đó, đọc qua , rồi dựa theo mà "sáng tác", bằng cách lấy nửa đầu cuốn này xào với phần giữa cuốn kia, đem khúc trên cuốn nọ nhét vào đoạn cuối cuốn khác, thêm một tí kỷ xảo ráp nối nữa là có ngay "tác phẩm". Dẫucó dùng máy tính điện tử kiểm tra cũng còn khuya mới tìm ra xuất xứ!). Mới đây nhất, và vô liêm sỉ nhất, trên một tờ báo lá cải tại quận Cam, tiểu thuyết "Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma" của tác giả Nguyễn Khắc Trường

(một nhà văn trong nước) bị chôm nguyên con sau khi đã đổi nhan đề, bỏ hẳn những từ có họ hàng với "Cộng Sản", thay bằng những từ mang tính "Quốc Gia", và cắt bỏ hoặc thêm thắt chút đỉnh, cốt biến tác phẩm này thành một "bản án chống Cộng" hùng hồn, rồi in khơi khơi hàng tuần, với một cái bút hiệu lạ hoắc!

Tất nhiên những chuyện phi văn học đó nhiều anh em trong văn giới không lạ. Nhưng sở dĩ chưa có ai lên tiếng, chỉ vì, chả lẽ vạch áo cho người xem lưng? Chỉ tội nghiệp người đọc, bị các anh chị "nhà văn, nhà thơ" này lừa đảo trắng trợn, mà vẫn một mực phục lăn!

Tuy nhiên đừng tưởng người đọc dễ dãi mãi, đi đêm cũng có ngày gặp ma. Lời nói bay đi, nhưng chữ nghĩa còn đó, mãi mãi. Hôm nay, ngày mai, tuần sau, tháng sau, năm sau, nhiều người không thấy. Nhưng rồi cũng sẽ có lúc có người thấy.

Danh vọng như mây nổi. Những ai sống già nửa đời người đều nhận ra điều đó, sao còn mãi mê với trò in ấn bạc giả? Có của cải (giả) trong tay, tiêu pha vung vít tuy sướng, nhưng cái sướng ấy phù du như hoa quỳnh, bấp bênh như bọt bèo, đêm nằmgát tay lên trán lòng không khỏi âu lo, nơm nớp. Mệt quá, cho mình, và không lương thiện, với người!

Ngày 22 tháng 2 năm 1996

Số báo trước Kim Thi đưa tin về bệnh tình của nhà thơ Phan Nhự Thức. Báo phát hành vài ba ngày thì tin từ Sàigòn chuyển sang; Thức đã từ trần, ngày 21 tháng 1 năm 1996. Khoa học mãi tận bây giờ vẫn chưa tìm ra cách chữa trị bệnh ung thư. Khi nghe Thức vướng phải căn bệnh này, mọi bằng hữu đều ngầm chờ đợi ngày chung cuộc của anh, sẽ đến. Không ngờ nó đến nhanh hơn mọi người tưởng.

Hôm qua (ngày 21 tháng 2 năm 1996), lại một tin buồn nữa: nhà văn Nguyễn Đông Ngạc cũng vừa đột ngột từ trần do "tai biến mạch máu não", tại bệnh viện Montréal, Canada!

Viết về cái chết của những bằng hữu là điều Kim Thi không muốn. Dẫu viết thế nào vẫn thấy có điều không ổn.

Chỉ mong, nếu còn có một thế giới khác bình yêu và vĩnh cữu hơn, ngoài cõi trần ai đầy buồn thảm này, thì xin hai bạn hãy sớm đến đó.

Vĩnh biệt!

Ngày 25 tháng 2 năm 1996

Bolsa, đại lộ chính của Little Saigon, từ hôm qua đã bị ngăm lại, khoảng 300m, để tổ chức Hội Chợ Tết 1996. Khu buillding Kim Thi cư ngụ ở ngay đoạn bị ngăn này, mỗi lần vào ra phải sử dụng cửa sau, rất bất tiện vì xe, người quá đông, và tiếng ồn phát ra từ các loa phóng thanh của các gian hàng trong

khu Hội Chợ khiến Kim Thi mệt ngất ngư. Sáng nay thức dậy sớm, định đến nhà người bạn ở ngoại ô thành phố. Một công đôi việc: Vừa thăm bạn, vừa tránh được cảnh tượng xô bồ chung quanh. Xe ra khỏi cổng sau chung cư, định rẽ vào đại lộ thì một chiếc Mercedes bóng lộn màu đỏ chói, mui trần, chắn ngay trước mặt. Trên xe, một thiếu phụ nhoài người ra ngoài nói cười ngả nghiêng với một thanh niên trẻ ăn mặc rất đúng điệu "tay chơi". Hai phút, năm phút.... Có vẻ như thiếu phụ đã mua đứt khúc đường này. Nhìn vào kính chiếu hậu, đủ loại xe đang rồng rắn phía sau. Kim Thi nổi nóng, nhấn còi. Thiếu phụ quay lại, nhìn, nhún vai, rồi thản nhiên cùng gã thanh niên tiếp tục đấu hót. Cung cách ngổ ngáo và đầy tự tin của thiếu phụ làm Kim Thi mất tự chủ. Vội vả gài máy, xuống xe, Kim Thi bước nhanh đến chỗ thiếu phụ, gằn giọng: "Bà có thấy mọi người đợi phía sau không?" Thiếu phụ quắc mắt, nhưng tia mắt chạm phải một bản mặt có lẽ rất cô hồn, bèn "xuống tông": "Anh coi phía trước người đông nghẹt, tôi muốn đi cũng hổng có được?" Kim Thi nhìn ra phía trước, quả đông thật, đành hậm hực trở lại xe, mồm không ngớt lẩm bẩm văng tục.

Cuối cùng rồi cũng thoát được rừng người ấy, nhưng phải mất đến hai mươi phút, nhích từng thước một.

Lên xa lộ, xe trôi vào dòng chảy bình thường, gió lọt qua khe cửa kính mở hé, mát lạnh, Kim Thi dần dần bình tỉnh, nhưng hình ảnh thiếu phụ vẫn còn bám trong tâm trí. Nhìn dáng vẻ bề ngoài, dù rất sang (ngoài chiếc Mercedes đời mới, bộ quần áo khoác trên người có lẽ không dưới năm bảy trăm đô la), người đàn bà ấy vẫn không dấu được gốc gác của mình, Kim Thi dám cá mười ăn một, thiếu phụ nhất định có một quá khứ chẳng lấy gì sáng giá, nếu không từng xuất thân từ đồng chua nước mặn, thì cũng buôn gánh bán bưng đầu tắt mặt tối. Chẳng thế, sao hai bàn tay lúc nãy Kim Thi nhìn thấy trên vô lăng lại u nần cục mịch đến vậy? Từ suy luận này, Kim Thi có cảm tưởng hình như đã gặp thiếu phụ đâu đó, trong dĩ vãng.

Phải rồi, nhất định thế, Kim Thi từng gặp thiếu phụ.

Ở đâu? Lúc nào? Sau nhiều phút lục tìm ký ức, cuối cùng Kim Thi phát hiện, té ra, giữa Kim Thi và thiếu phụ nào có xa lạ gì! Nhưng thật hoàn toàn không ngờ, thiếu phụ hoá thân và đoạn tuyệt với dĩ vãng một cách... vượt chỉ tiêu đến mức chỉ mười năm, mà hai hình ảnh của một con người gần như không mảy may liên hệ.

Trong suốt cuộc đời trôi nổi của mình, Kim Thi gặp vô số chuyện bất ngờ. Tuy nhiên "ca" bất ngờ vừa rồi có lẽ là một trong vài "ca" thú vị nhất.

Hai mươi năm trước gia đình Kim Thi sống trong một xóm lao động đầy mồ mả miệt Phú Thọ Hòa, Gia Định. Tiền thân của khu xóm này là một nghĩa địa. Khi chiến tranh nổ ra bạo liệt khắp nước, dân tứ xứ từ miền Trung đổ vào, từ vùng bốn chạy lên. Đất chật, người đông, chu vi thành phố vì thế trương nở dần. Ban đầu là những vùng đất trống, sau, cả nghĩa địa người ta cũng không tha. Bọn còn sống "xâm lược" vào cõi an nghỉ của kẻ chết, đến

nối vách nhà mồ, mặt bằng của miếng đá rửa đậy trên vuông mộ cũng được bọn sống lạm dụng tối đa. Đối diện nhà Kim Thi có căn hộ mà vách trái là bức tường chắn của một ngôi mộ được chắp vá thêm bằng carton, ván thùng, giữa nhà, một ngôi mộ khác với mặt đá rửa bóng loáng được sử dụng như mặt bàn, vừa làm chỗ tiếp khách, vừa là nơi cơm nước của cả gia đình. Thuở ấy Kim Thi vừa giải ngũ sau mấy trận thương tích cùng mình. Giả từ bộ quân phục, giã từ luôn căn phòng thuê chật hẹp trước trại HHT - hậu cứ của Bộ Tư Lệnh ND. Riêng lý lịch của căn phòng này cũng là một tiểu truyện đáng nhớ: tiền thân của nó là một cái... chuồng heo. Hết nuôi heo, gia chủ biến thành phòng, cho thuê. Vì là chuồng heo nên căn phòng thấp hơn mặt đất khoảng chừng nửa thước, cửa được mở ra sàn rửa chén nhà chủ, ướt lầy, lổn nhổn lu, phi đựng nước. Bên trong phòng quanh năm ẩm thấp và thiếu ánh sáng trầm trọng. Mùa mưa, hệ thống cống rãnh quá tồi tệ, nước không thoát kịp, tràn vào phòng, ngập mấp mé mặt giường ngủ. Mỗi lần muốn ra ngoài, Kim Thi và người vợ mới cưới phải di chuyển trên một tấm ván kê từ giường ra bậc cửa. Hết mưa, cả hai thay phiên múc, tát liên tục hai ba tiếng đồng hồ mới trả lại được cho căn phòng bộ mặt... tươm tất cũ. Nhưng mùa đông tại Việt Nam thường kéo dài ba bốn tháng, cũng có nghĩa vừa thu vén xong trận ngập lụt này thì trận khác đã tới. Bám trụ mãi chỗ ở ấy cầm chắc khó khá, vì đứa con đầu lòng sắp sinh, người lớn khổ cực đã quen, trẻ con làm sao chịu đựng nổi. Thuê nhà mới phải chung đụng với chủ, thêm giá cả mỗi ngày mỗi đất đỏ. Vả, về lâu về dài ngộ nhỡ con đàn cháu đống, biết ăn ở làm sao? Thôi thì cố mua một căn hộ, to nhỏ sang hèn gì cũng nhà của mình, đỡ lo, vợ Kim Thi nói. Thế là sau ba tháng tận lực tìm kiếm, cuối cùng gia đình Kim Thi dọn về khu lao động ấy. Với số tiền dành dụm ít oi, dù cộng chung với "đồ tế nhuyễn" cưới hỏi, cũng không làm sao tìm thấy một chỗ "an cư" nào khác, ngoài cái... nghĩa địa ấy!

Xeo xéo cửa sau căn nhà mới của Kim Thi là gia đình thiếu phụ, gồm một mẹ già, đứa em trai và hai cô con gái (một lai Mỹ trắng và một lai Mỹ đen) của thiếu phụ. Họ sống rất chật vật, bà mẹ bán cá lóc cá tra ngoài chợ, đứa con trai lêu lổng cao bồi du đãng, thiếu phụ thất nghiệp quanh năm, thỉnh thoảng có một hai công việc, mà toàn những việc nặng nhọc và đoản kỳ, ví dụ các sản phụ mới sinh cần người giặt giũ trong thời gian ở cữ, ai đó xây nhà thiếu người phụ hồ, các trại tôn gỗ cũ cần phu khuân vác... Cả gia đình ấy bữa đói bữa no. Nhiều lần, theo Kim Thi biết, thiếu phụ lén lút trở lại nghề cũ, không phải với các chàng GI đô la xanh đô la đỏ đầy túi như thời còn quân đội Hoa Kỳ ào ạt đổ sang giúp chính phủ miền Nam "diệt cộng sản bảo vệ tự do", mà với những anh phu xích lô, xe kéo, xe ba gác quẩn quanh trong vùng. Thiếu phụ lúc bấy giờ nhan sắc đã tàn phai, vì sinh kế nhọc nhằn, muốn tìm khách khá hơn nào phải chuyện dễ. Nhưng công việc bán trôn nuôi miệng cũng rất năm thì mười họa, vì miền Nam mới "giải phóng", chiến dịch càn quét "tàn dư Mỹ Ngụy" hết sức mạnh mẽ. Sơ sẩy một tí là đi thẳng một lèo

vào trường "Phục Hồi Nhân Phẩm" ngay!

Cuộc sống ấy, trong lòng xã hội ấy, Kim Thi nghĩ thiếu phụ sẽ không bao giờ có hy vọng "thay da đội thịt". Thế mà, có lẽ nhờ hai giọt máu của hai anh GI nào đó còn vương lại, thiếu phụ đã đến được xứ sở này, và không biết nhờ phép lạ nào, từ bao giờ, đã nghiễm nhiên trở thành giai cấp trung lưu, đi xe Mercedes, ăn mặc như bà hoàng, lại trẻ ra, đỏ da thắm thịt như một... mệnh phụ phu nhân!

Kỳ diệu thay cái đất nước này. Và cũng kỳ diệu thay cuộc tang hải do con tạo xoay vần.

Kim Thi mừng cho thiếu phụ. Kim Thi cũng mừng cho vô số những kiếp đời khốn khổ, nhờ cuộc loạn ly của đất nước, đã thay đổi được phận số. Kim Thi từng viết đời sống bao giờ cũng có hai khuôn mặt: Sinh và diệt, khép và mở, khổ đau và sung sướng. Hàng triệu đứa trẻ đã vì chiến tranh mà chôn lấp tuổi thơ trong đói nghèo tật bệnh, nhưng cũng có hàng triệu đứa trẻ khác nhờ chiến tranh mà may mắn thoát khỏi vùng đất nhọc nhằn ấy, lớn lên trên quê người, hít thở dinh dưỡng không khí thực phẩm người, trở thành những bác sĩ, kỹ sư, chuyên viên cao cấp ở đủ mọi ngành nghề

Nghĩ đến cuộc đổi đời của thiếu phụ, rồi nghĩ đến cái đất nước lầm than nơi Kim Thi đã sinh ra, đã lớn lên, bỗng nhiên lòng dạ cảm thấy rưng rưng.

Hơn nửa năm trước, về quê, trên đường từ Huế vào Đà Nẵng cùng với một bạn văn trong lòng một con tàu chợ, Kim Thi đã chứng kiến lắm điều đau xót. Khi tàu sắp đến thành phố Đà Nẵng, ngang qua Lăng Chiểu, Nam Ô thì trời đã nhá nhem. Tàu bò rất chậm, chậm có lẽ ngang với người đi xe đạp, nhờ thế Kim Thi được dịp tha hồ nhìn ngắm cảnh trí hai bên đường. Và những hình ảnh nhìn thấy đã gây cho Kim Thi một nỗi buồn quặn ruột. Cũng những mái lá lụp xụp ấy, cũng những khung cửa tối mù ấy, cũng những đứa trẻ trần truồng mặt mày lơ láo nhìn con tàu băng qua ấy, cũng những bà già quần áo rách bươm ngồi chồm hổm trước hiên nhà với mớ rau bó củi ấy, cũng những cô gái tóc tai rối bù tất tả quang gánh trên vai ấy... Kim Thi đã bắt gặp hơn nửa thế kỷ trước. Thế mà mãi tận hôm nay vẫn không mảy may thay đổi, vẫn như một khúc phim đen trắng được chiếu đi chiếu lại. Một trăm năm trước, vẫn vậy. Bây giờ, vẫn vậy. Có lẽ nhiều chục năm sau nữa, vẫn vậy! Những thay đổi trong xã hội của người ta sao mà nhanh, nhanh đến chóng mặt, trong khi, trên quê hương Kim Thi nhiều cái hình như vẫn nghìn năm bất động!

Biết bao giờ những mái tranh lụp xụp tối tăm kia trở thành những căn hộ vách tường vôi trắng sáng lòa ánh điện, cùng những tiện nghi hiện đại? Biết bao giờ những đứa bé trần truồng mặt mày lơ láo nọ chạy nhảy nô đùa trong những khu giải trí thần tiên kiểu Disneyland? Biết bao giờ những cô gái tóc tai rối bù tất bật quang gánh trên vai nọ ngồi chễm chệ trong lòng xe Mercedes với cung cách dáng vẻ đầy tự tin?

Những câu hỏi đầy viễn mơ, Kim Thi biết. Nhưng hỏi, cũng là một cách biểu tỏ niềm khát vọng.

Bởi chưng mọi thành tựu đều khởi đi từ khát vọng.

Chỉ mong những thành tựu, nếu có, sẽ không được vun đắp bằng phương tiện của thiếu phụ: những đứa con lai trắng, lai đen! Thậm chí lai cả Tàu, Nhật, Triều Tiên, Tân Gia Ba...

KIM THI

CHIA BUỒN

Đau buồn nghe tin

Nhà thơ PHAN NHỰ THỨC
(NGUYỄN VĂN MINH)

đã từ trần tại Sàigòn ngày 21/1/1996 vì bạo bệnh

và nhà văn NGUYỄN ĐÔNG NGẠC

đã từ trần tại Montréal ngày 21/2/1996, cũng vì bạo bệnh

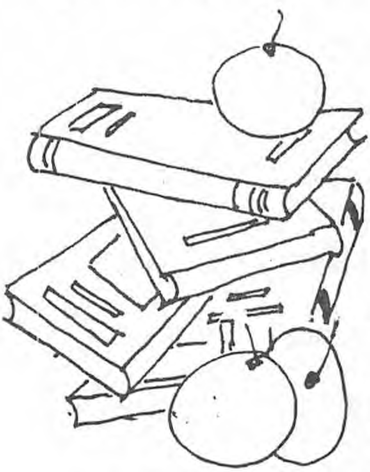
Chúng tôi thành kính phân ưu cùng gia quyến hai bạn. Cầu chúc hương hồn Thức, Ngạc sớm về miền vĩnh cửu

Hoàng Xuân Sơn, Lưu Nguyễn, Song Thao, Phạm Nhuận, Luân Hoán, Hồ Đình Nghiêm, Lê Quang Xuân, Kiệt Tấn, Lê Tấn Lộc, Vũ Kiện, Đinh Cường, Nguyễn Minh Đức, Trịnh Viết Đức, Trang Châu, Nguyễn Quốc Trụ, Trân Sa, Phan Ni Tấn, Nguyễn Tiến Văn, Phạm Đình Cường, Đỗ Quý Toàn, Võ Kỳ Điền, Lưu Trọng Hồ, Đỗ Khánh Hoan, Du Tử Lê, Trần Thị Lý, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Khởi Phong, Thế Uyên, Duy Lam, Thái Lãng, Nguyễn Tường Thiết, Phan Tấn Hải, Cao Xuân Huy, Lâm Chương, Trần Hoài Thư, Triều Hoa Đại, Hoàng Lộc, Hồ Minh Dũng, Đặng Thị Huệ, Phan Nhật Nam, Lê Uyên Phương, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Rừng (Kinh Dương Vương), Thái Tú Hạp, Nghiêu Đề, Phạm Việt Cường, Nguyễn Mạnh Trinh, Hồ Trọng Thuyên, Khánh Trường.

Và toàn ban chủ trương Hợp Lưu

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



EN TRAVERSANT LE FLEUVE, tuyển tập truyện ngắn Việt Nam do Phan Huy Đường dịch ra Pháp ngữ & giới thiệu, bìa tranh sơn mài của Oân Bình(?). Nhà xuất bản Philippe Picquier. Giá 120F.Liên lạc: Éditions Philippe Picquier, Le Mas de Ven, 13200 Arles, France.

Gồn 11 truyện ngắn của các tác giả trong nước & hải ngoại: Nguyễn Quang Lập, Trần Thùy Mai, Lê Minh Khuê, Phan Thị Vàng Anh, Võ Thị Hảo, Mai Nguyễn, Trần Vũ, Đỗ Kh., Khánh Trường, Ngọc Khôi, Cung Tích Biền. Hầu hết những truyện ngắn này đã xuất hiện trên Hợp Lưu.

Phan Huy Đường (các bút hiệu khác: Trần Đạo, Đơn Hành) hẳn không xa lạ với độc giả Hợp Lưu (Mỹ), Diễn Đàn (Paris, Pháp). Ngoài lãnh vực chuyện môn: lý luận, phê bình, ông còn sáng tác truyện và là một dịch giả uy tín qua những bản dịch Pháp ngữ, Anh ngữ chuyển từ các tác phẩm tiếng Việt của Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh. Tập truyện *En Traversant Le Pleuve* vừa phát hành là một trong vài tập truyện do ông tuyển dịch cho nhà xuất bản Philippe Picquier

Phan Huy Đường cho biết ông sẽ tiếp tục tuyển chọn và dịch những áng văn chương tiêu biểu của văn học Việt Nam không phân biệt trong, ngoài để giới thiệu cùng độc giả thế giới.

Chúng ta vẫn thường tự hào có một nền văn chương tiếng Việt phong phú, không thua kém nhiều dân tộc khác. Nhưng rất ít người chịu quan tâmđưa nền văn chương ấy hòa nhập vào cộng đồng nhân loại. Phan Huy Đường là một trong vài người đã âm thầm làm công việc này từ nhiều năm nay. Thiết nghĩ, đó là một việc làm cần được hỗ trợ từ nhiều phía: độc giả, các tạp chí văn học, các nhà phê bình.

THẠCH LAM, THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP, của Vũ Gia, trình bìa Đinh Hùng. Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội. Không ghi địa chỉ và giá bán.

Là một thành viên của Tự Lực Văn Đoàn , Thạch Lam được thế hệ đồng thời và sau này đánh giá như một nhà văn tài hoa nhất của nhóm. Ông sở trường về truyện ngắn. Nhiều truyện cho đến nay, đọc lại, người đọc vẫn không thể phủ nhận: đó là những tác phẩm tuyệt vời nhất của văn học Việt Nam.

Qua cuốn sách này, thân thế và sự nghiệp của Thạch Lam được Vũ Gia trình bày rất tường tận và khoa học. Từ lúc sinh ra, đến bối cảnh chung vào thời điểm nhà văn này sống, trưởng thành và chọn văn chương như một nghiệp dĩ. Vũ Gia cũng đi sâu, khá chi tiết, vào hoạt động của Thạch lam trong các lãnh vực báo chí, truyện ngắn, họa và thơ, tùy bút, tiểu luận văn học, truyện thiếu nhi...

Nói chung, đây là một tác phẩm dồi dào tư liệu viết về một tác giả mà tên tuổi và vị trí đã được khẳng định vững chãi trong dòng văn học Việt Nam cận đại.

KHÁI HƯNG, NHÀ TIỂU THUYẾT, của Vũ Gia. Nhà xuất bản Văn Hóa. Vẫn không ghi giá bán và địa chỉ.

Khái Hưng cũng là một thành viên của Tự Lực Văn Đoàn.

Tác phẩn được chia làm năm chương. *Chương mở đầu:* Khái Hưng, ông là ai? *Chương I*: Khái Hưng - "Một nhà văn với đầy đủ ý nghĩa của từ ngữ". *Chương II*: Chặng đường tiểu thuyết của Khái Hưng. *Chương III*: Khái Hưng - người góp phần xây dựng nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Và *chương kết luận*: Khái Hưng - "Nhà tiểu thuyết có biệt tài".

Ngoài năm chương trên, còn có thêm phần *Phụ Lục*, gồm vài bài thơ do Khái Hưng dịch và một số thơ, đoạn viết ngắn của các tác giả: Nguyễn Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Thư Trung, Đặng Phùng Quân, Bùi Hiển, Vũ Trọng Can, Trần Khánh Triệu (con trai Khái Hưng), Vũ Bằng, Mai Chi viết về Khái Hưng. Phần cuối cùng là thư mục các tác phẩm của Khái Hưng.

Giáo sư Lê Trí Viễn cho rằng "Vũ Gia đã viết hàng chục cuốn tiểu thuyết nên cảm thụ khá tinh những nét tài họa của Khái Hưng..." và "đã từng học khoa học tự nhiên, anh có được một tư duy sáng sủa, chặt chẽ...", đồng thời qua "Khái Hưng, nhà tiểu thuyết" người đọc tiếp cận với nhiều khám phá "mới mẻ, lý thú, dù khá táo bạo"

NHẤT LINH TRONG TIẾN TRÌNH HIỆN ĐẠI HÓA VĂN HỌC, biên khảo của Vũ Gia. Bìa Đinh Dũng trình bày với chân dung Nhất Linh do họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ. Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội. Giá 29.000$VN.

Là con chim đầu đàn của Tự Lực văn Đoàn, ông đã dành cả cuộc đời mình cho những vấn đề lớn: chính trị, xã hội, văn học. Trong giới hạn nào đó thì sau *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, *Cảnh Thu Di Hận* của Dương Tự

Nguyên, Nhất Linh cùng bằng hữu của ông trong Tự Lực Văn Đoàn là những người đã góp công lớn trong việc đưa văn chương viết bằng mẫu tự La Tinh đến chỗ hoàn chỉnh, hay nói theo ngôn ngữ của Vũ Gia : là những cột trụ "trong tiến trình hiện đại hóa văn học" VN. Và cũng trong giới hạn nào đó, Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn đã tác động không nhỏ đến những thay đổi của bối cảnh đất nước thời bấy giờ, trên các lĩnh vực: báo chí, giải phóng phụ nữ, cải cách xã hội, cách mạng...

Vẫn bằng ngòi bút nghiêm túc, cẩn trọng, Vũ Gia đã vẽ lại chân dung Nhất Linh cùng hoạt động của ông trong các lĩnh vực vừa nêu trên một cách xuất sắc.

Đây là một biên khảo giá trị cần tìm đọc.

HÀ SĨ PHU TUYỂN TẬP, Phong Trào Nhân Quyền Cho VN Năm 2000 & Thế Kỷ 21 thực hiện. Giá 12MK. Liên lạc: Nhân Quyền 2000. P.O.Box 4638, Garden Grove, CA 92642-4638. USA.

Tập hợp những bài viết của Hà Sĩ Phu đã đăng rải rác trên các tạp chí trong nước và một vài bài xuất hiện ở hải ngoại, như "Thằng Bờm", "Biện Chứng Và Ngụy Biện Trong Công Cuộc Đổi Mới", "Dắt Tay Nhau Đi Dưới Những Tấm Biển Chỉ Đường Của Trí Tuệ", "Đôi Điều Suy Nghĩ Của Một Công Dân", và "Chia Tay Ý Thức Hệ"... Ngoài ra còn một số bài thơ và câu đối.

Hà Sĩ Phu đã dùng ngòi bút công khai phê phán vào trọng tâm chủ nghĩa CS, ông khẳng định, "phải từ bỏ ý thức hệ đó thì mới xây dựng được đất nước". Ông bị bắt giam tại Hà Nội ngày 5 tháng 12 năm 1995.

NHÀ VĂN GIÀ VÀ CÔ BÉ GÙ, tập truyện Thế Uyên. Bìa Nguyên Khai. Nhà xuất bản Xuân Thu. Giá 11MK.

Tác giả của hai mươi mốt tác phẩm được xuất bản tại miền Nam Việt Nam trước 1975, và bảy cuốn nữa, sau khi đã định cư tại Hoa Kỳ năm 1987.

Thế Uyên là một nhà văn cấp tiến (xin hiểu chữ cấp tiến trong nghĩa bắt nhanh và bắt đúng những chuyển động trong mọi lãnh vực: chính trị, xã hội, văn chương...)

Trước 1975, nhà văn Thế Uyên rất được giới trẻ ưa chuộng, vì trong mọi tác phẩm, người đọc vẫn nhận thấy ở ông một sức sống sung mãn. Văn chương Thế Uyên cho dù ngồn ngộn chất thời sự của giai đoạn ấy: chiến tranh cùng hệ quả của nó, nhưng đọc ông, người đọc không cảm thấy mỏi mệt, tuyệt vọng.

Ra hải ngoại, nhà văn Thế Uyên nhập được ngay, rất nhanh, vào môi trường mới. Điều ấy chúng ta có thể nhận thấy khá dễ dàng qua chính bản thân ông: dù tuổi tác đã cao, ông vẫn cắp sách đến trường để cập nhật kiến thức. Và qua những bài tham luận, tiểu luận cùng những sáng tác văn học: ông "trẻ" hơn rất nhiều người trẻ khác, có khi tuổi đời chỉ bằng già nửa của

ông. Hình như điều ấy làm cho một số các nhà văn đàn anh và đồng thời với ông khó chịu. Có lẽ cũng vì điều ấy, ông thường xuyên bị đội cho nhiều cái "mũ", kể cả "mũ CS".

Nhưng trong nghĩa nào đó, văn chương là vùng trời bao la phía trước, văn chương đồng nghĩa với sự vượt qua (vượt qua chính mình và thời đại mình). Rất đáng mừng khi thấy văn học Việt Nam có được những ngòi bút như Thế Uyên: Ông viết cho tương lai, chứ không cho những tranh chấp lảm nhảm, vô ích hiện tại.

KHÔNG BIÊN GIỚI, Hồi ký của Thanh Sung. Bìa Khánh Trường. Thanh Văn xuất bản. Giá 15MK. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA.

Tác phẩn kể lại cuộc tình đầy bất trắc, với sự kỳ thị nặng nề của xã hội, dành cho một phụ nữ Việt Nam lấy chồng ngoại quốc. Qua tác phẩm, người đọc hiểu ra một điều: lấy chồng Mỹ cũng có nhiều động cơ. Với Thanh Sung, động cơ chính là tình yêu, một thứ tình yêu vượt ra ngoài khuôn khổ chật hẹp của chủng tộc. Một thứ tình yêu "không biên giới". Và bà đã chứng minh, chỉ với tình yêu đó điều đó, con người mới có thể nắm bắt được hạnh phúc, bằng chính cuộc đời của bà, bên chồng, bên con.

BƯỚC QUA NGƯỠNG CỬA HY VỌNG, HAY ĐẾN BỜ ẢO VỌNG, của Cửu Long Lê Trọng Văn. Tác giả xuất bản. Giá 16MK. Liên lạc: Mr Lê. P.O.Box 710091, San Diego, CA 92171. USA.

Một cuốn sách, theo lời ông Đào Duy Toàn, người viết "Lời Giới Thiệu", *"tuy viết có hơn mạnh mẽ nhưng đó là những sự thực. Nócó giá trị như con một con dao trong tay một nhà giải phẫu. Cuộc giải phẫu nào cũng đau đớn cả nhưng sau đó thì cơ thể chúng ta lành mạnh, mọi bệnh tật tiêu tan và một bình minh sáng chói chờ đón chúng ta"*.

Đọc hết cuốn sách, Giáng Châu không nghĩ tác giả viết "có hơi mạnh tay". Phải nói, "rất mạnh tay" mới đúng.

Điều khổ tâm là Giáng Châu hoàn toàn... vô đạo, không có một kiến thức tối thiểu về vấn đề này. Vì vậy, làm sao dám có lời bàn "Mao Tôn Cương" nào? Chỉ xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả HL, muốn mua sách, hãy liên lạc với địa chỉ ghi trên.

KHƠI MẠCH NGUỒN THƠ - THI SĨ SEAMUR HEANEY, GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1995, của Phạm Công Thiện. Viện Triết Lý Việt Nam Và Triết Học Thế Giới xuất bản. Giá 8MK.

Phạm Công Thiện cho rằng Seamus Heaney là một trong số hai nhà thơ lạ thường và vĩ đại nhất của Ái Nhĩ Lan. Người kia là William Butles Yeats. cả hai, giống như hai dòng sông giao hẹn nhau cùng nhập lưu tuôn chảy ra đại dương thi ca nhân loại.

Như tất cả các tác phẩm khác của Phạm Công Thiện, cuốn "Khơi Mạch Nguồn Thơ...." vẫn được viết bằng một văn phong rất mạnh, đầy đam mê, thi tính, và dĩ nhiên không kém phần uyên bác.

KITÔ GIÁO DƯỚI MẮT MỘT PHẬT TỬ, Đại sư Buddhadàsa, Nguyễn Văn Tùng và Nguyễn Bá Tùng dịch. Định Hướng xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: 2B rue de la Bruche, 67116 Reichstett. France. Tél: 88.20.58.22.

Nguyên tác có tên *Un Bouddhiste Dit Le Christianisme Aux Bouddhistes.*

"Là một cống hiến quí giá cho nỗ lực cảm thông giữa các tôn giáo của một tu sĩ Phật giáo lão thành Thái Lan: Đại sư Buddhadàsa.

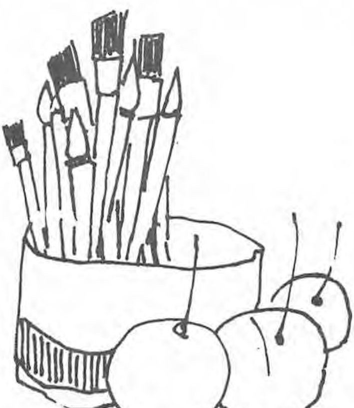
Qua 20 bài thuyết pháp, đại sư đã mời gọi không những các Phật tử, mà tất cả tín đồ các tôn giáo khác thành tâm sống theo những giá trị cao cả của tôn giáo mình, đồng thời trong tinh thần bao dung, vô chấp, tìm hiểu những kho tàng chân lý trong cốt lõi của các tôn giáo bạn." (Lời giới thiệu của Đ.Ô Phil. Trần văn Hoài. Giám Đốc Văn Phòng Trung Ương Tông Đồ Mục Vụ VN Hải Ngoại).

Thời gian gần đây, cuốn *"Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng"* của Giáo hoàng Jonh Paul II ra đời và được dịch sang Việt ngữ, dư luận tín đồ của hai tôn giáo lớn: Phật giáo và Thiên Chúa giáo cả trong lẫn ngoài nước đều xôn xao. Nhiều cuốn sách đã được xuất bản sau đó, bênh vực, phản bác, đôi khi rất gay gắt, có khả năng đưa tới tình trạng chia rẽ, kỳ thị tôn giáo. Cuốn sách này, *Kitô Giáo Dưới Mắt Một Phật Tử,* ra đời đúng thời điểm. Có lẽ tác giả, dịch giả cùng những người chủ trương xuất bản hy vọng rằng, qua những đối thoại nghiêm chỉnh, thiện tâm và hiểu biết, tín đồ của mọi tôn giáo sẽ có nhiều cơ hội đến gần nhau hơn.

Hợp Lưu chia xẻ cái nhìn tích cực ấy, và trân trọng giới thiệu tác phẩm đến bạn đọc.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

với văn hữu và bạn đọc



THƯ VĂN HỮU, BẠN ĐỌC

Hy vọng Hợp Lưu không làm cho mọi người thất vọng

... Tôi rời Việt Nam năm 1979 khi vừa học xong bậc trung học. Định cư tại Hòa Lan và đã hoàn tất chương trình Đại học từ bảy năm về trước. Là một người yêu quê hương, yêu mến ngôn ngữ Việt và nhất là có cái đam mê sâu đậm trong lãnh vực văn học, nghệ thuật. Thời gian qua, tôi đã tập tành làm thơ, viết văn, soạn nhạc và vẽ vời... lăng nhăng. Tôi rất tự tin ở những gì mình sáng tác, bởi tôi sống rất chân thật và những tác phẩm của tôi cũng phản ảnh trung thực nội tâm, suy tư cùng cuộc đời mà mình đã trải qua hoặc có dịp biết đến. Đối với tôi, thơ không có cũ, có mới, không có đúng, có sai. Thơ hay khi nó phản ảnh đúng tâm trạng của tác giả trong giai đoạn nào đó của cuộc sống và nó có thể đi vào lòng người hay không mà thôi. Thơ phải có tính chất sáng tạo (tôi rất không thích những cái sáo mòn và cũng không quãng bá loại thơ cổ điển quá bị gò bó bởi âm luật và các thể đối), nhưng thơ tuyệt đối không phải là văn xuôi (tôi không cần nói nhiều đến tác dụng của âm điệu... chắc tòa soạn cũng hiểu). Trong một thời gian dài, tôi thấy trong giới văn nghệ sĩ Việt Nam (dù không phải là đa số) phát sinh một hiện tượng, hay đúng hơn là một trào lưu, chuộng thơ siêu thực(?). Trong dư luận đa số quần chúng biết thưởng thức thơ đều cảm thấy khó chịu, ngột ngạt mỗi khi bắt gặp những thể loại trên đăng nhan nhản trong các tạp chí Việt ngữ. Những câu thơ lục bát bị ngắt ra làm nhiều phần, những sự ép chữ gượng

gạo, những câu văn xuôi bị cắt ra từng đoạn, phẩy, chấm xuống hàng. Những "bài thơ" không thật, vô nghĩa và trống rỗng. Con người có khuynh hướng thích thể nghiệm những điều mới lạ và những ý tưởng giật gân. Nhiều khi nhận định sai hoặc lạm dụng cả sự mới lạ. Chọn thể thơ "bí hiểm" cũng là cách để được xem là cao siêu. Tôi không thích những cái giả tạo và rất dị ứng với những con người chỉ chuyên làm dáng nghệ thuật. Vì thiếu năng khiếu trong lãnh vực thơ phú nhưng vẫn thích được thiên hạ xem mình là thi sĩ, nhiều người không làm được loại thơ có "hồn", có âm điệu (mà bản thân một bài thơ hay không thể thiếu được) bèn đưa ra những luận điệu mới để tự biện hộ cho mình. Có những loại thơ "tư tưởng" phát tiết từ những tâm hồn nổi loạn trước hiện thực hỗn độn của cuộc sống, vẫn có giá trị nghệ thuật muôn đời. Nhưng xin đừng lẫn lộn. Thái độ đả phá một loại thơ này để sùng bái môt thể thơ khác là thái độ của những người "nghệ sĩ" không lương thiện, có tâm hồn hẹp hòi và không thoát khỏi những sự ràng buộc. Người nghệ sĩ đích thực phải có một cái nhìn bao quát và rộng lớn. Khi sáng tác, ta không nên giới hạn cách sử dụng các thể thơ khác nhau, từ Thơ Mới cho đến Thơ Tự Do, miễn sao các thể loại này giúp ta diễn đạt một cách dễ dàng những điều ta muốn nói. Đánh giá một tác phẩm văn học hay hay dở không chỉ là độc quyền của những người làm văn nghệ. Vả lại, trong sinh hoạt văn học nghệ thuật bao giờ cũng chứa đựng tích cách đa dạng.

Thơ giống với hội họa ở ý nghĩa và tác dụng nghệ thuật nội tại nhưng khác ở cách thể hiện. Tranh trừu tượng, tranh ấn tượng v.v... có thể được thực hiện bởi vô thức hay tiềm thức. Nhưng trong thơ không thể có những thứ ngôn ngữ hỗn loạn được gọi là vô thức hay siêu hiện thực. Ý nghĩa của bài thơ có thể chuyên chở những ý tưởng của tiềm thức hoặc vô thức, nhưng ở một người có tâm lý "bình thường" khi sử dụng ngôn ngữ không thể không có ý thức đến những qui luật về văn phạm.

Có một loại thơ được xem là thơ siêu thực khi nhà thơ đang thật sự ở trong trạng thái hỗn loạn thần kinh. Là một bác sĩ chuyên khoa tâm lý, tôi có thể khẳng định điều đó. Thơ Hàn Mạc Tử là một thí dụ điển hình. Trong thời gian sáng tác những bài thơ bí hiểm in trong tập Xuân Như Ý và in hầu hết trong tập Thượng Thanh Khí, tâm trạng của Hàn Mạc Tử cô đơn và khắc khoải trước chứng bệnh nan y. Nỗi đau đớn vô tận đã đã phát sinh chứng tinh thần hoang tưởng (psychosis) mà rất ít người trong thời đó biết được. Nhà thơ Bùi Giáng mang nặng tinh thần nổi loạn và ông đã từng lạc lõng trước sự biến chuyển quá mãnh liệt của xã hội. Thơ ông bí hiểm vì nó là sự kết hợp giữa một tinh thần xáo trộn và một tư tưởng rất... thiền. Vì thế thơ Hàn Mạc Tử và Bùi Giáng vẫn có giá trị vì nó phản ảnh trung thực tâm hồn và con người của tác giả. Như vậy, tôi cứ băn khoăn và thắc mắc, chẳng lẽ những nhà thơ làm thơ bí hiểm (mà thiên hạ lạm dụng ngôn từ và quen gọi là thơ vô thức hay siêu thực) đều là những người mắc phải chứng tâm thần cả sao?

Tiện đây, tôi xin góp thêm vài lời. Cái nhược điểm của người Việt chúng

ta là tính đố kỵ và tinh thần bè phái. Tôi rất đau buồn khi nạn bè phái lại phát sinh và tồn tại khá mạnh cả trong sinh hoạt văn học nghệ thuật. Những tác phẩm rất kém giá trị nghệ thuật, nhưng vì thân quen trong nhóm, vì là những sáng tác của những nghệ sĩ đã có tên tuổi nên vẫn luôn được chú trọng và đề cao. Như vậy, người nghệ sĩ đích thực phục vụ cho cái gì, cho văn học nghệ thuật nước nhà hay chỉ cho phe nhóm? Những người mới, còn trẻ, không có diễn đàn riêng lại không được giới đàn anh quan tâm đúng mức, nên những nỗ lực của họ trong lãnh vực văn, thơ, nhạc, hội họa... phần lớn đều chìm trong lãng quên. Họ rất nãn lòng.

Trong "Thư Tòa Soạn" số 27 tháng 2&3/1996, Hợp Lưu có nêu lên một điều mà tôi thấy rất tán thành. Tôi xin rút ngắn và trích lại một đoạn: "Bước đầu, Hợp Lưu sẽ kêu gọi những nhà văn trẻ đã và đang viết bằng chữ Việt (...) gửi sáng tác của mình đến HL..." Từ trước đến nay có một số người cũng đưa ra chủ trương này, nhưng cho đến nay, tôi nhận thấy phần lớn đều rất hời hợt và thường là giả tạo. Hy vọng HL không làm cho mọi người thất vọng...

NT (Hòa Lan)

- Rất nhiều bạn đọc thư về tòa soạn yêu cầu HL bớt đăng thơ! Đề nghị ấy không chỉ đơn lẻ của một vài người, mà là của đa số! Một nhà văn lão thành, trong lúc trà dư tửu hậu, thường nửa đùa nửa thật với các thi sĩ: Thơ ấy à? Gửi in ít thôi, gửi nhiều, báo chúng tôi đóng cửa sớm, vì mất độc giả! Các đại lý phát hành và các nhà sách từ vài năm trở lại đây cương quyết không nhận bán thơ, dù tác giả tình nguyện tặng không, miễn được bày trên kệ! Chủ nhân một nhà sách lớn bậc nhất tại quận Cam (và có lẽ cả hải ngoại), nói: "Xin lỗi, tha cho chúng tôi. Thơ! Ối dào, bán cho ai? Ai mua? Để mãi trên kệ, mốc meo, choán chỗ, cuối cùng rồi lại mất công mang ra thùng rác! Và dĩ nhiên, các nhà xuất bản chuyên nghiệp, từ lâu, đã không chịu in thơ, dù tác giả chỉ mượn " Name" của nhà xuất bản thôi, còn mọi phí tổn ấn loát, trình bày, đánh máy, lay-out... tác giả đều gánh.

Tàn nhẫn. Đau lòng. Nhưng cam đoan đúng sự thật 100%. Những vị nào từng in thơ, từng ôm thơ đi chào hàng, hẳn không lạ gì thảm cảnh... đứt ruột này.

Phải chăng người làm "thơ" quá đông, vì làm "thơ" quá dễ, đến độ chỉ cần đọc thông viết thạo là có thể "viết" tồ tồ ra "thơ", rồi gom lại, cho đánh máy, thuê vẽ bìa, bỏ ra vài trăm in, thế là hoát nhiên trở thành... thi sĩ!!! Cho nên thơ lạm phát và kém phẩm chất, khiến người đọc đâm ngán ngẩm? Từ bao giờ đến bây giờ thơ vốn đã kén người đọc, nay, thêm nạn "dịch thơ" lan tràn một cách hung bạo vô phương ngăn chận. Đúng là đại họa! Ở các xứ phương Tây, quyền tự do tư tưởng được tôn trọng tuyệt đối. Ai cũng có thể viết sách và in sách. Đó là những cánh cửa mở ra đến vô tận giúp các nghệ sĩ phát huy tận cùng tài năng của mình. Tuy nhiên, có lẽ cũng vì hai chữ tự do ấy mà lắm điều dở khóc dở

cười đã xảy ra, ví dụ như chuyện "viết thơ" và in "thơ" bừa bãi làm cho thơ trở thành một cái gì hết sức nhảm nhí và rẻ mạc.

Tuy nhiên trong bối cảnh bát nháo ấy, không phải không có nhiều thi sĩ thực sự. Vấn đề là ta có đủ sáng suốt và "tâm cơ" để phát hiện ra những viên ngọc quí này không. Xin đơn cử một ví dụ: Một thi hữu từng cộng tác với HL, nổi tiếng là người làm thơ... không ai hiểu. Nhưng nếu bảo rằng vị ấy "làm dáng", cố tình biến chữ nghĩa thành "bí hiểm", "siêu thực" thì tội nghiệp ông ta. Ai sống gần bên người thơ này đều nhận ra sự thật hai năm rõ mười này: suốt đời, ông ấy sống cho thơ, vì thơ. Ăn ngủ, hít thở, khổ đau, sung sướng bằng thơ. Nói cách khác: ngoài thơ, tất cả mọi cái trên cõi trần ai đều là... đồ bỏ, chẳng màng quan tâm và chẳng đáng quan tâm. Tuy thơ của ông "khó hiểu" vô địch, nhưng đừng tưởng chúng được khai sinh một cách suông sẻ dễ dàng đâu. HL từng thấy một bài thơ chỉ năm bảy dòng, vài chục chữ, thoạt đọc, cứ như... thần chú, hoặc khá hơn, như một khúc văn xuôi tối nghĩa được ngắt đoạn, xuống dòng, thế mà người thơ ấy đã khổ công bôi xóa thêm bớt có đến vài chục lần, có khi cả tháng chỉ làm nổi một bài! Thoạt đầu, cũng như anh, HL rất lấy làm ngờ giá trị thực sự của những "cái" ấy, và cũng như anh, HL nông nổi nghĩ rằng, chẳng qua, chỉ là một cách chơi lập dị. Nhưng sau đó, qua nhiều lần bình tâm thưởng lãm, HL "hốt nhiên đại ngộ", rằng những "cái" tưởng chừng "bí hiểm", "siêu thực" này, nếu ta chịu khó và can đảm trút bỏ sạch trơn những định kiến đã có về thơ ca từng in hằn trong não trạng ta, chồng chất qua bao nhiêu thế hệ, để đến với nó bằng một cái đầu thật "trắng", ta sẽ thấy nó dễ hiểu đến không ngờ.

Mỗi thời đại đều có riêng cho mình mỗi "ngôn ngữ". Là bọn hậu sinh, chúng ta đều thấy vẽ như Leonado da Vinci là tuyệt, mà như Picasso cũng ghê. Nhưng vào thời của Leonado da Vinci, sức mấy ông ấy chịu đứng chung với ông Picasso, nếu giả dụ ông này sinh ra cùng thời. Ngày nay, chúng ta thảy đều chấp nhận cả hai vị đều là những "người khổng lồ" trong thế giới hội họa, thế thì tại sao chúng ta ngây ngất khi đọc những vần thơ của Tản Đà, Tú Xương, Huy Cận, Xuân Diệu... mà lại không thấy được cái hay trong thơ Chân Phương, Khế Iêm, Đỗ Kh., Thường Quán...? HL nghĩ, chẳng phải những nhà thơ hiện đại chưa đủ hay để chúng ta rung động, mà là chúng ta chưa chuẩn bị đủ để thoải mái đi vào thế giới thi ca của họ. Trên vai ta còn nặng nề quá nhiều hành trang cũ. Hãy cất đi những hành trang trang đó, thật trân trọng, vì đó là gia tài của ta, vốn liếng của ta. Và hãy bắt đầu một cuộc lên đường mới, nhẹ nhàng, thoải mái. Nói cách khác, hãy đến với thi ca bây giờ bằng một trí tuệ tinh khôi, như trẻ thơ đến với những mẫu tự đầu đời.

- Vấn đề thứ hai: nạn bè phái, phe nhóm trong văn nghệ.

Một hai năm trước, trên HL, chúng tôi từng tâm sự với bạn đọc: Tại hải ngoại người viết quí hiếm như vàng ròng. Một tờ báo có uy tín lắm, may ra hàng tháng có đủ bài làm đầy các trang báo. Ngược lại, sẽ bỏ ăn bỏ ngủ vì nạn thiếu bài. Cho nên nhận được sự cộng tác nào từ phía độc giả, là hầu hết các tòa

soạn mừng còn hơn gặp lại cố nhân. Và cũng do tình trạng khan hiếm ấy, đôi khi có những bản thảo không đạt tới mức tương đối của nghệ thuật, vẫn phải... cắn răng cho đi. Không đi, lấy gì "trám chỗ"?

Nói rõ và nói thật với anh điều trên để khẳng định một điều: không có và không có khả năng để có chuyện "bè phái" trong văn học nghệ thuật hải ngoại (hoặc có chăng, chỉ bởi cái vòng Kim Cô chính trị nó trói buộc, chứ thực sự chẳng phải vì chuyện văn chương. May mắn, HL chưa bao giờ biết "sợ" cái vòng Kim Cô chật hẹp, ngu muội này!). Nếu anh thấy các tên tuổi mới ít xuất hiện trên các tạp chí, thì xin hiểu cho rằng: chúng tôi không tìm thấy những tài năng mới, chứ nào muốn "ém tài" người này, "trù dập" người kia đâu. Khi chủ trương một tạp chí văn học, ông chủ bút nào lại không muốn bài vở đi trên báo mình hay, lạ, giá trị? Nhưng muốn là một việc, có điều kiện để biến ước muốn thành hiện thực, lại là chuyện khác. Nếu để ý, chúng ta sẽ thấy văn học - của bất cứ chủng tộc nào chứ không riêng gì Việt Nam - đều trải qua nhiều thời kỳ, lúc này phồn thịnh, khỏe mạnh, lúc khác èo uột, ốm đau. Văn học Việt Nam hải ngoại, vào những thập niên 70, 80 nở rộ rất nhiều tài năng mới. Nhưng vài ba năm trở lại đây, gần như không thấy "hiện tượng" nào đáng kể cả. Vài tạp chí cố gắng "thổi" một hai người lên, nhưng vẫn không thành công, vì thực chất những người được "thổi" không có hoặc chưa đủ nội lực để đứng ngang tầm với hảo ý các tạp chí này dành cho. Nói ví von: văn chương Việt Nam hải ngoại trong giai đoạn hiện tại đang gặp phải thiên tai hạn hán và đói kém chẳng khác gì... tháng 3 năm Ất Dậu!

Chủ trương của HL: tuyệt đối khách quan và luôn mở rộng cửa. Chúng tôi không bao giờ đặt trọng tâm người viết là ai. Trước trang giấy trắng mọi người đều bình đẳng, dù mới hay cũ, già hay trẻ, nổi danh rồi hay còn trong bóng tối. Vấn đề là trọng lượng của những dòng chữ nằm trên các trang giấy ấy, chứ không phải cái "name". Kính người đi trước, đó là đạo làm người, nhưng thế giới văn chương không có tuổi tác. Sống trọn đời với chữ nghĩa đến răng long tóc bạc, dở, vẫn dở. Mới lần đầu xuất hiện đã "quỉ khốc thần sầu". HL hỏi anh: nếu phụ trách một tờ báo, anh chọn ai?

Nhân đây, xin lưu ý anh điều này: qua kinh nghiệm bản thân chúng tôi thường thấy: khi ta hoàn tất một tác phẩm, đọc đi đọc lại, sao ta thấy nó... hay đến thế (theo nhận xét rất chủ quan, sáng tác của ta nhất định ăn đứt trăm nghìn tác phẩm khác). Ta vội gửi ngay đến một tòa báo, chắc mẩm, với áng văn chương "tuyệt tác" ấy, tòa soạn nọ sẽ "hồ hởi" đăng ngay cho mọi người thưởng lãm. Nhưng sự thật có "chắc ăn" như ta nghĩ không? Thưa, chưa chắc! "Ta luôn khó chịu vì cái dằm trong mắt người nhưng lại chẳng bao giờ quan tâm có một cái... cột nhà trong mắt mình" là vậy. Coi chừng cái gọi là tuyệt tác của ta chồng chất trăm nghìn nhược điểm, chỉ người đứng ngoài mới thấy rõ, hoặc giả năm, mười năm sau, có lúc nào đó rảnh rỗi, đọc lại, ta sẽ xấu hổ thốt kêu: Ôi chao, té ra nó tầm thường đến thế kia à? Thú thực với anh và độc giả, nhiều lần, trên tờ tạp chí này từng xuất hiện các tên tuổi mới, nhưng để những

tên tuổi này đến được với độc giả, tòa soạn đã vất vả thư đi tin lại, đề nghị thêm chỗ này, bớt chỗ kia, đào sâu chỗ nọ, hầu tác phẩm có được sự hoàn chỉnh tương đối nào đó. Nếu không quan tâm tìm kiếm và vun bồi những tài năng mới, chả việc gì chúng tôi bỏ công như vậy. Tác phẩm hay, đi, không hay, xếp qua một bên. Giản dị biết mấy.

Trong tinh thần thiết tha tìm kiếm những hạt mầm tốt tươi, khỏe mạnh cho văn học Việt Nam, tòa soạn HL rất mong nhận được những sáng tác mới. Với hoàn cảnh mỗi ngày một mòn mỏi của văn chương tiếng Việt tại hải ngoại, có thêm được một tài năng mới, là niềm mơ ước của các tòa soạn, nói riêng, và độc giả, nói chung. Anh đừng sợ nạn bè phái, phe nhóm. Sợ chăng, là ta có đủ kiên trì, nỗ lực, sáng suốt và tỉnh táo để theo đuổi trò chơi chữ nghĩa (coi vậy mà hết sức gian nan) hay không mà thôi.

Mong tiếp tục nhận được những sáng tác "rất tự tin" của anh, ở mọi lĩnh vực: thơ, văn, hội họa... Riêng ba truyện ngắn anh gửi, tòa soạn đã đọc. Xin góp ý: Những đề tài về vượt biên, cướp biển, quốc, cộng... cùng hệ quả của nó (kể cả cái hệ quả khủng khiếp từng gây xôn xao dư luận một thời: ăn thịt... người vì đói!) đã đầy ứ trong văn chương hải ngoại hai mươi năm nay, và không thiếu những tác phẩm hay. Cho nên để có được sáng tác hay hơn, e rằng không dễ, trừ phi chúng ta khai thác chúng dưới một lăng kính khác, vượt ngoài cái cách quá... cổ điển theo kiểu kể lại một câu chuyện có lớp lang mà độc giả đã nhàm, chán (tòa soạn vẫn thường nhận được thư than phiền về những truyện ngắn có cấu trúc và đề tài tương tự. Đại để những độc giả này cho rằng đề tài đã không có gì mới lạ, mà kỹ thuật lại cũ xì! Can đảm lắm cũng không làm sao đọc hết một trang!) Nếu có thể được, đề nghị anh nên thử nghiệm những đề tài mới và lưu ý đến cấu trúc của truyện, vượt ra khỏi lối mòn "kể truyện" mà văn chương Việt Nam, từ phôi thai đến hôm nay, vẫn quẩn quanh chưa có lối thoát. Thân mến.

Dù là truyện hư cấu nhưng chất liệu không thể đi quá xa sự thực...

Truyện "Ngọn Núi Khuất Hình" của Trần Vũ trên HL số 26 đã có nhiều sai trật trầm trọng. Làm gì có một trung đội trưởng BĐQ đi đóng đồn? và một số từ ngữ chuyên môn không phải là từ ngữ của thời đó. Thí dụ: "tăng xê"... Dù là truyện hư cấu nhưng chất liệu không thể đi quá xa sự thực...

LC (Boston)

- Nhiệm vụ "đóng đồn" thường chỉ dành riêng cho Địa Phương Quân mà thôi. Riêng binh chủng BĐQ có một nhánh phụ: "Biệt Động Quân biên phòng" (tiền thân là Lực Lượng Đặc Biệt được sát nhập) cũng "đóng đồn", nhưng thường ở cấp tiểu đoàn, chứ không có cấp đại đội, trung đội.

- Về các từ "không hợp thời" anh nhận xét đúng.

Nhà văn Trần Vũ là một tài năng hiếm của văn học hải ngoại, ông có một

trí tưởng tượng phong phú. Đó là ưu điểm, tuy nhiên đôi khi trở thành nhược điểm: ông đẩy tưởng tượng của mình đi quá xa trong nhiều trường hợp lẽ ra rất cần đến sự chính xác. Anh muốn liên lạc trực tiếp với Trần Vũ, tòa soạn sẽ gửi anh địa chỉ. Thân mến.

HỢP LƯU TRẢ LỜI ĐỘC GIẢ VÀ VĂN HỮU

Chị PTTT (Pháp): Rất muốn viết thư riêng cho chị mà rồi bận quá. Rất bận. Những ngày cuối năm công việc chồng chất, từ chuyện thực tế thịt cá mắm muối đến chuyện viễn mơ cơm nhà ngà voi. Vừa xong gần chục bức tranh cho một cuộc triển lãm tập thể ở Washington, lại đang cố hoàn tất trước tháng 5 năm 1996 khoảng bốn mươi bức nữa cho hai ba cuộc triển lãm khác, trót dại, nhận lời mời rồi!

Về những điều chị viết, nhất định sẽ có dịp dông dài, nhưng phải gặp nhau, "đấu" mới đã. Qua thư từ, chữ nghĩa bị kềm kẹp bởi quá nhiều chất xám, khúc xạ ráo trọi, mất thú. Lâu quá không thấy chị xuất chiêu. Độc giả rất mong. Bài "thẩm vấn" của "chàng thi sĩ vạm vỡ" tất nhiên là chị có quyền "vẽ rắn thêm chân", tha hồ. Nhưng phải gâm gấp, sắp lên khuôn thành sách rồi đấy. Hẹn gặp nhau ở... đâu đó trên trái đất này. Thân mến.

Anh DC (Pháp): Bao giờ "Biển Là Một Tờ Kinh" của Phương Sinh phát hành? Đừng quên gửi cho HL nhé. Vẫn rất mê những tác phẩm thi ca do anh thực hiện. Trang nhã, giá trị, rất "thơ". Và cũng xin anh một ít sáng tác mới. Những cái cũ hình như đã xài hết. Thân mến.

Anh HVH (Việt Nam): Tòa soạn đã nhận được "Trái Tim Thiên Di". Đang đọc. Sẽ có thư riêng. Thân mến.

LLH (Canada): Cảm ơn lời chúc Năm Mới "cụ thể". Cuối năm, họa sĩ Rừng từ xa về Cali ăn Tết, nhờ lời chúc "cụ thể" ấy, anh em được dịp ngất ngư mấy trận. Chỉ tiếc tửu lượng kẻ hèn này càng lúc càng tồi tệ. Vừa uống rượu vừa uống... thuốc thì còn ra quái gì nữa. Thân mến.

NNH (Hungaria): Vẫn gửi báo đều đến các bạn. Chỉ phiền là các bạn thay đổi địa chỉ xoành xoạch, khiến tòa soạn cứ phải nhận báo trả về và nộp phạt... mờ người. Tuy nhiên, rất thông cảm. Thân phận "ăn nhờ ở đậu", nay đây mai đó, thì làm sao an cư được. Cho biết địa chỉ mới để gửi các số báo thiếu. Thân mến.

Anh PHĐ (Pháp): Tôi hiểu anh rất nóng lòng về cuốn sách. Tôi và T. cũng

nóng lòng không kém. Nhưng đành "ngậm đắng nuốt cay"! Nhà in đã lay-out, đã chạy được một nửa thì máy in hỏng nặng, vô phương cứu chữa. Thành ra chỉ còn cách chờ ông giám đốc cơ sở ấn loát ấy "mở lượng hải hà" gọi thợ giỏi về "trị" cái cổ máy già lão kia cho nó hoạt động trở lại. Thân mến.

CTB (Việt Nam): Đã nhận được tin về cái chết của Phan Như Thức. Anh em đều bàng hoàng. Thay mặt bằng hữu, tôi có quyên và gửi về cho vợ con Thức được chút ít, qua HKP vừa về VN ăn Tết. Ở bên này đa số anh em đều khốn khó, một số khác thì hình như xa xứ lâu ngày, tình cảm tương thân cũng mòn dần, thậm chí mòn đến sạch trơn! Nên dù muốn giúp gia đình Thức nhiều hơn cũng đành bó tay. Đã nhận được cuốn sách do nhà Philippe Picquier gửi tặng rồi chứ? Thân mến.

Anh VĐ (MA): Annie nhờ tòa soạn gửi đến "Bác Võ Đình" một lời "Thank you", và hứa sẽ vẽ chân dung Bác, chừng nào Bác qua Cali.

Hẳn anh cũng đồng ý với tôi: con nít hầu hết đều vẽ rất đẹp. Tiếc thay, lớn hơn một chút, khi lý trí bắt đầu tham dự vào hành động, thì chẳng còn bao nhiêu cháu vẽ được nữa. Cho nên tôi rất phục và mê Chagal, không hiểu làm sao ông lão này vẫn giữ mãi được nét trẻ thơ? Lại nhớ có lần tôi nhìn thấy một cháu bé vẽ mẹ em nằm trên giường. Người nằm, dù nằm ngang, vẫn có đủ hai tay hai chân và nhất là chiếc giường vẫn có đủ bốn chân (một chân, vì thiếu chỗ, em... moved xuống góc trái của bức vẽ cho nó... đủ - *"Kẻo không, giường mà có ba chân, mẹ nằm lên nó... té thì sao?"* Em bé bảo). Trời ạ, đẹp làm sao, và tuyệt diệu làm sao! Dù có là bậc thầy của hội họa, cũng còn khuya mới có được cái nhìn tinh tuyền sạch sẽ như thế. Rất nhiều lần tôi muốn viết về những bức tranh thiếu nhi, nhưng cứ loay hoay mãi không viết được. Khi chúng ta dùng lý trí để giải thích những cái đẹp không cần đến sự tham dự của lý trí là vô hình trung chúng ta đã đóng khung những cái đẹp ấy vào một giới hạn nào đó. Nói ví von mà chơi: chúng ta chưa vào Niết Bàn thì làm sao hiểu được ý nghĩa của hai chữ giải thoát? Trẻ con đồng nghĩa với các vị thánh, các Bồ Tát, vì thế Niết bàn là của chúng. Năm mới, chúc anh vẫn tiếp tục sáng tác mạnh, ở cả hai lãnh vực: văn chương và hội họa. Thân mến.

Ông NTV (Cali): Tòa soạn chỉ còn hai bộ HL đóng tập để làm tài liệu nên không thể "nhượng" lại được. Rất mong ông thông cảm. Về chuyện "Bóng Chữ", đã mất thời gian tính, những bài viết ông tặng chúng tôi rất cảm ơn, nhưng chỉ xin giữ làm tư liệu riêng. Có, chúng tôi có sống ở tỉnh ấy một thời gian tương đối khá lâu. Phải gặp mặt thì mới hy vọng có thể nhận ra hay không, chứ thú thật, trí nhớ chúng tôi rất tồi, năm mười năm, còn nhớ, đã ghê gớm lắm rồi, huống chi những... 40 năm, vô phương! Kính

HỢP LƯU

Hãy mua bằng đường bưu điện (có chữ ký của tác giả)

tập thơ đôi của NGU YÊN

HÃY CHO TA SỐNG GIÙM ĐỜI NHAU

và

TÌNH



Cho anh lăn khắp đường cong bí mật
Cho anh đùa nơi đẹp nhất trần gian
(Hãy Cho Ta Sống Giùm Đời Nhau. tr. 18)

•

Liên lạc:
2055 Westheimer # 130
Houston, TX 77098. USA
Tel: (713) 524-6262

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN)

Tôi tên:____

Địa chỉ:____

____

Điện thoại:______________________________________

nhận mua dài hạn tạp chí HỢP LƯU bắt đầu từ số: __________

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (một năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 70MK ☐ (một năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 80MK ☐ (một năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.

Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

- Cho toà soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.
- Lưu ý MÃ SỐ ở hàng đầu trên LABEL để biết số báo hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua HẠNG TƯ hoặc TÀU THỦY từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF:20-25**, tức mua HẠNG NHẤT hoặc HÀNG KHÔNG từ số 20 đến số 25 là hết hạn.
- Độc giả ở Âu châu xin gửi trả cho đại diện tại Pháp (địa chỉ trang bìa 2)

28

Giá 8MK